

THẢ MỘT BÈ LAU



Truyện Kiều dưới cái nhìn thiên quán



HT.NhấtHạnh
Lá Bối Xuất Bản 2000

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

THAY LỜI TỰA

HÀNH TRANG :CHỮ TÀI. CHỮ MỆNH, CHỮ TÂM

HOA GHEN THUA THẨM

DÂY ĐÀN BÉN NHẠY

LŨNG TÚI GIÓ TRẮNG

NỘI KẾT ÊM ÁI

TUỔI TÂM HẠT GIỐNG

GIỐNG HỮU TÌNH

NHỚ ÍT TƯỞNG NHIỀU

ĐÀI GƯƠNG SOI ĐẾN DẤU BÈO CHO CHĂNG?

TỪ PHEN ĐÁ BIẾT TUỔI VÀNG

NGÃM CƠ HỘI NGỘ ĐÃ ĐÀNH HÔM NAY

KHÔNG GIAN TRONG BỨC HỌA

NHẢ NGỌC PHUN CHÂU
PHẬN DÀY PHẬN MỎNG
NGÀY VUI NGẮN CHẴNG ĐẦY GANG.
BÂY GIỜ RỖ MẶT ĐÔI TA
CƠN BÃO ÂM THANH
THƯA RẰNG: ‘ĐỪNG LẤY LÀM CHƠI’
THIÊN ĐƯỜNG HẠNH PHÚC
CHƯA VUI SUM HỌP ĐÃ SÀU CHIA PHÔI
CHỈ THIẾU MỘT CHÚT XÍU
BÈO DẠT MÂY TRÔI
SAO CHO CỐT NHỤC VẸN TOÀN
HOA DÙ RÃ CÁNH LÁ CÒN XANH CÂY
CÂY EM, EM CÓ CHỊU LỜI
BIẾT THÂN ĐẾN NƯỚC LẠC LOÀI
XÓT NÀNG CHÚT PHẬN THUYỀN QUYÊN
MỘT XE TRONG CỎI HỒNG TRẦN NHƯ BAY
SA VÀO Ô NHÊN
AI CÓ THỂ GIÚP KIỀU?
BÒ TÁT QUÁN TỰ TẠI
NỬA TỈNH NỬA CẢNH
NHẮM MẮT ĐƯA CHÂN
QUẤT NGỰA TRUY PHONG
GIÀY TÍA VÒ HỒNG
PHONG TRẦN NHƯ AI
SÁU CHỮ ‘CHO’
MỘT TỈNH MƯỜI MÊ
HOÀN LƯƠNG
ĐẤT BẰNG DẬY SÓNG
HIỂU NGHĨA CHỮ THƯƠNG
TRONG ẤM NGOÀI ÊM
THƯƠNG NHAU XIN NHỚ LỜI NHAU
LỬA TÂM CÀNG DẬP CÀNG NỒNG
CƯỜI NÓI TỈNH SAY
BÓN BÈ LỬA DONG
TIẾC HOA
NƯỚC TRÔI HOA RỤNG
MỘT CƠN MƯA GIÓ
PHẬN CON HẦU
CÙNG TRONG MỘT TIẾNG TƠ ĐỒNG
XIN NHỜ CỬA KHÔNG

DUỜNG GẮN RỪNG TÍA DUỜNG XA BỤI HỒNG
AM CHIÊU ẨN
MỖI HÀNH ĐỘNG ĐỀU CÓ KẾT QUẢ
BÀI HỌC TRẠC TUYỀN
SỐ HOA ĐÀO
ANH HÙNG ĐOÁN GIỮA TRẦN AI.
ĐUỜNG KIA NỖI NỢ
CHẤT CỬ CHO MÙA ĐÔNG
NHẬN DIỆN
HẠNH PHÚC CHÂN THẬT
BỒ LÚC PHONG TRẦN
ÂN OÁN RẠCH RÒI
TRỜI PHƯƠNG NGOẠI
TÂY OAN VÀ GIẢI THOÁT
HẠNH PHÚC LÀ TỰ DO
LÝ LUẬN CỦA TRÁI TIM
BẤT Ý THỪA CƠ
HẾT KIẾP ĐOẠN TRÀNG
Ở CHO YÊN NGÔI CHO VỮNG
THẢ MỘT BÈ LAU
GIÓ TRẮNG MẮT MẶT MUỐI DƯA CHAY LÒNG
TAN SƯƠNG ĐẦU NGŨ
HOA ĐÀO NĂM NGOÁI
QUÁ THƯƠNG CHÚT NGHĨA ĐÈO BÔNG
GIÁC DUYÊN ĐẬU BÔNG TÌM VÀO TẬN NƠI
TƯỞNG BÂY GIỜ LÀ BAO GIỜ
TÁI SINH TRẦN TẠ ÂN NGƯỜI TÙ BI
TÌNH KIA HIẾU NỢ
TRỜI CÒN ĐỂ CÓ HÔM NAY
GƯƠNG TRONG CHẴNG CHÚT BỤI TRẦN
CUỐN DÂY TỪ ĐÁY VỀ SAU CŨNG CHỪA
CHÁNH NIỆM LÀ NỂO THOÁT
MÂY TRẮNG THÔNG DONG
MÂY TRẮNG THÔNG DONG
NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU
NHÌN SÂU VÀO TRIẾT LÝ TRUYỆN KIỀU
CHÁNH NIỆM LÀ NỂO THOÁT
LỜI CUỐI

---o0o---

THAY LỜI TỰA

Chúng ta thường nghĩ truyện Kiều là truyện của một người khác và chúng ta chỉ là khán giả, không có liên can gì. Nhưng khi viết truyện Kiều, cụ Nguyễn Du đã sống trong da thịt của nhân vật Kiều, đã trở thành với Kiều, cụ đã nói được tâm sự của chính mình. Cô Kiều trong truyện đã phải bắt buộc làm gái giang hồ. Là một nhà Nho, một mẫu mực đạo đức thời xưa ở Việt Nam, vậy mà có khi cụ Nguyễn Du cũng có cảm tưởng mình là một cô gái giang hồ. Cụ làm quan với triều Lê. Sau khi nhà Lê mất, cụ bị nhà Nguyễn gọi ra làm quan. Không từ chối được, cụ phải ra làm quan cho triều Nguyễn. Theo quan niệm của Nho giáo ngày xưa, một người thần tử trung thành không bao giờ thờ hai vua ('trung thần bất sự nhị quân.'). Trong khi viết truyện Thúy Kiều, cụ Nguyễn Du viết truyện của chính mình. Cụ muốn gửi tác lòng mình vào thiên cổ chứ không phải vì ngôi không, cao hứng nhất thời mà viết ra một tác phẩm chữ Nôm.

Nếu có chánh niệm, đem những khổ đau, luân lạc và gian truân của mình ra đọc truyện Kiều chúng ta có cơ hội thấy được bản thân. Và như vậy đọc truyện Kiều cũng là tu. Tu tức là nhìn tất cả những gì đã và đang xảy ra trong đời mình bằng con mắt quán chiếu.

Trong quá khứ, có nhà Nho đã liệt truyện Kiều vào loại dâm thư vì trong truyện có tả đời sống của một cô gái giang hồ. Họ có thể đứng về phương diện đạo đức của Nho giáo mà nói như vậy. Nhưng dùng con mắt quán chiếu mà nhìn vào đời Thúy Kiều, ta có thể học được bài học của khổ đau và kinh nghiệm. Nếu biết cách đọc, chúng ta có thể học được rất nhiều từ truyện Kiều như học từ một cuốn kinh. Và truyện Kiều sẽ không phải là dâm thư mà là kinh điển.

Truyện Kiều là truyện về cuộc đời, có những hoàn cảnh khổ đau, hạnh phúc và u mê của cuộc đời. Lấy con mắt của người quán chiếu nhìn vào truyện Kiều, chúng ta có thể thấy được bản chất của cuộc đời. Những điều xảy ra trong mười lăm năm của cô Kiều có thể xảy ra cho bất cứ một người nào. (Vì vậy ở Việt Nam có truyền thống bói Kiều.). Kiều đã trải qua rất nhiều hoàn cảnh khác nhau, đi qua tất cả những chuyện lên voi xuống chó của một con người. Thúy Kiều có khi là học trò, làm vợ của một người có quyền thế gần như vua (Từ Hải), làm đầy tớ, làm người yêu, làm vợ lẽ và làm một người con gái phong sương... Kiều cũng từng làm sư cô. Mỗi chúng ta ít

nhất đã có một giai đoạn giống như giai đoạn Thúy Kiều. Nhìn vào đời Thúy Kiều, ta phải nhìn như một toàn thể mà đừng nhìn từng khoảng ngắn.

Chúng ta phải có con mắt trạch pháp, tức là con mắt có khả năng nhận xét và phân biệt. Khi đọc Kinh, ta cần phải có nhận thức độc lập, hướng nữa là đọc truyện Kiều. Ta phải nhìn cụ Nguyễn Du bằng con mắt trạch pháp. Cụ tin vào thuyết tài mệnh tương đố (tài năng và số mệnh chống trái nhau). Chúng ta sẽ từ từ xét coi tại sao cụ tin vào thuyết này và thuyết này có đúng hay không. Nếu đúng thì đúng bao nhiêu phần trăm. Không phải vì cụ nói ‘chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau’ hay ‘chữ tài liền với chữ tai một vần’ mà chúng ta tin ngay vào sự tương phản, chống trái của tài mệnh. Có những người có tài nhưng không bị tai nạn, vì họ có tu, có chánh niệm và sự khiêm nhường. Tai nạn sẽ không xảy tới với họ, hay ít nhất, không xảy tới cho họ nhiều như cho những người quá cậy vào tài năng của mình mà xem thường người khác.

Dựa theo truyện Phong Tình Lục của Trung Hoa để viết truyện Kiều, cụ Nguyễn Du đã biến tập tiểu thuyết tầm thường này thành một tác phẩm văn chương phong phú và sâu sắc. Một lần nữa, chúng ta thấy cốt tủy của một tác phẩm có giá trị không phải là cốt truyện mà là văn chương và tư tưởng.

Ngày xưa tôi cũng đã từng dạy văn chương Việt Nam và đã dạy truyện Kiều. Nhưng tâm của tôi lúc đó không được như bây giờ. Tôi đã dạy với tư cách một giáo sư văn chương mà chưa bao giờ dạy với tư cách một thiền sư. Nhìn với tư cách một thiền sư là nhìn sâu, nhìn kỹ, nhìn bằng sự khám phá của thiền quán mọi sự kiện qua nhận thức, đau khổ, hạnh phúc, thành công, thất bại và qua sự tu học của mình. Nhìn như vậy trong khi đọc lại truyện Kiều ta có thể thấy được những điều rất mới.

Khi đọc truyện Kiều, ta không nên ngại về từ ngữ và điển tích. Các bản truyện Kiều đều có chú giải. Có tài liệu là ta có thể hiểu được hết các điển tích và từ cổ. Điều quan trọng là chúng ta đọc với tâm trạng quán chiếu, tìm thấy tâm lý của tác giả và tìm thấy lòng mình.

(Làng Mai khóa tu mùa Xuân 1992)

---o0o---

HÀNH TRANG :CHỮ TÀI. CHỮ MỆNH, CHỮ TÂM

Trăm năm trong cõi người ta

*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
Lạ gì bỉ sắc tư phong
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.*

Bắt đầu truyện Kiều, tác giả nêu lên tư tưởng *tài mệnh tương đố*, tài năng và số mệnh đố kỵ nhau. Cố nhiên, qua truyện Kiều, ta có thể thấy tác giả là một thi sĩ đại tài. Nguyễn Du nói tới kinh nghiệm trực tiếp của mình chứ không phải nói tới một sự thực ở ngoài.

Những người có tài và có sắc được thi sĩ cho đứng về phía màu hồng. Màu hồng kỵ với màu xanh, đại diện cho ông trời, tạo hóa. Ông trời sẽ đi theo ‘đánh ghen’, đày đọa những người có tài, có sắc bằng cách phò cho họ một số phận trớ trêu. ‘*Má hồng*’ không phải chỉ là đàn bà. Đàn ông có tài sắc thì cũng là một thứ ‘*má hồng*’, bị số phận làm cho điêu đứng. Đó là quan niệm của Nguyễn Du.

Kết thúc truyện Kiều, câu 3247, cụ Nguyễn Du trở lại ý niệm về tài và mệnh. Cụ trình bày quan niệm luân lý của mình như sau:

*Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Cụ khuyên chúng ta không nên cậy vào tài mình. Bởi vì khi có tài mà không có đức, không tu, không biết giấu tài của mình đi mà cứ khoe khoang, hợm hĩnh, cho mình là giỏi, thì tai nạn sẽ đến với mình và mình sẽ đau khổ rất nhiều. ‘*chữ tài liền với chữ tai một vần*’ là một câu chơi chữ rất khéo. Và màn mỏng của những tai nạn, khổ đau kia đến từ đâu? Cụ Nguyễn Du nói đừng đổ lỗi cho ai hết. ‘*Đã mang lấy nghiệp vào thân*’: khi mình đã có những tham, giận, kiêu căng trong người rồi, thì: ‘*Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa*’: đừng đổ lỗi cho ai hể, đừng trách trời. Tại sao mình đau khổ? Mình nói: tại trời, tại xã hội, tại người này, người kia... Kỳ thực mình chịu trách nhiệm lớn về những đau khổ của mình. Vì vậy mình phải quay về tu sửa tâm mình, vun bồi gốc rễ của cái thiện trong tâm mình. Đó là vấn đề tu tâm (citta bhavana). Thiện căn (kusalamula) là một danh từ Phật học, có

nghĩa là gốc rễ của cái thiện. Cụ Nguyễn Du thấy tu tâm là điều quá trình phải làm. *Thiện căn ở tại lòng ta, Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*: một người có tâm lành, biết tu học thì sẽ có hạnh phúc và mang lại hạnh phúc cho người khác nhiều hơn (bằng ba) những người có tài mà không có tâm lành.

Gửi gắm rất nhiều kinh nghiệm hạnh phúc và khổ đau của mình cho chúng ta rồi, thi sĩ kết thúc truyện Kiều bằng hai câu khiêm nhường như cụ từng khuyên chúng ta:

*Lời quê chấp nhật đông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh.*

Và cũng thật đẹp khi một tác phẩm lớn như truyện Kiều lại được kết thúc bằng hai câu giản dị và khiêm nhường như vậy.

Sau khi viết xong truyện Kiều, cụ Nguyễn Du có cơ hội được học Phật thêm rất nhiều. Kiến thức về đạo Phật của Nguyễn Du sau truyện Kiều sâu sắc hơn. Có vài danh từ Phật học trong truyện Kiều chưa được hoàn toàn chính xác (Ví dụ như chữ *nghiệp* và *tâm* trong đoạn vừa trích dẫn). Chúng ta sẽ thấy ở phần sau.

---o0o---

HOA GHEN THUA THẨM

Họ Vương là một gia đình giàu có loại thường (trung lưu).

*Có nhà viên ngoại họ Vương
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
Một trai con thứ rót lòng
Vương Quan là chữ nổi dòng Nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga¹
Thúy kiều là chị em là Thúy Vân.*

Khi giới thiệu gia đình họ Vương, Nguyễn Du giới thiệu con trai trước rồi mới đến hai cô con chị. Trong truyền thống xưa vị trí người con trai rất quan trọng vì chính con trai tiếp nối được gia phong. Con gái, tuy cũng là con nhưng không phải thực sự là con vì nó sẽ đi lấy chồng, không còn ở nhà để giữ gìn gia nghiệp ông cha. Đó là quan niệm ngày xưa của chế độ phụ hệ.

*Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.
Mai cốt cách tuyết tinh thân
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười*

Hai chị em đẹp thanh nhã, tinh thần băng tuyết, trong sáng; hai người đều đẹp, nhưng đẹp khác nhau.

*Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.*

Thúy Vân trang trọng đài các, cười nói đoan trang. Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da. Đẹp như vậy là đẹp lắm rồi chứ còn gì nữa! Chúng ta tưởng thi sĩ đã dùng hết tất cả chữ nghĩa để tả một cô gái rồi, ai dè ông còn trong túi rất nhiều chữ khác, hay hơn nữa, để tả cô chị.

*Kiều càng sắc sảo, mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn²
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*

Vì muốn bảo Thúy Kiều đẹp hơn nên Nguyễn Du đã không bắt đầu bằng cách giới thiệu cô chị mà lại giới thiệu cô em trước. Nhìn qua hình tướng hai chị em, ta có thể thấy được cuộc đời hai cô. Thúy Vân đẹp, mà đẹp rất hiền (*Hoa cười ngọc thốt đoan trang, Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.*). Thúy Kiều đẹp, mà đẹp làm cho người ta phải ganh tức (*Làn thu thủy, nét xuân sơn, Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.*). Và cái khổ đã nằm sẵn ở sắc đẹp của Kiều rồi. Sinh con gái đẹp vì vậy nguy hiểm lắm!

*Một hai nghiêng nước nghiêng thành³
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.⁴
Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghê riêng ăn đứt hồ cầm một chương*

Thúy Kiều rất thông minh. Giỏi thi, họa, ca ngâm và chơi đàn tỳ bà (*hồ cầm*) rất giỏi. Kiều sáng tác một bản nhạc tên là Bạc mệnh. Bản nhạc rất hay, nhưng đàn lên thì nghe buồn thấm thía ruột gan.

*Khúc nhà tay lựa nên xoang
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.*

Bạc mệnh là số kiếp rất mỏng. Không biết tại sao hồi bé thơ cô nàng đã sáng tác những khúc nhạc như vậy rồi! Nguyễn Du nói rất rõ rằng những khổ đau và truân chuyên của Kiều đã biểu lộ rõ rệt ngay từ khi cô còn là một thiếu nữ. Về phương diện nhan sắc cũng như tài năng của cô, đã óc đầy đủ những lý do khiến cô phải ba chìm bảy nổi và đau khổ suốt đời.

Những người nào có tài thì phải cẩn thận.

Những người nào có sắc cũng phải như thế.

---o0o---

DÂY ĐÀN BÉN NHẠY

Chúng ta đã nghe cụ Nguyễn Du tả ba chị em của Thúy Kiều. Khi cụ tả cô chị, chúng ta thấy rõ ràng trong con người này đã có những hạt giống của tiêu cực. Chính những hạt giống này đã mang lại cho Thúy Kiều nhiều đau khổ. Trong khi đó, Thúy Vân không đau khổ nhiều bằng Thúy Kiều. Thúy Vân chỉ đau khổ vì những cộng nghiệp với Thúy Kiều mà thôi. Biệt nghiệp của Thúy Kiều rất nặng. Cái đẹp của Thúy Kiều có thể làm nảy sinh sự ghen tuông xung quanh mình. sự ghen tuông không chỉ của con người mà của vạn vật. '*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*'. Chính vì chỗ đó mà Kiều phải chết. Một dấu hiệu khác của tai họa là tài năng của Thúy Kiều. Cô là nhạc sĩ, sáng tác nhạc rất hay, đánh lên thì mọi người đều buồn thấm thía. Trong tâm hồn của Thúy Kiều có hạt giống của sự đau buồn. Kiều là một người đa cảm, cảm nhận được những cái mà người khác không cảm nhận được. Có những cái khi mà hai em thấy thì dừng dung, cho là thường, trong khi Thúy Kiều lại cho là quan trọng.

Đoạn tới nói về cuộc đi chơi mùa xuân cả ba chị em. Trong cuộc đi chơi này, ba chị em gặp hai nhân vật: một hồn ma và một người con trai. Hai nhân vật của chiều mùa xuân năm đó sẽ ám ảnh, đi theo Kiều suốt cuộc đời.

Ngày xuân con én đưa thoi,

*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.⁵
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh minh trong tiết tháng ba,⁶
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.⁷
Gần xa nô nức yến anh,⁸
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
Ngón ngang gò nắm kéo lên,
Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.*

Trong văn hóa Á Đông, đi tảo mộ cũng là đi chơi, là một dịp để người sống bày tỏ sự cảm thông, thân thiết với người chết. Người ta mang theo vàng và nhang... đi thăm mộ, ngồi bên mộ người thân, thắp nhang và đốt tiền vàng bạc xuống cho người cõi âm dùng. Vàng vó là những lượng và những chỉ vàng làm bằng giấy, hoặc những áo quần giấy. Bây giờ ở Mỹ, người Hoa làm ra những tờ một trăm, một ngàn đô la, đốt xuống cho người âm xài thả cửa, gọi là Hell Bank Notes.

*Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dàng tay ra về.
Bước lán theo ngọn tiểu Khê,⁹
Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đường,
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

Ba chị em đi chơi về, thấy một ngôi mộ bên đường, tiêu điều, không ai thăm viếng và thắp hương, cỏ trên mộ cũng vàng úa, không xanh như những ngôi mộ khác. Thúy Kiều hỏi:

*Rằng: ‘Sao trong tiết thanh minh,
‘Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?’*

Vương quan cắt nghĩa:

*Vương Quan mới dẫn gần xa:
‘Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi.*

*'Nổi danh tài sắc một thì,
'Xôn xao ngoài cửa thiếu gì yến anh.
'Kiếp hồng nhan có mong manh,
'Nửa chừng xuân thoát gẫy cành thiên hương.*

Đây là mộ Đạm Tiên, một ca sĩ nổi tiếng ngày xưa, chết khi đang còn trẻ đẹp. Ca nhi không phải là một cô gái ăn sương. Ca nhi chỉ có nghĩa là ca sĩ. Người ta có thể tô chức mời cô đến hát riêng cho nhà mình. Hát xong, cô lấy tiền rồi về. Người ta cũng có thể cùng các bạn đến nghe hát ở nhà cô, có nhiên là phải trả tiền đàng hoàng. Có những ca nhi từ chối không hát cho những người thô tục. Họ có quyền như vậy. Thường, thi sĩ làm được thơ hay thì muốn những người có giọng tốt ngâm lên nghe cho đã. Như Trịnh Công Sơn làm được những bài như Diễm Xưa, thấy mình hát cũng chẳng hay gì mấy nên đã đi tìm một người như Khánh Ly để hát giùm, nghe sáng khoái hơn. Ca nhi là những người làm việc đó giúp thi sĩ hay nhạc sĩ. Ở Việt Nam ngày xưa, hễ khi nào các ông làm được một bài ca trù, là họ thường rủ nhau tới nhà trò, yêu cầu cô đào hát cho mình nghe. Còn chuyện cô đào bán mình để có thêm tiền là chuyện không chính thức. Theo nguyên tắc chuyện này không xảy ra nhưng trên thực tế nó đã xảy ra rất nhiều. Nếu hát không được hay lắm thì phải đem cái khác ra để bù trừ, chuyện này xảy ra trong bất cứ xã hội nào. Ở Nhật có những cô geysa, phổ Khâm Thiên (Hà Nội) cũng đã từng có nhiều cô ca nhi như vậy, gọi là cô đầu. Thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu xuất thân là con quan (Ấm Hiếu), một hôm đi chơi với các bạn thì gặp em gái mình ở trong giới ca nhi. Ông đau khổ vô cùng. Chúng ta nên hiểu chữ ca nhi theo nghĩa chính của nó là ca sĩ.

Chúng ta nghe Vương Quan kể tiếp:

*Có người khách ở viễn phương,
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ!
Buồng không lạnh ngắt như tờ,
Dấu xe ngựa đã rêu lò mờ xanh.
Khóc than khôn xiết sự tình,
Khéo vô duyên ấy là mình với ta!
Đã không duyên trước chẵng mà,
Thì đây chút ước gọi là duyên sau.
Sấm sanh nếp tử xe châu,¹⁰
Vùi nông một nắm mặc dầu cỏ hoa.
Trái bao thỏ lặn ác tà,*

Áy mỗ vô chủ ai mà viếng thăm!

Nghe như vậy thì Kiều òa lên khóc:

*Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
Thoạt nghe Kiều đã đầm đẫm châu sa:*

Trong khi đó, Thúy Vân vẫn tỉnh bơ tiếp tục nhai kẹo chewing gum (nếu có chewing gum lúc đó). Anh chàng Vương kể chuyện vẫn tỉnh bơ. Thúy Kiều, trái lại, nghe đến đó thì òa lên khóc, vì cô là một sợi dây đàn rất bén nhảy.

*Đau đớn thay phận đàn bà,
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
Phũ phàng chi bấy hóa công!
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.
Sống làm vợ khắp người ta.
Hại thay thác xuống làm ma không chồng!*

Rất rõ cô ca nhi này không chỉ đơn thuần là một ca sĩ.

*Nào người phượng chạ loan chung,¹¹
Nào người tích lục tham hồng là ai¹²
Đã không kể đoái người hoài,
Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đường,
Họa là người dưới suối vàng biết cho.*

Mấy chị em ngồi lại thắp hương trên mộ Đạm Tiên. Kiều cảm cảnh làm một bài thơ tứ tuyệt, viết lên vỏ cây.

*Lâm râm khấn khứa nhỏ to
Sụp ngói đặt cỏ trước mộ bước ra.
Một vùng cỏ ấy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần.¹³*

Có một sức mạnh gì kéo Kiều ở lại:

Lại càng mê mẩn tâm thần,

*Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra.
Lại càng ủ dột nét hoa,
Sầu tuôn dứt nỗi châu sa vẫn dài.*

Số phận Đạm Tiên như được nối với số phận Kiều. Kiều thấy đây là người tri kỷ của mình. Và đây là lời phê bình của Thúy Vân:

*Vân rằng: Chị cũng nực cười,
Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa!*

Đúng là Thúy Vân! Kiều đáp:

*Rằng: Hồng nhan tự thuở xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người năm đó biết sau thế nào?*

Trông người lại ngẫm đến ta. Nhìn vào số phận Đạm Tiên, mình không biết thân thế mình sẽ như thế nào mai sau. Vương Quan lúc đó mới chen vào, phản đối:

*Quan rằng: Chị nói hay sao,
'Một lời là một vận vào khó nghe!
Ở đây âm khí nặng nề,
Bóng chiều đã ngã dặm về còn xa.'*

- Chị này thật là kỳ cục! Nói câu nào cũng đem số mạng người ta buộc vào số mạng mình! Trời chiều rồi, mình về đi thôi!

*Kiều rằng: 'Những đáng tài hoa,
Thác là thể phách còn là tinh anh.
Dễ hay tình lại gặp tình,
Chờ xem ắt thấy hiển linh bây giờ!'*

Kiều có những tri giác mà người thường không thể có được. Cô có thể cảm, thấy, nghe, sờ mó được những cái mà người khác không cảm, thấy, nghe, sờ mó được. Theo Kiều thì Đạm Tiên còn ở đó, không phải bằng thân xác tầm thường mà bằng tinh anh của nàng. Cô nghĩ rằng Đạm Tiên sẽ đáp lại cái mà tình của mình và khuyên các em ở lại chứng kiến.

Một lời nói chừa kịp thừa,

*Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.
Ào ào đổ lộc rung cây,
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
Đè chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành rành.*

Nói vừa xong thì một trận gió mạnh thổi tới làm rung những lộc non của thán ba. Trong luồng gió phảng phất nức hương của người ta (không biết đây là nước hoa Poison Scorpion hay Samsara?), trên rêu xuất hiện những dấu giày mới. Ma Đạm Tiên đã về!

*Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: ‘Này thật tình thành chẳng xa.
Hữu tình ta gặp lại ta,
Chớ nề u hiển mới là chị em.’*

Cái cô ghê thật! làm quen liền: ‘Chị về đó hả? Như vậy là giữa chúng ta có những mối giây tình cảm thân thiết. Đừng phân biệt người chết với kẻ sống thì mới là tình chị em. Người ta nói Thúy Kiều thuộc về một thứ nòi gọi là nòi tình. Nguyễn Du cũng thuộc về nòi tình. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Hữu tình ta mới gặp ta thì Chớ nề u hiển mới là chị em.

*Đã lòng hiển hiện cho xem,
Ta lòng nàng lại nói thêm vài lời.
Lòng thơ lai láng bồi hồi.
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.*

Đa sầu, đa cảm, đa tình. Làm một bài thơ tứ tuyệt, rồi lại làm thêm một bài thơ cổ phong nữa. Vẫn chưa chịu về.

---o0o---

LƯNG TÚI GIÓ TRẮNG

Và bây giờ, nhân vật thứ hai, người con trai của đời Kiều xuất hiện:

*Dùng dằng nửa ở nửa về,
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
Trông chừng thấy một văn nhân,
Lông buông tay khẩu bước lần dặm băng.
Đề huề lưng túi gió trăng,¹⁴*

*Sau chân theo một vài thằng con con.
Tuyết in sắc ngựa câu giòn,¹⁵
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.*

Không phải chỉ khi tả hai người con gái cụ Nguyễn Du mới tả kỹ lưỡng. Người con trai này cũng được cụ Nguyễn Du tả rất đẹp rất kỹ. Anh chàng cưỡi một con ngựa bạch, mặc áo màu da trời, đi trong màu lục của cây cỏ. Trong túi của anh chàng có gió và có trăng. Đây là một người hào hoa phong nhã, thanh nhàn, biết thưởng thức cái đẹp của đất trời. Một người biết sống. An trú trong hiện tại thì người nào cũng có một cái túi đựng gió trăng cả. Không biết cái túi của mình có chút gió trăng nào ở trong không hay chỉ đựng những cát bụi đau buồn? Túi của mình cần phải có nhiều gió trăng, tức là phải có thơ, có nhạc, có sự thanh nhàn và hạnh phúc.

*Nẻo xa vừa tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình.
Hài vãn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.*

Sự có mặt của người con trai, hài hòa với phong cảnh thiên nhiên, đẹp như cây ngọc dao trong rừng ngọc quỳnh. Thi sĩ tả con gái đẹp mà tả con trai cũng rất đẹp.

---o0o---

NỘI KẾT ÊM ÁI

*Chàng Vương quen mặt ra chào,
Hai kiều¹⁶ e lệ nép vào dưới hoa.*

Không một chữ nào có thể khoanh tròn để lấy ra được cả. Một câu lục bát mà nói được cả hành động lẫn thái độ của hai bên. Người con trai thì ra chào: “A! Anh Kim đó hả! Lâu quá không gặp!” còn hai cô nàng thì khép nép, núp dưới hoa. Không cần dùng nhiều chữ.

*Nguyên người quanh quất đâu xa,
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh¹⁷
Nền phú hậu bậc tài danh,
Văn chương nét đất thông minh tính trời.
Phong tư tài mạo tuyệt vời,
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa.*

*Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Với Vương Quan trước vẫn là đồng thân¹⁸*

Cụ Nguyễn Du khen anh chàng đủ điều. Anh chàng cũng đã từng nghe tiếng hai chị em nhà họ Vương:

*Trộm nghe thơm nức hương lân,
Một nền Đồng-Tước khóa xuân hai Kiều¹⁹
Nước non cách mấy buồng thêu,
Những là trộm nhớ thăm yêu chốc mòng.*

Và đây là cơ hội đầu để Kim Trọng gặp hai cô nàng:

*May thay giải cấu tương phùng²⁰
Gặp tuần đố lá thỏa lòng tìm hoa²¹.
Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.
Người quốc sắc kẻ thiên tài
Tình trong như đã mặt ngoài còn e.*

Kim Trọng đã chú ý tới Kiều và Kiều cũng chú ý tới Kim Trọng. Tiếng sét đã nổ. Chỉ có tám chữ thôi: *Tình trong như đã mặt ngoài còn e*. Bên ngoài thì có ai nói gì với ai đâu. Bên trong thì đã có nội kết êm ái rồi.

*Chập chờn con tình con mê,
Rón ngòi chẳng tiện dứt về chĩnh khôn.*

Ở thêm để nói chuyện thì kỳ quá mà về thì không dứt nổi. Nhưng cuối cùng cũng phải về:

*Bóng tà như giục con buồn,
Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.
Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

Chấm dứt buổi hội ngộ. Văn chương gì mà hay vậy!

---o0o---

TUỔI TÂM HẠT GIÓNG

Tất cả những gì xảy ra trong chuyến đi chơi đều được biểu hiện trở lại ngay trong giấc mộng tối hôm đó của Thúy Kiều. Hạt giống gieo và đều hiện hành ra ngay. Thật dễ sợ. Đây là chỗ tài tình của Nguyễn Du.

*Kiều từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời gác núi chiêng đà thu không.²²
Gương nga chênh chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân.
Hải đường lả ngọn đông lân,
Giọt sương gieo nặng cảnh xuân la đà.
Một mình lặng ngắm bóng nga,
Rộn đường gần với nổi xa bồi hồi:*

Kiều ngồi ở cửa sổ, một mình ngắm trăng. Cô suy nghĩ lại chuyện xảy ra trong ngày:

*Người mà đến thế thì thôi,
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi!
Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm có biết duyên gì hay không?*

‘Người’ trong câu đầu là Đạm Tiên. ‘Người’ trong câu kế tiếp là Kim Trọng. Thúy Kiều có nội kết với Kim Trọng rất rõ ràng.

*Ngón ngang trăm mối bên lòng,
Nêu câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.*

Hết nghĩ tới con ma lại nghĩ tới anh chàng. Nghĩ tới anh chàng rồi lại nghĩ tới con ma... Rồi làm thơ về những điều mình nghĩ. Đây là hành động tự mình tưới tẩm những hạt giống trong tâm mình.

*Chênh chênh bóng nguyệt xế màn,
Tựa ngò bên triện một mình thiu thiu.*

Không chịu đi ngủ đàng hoàng. Ngồi ngủ gục, và Kiều mơ thấy Đạm Tiên:

*Thoát đâu thấy một tiểu kiều,
Có chiêu phong vận có chiêu thanh tân.
Sương in mặt tuyết pha thân,
Sen vàng lãng đãng như gần như xa.*

Một cô rất đẹp, đến từ trong đêm. Bước chân rất nhẹ, thấp thoáng khi thì ở gần khi thì ở xa. Đúng là một bóng ma! Vì vậy người ta nói cụ Nguyễn Du là thi thánh chứ không phải là một thi sĩ thường.

*Rước mừng đón hỏi dò la:
'Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây?'
Thưa rằng: 'Thanh khí xưa nay,
'Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên?
'Hàn gia ở mái tây thiên,
'Dưới lòng nước chảy bên trên có cầu.*

- 'Chị em mình là người đồng thanh đồng khí. Mình vừa mới gặp nhau chiều nay, chị quên rồi sao? Nhà em ở hướng tây, dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.' *Hàn gia* có thể có nghĩa là khiêm nhường là nhà nghèo, không sang trọng. Nhưng *'hàn'* cũng có nghĩa là lạnh. Nhà lạnh tức là nhà mồ.

*'Mấy lòng hạ cố đến nhau
'Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng²³
'Vâng trình hội chủ xem tường,
'Mà xem trong sổ đoạn trường có tên.
'Ấu đành quả kiếp nhân duyên,
'Cũng người một hội một thuyền đâu xa!
'Này mười bài mới mới ra,
'Câu thân lại mượn bút hoa vẽ vờ.'*

Đạm Tiên đã đem thơ của Kiều trình cho bà hội chủ hội Đoạn Trường. Bà này mở sổ của những người đàn bà có số phận mỏng ra tra và thấy tên Kiều. Đạm Tiên đưa thêm mười bài mới, yêu cầu Thúy Kiều vịnh để bỏ vào tuyển tập (collection) của hội Đoạn Trường. Họ là những người suốt đời đau khổ. Trong nguyên tác, mười đề bài đó là: *Tích đả tài, Liên bạc mệnh, Bi kỳ nộ, Ưc cố nhân, Niệm nô kiều, Ai thanh xuân, Ta kiến ngộ, Khổ linh lạc, Mộng cố viên và Khốc tương tư*. Toàn là những đề tài đứt ruột. Thúy Kiều chỉ cần mấy phút đồng hồ là làm xong cả mười bài thơ.

*Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẫy đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ nức nở khen thâm:
'Giá đành tú khẩu cảm tâm khác thường!
'Vi đem vào tập đoạn trường,
'Theo treo giải nhất chi nhường cho ai!'*

- ‘Thơ của chị hay quá! Bỏ vào tập Đoạn Trường là hay nhất, không ai bằng.’ Nói xong Đạm Tiên cầm mấy bài thơ và từ biệt. Kiều còn muốn giữ lại:

*Thêm hoa khách đã trở hài,
Nàng còn cầm lại một hai tự tình.
Gió đâu sịch bức màn mình mình.
Tỉnh ra mới biết là mình chiêm bao.
Trông theo nào thấy đâu nào,
Hương thừa phảng phất ra vào đâu đây.*

Kiều tỉnh dậy còn nghe của mùi nước hoa của con ma mới ghé thăm đó.

*Một mình lưỡng lự canh chầy,
Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh!*

Thấy khúc đời còn lại của mình mà ngán quá. Không dám sống.

*Hoa trôi bèo dạt đã đành,
Biết duyên mình biết phận mình thế thôi!
Nỗi riêng lớp lớp sóng đôi,
Nghĩ đời còn lại sứt sùi đôi con.*

Tâm Kiều như có những đợt sóng lên xuống. Càng suy nghĩ chừng nào thì Kiều càng khóc lớn chừng đó. Bà Vương đang ngủ gập đó bị quấy rầy:

*Giọng Kiều rên rĩ trướng loan,
Nhà huyên²⁴ chợt tỉnh hỏi con có gì:
‘Cớ sao trần trọc canh khuya,
Màu hoa lê hã dầm dề giọt mưa?’
Thưa rằng: ‘Chút phận ngây thơ.
‘Dưỡng sinh đôi nọ tóc tơ chưa đến.
‘Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên,
‘Nhấp đi thoát thấy ứng liên chiêm bao.
‘Đoạn trường là số thế nào,
Bà ra thế ấy vịnh vào thế kia.
‘Cứ trong mộng triệu mà suy,
‘Phận con thôi có ra gì mai sau!’*

Bà mẹ nói: ‘Ôi những cái chuyện nằm mơ! Do tâm mình tưởng ra như vậy, tin vào đó thì chết. Tại sao tự mua chuốc chuyện sầu não làm gì hả con? Con đừng tin vào những giấc mộng. (Bà nói như vậy thôi nhưng trong lòng bà cũng lo sợ lắm!)

*Dạy rằng: ‘Mộng huyễn cứ đâu,
‘Bồng không mua não chuốc sầu nghĩ nao!
Vâng lời khuyên giải thấp cao,
Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch Tương.’²⁵*

Vừa được mẹ khuyên can về chuyện con ma xong, thấy lòng có nhẹ bớt một chút thì Kiều lại nghĩ đến chuyện Kim Trọng.

*Ngoài song thỏ thẻ oanh vàng,
Nách tường bông liễu bay sang láng giềng.
Hiên tà bóng gác nghiêng nghiêng,
Nỗi riêng riêng chạnh tác riêng một mình.*

Hai đứa em dại quá, không thể hiểu được tâm sự của chị Thúy Vân thì đang ngủ khi. Vương Quan là con trai, mình đâu có tâm sự được với nó. Nói với mẹ lại càng không được: Con gái gì mới gặp con trai đã thương, đã đặt vấn đề có liên hệ gì với anh chàng sau này không! Thúy Kiều rất cô đơn trong tâm trạng này. Chúng ta sẽ đọc tâm trạng của anh chàng.

Có một điều cần nói ở đây. Bản nhạc Kiều sáng tác là một bản nhạc rất buồn. Mỗi lần đàn lên, Kiều lại có cơ hội tưới tẩm những hạt giống của sự đau buồn đó. Rất nguy hiểm. Vì vậy tôi nghĩ rằng khi tiêu thụ các sản phẩm văn nghệ chúng ta phải chọn những bài lành mạnh, có sự cởi mở, nhẹ nhàng, giải thoát. Phải cẩn thận như khi chúng ta ăn. Nếu chúng ta biết chọn những thức ăn không có độc tố thì chúng ta cũng phải biết chọn những sản phẩm văn hóa lành mạnh tiêu thụ. Tôi không muốn chúng ta hát ngâm những bài rền rĩ đau thương quá. Ngâm, hát những câu thơ và những bài hát đó chúng ta đang thực tập tưới tẩm những hạt giống đau thương trong mình. Có một thầy trẻ ngâm thơ hay. Mỗi khi ngâm những bài thơ buồn thì thầy khóc nức nở, không còn tác phong của người tu hành nữa. Thầy không biết chính trong lúc đó thầy đang tưới tẩm những hạt giống đau thương. Trong thiên có rất nhiều thi ca và âm nhạc nhưng thi ca và âm nhạc Thiên phải nhắm tới mục đích giải phóng và chuyển hóa. Ngồi đó mà đọc và nghe những bài thơ và bài nhạc đau thương, hưởng cái thú gọi là ‘thú đau thương’ là thực tập ngược lại thiên. Gãi, cào, cấu những nỗi đau của mình như vậy cũng có sự

thú vị, nhưng càng thú chừng nào thì hạt giống buồn đau càng lớn chừng đó. Rất nguy hiểm. Hình ảnh những chàng trai, những cô gái còn trẻ ôm một cái băng của Thanh thúy nằm nghe rồi rên xiết là một hình ảnh rất tiêu tụy.

Ngày xưa, khi chị Cẩm của tôi đọc truyện Kiều cho mẹ tôi nghe, ngang câu ‘*Phấn sao phấn bạc như vôi, Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng*’ mẹ tôi nói: ‘*Đâu có! Trong sách để ‘phận’ rõ ràng mà, tại sao lại đọc ‘phấn?’*’ mẹ tôi nói: ‘*Đúng rồi. Viết là ‘phận’ nhưng nếu mình đọc: ‘Phấn sao phận bạc như vôi’ thì mình cũng đang làm khổ Kiều vậy. Mình sẽ vụn nó vào trong người. Rất nguy hiểm. Thành ra phải đọc là ‘phấn’ (để chúng tỏ là mình khác).*’ Lúc đó mấy chị em mới hiểu là trong văn hóa của mình có truyền thống tự bảo hộ như vậy. Không phải chỉ trong đạo Phật người ta mới cẩn thận trong việc tưới tẩm hạt giống, chính trong văn hóa Việt Nam cũng có truyền thống kiêng cử. Người còn gái nào chơi đàn Độc huyền cầm (đàn bầu) nhiều thì người ta tin rằng cô sẽ suốt đời đau khổ. Tiếng Độc huyền rất ‘trẻ’, làm người nghe lụy xuống. Ngồi đó mà chơi “*Đêm tàn bến Ngự*”... tưới tẩm hoài những hạt giống đau thương thì thế nào cũng có một ngày mình sẽ lãnh đủ. Đây là chuyện thực tập. Người tu mà không biết chuyện này là có thiếu sót.

Có một thi sĩ làm thơ hô hào những nhà sáng tác, những ca sĩ từ bỏ lối sáng tác và ca hát đau thương đứt ruột. Ông ta viết những câu này, tôi còn nhớ:

*Đừng kể nữa những mảnh tình tan tác,
Hãy đứng lên, nhạc sĩ, với tôi đi!
Tôi ghét anh ưa giọng hát sâu bi,
Và tung mãi tâm hồn thường truy lạc.
Hãy đứng dậy! Vứt chiếc cầm áo nã!
Tôi cần nghe những khúc nhạc rất hùng.
Thét ngựa lòng phi mãi chẳng chôn chân,
Sáng như gương tuốt, mạnh như luồng bão.
Ôi nhạc sĩ! Thật anh người thậm tệ!
Quan hoài chi những khúc hát mê ly,
Những câu ca không đẹp lại không thi
Của kỹ nữ vọc cuộc đời ê trệ?
Hay cung kính nhượng những người tuổi tác,
Những bản đàn nhịp hát thiếu tinh thần.
Hãy ra xem sóng vỗ với mây vùn,
Và sáng chế cho tôi vài điệu khác.*

Nếu chúng ta cứ hát những bài khóc gió than mây và cứ nghe những bài độc huyền thì có thể ‘vận cái rủi’ vào số mạng của mình, tưới tẩm những hạt giống đau buồn, điều đó không tốt.

---o0o---

GIÓNG HỮU TÌNH

Đây là tình cảm của Kim Trọng sau cuộc gặp gỡ đầu tiên với Kiều:

*Cho hay là giống hữu tình,
Đó ai gỡ mối tơ màn cho xong!*

Cụ Nguyễn Du nói tới chàng sinh viên này như nói về chính cụ. Cụ là một người có rất nhiều tình. Có nhiều tình thì có thể có nhiều đau khổ. Người ta nói đến một ‘giống’ người (race) gọi là ‘nòi tình’. Thúy Kiều, Kim Trọng và cụ Nguyễn Du đều thuộc ‘chủng tộc’ này. Cho nên cụ rất thông cảm. ‘Cho hay là giống hữu tình’ có nghĩa là: ‘Tôi biết mà! Anh thuộc về cái giống hữu tình thì thế nào anh cũng bị kẹt’. Hồi trẻ chắc chàng Nguyễn Du cũng đa tình lắm! Chắc chàng cũng đã nhiều lần bị kẹt.

‘Đó ai gỡ mối tơ màn cho xong’: đã vướng vào vòng tình ái rồi thì gỡ ra rất khó. Đây là cụ nói ra từ kinh nghiệm của mình, Chữ tình ở đây là thứ tình yêu có đam mê. Nhưng chữ tình có thể chỉ nhiều loại tình cảm khác. Ví dụ Từ, Bi, Hỷ, Xả cũng là tình, nhưng tình này không có tính đam mê. Tôi nhớ ở chùa Trúc Lâm, Huế các thầy dùng chữ rất táo bạo. Trong thiền thất, các thầy để lại hai câu đối như thế này:

*Bất tục tức Tiên cốt
Đa tình thị Phật tâm.*

Cốt cách của người tiên thì thanh, trong trần tục. Trái tim của Bụt là một trái tim có nhiều tình thương. Bụt thương, không phải chỉ một người mà rất nhiều người. Từ loài người cho đến ‘con sóc, con nai, con muỗi, con giun, con chim, con cá...’²⁶ Như vậy là ‘đa tình’ chứ gì nữa! Tôi dịch là; Cốt tiên là không tục, Tâm Bụt vốn nhiều tình. Tình như tình của Bụt thì càng nhiều càng tốt, không sao hết. Tình đam mê, bi lụy, chiếm hữu, dính mắc... thì mới ngán. Về thăm chùa Trúc Lâm quý vị sẽ thấy hai câu đối đó.

Vướng vào cái vòng tình ái gỡ ra rất khó. Chàng thư sinh nọ gặp người đẹp rồi, về đọc Tứ thư, Ngũ kinh, Đại học, Trung dung, Luận ngữ... không

vô nữa. Văn sách, Kinh nghĩa không làm gì được cả. Sách vỡ, chữ nghĩa chạy đi đâu hết, chỉ có hình ảnh nàng Kiều trần ngực trong lòng thôi.

*Chàng Kim từ lại thư song,
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.
Sầu đong càng lắc càng đầy,
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!*

Một ngày thương nhớ dài như ba năm. Thi sĩ dùng hình ảnh một hũ sàu để nói về sự nhung nhớ. Người ta thường lắc hũ để dồn những vật bên trong lắng xuống đáy, làm hũ voi đi. Cái hũ sàu ở đây càng lắc càng thêm đầy. Đúng là thơ!

---o0o---

NHỚ ÍT TƯỞNG NHIỀU

*Mây Tần khóa kín song the,
Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao.²⁷
Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,
Mặt tơ tưởng mặt lòng khao khát lòng.*

Đọc những câu thơ này chúng ta đừng cười Kim Trọng. Có cười nên cười thi sĩ Nguyễn Du, một nhà Nho đang làm quan ở triều đình mà viết những câu thơ về tình tương tư như vậy.

*Phòng vãn hơi giá như đồng,
Trúc se ngọn thỏ tơ chùng phím loan.
Mành Tương phân phát gió đàn,²⁸
Hương gậy mùi nhớ trà khan giọng tình.
Vĩ chăng duyên nợ ba sinh,
Làm chi đem thói khuynh thành trêu người.*

Tội nghiệp! Lâm vào tình cảnh này thật là nguy hiểm lắm. Không làm ăn gì được cả. Không sinh hoạt gì được trong phòng học cả (phòng vãn lạnh ngắt như đồng): bút (lông thỏ) lâu ngày không viết ngọn khô quặn lại, đàn không gảy dây chùng lại, trà không pha, hương không đốt. Hoàn toàn tê liệt vì sự nhớ tưởng đến bóng hình kia. Nhớ quá, chịu không nổi, không biết làm gì hơn là tìm trở lại nơi chốn đã gặp nàng thăm để cho đỡ nhớ:

Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người,

*Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân đi.
Một vùng cỏ mọc xanh rì,
Nước ngấm trong vắt thấy gì nữa đâu.*

Bên dòng suối ngày xưa làm gì còn bóng dáng người kia nữa! Nước đầu lưu lại bất cứ hình bóng nào. Cỏ bây giờ đã gần thành cỏ tháng tư, xanh hơn màu cỏ tháng ba nhiều lắm. Thà rằng không tới, tới càng buồn thêm:

*Gió chiều như giục cơn sầu,
Vi lô hiu hắt như màu khói trêu.*

Những cây lau lác lư trước gió như trêu chọc kẻ si tình: “A cái anh chàng! Còn gì nữa đâu mà tìm kiếm ở đây!” Nhớ nhung quá, anh chàng tìm luôn tới nhà cô nàng:

*Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều,
Xăm xăm đề nỏ Lam Kiều lân sang.*

‘Nghề riêng’ là tập khí nhà văn của anh chàng. Kim Trọng viết văn hay, dùng trí tưởng tượng nhiều hơn ký ức về những chuyện có thật. Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều nghĩa là những cái nhớ được thì rất ít nhưng những cái tưởng tượng ra thì rất nhiều. Thường thường là như vậy. Khi yêu, giận hay buồn người ta tưởng tượng ra nhiều cái rất ngộ, không có trong sự thật. Vẽ vờ bao nhiêu là cái... Đâu cần phải là nhà văn! Kẻ nào đang bị lôi cuốn theo tình cảm yêu, giận, buồn, ganh... của mình đều tạo tác ra rất nhiều “tưởng” để bị bao vây trong thế giới của tưởng. Anh chàng tưởng tượng tới nhà Kiều sẽ gặp được người đẹp, rồi gì gì nữa. Nhưng tới nơi thì chàng thấy gì?:

*Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh.²⁹*

Xung quanh bốn bức tường cao, nhìn vào cũng không thấy được gì. Không có phương tiện để liên lạc, nhắn tin. Đi quanh một vòng rồi về chứ làm gì nữa!

*Lơ thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh học nói trên cành mĩa mai.*

Những cây liễu buông rũ xuống như bức mành. Trên cây có con chim oanh tập hót, chọc ghẹo anh chàng: ‘Anh chàng si tình ơi! Đứng đó làm gì?’

Đi về cho rồi!’ Tâm trạng anh chàng như vậy nên thấy cái gì cũng như đang trêu chọc mình hết. Cụ Nguyễn Du không nói: “anh chàng nhớ cô nàng quá, thất vọng quá”... mà dùng toàn hình ảnh để diễn đạt ý đó. Dùng hình ảnh để nói, đó là thơ.

*Mấy lần cửa đóng then cài,
Đầy thêm hoa rụng biết người ở đâu?
Tàn ngần đứng suốt giờ lâu,
Dạo quanh chợ thấy mé sau có nhà.
Là nhà Ngô Việt thương gia,
Phòng không để đó người xa chưa về,
Lấy điều du học hỏi thuê,
Túi đàn cặp sách để huê dọn sang.*

Dọn đến làm hàng xóm. Ở một, hai bữa không gặp nhưng ba, bốn bữa chắc thế nào cũng có dịp gặp. Người ta cũng phải mở cửa đi ra chứ không lẽ ở hoài trong nhà sao! Đó là hy vọng của chàng Kim.

*Có cây có đá sẵn sàng.
Có hiên Lãm Thúy nét vàng chưa phai.*

Nhà có cảnh đẹp và lại có một cái hiên ngắm hoa đề ba chữc “Lãm Thúy Hiên”. Lãm là ngắm, Thúy là màu xanh đẹp của cây cảnh, trùng với chữ trong tên của Thúy Kiều. Vì vậy Kim Trọng mừng:

*Mừng thăm chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây.*

Đúng là khi đam mê người ta hay tưởng tượng và suy diễn theo cái muốn của mình. Ba sinh là nói đến chuyện hôn nhân. Ngày xưa khi gặp người còn trai hay người con gái mà thương thì người ta nghĩ ngay đến chuyện cưới nhau làm vợ chồng. Không có chuyện chỉ liên hệ trong chốc lát hay chỉ đi chơi như đời bây giờ. Bây giờ người ta gặp cô này xong thì gặp cô khác, đang chơi với cô này, thấy cô khác xinh xinh cũng chạy theo luôn. Có hai ba người một lần. Chính ngay trong số thiên sinh tới đây cũng có người đồng thời chơi với hai ba cô. Nhất là ở Đức. Có người tới thưa: ‘*Bach Thầy, con thương ba người một lần. Bây giờ làm sao?*’ Quý vị ra hành đạo bây giờ khó lắm! Ngày xưa dạy cho anh chàng Kim Trọng này thì còn dễ.

*Sông hồ nửa khép cánh mây,
Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông.*

*Tác gang động khóa nguồn phong,³⁰
Tuyệt mù nào thấy bóng hồng vào ra.*

Rình hoài. Cửa sổ không bao giờ đóng hết. Cách nhau trong gang tấc mà hoàn toàn không sao gặp mặt được. Ngóng đợi như vậy, hai tháng trôi qua.

*Cách tường phải buổi êm trời,
Dưới đèn đường có bóng người thướt tha.
Buông cầm xúc áo vội ra,
Hương thơm còn nức người đà vắng tanh.*

Một hôm thấy nhà bên kia có thấp thoáng bóng người, anh chàng buông đàn, xúc áo và chạy ra liền. Rình hoài mà. Ra tới thì cô nàng đã đi mất rồi, chỉ còn mùi nước hoa thoang thoảng.

*Lần theo tường gấm dạo quanh,
Trên đèn nhác thấy một cảnh kim thoa.*

Không biết Kiều đã làm rớt cảnh thoa thật hay nàng đã cố tình để nó lại trên cảnh đèn? Đây là một nghi án phải điều tra. Cô nàng có thể cũng biết có anh chàng ở bên cạnh nhưng không dám ra. Cái cách ngày xưa là như vậy. Vô tình hay hữu ý xin để tùy người đọc phán đoán.

*Giơ tay với lấy về nhà:
'Này trong khuê các đâu mà đến đây?
'Gấm âu người ấy báu này,
'Chẳng duyên chưa để vào tay ai cầm!'*

Ngộ nghĩnh không! Chiếc trâm ở bên nhà người ta mà mình lại nhón qua lấy. Cố tình 'với lấy' rồi đoán vào là duyên mình.

*Liền tay ngắm nghĩa biếng nằm,
Hãy còn thoang thoảng hương trâm chưa phai.*

Ngắm nghĩa không ngủ suốt đêm. Có cảm tưởng hương trâm của người đẹp còn thoang thoảng nơi cây trâm.

---oOo---

ĐÀI GƯƠNG SOI ĐẾN DẤU BÈO CHO CHĂNG?

*Tan sương đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm tòi ngán ngơ,
Sinh đà có ý đợi chờ,
Cách tường lên tiếng xa đưa ước lòng:
'Thoa này bắt được hư không,
Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về'³¹*

Cây thoa của Kiều vướng trên cành đào. Nhánh đào phải nằm bên “không phận” nhà bên kia chứ đâu qua nhà bên này được. Vói lấy của người ta rồi nói: ‘bắt được hư không!’

*Tiếng Kiều nghe lọt bên kia:
'Ôn lòng quân tử sá gì của rơi.
'Chiếc thoa là của mấy mươi,
'Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!’*

Nghĩa khí là lòng ngay thẳng, thành thật, trong trắng của con người. Cô ta khen anh chàng: ‘Chiếc thoa là của mấy mươi, Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!’ Cô cũng lịch sự và khéo léo lắm!

*Sinh rằng: Lân lý ra vào,³²
'Gần đây nào phải người nào xa xôi.
'Được rày nhờ chút thơm rơi,
'Kể đà thiếu nảo lòng người bấy nay!
'Bấy lâu mới được một ngày,
'Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là.'
Vội về thêm lấy của nhà,
Xuyên vàng đôi chiếc khăn là một vương.
Thang mây rón bước ngọn tường,
Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng nhe?*

Anh chàng mừng quá, tấn công liền. Chạy về lấy quả, vác thang bắc vào tường leo lên, chàng nhìn qua nhà hàng xóm.

*Sượng sùng giữ ý rụt rè,
Kẻ nhìn rõ mặt người e cúi đầu.*

Chúng ta thấy được thái độ của hai người. Anh con trai thì cảm thấy may mắn quá, cố nhìn cho rõ mặt cô nàng. Hôm trước đại quá, phải làm bộ nói chuyện với Vương Quan thành ra chỉ liếc sơ sơ. Bây giờ nhất định phải nhìn cho rõ. Người con gái thì sượng sùng, giữ ý, rụt rè và e lệ cúi đầu,

không dám nhìn thẳng lên. Con gái nhà nề nếp mà! Nhưng chỉ nề nếp tới một mức nào đó thôi. Anh chàng nói:

*Rằng: 'Từ ngẫu nhĩ gặp nhau,
'Thâm trông trộm nhớ bấy lâu đã chôn.
'Xương mai tính đã rũ mòn,
'Lần lừa ai biết hãy còn hôm nay!
'Tháng tròn như gửi cung mây,
'Trần trần một phận áp cây đã liêu!'³³*

Anh chàng chờ lâu quá. Tháng này qua tháng khác, chờ đợi đến nỗi ốm đi, chỉ còn da bọc xương. Bây giờ là cơ hội cho nên anh chàng tấn công thẳng:

*'Tiện đây xin một hai điều:
Đài gương soi đến dấu bèo cho chẵn?'*

Đặt yêu cầu rất rõ: 'Cô có đáp ứng được niềm thương yêu của tôi không?' chàng nói rất khéo: 'Đài gương soi đến dấu bèo cho chẵn?' Rất tội nghiệp. Ví cô nàng như gương sen, ở trên soi xuống; thân phận chàng con trai thì chỉ như thân bèo nhỏ bé ở sát mặt nước nhìn lên gương sen. Lúc chưa có được người đẹp thì phải nói như vậy mới có hy vọng chiếm được. Cưới được rồi thì có thể nói ngược lại. Có thể nói những điều rất kỳ: Em không được tích sự gì hết! Nấu nói cơm cũng không chín. Nghe nói ở Paris có một anh chàng Tây muốn cưới một cô Việt Nam. Đến nhà cô nàng, anh chàng khen: Trời ơi, nhà em đốt nhang sao mà thơm quá! Đến khi cưới rồi, thì: Đốt nhang làm gì mà đốt mãi thế? Ngộ quá! Làm dơ trần nhà hết trơn! Anh chàng của chúng ta đang ở giai đoạn chưa chiếm hữu được thành ra rất dễ thương: 'Tiện đây xin một hai điều, Đài gương soi đến dấu bèo cho chẵn?'

*Ngân ngữ nàng mới thưa rằng:
'Thói nhà băng tuyết chất hằng phi phong'³⁴
'Dù khi lá thắm chỉ hồng,³⁵
'Nên chẵn thì cũng tại lòng mẹ cha.
'Nặng lòng xót liêu vì hoa,
'Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa!'*

Đó là cách trả lời của con gái ngày xưa. Dầu bằng lòng rồi đi nữa cũng phải nói: 'Em không biết. Cái đó anh hỏi ba má em.' 'Thói nhà băng tuyết, chất hằng phi phong' là gia đình sống một nếp sống truyền thống, giản dị, khỏe mạnh và đạo đức.

*Sinh rằng: Rày gió mai mưa,
'Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi!*

Vô thường lắm cô ơi! Có mấy cơ hội may mắn như ngày hôm nay:

*'Dù chẳng xét tâm tình si
'Thiệt đây mà có ích gì đến ai?
Chút chi gấn bó một hai,
Cho đành rồi sẽ liệu bài mới manh.*

Nếu em không xét lại mà một mực dù từ chối thì chắc anh sẽ chết mất! Thiệt thôi cho anh mà chẳng có ích lợi gì cho em đâu! Em bằng lòng đi cho anh an tâm rồi anh sẽ đi tìm người tới làm mới mai hỏi em. Anh chàng này chắc đi học trường luật để ra làm trạng sư được!

*'Khuôn thiêng dù phụ tác thành.
'Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.*

Nếu trời không cho anh cưới được em thì anh sẽ chết. Anh thề sẽ không cưới ai nữa hết. Tuổi trẻ của anh coi như là bỏ đi. Sinh mạng anh tùy thuộc vào em. Em nói “Yes” thì anh sống, mà nói “No” thì anh chết. Ghê không? Những chàng sinh viên thời này chưa chắc nói được như vậy!

*Lượng xuân dù quyết hẹp hòi.
Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru!*

‘Em không tội nghiệp anh sao? Mấy tháng nay anh không ăn, không ngủ, không học, không đàn, không pha trà, không viết lách. Ôm tong teo. Mở cửa sổ suốt ngày đêm để nhìn qua như vậy thôi...’ Đó là tất cả những điều mà người con trai có thể nói. Nói như vậy thì làm sao Kiều có thể từ chối được? Nhất là Kiều đã có nội kết sẵn rồi.

*Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng.³⁶
Rằng; ‘Trong buổi mới lạ lòng,
'Nể lòng có lẽ cảm lòng cho đang!*

Có một giây phút gọi là giây phút thua trận. Kháng chiến đã thất bại. Mặt trận đã vỡ. Thành trì đã bị quân địch phá đổ rồi!

'Đã lòng quân tử đã mang,

‘Một lời vàng tạc đá vàng thủy chung.’

Như vậy là trận đánh đã kết thúc. Ngày xưa ông Vương có nói với bà Vương như vậy không? Chắc cũng na ná như vậy chứ gì!

*Được lời như cởi tấm lòng,
Giở kim hoàn với khăn hồng trao tay.
Rằng: ‘Trăm năm cũng là đây,
‘Của tin gọi một chút này làm ghi.’
Sẵn tay khăn gấm quạt quỳ,
Với cành thoa ấy tức thì đổi trao.*

Trao đổi tặng phẩm để cụ thể hóa mối tình, làm tin sự đính ước.

*Một lời vừa gắn tất giao,
Mái sau dường có xôn xao tiếng người.*

Có tiếng người đi tới.

*Vội vàng lá rụng hoa rơi,
Chẳng về viện sách nàng dòi lâu trang.*

Không có cách gì để có thể viết hay hơn nữa. Hai người đang gặp nhau, nghe tiếng động vội vàng xa nhau. Một bên là hoa, một bên là lá. Hình ảnh ‘lá rụng hoa rơi’ hay ở chỗ rất nhẹ nhàng không ai biết.

---o0o---

TỪ PHEN ĐÁ BIẾT TUỔI VÀNG

*Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng thắm thía dạ càng ngẩn ngơ.*

Hay câu rất hay. Rất đúng chân lý. Trước kia thắm yêu, trộm nhớ, khổ và thiếu nhau thiệt. Tưởng gặp được nhau, nói được những lời thương yêu, hứa hẹn với nhau thì đỡ khổ. Ai dè sau đó thì càng nhớ, càng khổ, càng thiếu nhau thêm. Ở xa, mình tính bỏ ra ba trăm quan nói chuyện điện thoại với người kia, nghĩ rằng nói xong thì thương nhớ nhẹ bớt. Ai dè, nói xong lại càng thấy xôn xao và nóng nảy, bồn chồn hơn. Cái mà mình tưởng sẽ làm cho mình thỏa mãn, hết khổ lại làm cho mình khát khao, khổ sở nhiều lần.

Đây là một sự thực, được nói ra không phải từ Kinh điển mà từ kinh nghiệm của người đời. Nói kinh nghiệm chứ không phải là thuyết pháp. Giá trị của sự thực này không thua gì giá trị của một câu Kinh.

*Sông Tương một dải nông sờ,
Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.*

Đây là hai câu lấy ý đoạn thơ trong Tình Sử:

*Quân tại Tương giang đầu,
Thiếp tại Tương giang vĩ
Tương tư bất tương kiến
Đồng âm Tương giang thủy.*

(Chàng ở đầu sông Tương, Thiếp ở cuối sông Tương, nhớ nhau mà không thấy mặt nhau, {dù} cùng uống nước sông Tương). Làm sao mà gặp được nhau hoài hoài, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút? Một lần là đã quá may mắn rồi!

---o0o---

NGÃM CƠ HỘI NGỘ ĐÃ ĐÀNH HÔM NAY

*Lần lần ngày gió đêm trăng,
Thưa hồng rậm lục đã chùng xuân qua.*

Màu hồng ít đi, màu lục nhiều hơn. Mùa Xuân đã nhường chỗ cho mùa Hè.

*Ngày vừa sinh nhật ngoại gia,
Trên hai đường dưới nữa là chị em.
Tưng bừng sắm sửa áo xiêm,
Biện dâng một lễ xa đem tác thành.*

Gia đình Thúy Kiều về bên ngoại ăn sinh nhật. Kiều ở nhà, cố nhiên là cô lấy cớ: ‘Con nhúc đầu. Con xin ở nhà.’ Đây là cơ hội để đi gặp anh chàng.

*Nhà lan thanh vắng một mình,
Ngẫm cơ hội đã đành hôm nay.*

*Thời trân thức thức sẵn bày,
Gót sen thoan thoát dạo ngay mái tường.*

Kiều nấu vài món thật ngon, chạy ra chỗ hai người đã gặp và thề thốt. Thời trân là những món ăn trong mùa. Mùa nào có thức ăn mùa đó. Ví dụ mùa Xuân có rau tía tô, kinh giới (thì làm xuân quyet), màu hè có rau xà lách, bông bí...; Những món ăn trong mùa thì tươi và ngon (thời trân). Không nhằm mùa mà mua ăn (hay ăn đồ hộp) thì không ngon nữa. Một thi sĩ Việt Nam trong nhóm Xuân Thu Nhã Tập có câu; *Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà*. Bốn mùa đi ngang qua đáy đĩa theo nhịp của sông và biển. Mùa nào ăn món ngon của mùa đó, chỉ có ý ấy mà nói một cách rất 'điệu',

*Cách hoa sẽ dặng tiếng vàng,
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông.*

Cô nàng vừa đang háng một cái thì đã thấy anh chàng đứng sẵn ở bên kia rồi. Làm sao anh ta biết nhà bên kia hôm nay đi ăn sinh nhật bên ngoài mà đứng chờ? Thiệt là tài tình! Thật ra cả ngày anh có làm ăn được gì đâu, suốt ngày chỉ nhìn qua bên này, chờ đợi thôi mà. Và bây giờ anh chàng trách:

*Trách lòng hờ hững với lòng,
'Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu.
'Những là đắp nhớ đời sâu,
'Tuyệt swong nhuộm nửa mái đầu hoa râm.'*

Anh chàng cường điệu hóa! Mới có hai mươi mấy tuổi đầu làm sao mà tóc bạc được.

*Nàng rằng: 'Gió bắt mưa cầm,
'Đã cam tộ với tri âm bấy chầy.
'Vắng nhà được buổi hôm nay,
'Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng!*

Hai chữ lòng được sử dụng rất khéo. Đáp lại tấm lòng bằng một tấm lòng. Khi viết truyện Am mây Ngủ tôi cũng bắt chước cách nói của cụ Nguyễn Du: *'Tác giả đã lấy lòng của một thiên sư để hiểu lòng của một thiên sư (Trúc Lâm Đại Sĩ).'*

Bây giờ Kiều đi vòng theo hòn non bộ, thấy cuối tường có một cái lỗ có thể đi chui vừa được rào lại.

*Lần theo núi giả đi vòng,
Cuối tường dường có ngõ thông mới rào.
Xấn tay mở khóa động đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên Thai.*

Xé rào, chui lỗ tường qua gặp nhau mà nói rất văn hoa.

*Mặt nhìn mặt càng thêm tươi,
Bên lời vạ phúc bên lời hàn huyên.³⁷
Sánh vai về chốn thư hiên,
Góp lời phong nguyệt nặng nguyên non sông.³⁸*

---o0o---

KHÔNG GIAN TRONG BỨC HỌA

*Trên yên bút giá thì đồng,
Đạm thanh một bức tranh tùng treo trên.³⁹*

Thi đồng là cái hộp đựng những bài thơ mới làm. Bút giá là giá gác bút. Ngày xưa tôi nghèo quá, không có cái thi đồng. Nhiều khi làm thơ để rơi rụng, bay đi đâu mất cả. Nhất là khi có ý thơ muốn viết ra lại lấy mấy cái bì thư cũ, viết vào năm bảy câu, sau tưởng là rác đem liệng mất. Rất uổng. Phải mà có cái hộp, làm bài nào cũng bỏ vào đấy, đóng nắp lại thì đỡ quá.

Thấy bức tranh tùng Kim Trọng vẽ, Thúy Kiều khen:

*Phong sương được vẽ thiên nhiên.
Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi.*

Cây tùng mang vẻ hùng vĩ của một bậc trượng phu, chịu đựng được sương tuyết và gió mây. Thúy Kiều khen, không phải khen sơ sơ mà khen hết lòng (mặn khen).

*Sinh rằng: ‘Phác họa vừa rồi,
‘Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.’*

Kim Trọng xin Kiều đề vài câu thơ để bức họa có thêm giá trị. Ý nói: “Nét vẽ của anh đâu có đẹp gì, nhưng nếu em cho vào vài câu thơ thì bức họa có thể bán tới hai ba ngàn đô la. ‘Một bên khen vẽ đẹp, một bên khen thơ hay.’”

*Tay tiên gió tấp mưa sa,
Khoảng trên dùng bút thảo và bốn câu.*

Khoảng trên là lạc khoản. Theo lối họa cổ điển, người ta không bao giờ vẽ choán hết khung vải hay khung tranh mà luôn luôn để không gian trong bức họa. Vì vậy bức họa có thiên vị. Đôi khi người ta vẽ một dòng sông, vài ba cây lau sậy, một con thuyền cắm sào, còn lại phía trên bao nhiêu là trời, bao nhiêu là không gian. Nhìn vào mình thấy trong người rất khỏe. Thấy tu khi vẽ cũng nên vẽ như vậy. Phải có rất nhiều không gian. Khi viết thư cũng nên như vậy. Càng ngắn càng tốt, càng thiên. Liệng bớt được chữ nào tốt chữ đó. Viết một cái thư mà đặc nghị từ trên xuống dưới, người ta nhìn vào sẽ thấy mệt, chưa muốn đọc liền. Viết theo kiểu đánh điện tín; thêm một chữ là phải trả thêm tiền. Khoảng trống trong bức họa (lạc khoản) là chỗ khi gặp người tri kỷ hay giỏi thơ người ta sẽ nhờ đề vào vài chữ. Nếu không có ai thì tác giả tự đề.

---o0o---

NHẢ NGỌC PHUN CHÂU

Kiều rất giỏi. Ngoáy vài cái đã xong ba bốn câu thơ trên lạc khoản. Anh chàng khen liền:

*Khen: ‘Tài nhả ngọc phun châu,
‘Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này!’⁴⁰
‘Kiếp tu xưa ví chưa dày,
‘Phúc nào nhắc được giá này cho ngang!’*

- ‘Em làm thơ như nhả ngọc phun châu! Chắc kiếp trước anh có tu nên kiếp này mới có phước mà được em.’ Không biết kiếp trước chàng Kim đã và tu pháp môn nào?

---o0o---

PHẬN DÀY PHẬN MỎNG

Thúy Kiều đáp lại lời khen của Kim Trọng:

*Nàng rằng: ‘Trộm liếc dung quang,
‘Chẳng sân ngọc bội cũng phường kim môn.⁴¹
‘Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
‘Khuôn xanh biết có vương tròn mà hay?’*

Kiều lo: ‘Anh có phúc đức nhiều trong quá khứ, em thì không. Không biết ông trời có giúp cho cuộc hôn nhân của chúng ta không?’ Vì:

*Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
Có người tướng sĩ đoán ngay một lời:
Anh hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.*

Ông thầy tướng nói: ‘Tất cả những cái tinh anh của con người Thúy Kiều đều lộ ra ngoài hết. Sợ rằng suốt đời cô sẽ khổ.’ Khi có những cái quý, cái hay, người ta phải biết giấu bớt vào bên trong. Anh hoa là cái tinh ba, cái đẹp nhất của con người. Nếu phát tiết ra ngoài hết thì bên trong sẽ không còn gì nữa. Và như vậy sẽ chiêu cảm vào những tai nạn. Những người có hạnh phúc là những người chất chứa được nội dung và nội lực bên trong. Họ không để hết tất cả phát hiện ra ngoài. Những nhà có củi chất nhiều trong kho thì sẽ được ấm suốt mùa đông. Nếu có bao nhiêu củi đều đem ra, đốt hết thì sẽ có lúc lạnh.

*‘Trong người lại ngấm đến ta,
Một dày một mỏng biết là có nên?’*

Thấy một bên (Kim Trọng) phúc dày, một bên (Kiều) phúc mỏng. Kiều phân vân không biết mối nhân duyên của hai người có thể thành tựu được không.

*Sinh rằng: ‘Giải câu là duyên,⁴²
‘Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.’*

Con người đã nhiều lần thắng được số mạng nhờ có ý chí. Đó là lời an ủi của Kim Trọng - Sự tu học và cách sống của mình có thể đổi được số mạng và hoàn cảnh. ‘Trương bát cập số, số bất cập đức’: nếu có đức thì mình có thể thắng được số phận. Đây là một lời khuyên rất hay. Nếu mình có cảm giác là mình không có nhiều phước nhiều, số phận mình sẽ đau khổ thì nên nghe lời khuyên này. Số phận không phải là chuyện quan trọng nhất, bởi vì mình có khả năng chuyển hóa. ‘Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều’. Trong văn hóa Pháp, có khi người ta nói con người sắp đặt nhưng chính Trời quyết định (L’homme propose, Dieu dispose). Ở đây chúng ta thấy một quan điểm khác hơn: Nếu con người có ý chí, muốn chuyển hóa muốn thay đổi thì nhiều khi chuyển được số mạng, chuyển được nghiệp, chuyển được mạng trời.

*‘Vi dù giải kết đến điều,
thì đem vàng đá mà liều với thân!’*

‘Nếu gặp phải những chuyện khó khăn thì chúng ta hãy đem sức mạnh tình yêu của chúng ta mà tranh đấu. Cần chết thì chết. Sợ gì!’

*Đủ điều trung khúc ân cần,⁴³
Lòng xuân phơi phới chén xuân tàng tàng.*

Cô Kiều lo lắng nhưng nếu có người an ủi thì cô trấn tĩnh lại được liền. Mới mấy tháng trước đây, nhờ có mẹ khuyên nhủ, cô yên. Bây giờ, nhờ anh chàng an ủi, cô cũng êm lại. Cô có khả năng vui chơi ngay sau đó. Hai người uống rượu. Họ đâu đã thọ Tam Quy và Ngũ Giới! Không biết Kiều đã uống rượu hay uống trà? Con gái thường không uống rượu. Anh chàng thì chắc chắn là uống rượu. Rượu cúc hay rượu đế, chứ chắc không phải là rượu thuốc đâu!

---o0o---

NGÀY VUI NGẮN CHẴNG ĐẦY GANG.

Giây phút bên nhau của hai người rất ngắn ngủ. Ngày sắp hết, họ sắp phải chia tay. Cụ Nguyễn Du nói một câu đáng cho chúng ta chú ý:

*Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Trông ra ác đã ngâm gương non Đoài.*

Ngày vui là ngày Kim - Kiều được sống cạnh nhau, từ chín giờ sáng đến năm, sáu giờ chiều. Ngày vui nhất trong đời của hai người được diễn tả là ‘*ngắn chẳng đầy gang*’. Lấy không gian mà đo thời gian thì chưa đầy một gang tay. Đây là một câu rất hay trong truyện Kiều, có thể viết lên treo ngay trong thiền viện được. khi vui mà vui không có chánh niệm thì cái vui đi qua rất mau và cũng không thật là vui. Hai người ngồi, nói chuyện và thề bồi từ sáng đến chiều. Cái vui có bao nhiêu đâu! Chưa bằng một gang tay. Nhất là khi họ chưa biết thực tập chánh niệm và an trú trong hiện tại.

*Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng nàng mới kíp dờn song sa.*⁴⁴

Thấy mình qua bên này đã lâu quá trong khi nhà không có ai cũng kỳ, và sợ gia đình về không thấy mình. Kiều đứng dậy từ giã.

---o0o---

BÂY GIỜ RÕ MẶT ĐÔI TA

*Đến nhà vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.
Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm băng lối vừa khuya một mình.*

Về nhà, thấy gia đình chưa về, Kiều tiếc, lại chui tường sang nhà Kim Trọng.

*Nhật thừa gương gioi đầu cành,
Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh hắt hiu.*⁴⁵
*Sinh vừa tựa án thiu thiu,
Dở chiều như tỉnh dở chiều như mê.*

Anh chàng đang ngồi ngủ gục. Không đi nằm đàng hoàng, chàng chỉ ngồi trước bàn học mà ngủ.

*Tiếng sen sẽ động giấc hòe,
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần.*

Câu thơ rất đẹp. Bước chân của Kiều làm xao động giấc ngủ của Kim Trọng. Trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, chàng Kim thấy một nàng tiên bước tới. Anh chàng nghĩ là mình đang nằm mộng:

*Bâng khuâng đỉnh Giáp non Thần,
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.
Nàng rằng: 'Khoảng vắng đêm trường,
'Vi hoa nên phải đánh đường tìm hoa.
'Bây giờ rõ mặt đôi ta,
'Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?'*

'Bây giờ hai đưa gặp nhau, nhìn rõ mặt nhau. Nhưng có thể cảnh này chỉ là cảnh chiêm bao, không có thật'. Dễ sợ! Đây là một trong những câu ghê gớm nhất của truyện Kiều. Nếu đem con mắt của thiền sư mà nhìn thì ta sẽ thấy câu này 'lợi hại' lắm. Có một lần tôi đưa anh Thiệu đi vào rừng. Những đọt lá trong rừng có những đường gân xanh tuyệt vời. Tôi rất thích. Nhìn những tờ lá đó tôi rất hạnh phúc, thấy mình đang sống trong cảnh giới màu nhiệm của pháp thân. Những người đi theo tôi có thể đã không tiếp xúc được. Họ đang lo chuyện ở nhà, công ăn việc làm, tương lai, quá khứ... cho nên khó tiếp xúc được với những màu nhiệm ấy. Tôi dừng lại và hỏi: 'Đây là sự thực hay giấc mộng? Cảnh giới này có thực hay mộng?' 'Người bây giờ nhìn những khóm lá này như nhìn trong một giấc mơ'. Hai người cùng đứng chỗ đó, cùng nhìn những tờ lá đó. Người sống trong mộng, người sống trong sự thật. Sự khác nhau nằm ở chỗ có an trú trong hiện tại, có chánh niệm khi tiếp xúc với cái đẹp của tờ lá hay không. Kiều là một thi sĩ, một người rất nhạy cảm. Cô thấy được cái đẹp, sự quý giá của giờ phút hai người được gặp nhau. Cô cũng thấy đó là chuyện rất mong manh. Cũng vì thấy cái mong manh đó cho nên cô đã liều mạng:

*Nàng rằng: 'Khoảng vắng đêm trường,
'Vi hoa nên phải đánh đường tìm hoa'*

Cô này ghê lắm chứ không phải chơi đâu! Tuy nói là con nhà gia giáo, có nề nếp nhưng chui tường hai lần trong một đêm thì cũng quá thật. Đây là nhân vật của cụ Nguyễn Du, một nhà Nho mô phạm của 'cửa Khổng sân Trình.'

Chúng ta có thể viết lên hai câu: '*Bây giờ rõ mặt đôi ta, biết đâu rồi nửa chẳng là chiêm bao?*' làm thiền ngữ treo trên tường được. Làng Mai là một thực tại hay một giấc chiêm bao? Có thể bây giờ nó đã là một giấc

chiêm bao rồi, nếu mình không biết an trú trong hiện tại, không sống sâu sắc, tận hưởng những giờ phút bên nhau.

*Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen nổi sáp song đào thêm hương.⁴⁶*

Kim Trọng thắp thêm nến mới và đốt thêm hương trầm. Ngày xưa, trước khi ngâm thơ người ta thường tắm rửa sạch sẽ và đốt trầm lên. Nếu có tiếng đàn tỳ bà nữa thì mới đúng là khung cảnh ngâm thơ. Một anh chàng sinh viên điệu như Kim Trọng thì thế nào cũng có một cây đàn, một lư trầm và một đài sen để đốt nến. Ngày xưa, tôi cũng bị ảnh hưởng cái ‘điệu’ đó. Tết nào tôi cũng mua bạch Lạp; thức đợi Giao thừa thắp lên ba bốn cây nến để đọc thơ. Toàn là cổ thi, in trên giấy thật trắng. Đó là cái kiểu thanh tao, sang trọng về phương diện tâm linh của người trước.

*Tiên thề cùng thảo một chương,
Tóc mây một món dao vàng chia đôi.*

Hai người viết lời thề xuống tờ giấy hoa tiên, cắt tóc trộn với nhau rồi chia đôi, mỗi người một nửa. Người trẻ đời bây giờ có người cũng còn làm như vậy.

Hai người viết lời thề xuống tờ giấy hoa tiên, cắt tóc trộn với nhau rồi chia đôi, mỗi người một nửa. Người trẻ đời bây giờ có người cũng còn làm như vậy.

*Vàng trắng vằng vặc giữa trời,
Đình ninh hai miệng một lời song song.
Tóc tơ căn vện tác lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
Chén hà sánh giọng quỳnh tương,
Dải là hương lộn bình gương bóng lỏng.*

Hai người uống rượu, thề nguyện. Bóng trắng chiếu qua bức bình phong có những tấm gương, gió lay bức màn lụa phảng phát mùi hương trầm.

CƠN BÃO ÂM THANH

*Sinh rằng: 'Gió mát trăng trong,
'Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.
'Chày sương chưa nện cầu Lam,
'Sợ làn khân quá ra sạm sờ chãng?*

‘Lâu nay anh ước ao một chuyện mà chưa được. Chúng mình chưa chính thức làm lễ cưới hỏi, nếu anh yêu cầu chuyện đó thì e hơi bất lịch sự.’ Nghĩa chỉ là như vậy thôi mà thơ diễn tả một cách rất điệu.

*Nàng rằng: 'Hồng diệp xích thằng,
'Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri.
'Đừng điếu nguyệt nọ hoa kia,
'Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.'*

‘Hai người đã đồng ý với nhau, hiểu nhau, liên hệ đã sâu sắc. Đừng đi vào chuyện hoa nguyệt thêu. Ngoài chuyện đó ra em không từ chối chuyện gì với anh cả.’ Rất rõ ràng. Anh chàng bèn yêu cầu:

*Rằng: 'Nghe nổi tiếng cầm đàn,
'Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ'⁴⁷*

Cầm trăng là đàn nguyệt (nguyệt cầm, gọi là đàn trăng cũng được). Hai trăm năm trước cụ Nguyễn Du đã cố gắng dùng chữ Nôm để thay thế những chữ Hán. Bây giờ mình dùng văn phạm Việt để niệm Bụt (Nam mô Bụt Thích Ca Mâu Ni) cũng không có gì là cách mạng lắm. Kim Trọng có cử chỉ rất đẹp, hai tay nâng đàn lên ngang mày để đưa cho Kiều. Trang trọng như dâng trà cho Bụt trong thiền trà.

*Nàng rằng: 'Nghề mọn riêng tây,
'Làm chi cho bận lòng này lắm thân!
'So đàn dây vĩ dây vĩ,
'Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.*

Vĩ là dây đàn to, vĩ là dây đàn nhỏ. Có chỗ chú thích ngày xưa đàn có năm dây, sau đó thêm vào hai dây gọi là dây vĩ và dây vĩ. Khi vua Văn Vương bị bắt, con của Văn Vương thêm vào một dây gọi là dây vĩ. Khi Vũ Vương lên làm vua lại thêm một dây gọi là dây vĩ. Trong Kiều thì nói đàn

có bốn dây. Cung thương là hai trong năm âm chánh của âm nhạc thời xưa: Cung, thương, giốc, chủy, vũ.

Tiếp theo là những câu tả cái đẹp của khúc đàn Kiều trình diễn. Nguyễn Du tả Kiều đàn nhiều lần. Lần đầu đàn cho Kim Trọng, lần thứ hai cho Hoạn Thư và Thúc Sinh, lần thứ ba cho Hồ Tôn Hiến, và lần cuối là đàn cho Kim Trọng nghe sau mười lăm năm gặp lại. Mỗi lần như vậy, Nguyễn Du diễn tả một cách khác. Tùy theo tâm trạng của Kiều mà bản đàn biến thể. (Còn có bốn lần đàn khác, Nguyễn Du chỉ nói qua.) Đây là lần đầu tiên, đàn cho Kim Trọng nghe. Cũng là khúc đàn này, Kim Trọng sau mười lăm năm nghe lại không khổ đau, vì trong thân tâm nội kết đã chuyển hóa. Đây là bản đàn, đàn lần đầu tiên:

*Khúc đàu Hán Sở chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Khúc đàu Tư Mã Phụng Cầu,⁴⁸
Nghe ra như oán như sầu phải chăng!
Kê Khang này khúc Quảng Lăng,⁴⁹
Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân.⁵⁰
Quá quan này khúc Chiêu Quân,⁵¹
Nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia.*

Đó là tính chất của bản đàn. Chứa đựng những hình ảnh, tâm sự buồn ai oán. Và đây là tài nghệ của Thúy Kiều, cuốn hút người nghe vào biển âm thanh:

*Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.*

Âm thanh được diễn tả bằng những hình ảnh rất tài tình. Và đây là hậu quả tai hại của bản đàn:

*Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngờ ngẩn sầu.
Khi tựa gối khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc khi chau đôi mày.*

Tâm tư của Kiều có rất nhiều sâu thẳm, đau khổ. Đó là những hạt giống thừa hưởng từ ông bà đời trước. Tâm tư đó, bây giờ được diễn tả qua tiếng đàn. Và người nghe là Kim Trọng cũng bị cuốn hút vào thế giới của sâu khổ. Anh chàng ngồi không yên được để nghe. Tư thế ngồi của anh chứng tỏ anh hoàn toàn bị cơn lốc của tâm trạng Thúy Kiều kéo theo. Văn nghệ lạnh mạnh và văn nghệ không lạnh mạnh rất khác nhau. Đàn hay hát lên một bài hát, mình có thể tạo ra những hậu quả rất lớn trong lòng mình và trong lòng người nghe. Chúng ta cần phải rất cẩn thận. ‘Khi tựa gối khi cúi đầu, Khi vào chín khúc khi chau đôi mày.’ Rất rõ ràng thái độ bất an của Kim Trọng dưới ảnh hưởng của một khúc nhạc có tính cách sâu thương. Văn nghệ rất nguy hiểm. Tôi thường nói với các sư chú, sư cô: hát thì hát, ngâm thơ thì ngâm thơ nhưng phải cẩn thận. Hát và ngâm thơ là một cách tưới tẩm những hạt giống trong lòng mình. Có những hạt giống cần tưới tẩm và có những hạt giống không nên tưới tẩm. Chúng ta có đầy đủ tất cả những hạt giống (nhất thiết chủng thức) cho nên phải cẩn thận. Nhất là khi mình còn yếu. Đừng nên tưới tẩm bằng thi văn những hạt giống sâu đau của mình. Mỗi khi các sư chú, sư cô, các anh, các chị làm được một bài nhạc thanh thoát thì tôi mừng. Nếu trong nhạc có những nét đau buồn thì tôi không mừng lắm. Khi làm ra những nét nhạc đó, chính mình sẽ hát, bạn mình sẽ hát và sẽ tưới lại những hạt giống đau buồn. Và đó là đi ngược lại được lối tu học của chúng ta.

*Rằng: ‘Hay thì thật là hay,
‘Nghe ra ngâm đặng nuốt cay thế nào.
‘Lựa chi những khúc tiêu hao,
‘Đột lòng mình cũng nao nao lòng người?’*

Sau khi đi qua một trận bão của âm thanh rồi, anh chàng nói: ‘Em đàn thì hay thật đó, nhưng sao cay đắng, đau khổ quá chừng! Sao em lại chọn những bản nhạc buồn như vậy? Khi đàn em buồn mà người nghe cũng đứt ruột theo.’ Anh chàng cũng thẳng thắn lắm, chứ đâu phải chỉ biết khen mà thôi đâu. Ý anh chàng là: ‘Em nên sáng tác lạnh mạnh hơn. Nghe thêm một lần nữa chắc anh sẽ chết quá!’ Chúng ta thấy rõ, anh chàng có hạt giống của sự lạnh mạnh trong tâm. Khi trong lòng có sự lạnh mạnh mình sẽ không đau khổ nhiều như người có chủng tử khổ đau lớn. Vì có nhiều chủng tử của khổ đau, người kia sẽ đi qua mười lăm năm rất đau thương. Nếu mình đau khổ thì cũng là đau nỗi đau của người kia vì đời mình dính vào đời người kia. Truyện Kiều không phải là Kinh nhưng nhìn với con mắt quán chiếu thì bất cứ chuyện nào cũng thành Kinh hết.

Đây là lời đáp của Kiều:

*Rằng: ‘Quen mất nét đi rồi,
‘Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao!’*

Đây là nói về *tập khí* mà Kiều không biết. *Quen mất nét đi rồi* có nghĩa là lâu nay nàng chỉ chơi nhạc đó, sáng tác theo đường lối đó. Nói theo danh từ Duy Thức là tập khí (habit energy). Tập khí có thể được hình thành từ hồi thơ ấu hoặc được trao truyền từ những thế hệ trước. Ở đây chúng tử được truyền cho Kiều chứ không phải cho Vân hay Quan. Và Kiều tưởng lầm: ‘Trời sanh em ra như vậy thì em như vậy.’ Trời sanh là một cách cắt nghĩa khi chúng ta không hiểu nguyên lý chúng tử trong Duy Thức. ‘*Tẻ vui âu cũng trời biết sao!*’ Nói như vậy là không đúng. Nếu học Duy Thức thì ta biết rằng tất cả những tập khí tẻ hay vui đều là vấn đề chúng tử cả. Chúng tử bản hữu và chúng tân huân. Hai câu: ‘*Rằng: ‘Quen mất nét đi rồi, Tẻ vui âu cũng trời biết sao!’*’ có thể được đem ra giảng theo Duy Thức Học thành một cuốn sách.

*‘Lời vàng vâng lĩnh ý cao,
‘Họa dần dần bớt chút nào được không.*

Cô không tin tưởng lắm là mình có thể thay đổi được tính khí của mình: ‘ Anh nói như vậy thì em xin nghe lời anh. Em sẽ cố gắng, hy vọng sẽ bớt buồn chút xíu.’ Hứa như vậy thôi. Người có tu biết rất rõ cái gì cũng do chúng tử mà ra cả. Nếu biết cách tưới và không tưới các hạt giống thì có thể thay đổi được tập khí. Ở đây Kiều không biết điều đó vì chưa học sách *Duy Thức Tam Thập tụng*.

*Hoa hương càng tỏ thức hồng,
Đầu mày cuối mắt càng nồng tằm yêu.*

Sau khi hai người đã đi qua một trận bão tố của âm thanh rồi thì họ yếu hơn trước. Đây là một sự thật. Người chơi nhạc và người nghe nhạc bây giờ đều yếu hơn. Dáng điệu và cái nhìn của họ càng biểu lộ sự quân quít say mê. Con bão tố vừa mới đi qua là cơn bão tố của âm thanh. Những ngọn gió đã khơi dậy những đợt sóng trong lòng người (sóng tình). Đương sự không còn đủ sức đứng vững, như một con thuyền đang đi trong đại dương bỗng nổi lên một ‘*trận cuồng phong*’ hay một ‘*loài thủy quái*’⁵²

Sóng tình dường đã xiêu xiêu,

Xem trong âu yếm có chiều lả lơi.

Âu yếm là thương yêu gần gũi, vẫn còn có thể ở trong vòng lễ giáo. *Lả lơi* thì có sự không chính đính, tức là đã có yếu tố phi lễ ở bên trong. Cách ngồi, cử chỉ, con mắt đã biểu lộ một cái gì không hoàn toàn đi đúng theo lễ giáo nữa, kết quả của sóng tình đã lên quá cao. Đó là những giây phút khó. Những giây phút đó, nếu là người tu thì mình biết phải làm gì: nắm lấy hơi thở. Thầy A Nan trong giây phút đó đã biết ngồi trở lại, tập thở. Anh chàng Kim Trọng đâu đã được học *Kinh An Ban Thủ Ý!*

---o0o---

THƯA RẰNG: ‘ĐỪNG LẤY LÀM CHƠI’

Thúy Kiều là một cô gái rất thông minh. Cô cũng bị sóng tình làm cho xính vính, nhưng Kiều còn biết giữ mình. Lý trí của Kiều chưa bị chìm đắm. Kiều nói:

*Thưa rằng: ‘Đừng lấy làm chơi,
‘Để cho thưa hết một lời đã nao!’*

- ‘Tình thương của hai chúng ta không phải là một trò chơi. Chúng ta sẽ đi đến sự kết hợp vợ chồng. Một trăm năm sống với nhau không phải là chuyện nhất thời. Vậy anh hãy để em nói một lời này đã.’

*‘Về chi một đóa yêu đào,
Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.*

Vườn hồng không có ý định ngăn không cho chim xanh bay vào. Nhưng:

*‘Đã cho vào bạc bó kinh,⁵³
‘Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu.
‘Ra tuồng trên bệ trong dâu,⁵⁴
‘Thì con người ấy ai cầu làm chi!*

Đây là luân lý cổ truyền của chúng ta. Làm con gái đi lấy chồng là một cái Đạo. Người con gái phải giữ trinh tiết. Nếu không bản thân cô sẽ đánh mất sự tự trọng. Người bạn phôi ngẫu của cô sẽ không tôn trọng cô nữa và

hạnh phúc lúa đôi sẽ bị sút mẻ. Phải cẩn thận giữ gìn. Cô Kiều đã được học điều này nên gượng lại được và đã nói với anh chàng như vậy. Giữ gìn là giữ gìn cho cả hai người. *'Giữ gìn cho tôi và giữ gìn cho anh'* như lời bài hát Hồ Trì Sáu Căn, chứ không phải là tôi chỉ giữ gìn cho tôi thôi. Truyện Kiều không phải là Kinh nhưng nhìn tới đâu chúng ta cũng có thể thấy Kinh cả.

*'Phải điều ăn xối ở thì,
'Tiết trăm năm nữ bỏ đi một ngày!*

Ăn xối ở thì là không đợi cho đến chín đã tiêu thụ trước. Chuối chưa chín mà chặt xuống đem dú, lúa chưa chín mà đã gặt vào. Chỉ biết hưởng thụ ngay trong hiện tại thôi, và trong khi hưởng thụ như vậy thì phá tan hạnh phúc của tương lai. Hạnh phúc trăm năm dài lâu, bền vững mà nữ làm cho tan nát đi vì không cẩn thận trong một giây lát.

*'Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
'Lúa đôi ai lại đẹp tà Thôi Trương
'Mây mưa đánh đổ đá vàng,
'Quá chiều nên đã chán chường yếm anh.*

Kiều đưa ra ví dụ của Thôi - Trương để Kim Trọng thấy cô đang bảo vệ hạnh phúc của hai người chứ không phải muốn từ chối Kim Trọng. Ngày xưa nàng Thôi Oanh Oanh và chàng Trương Cung là hai người đẹp và có tài, xứng đôi vừa lứa. Nhưng vì họ không giữ gìn nên tình yêu của họ tan vỡ. Mây mưa đánh đổ đá vàng: những điều thiếu lễ giáo phá tan hạnh phúc và tình nghĩa vợ chồng. Đá vàng bị đánh đổ, cuộc tình duyên bất thành là vì trong giây phút sóng tình xiêu xiêu đã không ai biết dừng lại cả.

*'Trong khi chấp cánh liền cành'⁵⁵
'Mà lòng rẽ rúng đã dành một bên.
'Mái Tây để lạnh hương nguyên,⁵⁶
'Cho duyên đắm thắm ra duyên bề bàng.*

Người đàn bà giữ là giữ cho hai người. Đó là cách hành xử của người đàn bà Á Đông. Nếu người con gái không giữ gìn trong những giây phút khó giữ thì sau này trong lòng người con trai sẽ có cảm tưởng rẽ rúng, không kính phục. Không nói ra nhưng trong lòng anh ta không phục hoàn toàn. Tình yêu ban đầu rất đắm thắm mà sau trở nên nhạt nhẽo, bề bàng. Tất cả là vì người con gái không biết giữ gìn trong giờ phút khó.

*'Gieo thoi trước chẳng giữ giàng,
'Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?
'Vội chi liễu ép hoa nài,
'Còn thân ắt lại đền bồi có khi!''*

Kiều lấy thêm tích gieo thoi để khuyên Kim Trọng: Ngày xưa Tạ Côn mê một người con gái dệt vải. Anh ta đi quá đà, chinh phục cô gái một cách không đoan trang lắm và bị cô gái cầm thoi dệt liệng trúng miệng, gãy mất hai cái răng cửa. Nhưng mà lạ, anh chàng vẫn trở lại cầu hôn. Anh đã học một bài học đích đáng và rất phục cô nàng. Sau này hai người cưới nhau. Hai cái răng là kỷ niệm rất đẹp. Cô nàng đã chứng tỏ có sự tự trọng và bảo vệ được giá trị của người con gái. Tuy mạnh nhưng là giải pháp hay. Anh chàng biết đây là cô gái rất mẫu mực và do đó không có nội kết. Ngày xưa nếu có nha sĩ thì chữa hai cái răng đó cũng dễ. Cưới anh chồng mất hai cái răng cửa thì cũng hơi rầu.

*Thấy lời đoan chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.*

Nghe Kiều nói, Kim Trọng rất nể.

*Bóng tàu vừa lạt vẻ ngân,
Tin đâu đã thấy cửa ngăn rọi vào.
Nàng thì vội trở buông thêu,
Sinh thì dạo gót sân đào bước ra.*

Có người gọi cửa. Thúy Kiều đi chui về nhà; Kim Trọng ra ngoài xem ai tới. Như vậy là kết thúc cuộc gặp gỡ của hai người ở nhà Kim Trọng.

Cách hành xử của Kim, Kiều trong đoạn vừa đọc là cách hành xử của ngày xưa. Các thiếu niên bây giờ nghe sẽ phản ứng ra sao? Tuổi trẻ Tây phương sẽ cười. Tuổi trẻ Việt Nam bị ảnh hưởng Tây phương cũng sẽ cười. Các thiếu nữ thời đại này có người không nghĩ và không làm như vậy. Đứng về phương diện tư tưởng, họ không nghĩ như Kiều đã đành; mà đứng về phương diện bản lãnh hành động, họ cũng không có bản lãnh để có thể làm được như vậy. Dầu có cho chuyện này là đúng họ cũng làm không được. Một trong những lý do họ nêu ra: 'Hai bên đã cam kết với nhau rồi, cần gì phải giữ gìn nữa? Quan niệm trinh tiết này xưa quá!' Họ sẽ nói như vậy. Và một lý luận khác của họ. 'Đứng về phương diện tâm lý thì mình đã thương yêu nhau thật rồi. Nhưng đứng về phương diện sinh lý thì không biết hai đứa

có phù hợp chăng? Hạnh phúc đã đành là sự đi đôi nhịp nhàng giữa tâm lý. Nhưng cũng phải có sự đi đôi nhịp nhàng giữa sinh lý nữa!’ Vì vậy, về tâm hồn họ biết là họ hợp với nhau, và họ thử luôn về thân xác xem có hợp hay không rồi mới ký giao kèo. Đó là kiểu bây giờ. Ở đây, chúng ta không tổ chức pháp đàm về chuyện này. Chúng ta chỉ nêu ra để biết rõ. Sau này, hướng dẫn tuổi trẻ, quý vị sẽ phải đương đầu với những câu hỏi như vậy.

Cổ nhiên trong nền đạo đức cổ truyền có những châu ngọc. Làm thế nào để sử dụng được những châu ngọc đó thì mới hay. Còn nhân danh đạo đức cổ truyền để ngăn cấm thì chắc sẽ không thành công. Chúng ta cần trình bày như thế nào để tuổi trẻ thấy được trong nền đạo đức cổ truyền có những nguyên tắc hành xử bảo đảm được hạnh phúc trong tương lai. Chúng ta phải thấy được những gì đang xảy ra trong hiện tại. Chỉ cho các cháu thấy những đau khổ và thất bại xung quanh, ngay trong thời đại các cháu thì họa may tuổi trẻ mới thấy được giá trị của những châu báu trong nền văn hóa cổ truyền. Người trẻ có tiếp nhận được di sản văn hóa của họ hay không, đó là tùy thuộc hình thức và cách giải thích của chúng ta. Nếu cách của chúng ta xưa quá, không chuyên chở được sự hiểu biết về tâm lý và những vấn đề của thời đại thì dầu đạo lý cổ truyền có hay cách mấy cũng vô ích. Tuổi trẻ không theo thì chịu thôi!

---oOo---

THIÊN ĐƯỜNG HẠNH PHÚC

Thời gian hạnh phúc bên nhau của Kim-Kiều rất ngắn ngủi. Chỉ độ khoảng một ngày. Lần đầu tiên gặp nhau thật trớ trêu: Anh chàng đứng trên nấc thang cao nhìn xuống, cô nàng ở dưới thấp. Nói đi nói lại vài câu, chắc đó mười, mười lăm phút là nhiều. Mười lăm phút hạnh phúc, nhưng cả hai cũng run thấy trời! Gặp gỡ bất hợp pháp cho nên mái sau vừa có tiếng người là ‘*vội vàng lá rụng hoa rơi*’ ngay. Mười lăm phút rất mong manh. Lần gặp thứ hai là ngày gia đình Thúy Kiều về ăn sinh nhật bên ngoài. Trước khi sang với Kim Trọng. Kiều đã nấu vài món ăn đem qua cho anh chàng. Không biết họ có ăn hay không hay là họ đã để cho nguội? Tôi nghĩ rằng chưa bao giờ Kim Trọng được ăn những món đó. Vì theo những diễn tiến của truyện thì anh chàng không có hội để ăn. Thúy Kiều đem thức ăn sang. Hai bên gặp gỡ, nói chuyện. Thúy Kiều làm thơ đề lên bức tranh tùng của Kim Trọng. Nói chuyện phận dày, phận mỏng. Thấy chiều, Thúy Kiều về; đến nhà thấy gia đình chưa về, Kiều tiếc, chui qua trở lại. Có tin báo chú của

Kim Trọng mất và Kim phải về hộ tang. Sự chia cách xảy ra ngày trong tối hôm đó. Và hai người xa nhau mười lăm năm. Hạnh phúc rất mong manh, ngắn ngủi. Lần đầu gặp nhau mười lăm phút, lần thứ hai được gần một ngày. Gần một trăm câu thơ nói về chuyện tình của hai người, nhưng tất cả chỉ xảy ra mười hai giờ đồng hồ là nhiều. Và cả hai bên sẽ mang theo những nội kết được gieo và tưới trong mười hai giờ đồng hồ đó suốt mười lăm năm. Từ đây về sau là những nổi lên đênh sóng gió, đau khổ của nàng Kiều.

Người ta có thể đã không đem thời gian ra đo như chúng ta, nhưng chúng ta cũng cần đo để biết. Từ khi gặp ba chị em đi chơi mùa xuân, Kim Trọng nhớ về Thúy Kiều. Đi kiếm, buồn nhớ, ốm o, học hành không được... kéo dài hai tháng rưỡi, ba tháng. Thời gian đó đâu có hạnh phúc gì! Leo lên cái thang, gặp được Thúy Kiều và được Kiều nói ‘OK’ rồi, sau đó cũng đâu có vui sướng gì! lại phải chờ lâu lắm mới có dịp gia đình Kiều đi ăn sinh nhật bên ngoại, và cái dịp ‘may’ này xảy ra khoảng từ chín giờ sáng đến mười giờ tối. Mười hai tiếng đồng hồ là tối đa. Trong mười hai tiếng đồng hồ đó, hai người đã sống những giây phút rất mãnh liệt (intense), đầy cảm xúc. Và sau này là mười lăm năm lưu lạc, tràn đầy những đau khổ xót xa. Kim Trọng tuy không đến nỗi khổ như Kiều nhưng trong tâm luôn tưởng đến người con gái đó và đau khổ. Chúng ta thấy không có hạnh phúc thật trong mối tình đó. Tâm con người không an. Thiếu cái gì thì đi tìm cái đó. Chưa kiếm được thì chưa an tâm. Lúc có hạnh phúc thì không biết rằng mình đang có hạnh phúc. Hạnh phúc mất rồi mới biết là mình đã có nó. Thời gian hạnh phúc nhất của Thúy Kiều là từ nhỏ đến năm mười sáu tuổi, trước khi gặp chàng Kim. Thời gian đó là thiên đường, nhưng cô đâu biết đó là hạnh phúc. Bị mũi tên tình ái cắm vào tim rồi thì mất hạnh phúc. Từ đó về sau chỉ toàn là những vết thương đau khổ mà thôi. Thiên đường hạnh phúc có đó mà mình không tiếp xúc được. Mình đi tìm một cái khác. Cái khác đó, là thế giới đau khổ. Mình tưởng rằng chạm được vào cái đó là chạm được hạnh phúc. Nhưng sự thật không phải như vậy. Truyện Kiều là một câu chuyện thôi, nhưng nó đại diện cho biết bao sự thật đã xảy ra trong cuộc đời.

---o0o---

CHƯA VUI SUM HỌP ĐÃ SÀU CHIA PHÔI

*Cửa sài vừa ngỏ then hoa,
Gia đồng vào gửi thư nhà mới sang
Dem tin thúc phụ từ đường,
Bỏ vơ lữ thấu tha hương để huê.*

*Liêu Dương cách trở sơn khê,
Xuân đường kịp gọi sinh về hộ tang.*

Chú của Kim Trọng mất, đang được quản tại Liêu Dương, rất xa nhà. Cha của Kim Trọng gọi chàng về gấp để lo việc tống táng.

*Mảng tin xiết nỗi kinh hoàng,
Băng mình lén trước đài trang tự tình.
Gót đầu mọi nỗi đình ninh,
Nỗi nhà tang tóc nỗi mình xa xôi:*

Kim Trọng đi báo tin cho Kiều biết. Và đây là những lời dặn dò của chàng Kim:

*‘Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
‘Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.*

Hai người chưa được nói chuyện, chưa được bộc lộ cho hết tâm tình và chưa được mai mối đính hôn chính thức. *Đôi hồi* là nói cho đã. Thật ra, nếu có nói thêm hai, ba tuần nữa chắc cũng không bao giờ đã. Phải vậy không?

*‘Trăng thê còn đó tro tro,
‘Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng.
‘Ngoài nghìn dặm chốc ba đông,
‘Mối sâu khi gỡ cho xong còn chầy!*

‘Anh sẽ không quên lời thê. Nỗi buồn xa cách này, gỡ cho ra khỏi trái tim anh chắc cũng còn lâu lắm’. *Mối sâu khi gỡ cho xong còn chầy*. Đây là sự thật!

*‘Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
‘Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.’*

‘Muôn cho người đi xa được an tâm thì em phải săn sóc, giữ gìn thân em cho đàng hoàng.’ Văn tuy cổ nhưng ý thì cũng giống hệt như ý người thời bây giờ.

*Tai nghe ruột rối bời bời
Ngập ngừng nàng mới giải lời trước sau:*

Tội nghiệp! Thúy Kiều chẳng qua là một cô bé mới lớn lên, đâu đã có nhiều kinh nghiệm về cuộc đời. Vừa mới học thương, mới thề bồi xong đó thì bây giờ đã bị rơi vào hố thẳm của sự xa cách.

*‘Ông tơ ghét bỏ chi nhau,
‘Chưa vui sum họp đã sâu chia phôi.
‘Cùng nhau trót nặng đã nặng lời,
‘Dầu thay mái tóc dám dời lòng tơ!
‘Quản bao tháng đợi năm chờ,
‘Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thâm.
‘Đã nguyện hai chữ đồng tâm,
‘Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.
‘Còn non còn nước còn dài,
‘Còn về còn nhớ đến người hôm nay!’*

Người nào cũng lo cho người kia và thề nguyện phần mình. Hai bên nói được có mấy câu là phải chia tay. Phải đi liền lập tức.

*Dùng dằng chưa nỡ rời tay,
Vàng đồng trông đã đứng ngay nóc nhà.
Ngại ngừng một bước một xa,
Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.
Bước yên quảy gánh vội vàng,
Mối sầu xẻ nửa bước đường chia hai.*

Lời trân trọng là lời chào khi chia tay. Trong thiên môn cũng có dùn: *‘Xin sư huynh giữ gìn lấy thân tâm.’*

*Buồn trong phong cảnh quê người,
Đầu cành quỳn nhật cuối trời nhận thua.
Nỗi người cũ gió tuàn mưa,
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.*

Đây là tâm trạng của người đi. Đường thì ngàn dặm. Tới đâu kia thì đâu có gì hấp dẫn: chỉ có một xác chết thôi. Lại phải xa người mình thương rất lâu. Đi như vậy trong lòng nát như tương. *‘Đầu cành quỳn nhật cuối trời nhận thua’* cho biết Kim Trọng ra đi vào độ cuối hè, sang thu.

Chúng ta sẽ đọc và sẽ thấy được nỗi khổ của cô nàng. Ghê gớm gấp trăm ngàn lần anh chàng. Những tai nạn lớn xảy ra cho gia đình Thúy Kiều. Cuộc đời lưu lạc của Thúy Kiều bắt đầu từ đó.

---o0o---

CHỈ THIẾU MỘT CHÚT XÍU

Tai nạn lớn xảy ra cho gia đình Thúy Kiều ngay đêm hôm đó. Mười lăm năm luân lạc của Thúy Kiều có thể đã không xảy ra nếu Kim Trọng ở lại thêm vài giờ. Kim là sinh viên con nhà giàu; chàng có thể xoay sở giúp chuộc cha của Kiều ra khỏi hoàn cảnh oan ức. Nhưng chàng Kim đã từ giã ra đi. Và chỉ nội trong nửa giờ đồng hồ sau, tai họa ập tới trên đầu Kiều. Tất cả đều được quyết định bởi những nhân duyên dồn dập xảy tới. Chỉ thiếu một chút xíu nhân duyên thuận lợi thôi mà đã xảy ra bao nhiêu là đau khổ cho nàng Kiều. Chính Kim Trọng, gần cuối truyện, đã nhắc đến điều này:

*Rằng: ‘Tôi trót quá chân xa,
Để cho đến nỗi trôi hoa dạt bè.*

Chỉ vì chàng Kim vắng mặt trong giây phút quan trọng đó mà đã xảy ra mười năm luân lạc của nàng Kiều.

----o0o---

BÈO DẠT MÂY TRÔI

SAO CHO CỐT NHỤC VỆN TOÀN

Sau khi Kim Trọng đi rồi:

*Nàng còn đứng tựa hiên tây,
Chín hồi vẫn vít như vậy mỗi tơ.
Trông chừng ngói ngất song thưa,
Hoa trôi giạt thắm liễu xơ xác vàng.*

Người đi cũng khổ mà người ở lại cũng khổ. ‘Hoa trôi giạt thắm liễu xơ xác vàng’ là cảnh vật xung quanh mà cũng chính là tâm trạng của Thúy Kiều.

Tàn ngàn đạo gót lâu trang,

Một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về.

Gia đình Thúy Kiều vừa đi sinh nhật bên ngoại về. Tai nạn ập tới:

*Hàn huyền chưa kịp giã giề,
Sai nha bỗng thấy bốn bề xô xao.⁵⁷
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi.
Già giang một lão một trai,⁵⁸
Một dây vô loại buộc hai thâm tình.*

Cha và em trai Kiều bị đóng gông và trói chung lại với nhau. Những người đàn bà được để tự do, vì trong xã hội ngày xưa, đàn ông chịu hết trách nhiệm về tất cả mọi chuyện xảy ra.

*Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,
Rụng rơi khung dệt tan tành gói may.
Đồ tế nhuyễn của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham.*

Lấy cổ tang vật chứng có để cướp của. Cụ Nguyễn Du gọi loại sai nha này là ruồi xanh.

*Điều đâu bay buộc ai làm,
Này ai đang giậm giật giàm bỗng dung?⁵⁹
Hỏi ra mới biết rằng:
Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ.*

Thấy thằng bán tơ và bạn của nó có vẻ dễ thương nên ông hàng xóm nhà họ Vương cho ở lại giúp việc. Ông không biết bọn này đã từng làm ăn cướp. Chính viên ngoại, cha của Thúy Kiều, cũng đã từng ngồi uống rượu với thằng bán tơ, tưởng nó là người lương thiện. Cảnh sát tìm ra bọn cướp và họ khai cho gia đình Kiều. Bây giờ sai nha lấy cớ đi bắt người để vào ăn cướp nhà Vương viên ngoại. Cảnh này thường xảy ra ở miền quê, nếu không có thế lực thì không thể nào tránh khỏi. Tai nạn xảy ra cho gia đình Kiều chứng tỏ sự tham nhũng trong xã hội thời đó.

*Một nhà hoảng hốt ngăn ngõ,
Tiếng oan dậy đất án ngờ lò mây.
Hạ từ van lạy suốt ngày,
Điếc tai lân tuất phũ tay tôi tàn.*

Mặc cho ba người đàn bà lạy lên lạy xuống kêu oan, bọn sai nha vẫn làm ngơ, đánh đập Vương viên ngoại và Vương Quan tàn nhẫn. Tai lân tuất là tai xót thương, những người đến bắt bớ, vợ vét nhà Kiều cũng có lỗi tai này nhưng họ đóng chặt làm như điếc. Khác với sự thực tập: ‘Con xin tập lắng nghe bằng lỗi tai xót thương; của chúng ta.

*Rường cao rút ngược dây oan,
Dấu là đá cũng nát gan lọ người!
Mặt trông đau đớn rụng rời,
Oan này còn một kêu trời nhưng xa!
Một ngày lạ thói sai nha,
Làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền.*

Vì lòng tham mà họ hành hạ người ta như vậy. Kiều không thấy một giải pháp nào để cứu cha và em ngoài giải pháp hồi lộ. Bởi vì họ: ‘*làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền.*’ Phải có tiền thì họ mới chịu tha. Thúy Kiều đi tới một quyết định lớn, thay đổi hoàn toàn cuộc đời mình và đồng thời phải phụ bạc người yêu.

*Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến từng quyền biết sao?
Duyên hội ngộ đức cù lao
Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn?*

Duyên hội ngộ là mối tình với Kim Trọng. Đức cù lao là ơn sinh dưỡng khó nhọc của cha mẹ. Trong lòng Kiều có một sự xâu xé lớn. Muốn giữ vẹn lời thề với người yêu thì phải để cho cha mẹ đau khổ; còn nếu bán mình chuộc cha thì phải phụ tình người yêu mà mình vừa mới thề thốt cách đây có mấy giờ đồng hồ.

*Để lời thề hải minh sơn,
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.
Quyết tình nàng mới hạ tình:
‘Đỡ cho để thiếp bán mình chuộc cha!’*

Kiều quyết định bán mình chuộc cha. Từ đây cuộc đời Thúy Kiều đi rẽ sang một hướng khác.

Họ Chung có kể lại già

Cũng trong nha dịch lại là từ tâm
Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
Vì nàng nghĩ⁶⁰ cũng thương tình xót vầy.
Tính bài lót đó luôn đây,
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.
Hãy về tạm phó giam ngoài,
Dặn nàng quy liệu trong đôi ba ngày.
Thương lòng con trẻ thơ ngây,
Gặp cơn vạ gió tay bay bất kỳ!
Đau lòng tử biệt sinh ly,
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên?
Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Liệu đem tác cỏ quyết đền ba xuân.⁶¹

---o0o---

HOA DÙ RÃ CÁNH LÁ CÒN XANH CÂY

Sự lòng ngỏ với băng nhân,
Tin sương đồn đại xa gần xôn xao.

Tin Thúy Kiều bán mình chuộc cha được mỗi lá truyền đi.

Gần miền có một mục nào
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.
Hỏi tên rằng: 'Mã Giám Sinh.'
Hỏi quê rằng: 'Huyện Lâm-thanh cũng gần.'
Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.
Trước thầy sau tớ lao xao,
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
Ghé trên ngòi tốt số sàng,
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra

Đó là Mã Giám Sinh.

Tả Kim Trọng thì cụ Nguyễn Du viết:

Hài vân lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.

Tả Mã Giám Sinh thì cụ viết:

*Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.*

Có sự khinh nhờn ở trong ấy.

Anh chàng đến rất ồn ào: ‘*Trước Thầy sau tớ lao xao.*’ Không chăm sóc chánh niệm và uy nghi gì cả. vào trong nhà rồi thì: ‘*Ghé trên ngòai tốt số sàng,*’ và ‘*Buồng trong mới đã giục nàng kíp ra.*’ Thái độ của kẻ có tiền, đi mua vợ.

*Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thêm hoa một bước lệ hoa mấy hàng.
Ngại ngừng dín gió e sương,
Nhìn hoa bóng thẹn trông gương mặt dày.*

Đó là Thúy Kiều khi được trình bày ra như một vật để buôn bán. Người ta tới xem con heo, con bò như thế nào thì tới xem Thúy Kiều cũng vậy. Không có nhân phẩm của con người nữa.

*Môi càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc điệu gầy như ma
Đắn đo cân sắc cân tài,
Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ*

Càng phô bày được tài sắc của mình chừng nào thì người ta càng trả nhiều tiền chừng đó. Kiều phải làm tất cả những điều bà mối bảo làm, như một cái máy.

*Mặn nông một vẻ một ưa,
Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt diu.
Rằng: ‘Mua ngọc đến Lam-kiều,
‘Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?’
Mối rằng: ‘Đáng giá nghìn vàng,
‘Dớp nhà nhờ lượng người thương dám nài!’*

Khi đọc tới đây ai cũng thấy tức trong lòng. Nhục nhã, ê chề, mất hết nhân phẩm của một cô gái! Thúy Kiều quý quá, thanh tao, tinh khiết bao nhiêu đối với Kim Trọng thì lại càng như một món hàng không có giá trị gì

cả đối với Mã Giám Sinh. Đây là điều sỉ nhục đầu tiên của Thúy Kiều. ‘*Đã đày vào kiếp phong trần, Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi!*’ Nhưng Thúy Kiều không phải chỉ bị sỉ nhục một lần! Cô sẽ bị sỉ nhục hàng chục lần trong đời mình.

*Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.
Một lời thuyên đã êm giâm,
Hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi.
Định ngày nạp thái vu quy,
Tiền lưng đã có việc gì chẳng xong!
Một lời cậy với Chung công,
Khất từ tạm lĩnh Vương ông về nhà.*

Sau khi đã ngã giá (trên bốn trăm lượng vàng), công việc bắt đầu xuôi. Hai bên đưa thiếp cho nhau, trên hình thức là so tuổi bên trai và bên gái nhưng kỳ thực đây là một loại giao kèo. Cố nhiên là phải chồng tiền. Kiều nhờ ông họ Chung dùng số tiền này để lo lót, lãnh Vương ông về. Đây là những lời than khóc của người cha:

*Thương tình con trẻ cha già,
Nhìn nàng ông những máu sa ruột dầu:
‘Nuôi con những ước về sau,
‘Trao tơ phải lúa gieo cầu đáng nơi.
‘Trời làm chi cực bậy trời!
‘Này ai vu thác cho người hợp tan.
‘Búa rìu bao quản thân tàn,
‘Nỡ đày đọa trẻ càng oan khốc già.
‘Một lần sau trước cũng là:
‘Thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau!’
Theo lời càng chảy dòng châu,
Liều mình ông rắp gieo đầu tường vôi.*

Người cha muốn gieo đầu vào tường tự tử để khỏi trông thấy cảnh con gái bị gả bán như vậy. Người nhà giữ ông lại khuyên giải:

*Vội vàng kẻ giữ người coi,
‘Nhỏ to nàng lại tìm lời khuyên can:
‘Về chi một mảnh hồng nhan,
‘Tóc tơ chưa chút đến on sinh thành.*

*‘Dâng thơ đã thẹn nàng Oanh⁶²
‘Lại thua ả Lý bán mình hay sao?’⁶³
‘Cổixuân tuổihạc càng cao,
‘Mộtcây gánh vác biết bao nhiêu cành.
‘Lượng trên liều một thân con,
‘Hoadù rã cánh lá còn xanh cây.
‘Phận sao đành vậy cũng vậy,
‘Cầm như chẳng đỡ những ngày còn xanh.
‘Cũng đừng tính quản lo quanh,
‘Tan nhà là một thiệt mình là hai!’*

- ‘Con chỉ là một đứa con gái thôi. Chưa làm được chút gì để đền ơn sinh thành của cha mẹ. Cha ngày một lớn tuổi mà phải gánh vác cho cả gia đình. Có cha đó thì mọi người đều đứng vững. Nếu cha không chịu dứt khoát để con bán mình mà cứ liều thân thì cơn mưa gió này sẽ làm tan nát hết cả gia đình. Thà một mình con chịu, hoa có tàn nhưng trên cây lá vẫn còn xanh, mẹ và các em con vẫn được an toàn. Cứ nói như ngày xưa cha mẹ sinh ra nuôi không được, chết từ nhỏ, cho đỡ khổ. Nếu cha cứ nghĩ quanh quẩn thì nhà mình sẽ tan nát mà thân cha sẽ thiệt thòi.’

*Phải lời ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt ngấn giọt dài ngón ngang.*

Người cha nghe nói phải chấp nhận sự thật. Biết liều mình thì cả vợ lẫn con đều tan nát hết cho nên ông phải cố gắng.

*Mái ngoài họ Mã vừa sang,
Tờ hoa đã ký cân vàng mới trao.
Trăng già độc địa làm sao?
Cầm dây chẳng lựa buộc vào tự nhiên!
Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm đã đặt tụng kỳ cũng xong.*

Lễ tâm là tiền của đặt trên mâm khi tới quan. Lễ nhỏ thì vài bình trà, một chai rượu. Lễ này thì phải có ba trăm lượng vàng. Những câu này tố cáo sự tham nhũng của xã hội thời bấy giờ. Truyện Kiều không chỉ nói tới những sự thực tâm lý, tình cảm mà còn nói về sự thực của xã hội.

CẬY EM, EM CÓ CHỊU LỜI

Trong vài ngày, gia đình Kiều đã phải đi qua những cơn lốc lớn. Bây giờ đã đến lúc cụ Nguyễn Du tả tâm trạng Thúy Kiều. Khi quyết định bán mình chuộc cha, trình bày tài năng, sắc đẹp của mình cho người ta mua, rồi can ngăn cha già đừng tự tử, Kiều đã xử sự một cách rất xuất sắc với tư cách của người chị cả. Trong suốt thời gian đó, những đau khổ của Kiều không được nói tới. Khi công việc đã xong, mọi người đã đi ngủ thì Kiều còn thức và quay lại cuốn phim đau khổ trong lòng mình:

*Việc nhà đã tạm thông dong,
Tinh kỳ giục già đã mong độ về.⁶⁴
Một mình nàng ngọn đèn khuya,
Áo dầm giọt lệ tóc se mái sầu:
'Phận dâu dầu vậy cũng dầu
'Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời!
'Công trình kẻ xiết mấy mươi,
'Vì ta khẩn khít cho người dở dang.*

Đây là nỗi đau khổ đầu của Thúy Kiều. 'Nếu mình chưa hứa hẹn gì hết thì đã đỡ cho chàng Kim biết mấy. Vì mình đã hứa hẹn đã thề bồi nên bây giờ chàng Kim phải dở dang.' Kiều không nghĩ tới sự đau khổ của mình mà chỉ nghĩ đến sự đau khổ của người yêu.

*Thề hoa chưa ráo chén vàng,
'Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa!
'Trời Liêu non nước bao xa
'Nghĩ đâu rẽ cửa tan nhà tự tôi!*

- 'Ở Liêu Dương giờ đây anh có biết người chịu trách nhiệm làm chia rẽ, tan nát cuộc nhân duyên của hai ta là em không?' Đây là luân lý Á Đông, khi hai bên đã chấp nhận, thề thốt rồi thì coi như hai người thuộc về nhau. Coi như đã có gia đình rồi, đã có *nhà có cửa* rồi. Cái nhà cái cửa đó nằm trong lòng mình.

*'Biết bao duyên nợ thề bồi,
'Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì?
'Tái sinh chưa dứt hương thề,
'Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.*

- ‘Chuyện thề bồi kiếp này coi như không thực hiện được. Dù đến kiếp sau em cũng sẽ không quên được lời thề nguyện ở kiếp này. Sẽ xin làm con trâu, con ngựa kéo cày, chở đồ cho chàng để đền bù cái nợ mắc chàng trong kiếp này.’ Câu này có mang ảnh hưởng thuyết Luân Hồi của Phật giáo.

*‘Nợ tình chưa trả cho ai,
‘Khối tình thác xuống tuyên đài chưa tan!’*

Tình là một cái nợ. Chưa trả thì vẫn mắc. Khối nợ sẽ không tiêu mà phải đem theo xuống âm phủ. Như chuyện chàng Trương Chi. Đem chôn, da thịt nát hết rồi mà nội kết vẫn còn một khối.

*Nỗi riêng riêng những bàn hoàn,
Dầu chong trắng đĩa lệ tràn thấm khăn.*

Cứ suy nghĩ quanh quẩn, băn khoăn lo lắng (bàn hoàn). Lưu luyến quẩn quít, không buông tư tưởng đó ra được. Chong đèn khóc cả đêm.

*Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han.*

Cô Thúy Vân này vô tâm lắm! Chị bán mình, sắp đi xa. Cô làm việc cả ngày nên mệt ngủ như chết. Chị khóc nức nở quá thành ra cô cũng phải thức dậy. Đây là bốn câu của cô em gái:

*‘Cớ trời dâu bé đa đoan,
‘Một nhà để chị riêng oan một mình.
‘Cớ chi ngòi nhãn tàn canh
‘Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?’*

Cô nàng đã đoán ra được có cái gì ẩn giấu bên trong. Thúy Kiều òa ra khóc, nói sự thật cho Thúy Vân:

*Rằng: ‘Lòng đương thỏn thức đây,
‘Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.
‘Hở môi ra cũng thẹn thùng,
‘Để lòng thì phụ tấm lòng với ai!’*

Nói ra thì mắc cỡ. Chuyện này là chuyện rất thiêng liêng trong trái tim. Bị buộc phải nói cho người thứ hai nghe thì rất khó chịu. Mà không nói thì đành ra phụ bạc.

*‘Cây em em có chịu lời,
‘Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
‘Giữa đường đứt gánh tương tư,
‘Keo loan chấp mối tơ thừa mặc em.*

Keo loan (loan giao) là một thứ keo để nối dây cung lại. Người ta dùng điển tích này để nói tình xưa nghĩa cũ đã gián đoạn mà còn nối lại được. Mối tình của Thúy Kiều và Kim Trọng đã tan rồi, nhưng vẫn có cơ hội để gắn lại nếu Thúy Vân chấp nhận thay thế cho Kiều.

*‘Kể từ khi gặp chàng Kim,
‘Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề.
‘Sự đâu sóng gió bất kỳ,
‘Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.
Ngày xuân em hãy còn dài.
‘Xót tình máu mủ thay lời nước non.
‘Chị dâu thịt nát xương mòn,
‘Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.*

Kiều nói hết sự thật cho em gái và nhờ em thay mình làm hạnh phúc cho chàng Kim. Được như vậy thì dù phải chết, Kiều cũng có hạnh phúc. Đó là yêu cầu của Thúy Kiều. Tôi có một câu hỏi đặt ra trong đầu là: Chàng Kim có chịu không? - Kiều đưa những kỷ vật của hai người cho Thúy Vân và tưởng tượng ra cảnh Kim Trọng và Thúy Vân sum họp sau này:

*‘Chiếc thoa với bức tờ mây,
‘Duyên này thì giữ vật này của chung.
‘ Dù em nên vợ nên chồng,
‘Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.
‘Mất người còn chút của tin,
‘Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.
‘Mai sau dù có bao giờ,
‘Đốt lò hương ấy so tơ phím này.
‘Trông ra ngọn cỏ lá cây,
‘Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.*

Tâm hồn Kiều là một tâm hồn hết sức nhạy cảm. Lời nói của cô cũng vậy.

*‘Hồn còn mang nặng lời thề,
‘Nát thân bồ liễu đèn nghì trúc mai.’⁶⁵
‘Dạ đài’⁶⁶ cách mặt khuất lời,
‘Rảy xin chén nước cho người thác oan.*

- ‘Khi đó chị đã chết rồi. Xin em rảy cho vài giọt nước để linh hồn chị được mát mẻ (giống như cam lồ tịnh thủy của đức Bồ Tát Quan Thế Âm.). Những câu thơ này cho thấy ảnh hưởng của Phật giáo rất sâu đậm trong tư tưởng và văn chương Việt Nam. Sau khi đã nói hết những điều phải dặn dò, Thúy Kiều khóc. Trách nhiệm đã làm xong rồi. Bây giờ chỉ khóc cho số phận mình thôi:

*‘Bây giờ trâm gãy gương tan,
‘Kẻ làm sao xiết muôn vàn ái ân!
‘Trăm nghìn gửi lạy tình quân,
‘Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi. (12 tiếng đồng hồ.)
‘Phận sao phận bạc như vôi,
‘Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng.
‘Ôi Kim Lang! Hỡi Kim Lang!
‘Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!’*

Đó là chỗ đau khổ nhất trong lòng Thúy Kiều. Đau khổ nhất không phải là phải bán mình và đi lưu lạc; đau khổ nhất là phải phụ bạc người tình của mình.

Xét về phương diện tâm lý, đoạn thơ này rất hay. Kiều có một khả năng tưởng tượng rất lớn. Cô tưởng ra cảnh em gái thay mình thành duyên với Kim Trọng; hai người có hạnh phúc, nhớ tới mình, đốt hương, gảy lại phím đàn ngày xưa; nhìn ra ngoài thấy gió hiu hiu thổi lay động cỏ cây thì biết hồn mình đang về thăm hai người; và hai người sẽ rảy nước để làm mát mẻ linh hồn oan ức, khổ đau của mình. Tưởng tượng xong rồi hướng về Kim Trọng mà than thở, diễn bày tâm trạng mình. Và khi kêu lên: “*Ôi Kim Lang! Hỡi Kim Lang, Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!*” thì đau khổ đã lên tới mức cao nhất. Kiều hét lên, ngã xuống bất tỉnh. Đó là diễn biến về tâm lý và sinh lý. Tâm lý và sinh lý liên hệ mật thiết với nhau. Niềm đau khổ lên đến mức tuyệt đỉnh tạo thành phản ứng trong cơ thể, biểu hiện bằng một

tiếng hét. Hét lên một tiếng thì bao nhiêu tinh lực của khổ đau toát ra. Kiều không còn năng lượng nữa, ngã xuống và bất tỉnh.

*Cạn lời hồn ngắt máu say,
Một hơi lặng ngắt đôi tay giá đồng.*

Cô em sợ quá. Cha mẹ Kiều nghe tiếng hét, thức dậy:

*Xuân huyền chợt tỉnh giấc nồng,
Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài.
Kẻ thang người thuốc bời bời,
Mới dầu con vụng chưa phai giọt hồng.*

Người thì đi rót nước nóng, người thì đi lấy dầu cù là.

*Hỏi: ‘Sao ra sự lạ lùng?’
Kiều càng nức nở nói không ra lời.*

Nói được với em gái là làm tới mức tối đa rồi. Làm sao lặp lại được những điều đó cho cả nhà nghe! Thúy Vân tiết lộ niềm đau của Kiều cho mọi người:

*Nỗi nàng Vân mới rỉ tai:
‘Chiếc thoa này với tờ bồi ở đây!’*

Người cha lúc đó mới tội nghiệp. Ông nói:

*‘Này cha làm lỗi duyên mày,
‘Thôi thì nỗi ấy sau này đã em!
‘Vì ai rụng cái rơi kim,
‘Để con bèo nổi mây chìm vì ai?
‘Lời con dặn lại một hai,
‘Dầu mòn bia đá dăm sai tác vàng!’*

Tôi vẫn còn ngạc nhiên. Với trái tim của con người thế kỷ 20, mình không hiểu được tại sao họ lại chắc vào việc thành tựu nhân duyên cho Thúy Vân và Kim Trọng. Tuy là hai chị em nhưng vẫn là hai người khác nhau. Người ta yêu cô chị chứ ai yêu cô em mà lại cứ tính đem cô em thay thế cô chị! Làm như vậy có được không? Với tâm lý người ngày xưa, thì việc này có thể làm được. người ngày xưa rất trọng tình. Khi cưới một người, họ cưới

luôn cả gia đình cho người đó. Thương chị thì cũng thương em được. Lấy trái tim của thế kỷ 20 để hiểu trái tim của thế kỷ 19,18, 17 cũng hơi khó.

*Lạy thôi nàng mới rén chiềng:⁶⁷
'Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
'Sá chi thân phận tôi đòi,
'Đầu rằng xương trắng quê người quản đâu!'*

Những chuyện này đã xảy ra trong mấy ngày sau khi Kim Trọng đi. Anh chàng lúc đó đâu có biết gì, cứ đi, nhớ và tưởng tượng. Đâu có biết đòi là vô thường. Phải đọc gần cuối truyện ta mới thấy đoạn Kim Trọng trở về.

---o0o---

BIẾT THÂN ĐẾN NƯỚC LẠC LOÀI

Trời đã sáng. Nhà trai tới rước dâu:

*Xiết bao kẻ nổi thâm sâu!
Khắc canh đã giục nam lâu mấy hồi.
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
Quản huyện⁶⁸ đâu đã giục người sinh ly.
Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá tơ chia rũ tằm.
Trời hôm mây kéo tối rằm,
Dàu dàu ngọn cỏ dầm dầm cành sương.*

Trời dường như cũng đau thương chung với gia đình này.

*Rước nàng về đến trú phùng,
Bốn bề xuân khóa một nàng ở trong.
Ngập ngừng thẹn lục e hồng,
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đôi phen:
'Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
'Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai!
'Biết thân đến nước lạc loài,
'Nhị đào thả bẻ cho người tình chung.
'Vì ai ngăn đón gió đông,
'Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi,*

*‘Trùng trùng dù họa có khi,
‘Thân này thôi có ra gì mà mong.
‘Đã sinh ra số long đong,
‘Còn mang lấy kiếp má hồng được sao?’*

Kiều là một người con gái rất thông minh. Khi thấy Mã Giám Sinh và cái bầu đoàn kia bước vào nhà, cô biết họ không phải là những người đoàng hoàng và thân mình đã rơi vào tay những người vũ phu, không ra gì. Kiều giữ gìn là giữ gìn cho chàng Kim, người Kiều đem hết lòng dạ để thương yêu; bây giờ thì Kiều đâu có chủ quyền nữa. Sau này dù được gặp lại Kim Trọng, Kiều biết thân mình cũng sẽ không còn giá trị gì. Kiều nghĩ: ‘Biết trước tình trạng thế này thì chi bằng tối hôm đó mình hiến thân cho chàng Kim cho rồi.’ Đây là những câu mà ta phải quán chiếu. Chúng ta biết Thúy Kiều đang lâm vào tình trạng tuyệt vọng cho nên đã nghĩ như vậy. Đừng nghe cô nói mà tin liền. Trước đây cô nói: *‘Gieo thoi trước chẳng giữ giàng, Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?’* Bây giờ cô nói ngược lại: *‘Biết như vậy thì tối hôm đó mình đã trao thân cho chàng cho rồi. Giữ gìn cho lắm bây giờ cũng lọt vào tay người vũ phu.’* Chúng ta có thể quán sát để thấy: Nếu cô gái trao thân cho người yêu tối hôm đó thì cô có thể mất chàng mãi mãi. Cô không trao thân cho chàng thì hình bóng cô vẫn còn đẹp trong lòng chàng suốt đời. *‘Biết thân đến nước lạc loài, Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.’* Câu nói này rất liều, không có trí tuệ. Đó là suy nghĩ của một người đang quá đau khổ. Nếu Kiều làm như vậy thì cũng rất hại cho Kim Trọng. Giữ được hình bóng đẹp đẽ của Thúy Kiều trong suốt cuộc đời mình là có lời cho anh chàng lắm! Còn hình bóng của một người con gái quá dễ dãi, đòi là được liền thì đâu thể nào ở lại lâu ngày với chàng Kim được. Ta đừng vì cảm tình với Kiều mà vừa nghe cô nói là đã vội đồng ý ngay. Lời nói trên chẳng qua là tư tưởng của một người bất đắc chí mà thôi, không phản ảnh được trí tuệ. Và ý tự tử đã chớm nơi Kiều:

*Trên yên sẵn có con dao,
Giấu cầm nòng đã gói vào chéo khăn.
Phòng khi nước đã đến chân,
Dao này thì liệu với thân sau này.
Đêm thu một khắc một chày,
Bâng khuâng như tỉnh như say một mình.*

---o0o---

XÓT NÀNG CHỨT PHẬN THUYỀN QUYÊN

Mã Giám Sinh đóng vai trò của một chàng rể, kỳ thực Mã chỉ là một con bài. Lực lượng đứng phía sau họ Mã là một nhà chứa mà giám đốc là một người đàn bà rất ghê gớm: Tú Bà. Tú Bà mua Kiều về làm một cô gái giang hồ, tiếp những khách giàu 'sộp' để lấy tiền. Đây là chân tướng của Mã Giám Sinh và Tú Bà:

*Chẳng ngờ gã Mã Giám Sinh,
Vẫn là một đứa phong tình đã quen.
Quá chơi lại gặp hồi đen,
Quen môi lại kiếm ăn miền nguyệt hoa,
Lầu xanh có mụ Tú Bà,
Làng chơi đã trở về già hết duyên.
Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mạt cưa mướp đắng hai bên một phường.⁶⁹
Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn bán bán hương đã lè.
Dạo tìm khắp chợ thì quê,
Giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi.
Rủi may âu cũng sự trời,
Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên.*

Tú Bà và Mã Giám Sinh đều xuất thân từ chỗ ăn chơi. Khi lớn tuổi họ lại tiếp tục sinh sống bằng cái nghiệp lầu xanh của mình. Tội nghiệp Thúy Kiều đã rơi vào ổ nhên nhện.

*Xót nàng chút phận thuyền quyên,
Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn.
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Sính nghi rẻ giá nghinh hôn sẵn ngày.*

Đây là tư tưởng của Mã Giám Sinh:

*Mừng thêm: 'Cờ đã tới tay,
'Càng nhìn vẻ ngọc càng say khúc vàng.
'Đã nên quốc sắc thiên hương,
'Một cười nay hảnh nghìn vàng chẳng ngoa!
'Về đây nước trước bẻ hoa,
'Vương tôn quý khách ắt là đua nhau.
'Hảnh ba trăm lạng kém đâu,*

'Cũng là vừa vốn còn sau thì lời.
'Miếng ngon kẻ đến tận nơi,
'Vốn nhà cũng tiếc của trời cũng tham.
'Đào tiên đã bén tay phàm,
'Thì vin cảnh quýt cho cam sự đời!
'Dưới trời mây mặt làng chơi,
'Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
'Nước vỏ lựu máu mào gà,
'Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên.
'Mập mờ đánh lận con đen,
'Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi?
'Mụ già hoặc có điều gì,
'Liều công mất một buổi quỳ mà thôi.
'Vả đây đường xá xa xôi,
'Mà ta bất động nữa người sinh nghi.'

Thế là Mã Giám Sinh ép Kiều đi ngủ chung.
Cụ Nguyễn Du than:

*Tiếc thay một đóa trà mi,
Con ong đã tỏ đường đi lối về.
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương.
Đêm xuân một giấc mơ màng.
Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ!*

Người đàn ông đó rất vũ phu. Kiều như một đóa hoa rất mong manh. Anh chàng thì như 'mưa gió nặng nề', không hề có sự lễ phép, không có sự nương tay nhẹ nhàng. Xong chuyện anh chàng bỏ đi, không sẵn sóc, nói chuyện gì với Kiều hết. Kiều cảm thấy bị hiếp, nhục nhã vô cùng:

*Giọt riêng tâm tã tuông mưa,
Phần cảm nỗi khách phần dơ nỗi mình;
'Tuồng chi là giống hôi tanh,
'Thân nghìn vàng để ô danh má hồng!
'Thôi còn chi nữa mà mong,
'Đòi người thôi thế là xong một đời!'*

Trong cơn nhục nhã, Kiều rút dao, định tự tử nhưng nghĩ lại sợ liên lụy đến cha mẹ nên phải cất dao lại:

*Giận duyên tử phận bời bời,
Cầm dao nòng đã toan bài quyên sinh,
Nghĩ đi nghĩ lại một mình:
'Một mình thì chó hai tình thì sao?
'Sau dẫu sinh sự thế nào,
'Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân.
'Nỗi mình âu cũng giản dân,
'Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi!'*

'Trước sau gì cũng chết. Đợi đi khuất khỏi vùng này rồi hãy hay.'

*Những là đo đản ngược xuôi,
Tiếng gà nghe đã gáy sới mái tường.
Lầu mai vừa rúc còi sương,
Mã sinh giục giã vội vàng ra đi.
Đoạn trường thay lúc phân kỳ!
Vó câu khắp khênh bánh xe gập ghềnh.*

Câu 'Vó câu khắp khênh bánh xe gập ghềnh' có giá trị âm hưởng rất hay. Đọc lên đã thấy khó chịu, khỏi cần ngồi trên xe ngựa.

*Bề ngoài mời dạm trường đình,
Vương ông mở tiệc tiền hành đưa theo.*

Đây là phong tục cổ. Ăn tiệc chia tay rồi lại gánh tiệc đi theo tiền mời, mời lăm dạm nữa. Tới chỗ nghỉ, dỡ tiệc ra ăn chia tay thêm lần thứ hai.

*Ngoài thì chu khách dập dìu,
Một nhà huyên với một Kiều ở trong.*

Trong lúc mọi người ăn tiệc tiền hành thì mẹ của Thúy Kiều vào phòng Kiều. Hai mẹ con nói chuyện. Kiều nói: 'Chết con rồi mẹ ơi!'

*Nhìn càng lã chã giọt hồng,
Rỉ tai nàng mới giải lòng thấp cao:
'Hỗ sinh ra phận thơ đào,
'Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong!
Lỡ làng nước đục bụi trong,
'Trăm năm để một tấm lòng từ đây.*

*'Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
'Thân con chẳng kéo mắc tay bọm già.
'Khi về bỏ vắng trong nhà,
'Khi vàng đúng dấng khi ra vội vàng,
'Khi ăn khi nói lỡ làng,
'Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.
'Khác màu kẻ quý người thanh,
'Ngâm ra cho kỹ như hình con buôn.
'Thôi con còn nói nữa chi con,
'Sống nhờ đất khách thác chôn quê người!'*

Đó là nhận xét của Thúy Kiều. Mã Giám Sinh không phải là một người đàn ông bình thường mà giống như một tay lái buôn gian manh nào đó. Đời cô như vậy chắc sẽ không ra gì.

*Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.*

Dùng hình ảnh. Trong tám chữ mà thi sĩ có thể lột tả thâm thía nỗi đau nhức, oan ức của người mẹ.

*Vài tuần chưa cạn chén khuyên.
Mái ngoài nghi đã giục liền ruổi xe.*

Nghi (dấu hỏi) là hấn ta, anh ta, chỉ Mã Giám Sinh. Vương ông rất thương con gái, đến trước yên ngựa của Mã Giám Sinh năn nỉ:

*Xót con lòng nặng chề chề,
Trước yên ông đã nằn nì thấp cao:
'Chút thân liễu yếu thơ đào,
'Dóp nhà đến nỗi dấn vào tôi người.
'Từ đây góc bể bên trời,
'Nặng mưa thui thui quê người một thân.
'Nghìn tâm nhờ bóng tùng quân,
'Tuyết sương che chở cho thân cát đặng.'*

Hai câu sau rất hay. Người đàn bà như dây leo (cát đặng), người đàn ông như cây tùng. Dây leo lên cao được là nhờ cây tùng đứng vững. Trong *Quy Sơn Cảnh Sách* (ngày xưa bằng chữ Nho, người xuất gia phải học thuộc lòng) có câu: *'Khả bất kiến ý tùng chi cát, thượng túng tiên tâm, phụ thác*

thắng nhân, phương năng hữu ích.' Có nghĩa là: *'Há quý vị không thấy cây dây leo nương vào cây tùng mà leo lên cao tới nghìn tầm. Nếu tu học mà không nương vào những người có đạo đức lớn thì không thể nào thành công được.'* Trong câu này, Vương ông nói: *'Xin nhờ anh làm chỗ nương tựa cho cho đứa con gái thương của tôi! Trăm sự nhờ anh hết! Hạnh phúc của con gái tôi hoàn toàn trông cậy vào anh.'* Nhưng năn nỉ sao được! Đây vốn là tay bợm già, năn nỉ đâu có ích lợi gì! Anh chàng nói:

*Cạn lời khách mới thưa rằng:
'Buộc chân thôi cũng xích thẳng nhiệm trao.
'Mai sau dù có thế nào,
'Kìa gương nhật nguyệt nọ dao quỷ thân!'*

'Không sao đâu, ông đừng có lo! Có duyên mới thành vợ thành chồng được chứ! Sau này mà tôi ăn ở không đàng hoàng, không chăm sóc Thúy Kiều thì trời phạt tôi chết!' Họ Mã đã thề như vậy đó.

---o0o---

MỘT XE TRONG CÕI HỒNG TRẦN NHƯ BAY

*Đùng đùng gió giục mây vùn,
Một xe trong cõi hồng trần như bay.*

Hai câu tả đoàn rước dâu đi trong gió bụi. Đây cũng là thân phận của kiếp người bị cơn lốc của nghiệp báo cuốn theo. Con người không có năng lực để làm chủ lấy mình. Có những đau buồn, tham giận, kiêu căng mà lại thiếu trí tuệ, từ bi và sự trầm tĩnh. Đi trong cuộc đời như đi trong một cơn lốc, người ta không có khả năng làm chủ thân tâm. *'Đùng đùng gió giục mây vùn. Một xe trong cõi hồng trần như bay'* là số phận chung của tất cả mọi người. *Hồng trần* là bụi đỏ, chỉ cuộc đời đau khổ. Mỗi người đang cỡi một chiếc xe và đang đi trong cơn lốc của những hạt bụi đỏ. Người tu thì sẽ có phương pháp để thắng xe lại, làm chủ tình thế. Người không tu thì ngồi trên xe và bị cuốn theo cơn lốc của bụi hồng. Hai câu thơ này rất hay, có thể viết để treo ở thiền đường.

Và đây là tâm trạng Thúy Kiều khi đang ở trên con đường nghìn dặm:

*Trông vời gạt lệ chia tay,
Góc trời thăm thẳm ngày dăm dăm.*

*Nàng thì dậm khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá đen rần ngàn mây.
Vi lô san sát hơi may,
Một trời thu để riêng ai một người.*

Sương lạnh đọng trắng trên cầu, bầu trời ảm đạm mây đen. Đó là khung cảnh Kiều đang đi ngang qua nhưng cũng là tình trạng bên trong trái tim Kiều - cũng rất lạnh và rất đen. Nội tâm và ngoại vật giống hệt như nhau. Con người trong cảnh rất cô đơn cho nên cả trời thu đó dường như chỉ để cho một người chịu đựng mà thôi.

*Dặm khuya ngất tạnh mù khơi,
Thấy trắng mà thẹn những lời non sông!
Rừng thu từng biếc chen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thân hôn!*

Tâm trạng của Kiều luôn luôn có hai nỗi nhớ niềm thương. Một bên là nhớ người yêu, một bên là nhớ cha nhớ mẹ. Tấm lòng thân hôn là tấm lòng hiếu thảo muốn săn sóc sớm chiều cho cha mẹ.

---o0o---

SA VÀO Ồ NHỆN

Đi một tháng thì tới Lâm Truy. Và Thúy Kiều khám phá ra được sự thật là người ta đã mua cô về để làm gái làng chơi.

*Những là lạ nước lạ non
Lâm-Truy vừa một tháng tròn tới nơi.
Xe châu dừng bánh cửa ngoài
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoát trông nhìn nhợt màu da,
Ăn gì cao lớn đầy đà làm sao?*

Đây là bà chủ chứa. Cụ Nguyễn Du tả bà đó cũng ghê!

*Trước xe lơ lả han chào
Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.*

Và Thúy Kiều thấy:

*Bên thì mấy ả mày ngài,
Bên thì ngôi bốn năm người làng chơi.
Giữa thì hương lửa hấn hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày.
Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên sư.*

Thần lông mày trắng (thần bạch mi) là ông thần mà các nhà chứa thờ để ông phù hộ cho được đông khách. Thúy Kiều không hiểu gì cả. tưởng là vô lý bàn thờ tổ tiên, ai dè là bắt tội lạy cái ông thần lạ kỳ đó!

*Kiều còn ngờ ngẩn biết gì,
Cứ lời lạy xuống mụ thì khẩn ngay:
'Cửa hàng buôn bán cho may,
'Đêm đêm hàn thực ngày ngày nguyên tiêu.
'Muôn ngàn người thấy cũng yêu,
'Xôn xao anh yến dập dìu trúc mai!
'Tin nhận vắn, lá thơ bài,
'Đưa người cửa trước rước người cửa sau!'
Lạ tai nghe chưa biết đâu,
Xem tình ra cũng những màu dỏ dang.*

Kiều không hiểu gì hết! Nàng là một cô gái nhà lành, làm sao hiểu được ngôn từ của nhà chứa! Nhưng cô càng lúc càng nghi.

*Lễ xong hương hỏa gia đường
Tú Bà vắt nóc lên giường ngồi ngay.
Dạy rằng: 'Con lạy mẹ đây,
'Lạy rồi sang lạy cậu mày bên kia.'*

Kiều ngạc nhiên:

*Nàng rằng: 'Phải bước lưu ly
'Phận hèn vâng đã cam bẽ tiểu tinh.
'Điều đâu lấy yến làm anh,
'Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì?
'Đủ điều nạp thái vu quy,
'Đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi.
'Giờ ra thay bậc đôi ngôi,*

*'Dám xin gọi lại một lời cho mình.'
Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên:
'Này này sự đã quá nhiên,
'Thôi đà cướp sống của mình đi rồi!
'Bảo rằng đi dạo lấy người,
'Đem về rước khách kiếm lời mà ăn.
'Tuồng vô nghĩa ở bất nhân,
'Buồn mình trước đã tằm mần thử chơi
'Màu hồ đã mất đi rồi,
'Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma.*

Giận Mã Giám Sinh quá nhưng bà ta đâu đánh họ Mã liền ngay lúc đó được. Tú Bà quay sang chửi và đánh Kiều:

*'Con kia đã bán cho ta,
'Nhập gia phải cứ phép nhà tao đây!
'Lão kia có giở bài bậy,
'Chẳng văng vào mặt mà mày lại nghe!
Cớ sao chịu tốt một bề,
'Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao!
'Phải làm cho biết phép tao!'
Giật bì tiên rập sấn vào ra tay.
Nàng rằng: 'Trời thẳm đất dày,
Thân này đã bỏ những ngày ra đi!
'Thôi thì thôi có tiếc gì!'
Sẵn dao tay áo tức thì giở ra.
Sợ gan nát ngọc liều hoa,
Mụ còn trông mặt nàng đà quá tay.
Thương ôi tài sắc bậc này.
Một dao oan nghiệt dứt dây phong trần!*

Kiều lấy dao ra và đâm vào bụng tự tử. Nàng bị thương rất nặng.

*Nỗi oan vỡ lở xa gần,
Trong nhà người chạt một lần như nêm.
Nàng thì bần bật giấc tiên,
Mụ thì cầm cặp mặt nhìn hồn bay.
Vực nàng vào chốn hiên tây,
Cắt người coi sóc rước thầy thuốc men.*

Trong lúc mê man, Đạm Tiên lại hiện ra với Kiều:

*Nào hay chưa hết trần duyên,
Trong mê đường đã đứng bên một nàng.
Rỉ rằng: 'Nhân quả dở dang.
'Đã toan trốn nợ đoạ trường được sao?
'Số nàng nặng nghiệp má đào,
'Người dù muốn quyết trời nào hay cho!
'Hãy xin hết kiếp liễu bờ
'Sông Tiên Đường sẽ hẹn hò về sau.'
Thuộc thang suốt một này thâu,
Giác mê nghe đã dầu dầu vừa tan.
Tú Bà chực sẵn bên nàn,
Lựa lời khuyên giải mơn man gỡ dân:*

Bây giờ Tú Bà mới biết rằng Kiều rất gan dạ, không thể dùng oai lực mà nhiếp phục được. Bà phải vuốt ve:

*'Một người dễ có mấy thân,
'Hoa xuân dương nhụy ngày xuân còn dài.*

- "Con ơi, con còn trẻ lắm mà! Làm chi như vậy, đại đột lắm con ơi!"

*'Cũng là lỡ một lâm hai,
'Đá vàng sao nở ép nài mưa mây.
'Lở chân trót đã vào đây,
'Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non.
'Người còn thì của hãy còn,
'Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà.*

- 'Con là con nhà lành, bác sẽ không ép con làm nghề này đâu! Nhưng con đã lỡ bước vào đây rồi, bác sẽ nuôi con và gã chồng đang hoang cho con.' Khôn lắm! Ăn thua là để cho Kiều chịu uống thuốc, trị bệnh, sống trước đã rồi tính sau!

*'Làm chi tội báo oan gia,
'Thiệt mình mà hại đến ta hay gì?'*

- 'Nếu con tự tử thì thiệt thân con mà bác đây cũng sẽ khổ đau lắm.'

*Kề tai máy nổi nần nì,
Nàng nghe đường cũng thị phi rạch ròi.*

Thúy Kiều nghe nói thấy cũng đúng và cũng hy vọng Tú Bà sẽ giữ lời. Trong giấc mộng, Đạm Tiên cho Kiều biết cô có những nghiệp duyên kiếp trước phải đền trả, không thể tránh khỏi bằng cách chấm dứt sự sống của mình.

*Vả trong thần mộng mấy lời,
Túc nhân âu cũng có trời ở trong.*

Túc nhân là nghiệp nhân trong quá khứ. Túc là kiếp trước (Ví dụ: Túc mạng thông là hiểu thấu, nhớ được tất cả những kiếp trước.) Trong Kinh có bài kệ:

*'Dục tri tiền thế nhân
Kim Sanh thọ giả thị
Dục tri lai thế quá
Kim sanh tác giả thị.'*

Nghĩa là: Muốn biết nhân đời trước thì coi quả đời này; muốn biết quả đời sau thì coi nhân đời này.

Dùng chữ *trời* ở đây là cụ Nguyễn Du muốn cho tới luật nghiệp báo. Trong giai đoạn này, cụ còn trộn lẫn thuyết thiên mạng với thuyết nhân quả. Về sau này, khi Phật học của cụ đã sâu sắc, cụ viết rất khác về tư tưởng nhà Phật.

*Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau!*

Đây là niềm tin bình dị của xã hội Á Đông ngày xưa: 'Thôi, ráng sống mà trả cho hết nghiệp báo. Chết thì nghiệp báo vẫn còn hoài, kiếp sau thế nào cũng phải trả nợ chồng chất.'

*Lặng nghe ngâm nghĩ gót đầu,
Thưa rằng: 'Ai có muốn đâu thế này.
'Được lời như thế là may.
'Hắn rằng mai có như rày cho chăng!*

*'Sợ khi ong bướm đãi đàng,
'Đến điều sống đục sao bằng thác trong!'*

Kiều vẫn còn nghi: 'Đâu có ai muốn chết, nhưng sống đục sao bằng thác trong? Bác nói như vậy nhưng liệu bác có làm theo như vậy hay không? Lỡ sau này người ta làm nhục con thì thà con chết bây giờ mà được trong sạch còn hơn là phải sống ô nhục.'

*Mụ rằng: 'con hãy thông dong,
'Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi!
'Mai sau ở chẳng như lời,
'Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi.'*

- 'Nếu bác mà không giữ lời thì trời đất sẽ không dung bác.' Mấy người này hay thề độc lắm!

*Thấy lời quyết đoán hẵn hoi,
Đành lòng nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.*

Kiều chấp nhận.

---o0o---

AI CÓ THỂ GIÚP KIỀU?

Chúng ta phải tìm cách độ những người đang và đã sa vào hoàn cảnh như Thúy Kiều. Những người đang ăn chơi, tàn hoại thân thể và tâm hồn mình cũng cần người đến cảm hóa. Trong Kinh có câu: *'Dâm phòng, tửu tứ vô vi thanh tịnh đạo tràng.'* Quán rượu và nhà chứa đều là những đạo tràng mình phải đi vào để cứu độ. Phải biến những chỗ đó làm những đạo tràng thanh tịnh để hành đạo chứ không nên nhắm mắt lại, nói rằng những chỗ đó không có. Nhắm mắt lại thì không chuyển hóa được. Không độ được. Không độ được một Mã Giám Sinh hay một Tú Bà thì có biết bao Thúy Kiều sẽ rơi vào những ổ nhện đó. Giải tán được một ổ nhện là cứu được không biết bao nhiêu những cô thiếu nữ. Ở Bangkok, Manila hay Sài Gòn bây giờ có rất nhiều những ổ nhện như vậy. Đây là chuyện xảy ra ở tất cả các thành phố lớn. Các cô gái mười ba, mười bốn ở miền quê lên thành phố bán bánh nuôi em có thể bị lọt vào những ổ đó rất dễ dàng. Ban đầu họ chỉ cho vài chục đồng hay một chỗ ở, sau đó họ dụ: 'Con làm cái nghề đó thì sẽ nhiều tiền gửi về nhà. Làm nghề này một ngày thì được họ cho mấy trăm, mấy ngàn đồng,

thấy khỏe quá. Rồi mới lún từ từ vào sâu. Ở Sài Gòn cũng có những trẻ em bụi đời, những 'người Việt gốc me' (không có nhà, ngủ dưới gốc cây me.) Nếu sa vào ổ nhện rồi thì muốn ra rất khó. Ngày xưa dưới thời ông Thiệu ông Kỳ có ngã tư Quốc Tế, ngã tư Chú Lúa... ghê gớm lắm. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, vấn đề này còn to lớn hơn. Phải có kế hoạch, phải biết rõ tình trạng thì mới có thể hành đạo ở những chỗ đó. Có khi nào các thầy, các sư cô nghĩ tới chuyện đi đến những chỗ ấy để hành đạo không? Nếu các thầy cứ ở chùa mà thuyết Pháp thì tiếng Pháp của các thầy làm sao tới được những người đau khổ như Thúy Kiều? Nếu quý vị muốn đem đạo Phật đi vào cuộc đời thì phải nghĩ đến đạo Bụt nhập thế, nghĩa là Phật giáo nhân gian. Ngày xưa sư Giác Duyên đã làm chuyện ấy.

Rất ngộ nghĩnh là Kiều đã tự tử, đã được bán cho một thương gia giàu có (Thúc Sinh), đã được một ông đại tướng (Từ Hải) cưới về, và đã đi tu nữa, vậy mà cũng không thoát ra được. Cô đã tìm mọi cách để thoát ra. Nhưng số phận vẫn đưa cô về lầu xanh, làm vật chơi cho người khác. Rốt cuộc là chính một ni sư đã cứu Kiều và đem Kiều về nếp sống bình thường, cho Kiều cơ hội gặp lại cha mẹ và người yêu cũ.

Vót người trầm luân, đó là công việc của một sư cô. Điều này đã xảy ra trong quá khứ. Hiện nay, những thanh niên Việt Nam đã không có hạnh phúc đi theo băng đảng ở Mỹ rất nhiều. Tình trạng này lan sang cả Canada và Âu Châu. Các thầy, các cô có làm được gì để giúp những người ấy hay không? những bài thuyết pháp của quý vị có động tới được những thanh thiếu niên đó không? Trước khi là thanh niên du đảng thì họ cũng đã là những thanh niên bình thường. Các thầy đã giảng được cho các thanh niên bình thường ấy chưa?

---o0o---

BỒ TÁT QUÁN TỰ TẠI

Khi đọc *Kiều*, nghe những đau khổ và chán chường như thế, ta không thấy dễ chịu. Chúng ta đi tìm sự thật. chúng ta phải có câu trả lời cho tình trạng. Đây không phải chỉ là tình trạng ngày xưa, đây cũng là tình trạng bây giờ. Khi giảng *Tâm Kinh Bát Nhã*, tôi cũng đem *Tâm kinh* vào xã hội ngày. Tôi nói rằng một em bé ở Bangkok bị dụ làm gái ăn sương, chiều đi sáng về, trông thấy những cô nữ sinh áo trắng đi học, ngấm lại thân mình thì tủi. Các cô gái nhà lành thật may mắn. Thân phận em là thân phận ô uế của một cô gái ăn sương. Em có mặc cảm mình là con gái bỏ đi, còn những cô nữ sinh

kia là những cô gái đáng sống. không ai có thể cứu em bé này ra khỏi mặc cảm ô nhục, dơ bẩn, ngoại trừ Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát nói như thế này: "Con không dơ mà mấy cô kia cũng không sạch. Sở dĩ mà con như thế này là vì xã hội kia như thế kia (*Thử hữu cố bỉ hữu thử vô cố bỉ vô.*) Xã hội kia được như vậy là vì có những người như con. Con làm ra xã hội và xã hội làm ra con. Không phải chỉ có con mới chịu trách nhiệm về con mà cả xã hội kia cũng phải chịu trách nhiệm về con. Con đừng có mặc cảm con là người duy nhất chịu trách nhiệm. Tất cả những nhà giáo dục, kinh tế, chính trị trong xã hội đều chịu trách nhiệm về con cả." Đó là ý '*Không dơ cũng không sạch, Không thêm cũng không bớt*' trong *Tâm Kinh Bát Nhã*. Nghe Đức Quán Thế Âm nói như vậy thì ranh giới giữa dơ và sạch, bên này và bên kia mới được tháo sạch và mặc cảm của các cô gái ăn sương lúc đó mới có thể được tiêu trừ. Đó là giọt nước Cam Lộ mà chỉ có đạo Phật mới cung cấp được. Cái thấy bất nhị này chúng ta ít tìm thấy trong các truyền thống tôn giáo khác. Cái này như thế này là vì cái kia như thế kia. 'Thân phận con, cả xã hội đều chịu trách nhiệm. Con đừng có mặc cảm tội lỗi. Nếu người ta sống đàng hoàng, biết lo cho tất cả thì con đã không đến nỗi như thế này đâu.' Em bé sẽ khóc và ôm lấy chân Đức Quán Thế Âm: 'Xin Ngài dạy cho con cách để thoát ra khỏi'. Lúc ấy Đức Quán Thế Âm mới bắt đầu dạy cho em được. Chúng ta cũng phải làm như thế. Ngày xưa ở Sài Gòn có các sư cô làm chuyện đó. Ngày nay cũng vậy.

Có một em bé ở nhà quê lên bán bánh. Người cô không cho em ở vì em không có tên trong tờ khai gia đình. Em ngủ ngoài nghĩa địa. Sợ ma. Một bữa nọ Tú Bà lại nói: 'Nếu con chịu ngủ với người ta thì con sẽ có nhiều tiền. Con được một trăm thì cô chỉ giữ lại hai chục để trả tiền nhà, tiền nước.' Nhà chứa không chánh thức; công an, cán bộ biết, nhưng được lo lót thì cũng để cho yên. Một sư cô thấy em bé nhỏ xíu, mới mười sáu tuổi mà đứng ngoài được kiếm khách. Sư cô kêu em lại nói chuyện. '*Thôi, Tú Bà biết liệu không sợ chứa chấp con thì cô cũng liệu. Thay vì ở nhà Tú Bà thì con về ở chùa đi.*' Cô cho em ở đậu và giúp em một xe bán bánh mì. Sư cô này hiện đang sống ở Sài Gòn, đã và đang làm những việc như vậy. Đừng nói rằng những chuyện đó là những chuyện quá khứ, những chuyện mình không làm được. Đó là một trong những chuyện đang xảy ra.

Nếu sư cô nọ có thể giúp em bé kại thì sư cô cũng đã có thể giúp những em bé khác. Ngoài sư cô cũng còn biết bao nhiêu những sư cô khác đang làm được chuyện này. Đây không phải là chuyện lý thuyết. Sự thật ở Sài Gòn bây giờ có những sư cô buổi sáng mở chùa cho trẻ con bụi đời vô học. Các cô nói: 'Nếu các con chịu khó học được bốn tiếng đồng hồ thì trưa nay

sẽ được ăn cơm chay.' Giữ con nít ở trong chùa để các em khỏi ra được làm du đảng hay đào bới trong những đồng rác. Ăn trưa xong các em có thể lẫn ra ngủ. Ở lại học buổi chiều từ ba đến sáu giờ thì các em lại được ăn cơm chiều. Nhìn bề ngoài thấy giống như trẻ em mỗi ngày được cung cấp mấy giờ học và hai bữa cơm. Kỳ thực kết quả lớn lắm! Các cô đã giữ được cho các em khỏi sa vào những ổ nhện và khỏi trở thành những trẻ em du đảng. Cho một em ăn trưa chỉ tốn 25 cents thôi. Ở Tây phương, 25 cents thì mua gì được! Nhưng vào tay sư cô, 25 cents là một bữa ăn cho em bé. Bao nhiêu công việc như vậy. Rất đẹp, rất hay. Đạo Phật là như thế, không phải là đạo nói trên trời dưới biển. Thúy Kiều bây giờ nhiều lắm. Có khắp nơi. Chỉ thương hại cho cô Thúy Kiều của cụ Nguyễn Du không thôi thì rất bất công. Cô này đã có người thương rồi, đã có một sư cô tên Giác Duyên lo cho rồi. Còn biết bao nhiêu Thúy Kiều nhỏ tuổi, đại dột hơn Thúy Kiều này đang ở khắp nơi trên quê hương mình. Đọc truyện Kiều với cái thấy này thì truyện Kiều trở thành ra Kinh. Ích lợi như đọc Kinh.

---o0o---

NỬA TÌNH NỬA CẢNH

Tú Bà đã hứa sẽ lo cho tương lai của Kiều và để Kiều dưỡng bệnh ở lầu Ngưng Bích. Đây là những câu thơ đẹp tả cảnh quanh lầu Ngưng Bích; đồng thời nói lên tâm trạng nhớ thương của Thúy Kiều:

*Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng còn nọ bụi hồng dặm kia.*

Núi xa, trăng gần. Những cồn cát màu vàng, những con đường chạy về nơi xa tắp có màu hồng của Đất. Hình ảnh đẹp. Có tương phản (xa - gần, cát vàng - bụi hồng, cồn nọ - dặm kia) và có kép hợp (ở chung). Có động (cát - bụi) và có tình (non - trăng). Hay một phần nữa là ở chỗ ngắt nhịp. Thay và ngắt ở chữ thứ tư như những câu tám thông thường trong lục bát (ví dụ: Cát vàng cồn nọ/ tấm trăng gần/ ở chung. Hơi thơ vì vậy khác thường, không đều đều một điệu.

Tâm tình thương nhớ và khổ đau sẵn có xúc chạm với cảnh đẹp làm tâm trạng Kiều càng thêm xao xuyến:

*Bẽ bàng mây sớm đèn khuya.
Nửa tình nửa cảnh mà chia tấm lòng.*

Tâm con người không ở đó. Không thật sự có mặt cho cảnh trí trước mặt và cũng không thực sự có mặt cho những tâm tư của mình.

Tưởng nhớ người yêu, bản khoản vì lời thề chưa trọn:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,⁷⁰
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.*

Tưởng nhớ cha mẹ:

*Xót người tựa cửa⁷¹ hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh⁷² những ai đó giờ?
Sân lai⁷³ cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử⁷⁴ đã vừa người ôm.*

Người chị cả trong nhà nghĩ rằng mình đã không làm tròn được bổn phận của người con lớn. Trông vờ có hương, nghĩ về thân phận. Không biết mình sẽ đi về đâu trong tương lai:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu.
Buồn trông nội cỏ dầu dầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt ghènh,
Ầm ầm tiếng sóng vây quanh ghéngòi.
Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu.*

Ngồi ngắm cảnh mà trong lòng thì buồn. Chữ *buồn trông* lặp qua lặp lại đến bốn lần khiến cái buồn thêm vị sắt se, thấm thía. Tâm người ngắm cảnh tràn vào cảnh, khoác lên cảnh vài sắc thái *xa xa, man mác, dầu dầu, bàng bạc* trong những câu thơ tài tình.

---o0o---

NHẢM MẮT ĐƯA CHÂN

Cảm niềm đau của một người xa quê hương (đau lòng lưu lạc) Kiều ghi xuống tâm sự mình dưới hình thức những câu thơ. Làm thơ xong, buông màn xuống ngâm lên thì nghe phía tường bên kia có tiếng một người con trai ngâm họa lại. Người con trai đó được tả như thế này:

*Một chàng vừa trạc thanh xuân,
Hình dung chải chuốt ao khăn dịu dàng.
Nghĩ rằng cũng mạch thơ hương
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh.*

Rất hay! Anh chàng có dáng dấp học trò, không giống Mã Giám Sinh nhưng cũng rất khác với Kim Trọng. *Hữu u trung tức hình u ngoại*. Qua cách tả chúng ta cũng đã thấy được phần nào nội dung tâm lý của anh chàng rồi.

*Bóng nga thấp thoáng dưới màn,
Trông nàng chàng cũng ra tình đeo dai:*

Thấy nàng Kiều anh chàng cũng có vẻ quyến luyến. Anh ta mở lời:

*'Than ôi! Sắc nước hương trời,
'Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây?
'Giả đàn trong nguyệt trên mây,
'Hoa sao hoa khéo đọa đầy bấy hoa?
'Tức gan riêng giận trời già,
'Lòng này ai tỏ cho ta hỏi lòng?
'Thuyền duyên ví biết anh hùng,
'Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi!'*

Anh chàng muốn chứng tỏ mình là một trang hảo hán, có lòng anh hùng nghĩa hiệp, có thể cứu đời. Theo cách nói như vậy, chúng ta thấy rất rõ đây chỉ là nghĩa hiệp ở hình thức. Hình như Thúy Kiều cũng cảm thấy điều đó. Nhưng cô đang ở trong một hoàn cảnh quá ư khó khăn nên cố bấu lấy bất cứ cái sào nào được đưa ra.

Đánh liều nhắm một hai lời,

*Nhờ tay té độ vớt người trầm luân.
Mảnh tiên kể hết xa gần,
Nỗi nhà báo đáp nỗi thân lạc loài.
Tan sương vừa rạng ngày mai,
Tiện hồng nàng mới nhắn lời gửi sang.*

Thúy Kiều viết thư kể chuyện mình. Tặng sáng gửi sang (tiện hồng) nhà bên kia. Đến chiều đã thấy thư trả lời (phục thư) của 'chàng nghĩa hiệp'.

*Trời tây lãng dăng bóng vàng,
Phục thư đã thấy tin chàng đến nơi.
Mở xem một bức tiên mai,
Rành rành Tích Việt có hai chữ đề.
Lấy trong ý tứ mà suy:
'Ngày hai mươi một tuất thì phải chăng?'*

Kiều rất thông minh. Mở thư thấy hai chữ 'Tích Việt' thì đoán được thông điệp bí mật. Chữ Tích () phân ra có ba phần: tráp () là hai mươi () nhất () là một, nhật () là ngày. Chữ Việt () có nghĩa là vượt, trong đó có chữ () tuất (). 'Ngày hai mươi một, giờ Tuất (19: 00 - 21:00 giờ) mình sẽ đi trốn.' Đó là thông điệp bí mật của chàng.

*Chim hôm thoi thóp về rừng,
Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành.
Tường Đông lay động bóng cành,
Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào.*

Bây giờ hai người mới thật sự gặp nhau. Trước kia chỉ gặp bằng thơ văn.

*Sương sùng đánh dạn ra chào,
Lay thoi nàng mới rí trao ân cần:
Rằng: 'Tôi bèo bọt chút thân,
'Lạc đàn mang lấy nợ nần yếm anh.'⁷⁵
'Dám nhờ cốt nhục tử sinh,
'Còn nhiều kết cỏ ngậm vành'⁷⁶ về sau.*

Sở Khanh:

*Lặng nghe lảm nhảm gật đầu:
'Ta đây nào phải ai đâu mà rằng!*

*'Nàng đà biết đến ta chẳng,
'Bể trâm luân lấp cho bằng mới thôi.'
Nàng rằng: 'Muôn sự ơn người,
'Thế nào xin quyết một bài cho xong.'
Rằng: 'Ta có ngựa truy phong,
'Có tên dưới trướng vốn dòng kiện nhi.
'Thì cơ lên bước ra đi,
'Ba mươi sáu chước chước gì là hơn.'⁷⁷
'Dù khi gió kếp mưa đôn,
'Có ta đây cũng chẳng con có gì!'
Nghe lời nàng đã sinh nghi,
Song đà quá đổi quản gì được thân.
Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.*

Rất nhiều người thuộc lòng hai câu cuối và hay liều lĩnh làm theo. Khi bị đặt vào hoàn cảnh phải đi tới một quyết định, ta phải cẩn thận lắm mới được. Nếu ta không tin tưởng ở giải pháp đó một trăm phần trăm thì đừng làm liều như Thúy Kiều. Bị bí, không có nước ra mà cứ chấp nhận cần một giải pháp mạo hiểm. *'Cũng liều nhắm mắt đưa chân, Mà xem con tạo xoay vần đến đâu'* Thực ra là một lời cảnh cáo. Không bao giờ nên làm một cái gì mà mình chưa suy nghĩ kỹ càng. Phải đem hết tất cả trí tuệ của mình mà quán sát. Chỉ khi nào thấy rằng giải pháp đó là hay nhất, không có con đường nào hay bằng thì mình mới làm thôi. Trông vào may rủi (taking chance) là không nên.

---o0o---

QUÁT NGỰA TRUY PHONG

*Cùng nhau lên bước xuống lầu,
Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.
Đêm thu khắc lậu canh tàn,
Gió cây trúc lá trắng ngàn ngậm gương.*

Canh là đơn vị thời gian dài, khắc là đơn vị thời gian ngắn (15 phút). Đồng hồ (hồ nước bằng đồng) ngày xưa làm bằng hai chậu nước thông nhau, thời gian được đo bằng mực nước nhỏ từ chậu trên xuống chậu dưới. Chữ lậu trong khắc lậu có nghĩa là rỉ ra, lọt xuống. Người tu hành mà còn sa xuống thì gọi là hữu lậu, không còn rơi xuống nữa thì gọi là vô lậu.

*Lối mòn cỏ nhợt màu sương,
Lòng quê đi một bước đường một đau.
Tiếng gà xao xác gáy mau,
Tiếng người đâu đã mái sau dây dằng.*

Có tiếng đoàn người đuổi theo. Sở Khanh lộ ra chân tướng:

*Nàng càng thỏn thức gan vàng,
Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào!
Một mình khôn biết làm sao,
Dặm rừng bước thấp bước cao hỡi hùng.*

Hãy tưởng tượng cảnh người con gái đang đi một mình trong rừng, sau lưng có một đoàn người đuổi theo! Cụ Nguyễn Du xót cho Kiều:

*Hóa nhi⁷⁸ thật có nỡ lòng,
Làm chi giày tía vò hồng lấm nau!*

---o0o---

GIÀY TÍA VÒ HỒNG

*Một đoàn đồ đến trước sau,
Vuốt đầu xuống đất cánh đầu lên trời.
Tú Bà tóc trắng đến nơi,
Hăm hăm áp điệu một hơi lại nhà,
Hung hăng chẳng nói chẳng tra,
Đang tay vui liễu dập hoa toi bời.
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau.
Hết lời thú phục khăn cầu,
Uốn lưng thịt đồ giập đầu máu sa.*

Tú Bà đánh Kiều toi bời. Chỉ một cái tội đi trốn thôi là đủ để đánh rồi. Kiều chịu không nổi:

*Rằng: 'Tôi chút phận đàn bà,
'Nước non lià cửa chia nhà đến đây.
'Bây giờ sống thác ở tay,*

*'Thân này đã đến thế này thì thôi!
Nhưng tôi có sá gì tôi,
'Phận tôi đành vậy vốn người ở đâu?*

Kiều dùng phương pháp mặc cả, đánh vào cái lợi của người ta, để đừng bị đau đớn. Câu sau cùng là câu chua chát nhất:

*'Thân lươn bao quản lấm đầu,
'Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa.'*

Đây là câu thơ cay đắng, chua xót và đau đớn nhất trong truyện Kiều. Chừa những thói hư tật xấu như tham lam, sân hận, kiêu căng thì gọi là *chừa*. Nhưng lòng trinh bạch mà phải chừa thì là một bản án rất lớn của số phận đè lên con người. Đó là bi kịch lớn của loài người. Tất cả những độc giả của Nguyễn Du khi đọc tới câu này đều phẫn uất. Phẫn uất cho con người, phẫn uất cho xã hội. Một xã hội mà trong đó cô thiếu nữ phải hứa là sẽ chừa đi cái trong sạch và trinh trắng của mình! Dễ sợ!

*Được lời mụ mới tùy cơ,
Bắt người bảo lãnh làm tờ cung chiêu.
Bày vai có ả Mã Kiều,
Xót nàng ra mới đánh liều chịu đoan.
Mụ càng kể nhặt kể khoan,
Gạn gùng đến mực nồng nàn mới tha.*

Tú Bà bắt Kiều phải thề thốt và cam kết sẽ ra tiếp khách mới chịu tha. Trong thanh lâu có cô Mã Kiều thương tình, đứng ra bảo lãnh cho Thúy Kiều.

*Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
Mã Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời:
'Thôi đà mắc lận thì thôi!
'Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh?
'Bạc tình nổi tiếng lâu xanh,
'Một tay chôn biết mấy cành phù dung.
'Đà đao⁷⁹ lập sẵn chước dùng.
'Lạ gì một cốt một đồng xưa nay!
'Có ba mươi lạng trao tay,
'Không dung chi có chuyện này trò kia!
'Rôi ra trở mặt tức thì,*

'Bớt lời liệu chớ sân si thiệt đời!'

- 'Ít nhất Tú bà đã trả cho Sở Khanh ba mươi lạng vàng để đưa cô vào tròng. Hấn trở mặt nhanh lắm! Thôi, cô đừng nói năng gì với hấn nữa hết kẻo mà thiệt thân'.

*Nàng rằng: 'Thề thốt nặng lời,
'Có đâu mà lại ra người hiểm sâu!
Còn đương suy nghĩ trước sau,
Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào.
Sở Khanh lên tiếng rêu rao:
Rằng: 'Nghe mới có con nào ở đây.
'Phao cho quuyến gió rủ mây,
'Hãy xem cho biết mặt này là ai?'*

- 'Nghe đồn có con nào ở đây mới phao vu cho tôi quuyến rũ nó? Nó hãy ra đây coi thử cái mặt này có phải là mặt của thằng đó không?

*Nàng rằng: Thôi thế thì thôi,
Rằng không thì cũng vâng lời rằng không!'*

- 'Nếu ông nói không thì tôi cũng nói là không vậy!'

*Sở Khanh quát mắng ùng ùng,
Bước vào vừa rắp thị hùng ra tay.*

Kiều đưa ra hai chữ *'Tích Việt'*:

*Nàng rằng: Trời nhé có hay!
'Quyến anh rủ yến sự này tại ai?
'Đem người đây xuống giếng khơi,
'Nói rồi lại ăn lời được ngay!
'Còn tiên tích việt ở tay,
'Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai!
Lời ngay đong mặt trong ngoài,
Kẻ chê bắt nghĩa người cười vô lương!
Phụ tình án đã rõ ràng,
Dơ tuồng nghi⁸⁰ mới kiếm đường tháo lui.*

PHONG TRẦN NHƯ AI

*Buông riêng riêng những sứt sùi,
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân:
'Tiếc thay trong giá trắng ngần,
'Đến phong trần cũng phong trần như ai!
'Tẻ vui cũng một kiếp người,
'Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru!
'Kiếp xưa đã vụng đường tu,
'Kiếp này chẳng kéo đền bù mới xuôi!
'Dấu sao bình đã vỡ rồi,
'Lấy thân mà trả nợ đời cho xong!'*

Bây giờ mình đau khổ như thế này là vì kiếp trước mình đã không biết tu tập đàng hoàng. Vậy thì đừng than thở nữa, hãy tu tập để chữa lại những lỗi lầm trong quá khứ. Ở đây Kiều nghĩ rằng mình phải chấp nhận tiếp khách để 'trả cái nợ' mình đã mắc trong tiền kiếp. Cương quyết 'trả nợ', chấp nhận tiếp khách. Nhưng tiếp khách đâu phải dễ. Tú Bà gọi Kiều vào và dạy: phương pháp tiếp khách. Là con gái nhà lành, Kiều phải đi qua một lớp 'huân luyện' thì mới có thể làm ăn được.

*Vừa tuần nguyệt sáng gương trong,
Tú Bà ghé lại thông dong dặn dò:
'Nghề chơi cũng lắm công phu,
'Làng chơi ta phải biết cho đủ điều.'
Nàng rằng: 'Mưa gió dập dìu,
'Liều thân thì cũng phải liều thế thôi!'
Mụ rằng: 'Ai cũng như ai,
'Người ta ai mất tiền hoài đến đây?
'Ở trong còn lắm điều hay,
'Nồi đơm khép mở nồi ngày riêng chung.
'Này con thuộc lấy làm lòng,
'Vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề.
'Chơi cho liễu chán hoa chê,
'Cho lãn cho lóc cho mê mãi đời.
'Khi khóe hạnh khi nét ngài,
'Khi ngậm ngội nguyệt khi cười cợt hoa.
'Đều là nghề nghiệp trong nhà,
'Đủ ngàn ấy nét mới là người soi.'⁸¹*

'Gót đầu vâng dạy mấy lời,
Đường chau nét nguyệt đường phai vẻ hồng.
Những nghe nói đã thẹn thùng,
Nước đời lắm nỗi lạ lòng khát khe!
Xót mình cửa các buồng khuê,
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay!
Khéo là mặt dạn mày dày,
Kiếp người đã đến thế này thì thôi!
Thương thay thân phận lạc loài,
Dẫu sao cũng ở tay người biết sao?
Lâu xanh mới rủ trưởng đào,
Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người
Biết ao bướm lả ong lơ,
Cuộc say đây thảng trận cười suốt đêm.
Dập dìu lá gió cành chim⁸²
Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Tràng Khanh.⁸³
Khi tỉnh rượu lúc tàn canh.
Giật mình mình lại thương mình xót xa.

Trong khi tiếp khách bận rộn thì Kiều không có thì giờ để đau khổ. Nhưng những khi tỉnh rượu giữa đêm khuya là những lúc Kiều đau khổ cực kỳ. 'Một mình mình lại thương mình xót xa'. Câu thơ có tới ba chữ *mình* mà không chữ nào dư.

*Khi sao phong gấm rủ là
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?*

Bốn chữ *sao* lặp đi lặp lại như tiếng than, như câu hỏi, là nỗi day dứt không đành trước nghịch lý trở trêu của thân phận.

---o0o---

ĐÒI ĐOẠN XA GẦN

*Mặc người mây Sở mưa Tần,
Những mình nào biết có xuân là gì.
Đòi phen gió tựa hoa kề,*

Nửa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu.

Cũng có những lúc rảnh rỗi. Ngồi tựa cửa nghe gió, ngắm hoa, Kiều thấy tuyết rơi ngậm một nửa bức rèm trước cửa sổ hay trăng chiếu sáng bốn bề. Những lúc đó Kiều thấy gì?:

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.*

Cảnh đẹp. Nhưng khi tâm mình buồn thì không có cảnh nào là không chứa đựng trong lòng nó tính chất sầu đau của tâm lý. Thuần túy Duy Thức Học!

*Đòi phen nét vẽ câu thơ.
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.*

Cũng có những giờ phút giống như là an lạc: ngồi vẽ, đánh đàn dưới trăng, chơi cờ với khách. Đứng ngoài ngó vô thì giống như mình cũng là một người phong lưu, lịch sự. Nhưng mà:

*Vui là vui gượng kéo mà
Ai tri âm đó mặn mà với ai?
Thờ ơ gió trúc mưa mai,
Ngẩn ngơ trăm mối dùi mài một thân.
Ôm lòng đòi đoạ xa gần,
Chẳng vò mà rồi chẳng dần mà đau!
Nhớ ơn chín chữ cao sâu,
Một ngày một ngả bóng dàu tà tà.
Dặm nghìn nước thăm non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này.
Sân hòe đôi chút thơ ngây,
Trân cam⁸⁴ ai kẻ đỡ thay việc mình?*

Kiều nghĩ đến cha mẹ già. Ở xa, hai đấng sinh thành đâu biết thân phận con mình đã ra đến thế này! Hai em còn nhỏ ở nhà không biết có săn sóc được cha mẹ như mình mong muốn không?

*Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa xôi ai có biết tình chẳng ai?
Khi về hỏi liễu Chương Đài.⁸⁵*

*Cành xuân đã bẻ cho người chuyển tay!
Tình sâu mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?*

Tưởng tượng Kim Trọng về, nghe Kiều đi lấy chồng rồi thì buồn biết bao nhiêu mà kể! Không biết cuộc nhân duyên mà Thúy Kiều mong muốn tác hợp giữa người yêu và em gái có thành tựu được không?

*Mối tình đòi đoạ vò tơ,
Giác hương quan luống ngẩn ngơ canh dài.
Song sa vò võ phương trời
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng.*

Thơ rất hay! Thời gian đi qua, lặp lại. Những lúc chiều xuống là những lúc người ta nhớ nhà nhiều nhất.

*Lần lần thả bạc ác vàng,
Xót người trong hội đoạ trường đòi con.*

---o0o---

SÁU CHỮ 'CHO'

*Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cân!
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.*

Bốn câu thơ thể đi rất mãnh liệt. Có sáu chữ *cho*. Như đóng đinh vào gỗ, mỗi chữ *cho* chuyên chở sức mạnh của một lát búa, thể hiện sự phẫn uất của con người (và tác giả) trước số mệnh. Nếu tác giả không từng đau khổ thì không thể nào viết được bốn câu thơ này. Tác giả cũng đã từng bị sỉ nhục trong cuộc đời.

Cảm giác bị ô nhục không phải là cảm giác của riêng Thúy Kiều. Tất cả chúng ta trong đời thế nào cũng đã hoặc sẽ có lần cảm thấy bị sỉ nhục như là bị hãm hiếp (dầu con trai). Đây là một sự thật. Trong thơ có chữ *hồng nhan*, kỳ thực ai mà không phải là *hồng nhan*? Cuộc đời tàn nhẫn, bất nhân. Con gái, con trai gì một ngày nào đó cũng sẽ đi qua những lần cảm thấy mình bị sỉ nhục như sự sỉ nhục của nàng Kiều. Nếu quý vị là những người trẻ chưa từng bị sỉ nhục thì nên nhớ điều này. Xã hội sẽ đem tới kinh nghiệm

đó cho quý vị. Hồi tôi đi làm công tác cứu người trên biển tôi cũng đã bị sỉ nhục. Xã hội làm cho mình nhục nhã trong khi mình đi làm những công việc có tính cách thanh cao. Tôi đã bị nhiều lần như thế chứ không phải chỉ một lần. Thân phận mình lúc đó giống như thân phận nàng Kiều. Xã hội đã được tổ chức thế nào mà tất cả chúng ta, sanh ra làm kiếp người ai cũng sẽ phải đi qua thân phận của nàng Kiều ít nhất là một lần. *'Đã đày vào kiếp phong trần, Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi!'*

*Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại cho tàn mới cân!
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi!*

Đọc xong sáu chữ *cho*, tự nhiên trong tâm mình thấy có thoải mái. Vì mình đã hét lên sáu tiếng hét. Ghê gớm không thua gì sáu tiếng hét của thiên sư Lâm Tế. Bao nhiêu đau khổ, uất ức tản ra và tâm tình mình nhẹ đi.

---o0o---

MỘT TÌNH MUỖI MÊ

*Khách du bông có một người,
Kỳ Tâm họ Thúc cũng nôi thư hương.
Vốn người huyện Tích châu Thường,
Theo nghiêm đường mở ngôi hàng Lâm Truy.
Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi,
Thiếp hồng tìm đến hương khuê gởi vào.*

Trong thời gian tiếp khách, Kiều gặp một người đàn ông đem lòng say mê và cứu Kiều ra khỏi thanh lâu. Anh chàng tên là Thúc Kỳ Tâm, trước là học trò, bây giờ vừa học trò và là thương gia tập sự.

*Trương tô giáp mặt hoa đào,
Vẻ nào chẳng mặn nét nào chẳng ưa?
Hải đường mơn mớn cảnh tơ,
Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng!
Nguyệt hoa hoa nguyệt nã nùng,
Đêm xuân ai dễ cảm lòng được chẳng!*

Anh chàng là một người có nhiều tiền. Cô nàng là một người rất có nhan sắc. Vì vậy:

*Lạ gì thanh khí lẽ hằng,
Một dây một buộc ai giằng cho ra!
Sớm đào tối mạn lân la,
Trước còn trăng gió sau ra đá vàng.*

Liên hệ giữa hai người ban đầu chỉ là liên hệ của những người chơi. Sau biết nhau, hiểu nhau thì đem lòng thương nhau. Trăng gió là vấn đề sinh lý. Đá vàng là có sự gắn bó, thương mến về tâm lý.

*Dịp đâu may mắn lạ thường,
Lại vừa gặp khoảng xuân đường lại quê.*

Đáng lý cha đi vắng, Thúc Sinh ở lại phải lo chăm sóc cửa hàng. Nhưng anh chàng chỉ đi lâu xanh:

*Sinh càng một tỉnh mười mê,
Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân.*

Chát đăm mê rất lớn. Khi học đạo tỉnh thức thì chúng ta đi về hướng 'mười tỉnh một mê'. Ở đây anh chàng lại đi về hướng 'mười mê - một tỉnh'!

*Khi gió mát khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu câu thần nói thơ.
Khi hương sớm khi trà trưa,
Bàn vầy diêm nước đường tơ họa đàn.
Miệt mài trong cuộc truy hoan,
Càng quen thuộc nét càng dan díu tình.
Lạ cho cái sóng khuyh thành,
Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi.
Thúc Sinh quen nét bốc rời,⁸⁶
Trăm nghìn đổ một trận cười như không.
Mụ càng tô lục chuốc hồng,
Máu tham hề thấy hơi đồng là mê.
Dưới trăng quyen đã gọi hề,
Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông.*

Hai câu tả cảnh mùa hè tứ rất hay và rất mới.

*Buồng the phải buổi thông dong,
Thang lan⁸⁷ rủ bức trướng hồng tằm hoa.
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.*

Nhà Nho Nguyễn Du tả một thiếu phụ khóa thân tằm. Nhà Nho này cũng ghê lắm chứ đâu phải chơi. Trong nguyên lục, tác giả chỉ tả cái đẹp của Kiều buổi tối ấy sau khi nàng vừa mới tắm ra, chứ không tả Kiều trong khi nàng tắm. CỤ Nguyễn Du lại tả Kiều trong khi nàng tắm. Bài thơ của Thúc Sinh làm ra để ca tụng sắc đẹp Kiều tuy có nói đến *băng cơ tuyết thái* (da băng về tuyết) nhưng cũng chỉ ca tụng mỹ nhân đã mặc áo vào rồi, còn những câu thơ của cụ Nguyễn Du lại là đề ta tụng mỹ nhân khi nàng khóa thân. Truyện Kiều như vậy là erotic hơn nguyên lục! Đọc tới chỗ này tôi thấy tức cười vì cụ nhà Nho biết cô này thuộc về hàng buôn hương bán phấn mà lại tả 'rõ ràng trong ngọc trắng ngà'. Với một cô gái làm nghề mãi dâm thì thi sĩ không thể dùng những chữ này được. Hơn nữa tôi chắc chắn là cô ta có một cái sẹo ở bụng rất lớn mà cụ lại không nói tới. Cô đã tự tử gần chết thì cái sẹo đó phải rất lớn. Nếu cô đâm vào cổ tự tử thì cái sẹo nằm ở cổ, tại sao cụ quên mất cái vụ đó đi mà không tả? Tôi sẽ hỏi cụ như vậy. Có phải cụ giấu diếm một sự thật hay không? Vết thương trong tâm, cụ đã nói quá nhiều, mà cụ lại không nói đến những vết thương nơi thân. Vết thương do tự tử và những vết thương do những khách làng chơi đưa tới.

*Sinh càng tỏ nét càng khen,
Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường.*

Thúc Sinh làm thơ ca ngợi sắc đẹp của Kiều. Kiều viện có nhớ nhà không họa lại.

*Nàng rằng: 'Vâng biết lòng chàng,
'Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu.
'Hay hèn lẽ cũng nói điếu,
'Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang ngang,
'Lòng còn gửi áng mây vàng,⁸⁸
'Họa vắn xin hãy chịu chàng hôm nay.'*

Thúc Sinh ngạc nhiên:

*Rằng: 'Sao nói lạ lùng thay!
'Cành kia chẳng phải cội này mà ra?'*

- 'Em không phải là con gái Tú Bà? Vậy tại sao lại gọi mẹ mẹ con con ngọt xót như vậy?'

*Nàng càng ủ dột thu ba,⁸⁹
Đoan trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh:
'Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.
'Chúa xuân rằng đã có nơi,
'Ngấn ngày thôi chớ dài lời làm chi!'*

- 'Anh đừng nói nhiều làm chi. Liên hệ của chúng ta là liên hệ phù phiếm của con bướm bướm và bông hoa tàn. Thời giờ của mình là giờ giờ để ăn chơi vì vậy đừng động tới những niềm đau sâu sắc trong lòng nhau.'

*Sinh rằng: 'Từ thuở tương tri,
'Tắm riêng riêng những nặng vì nước non.
'Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
'Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.'*

- 'Tôi muốn chuyện lâu dài chứ không phải chuyện liên hệ nhất thời.' Đây là những lời rất thành thật của Thúy Kiều:

*Nàng rằng: 'Muôn đời ơn lòng,
'Chút e bên thú bên tông dễ đâu.
'Bình khang nấn n á bấy lâu,
'Yêu hoa yêu được một màu điểm trang.
'Rời ra lạt phấn phai hương,
'Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng?'*

- 'Cảm ơn anh, nhưng mà anh không thực tế. Thứ nhất anh đã đến đây là vì hình thức hấp dẫn. Mai kia nhan sắc em tàn tạ thì biết anh có còn thương em nữa hay không?'

*'Và trong thềm quế cung trăng,
'Chú trương đàn đã chị Hằng ở trong.
'Bấy lâu khăn khít dải đồng,
'Thêm người người cũng chia lòng riêng tây.
'Về chi chút phận bèo mây,*

'Làm cho bé ái khi đầy khi vơi.

- 'Hơn nữa anh đã có vợ ở nhà. Bây giờ có thêm một người nữa thì làm sao không có sự chia sẻ tình yêu. Đừng vì em, một cánh bèo, một đám mây trôi, mà làm thay đổi xáo trộn tình chồng vợ.'

*'Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
'Thân sau ai chịu tội trời ấy cho.
'Như chàng có vững tay co,
'Mười phần cũng đắp điểm cho một vài.
'Thế trong dù lớn hơn ngoài,
'Trước hàm sư tử gửi người dăng la.
'Cúi đầu luôn xuống mái nhà,
'Giám chua lại tội bằng ba lửa nông.*

- 'Sau này nếu trong nhà cơm không lành canh không ngọt, hai bên giận, đánh nhau và từ nhau thì ai chịu tội đó nếu không phải là em? Nếu chàng có uy lực thì mười phần cũng chỉ che chở cho em được vài phần thôi. Ngược lại, nếu vợ cả là sư tử Hà Đông thì tình trạng của vợ lẽ (*dăng la*) rất nguy hiểm. Em đang chịu cái khổ của *lửa nông* (lầu xanh) nhưng chui vào hoàn cảnh đó để gặp cái khổ của *giám chua* (ghen) thì lại càng tệ hại hơn. Nằm trong đôi tượng của sự ghen tuông người ta khổ vô cùng.' Rất tội nghiệp, Thúy Kiều đã lớn lên trong đau khổ và đã nói ra những sự thật.

*'Ở trên còn có nhà thung,
'Lượng trên trông xuống biết lòng có thương?
'Sá gì liễu ngô hoa tường,
'Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh!
'Lại càng dơ dáng đại hình,
'Đành thân phận thiếp nghĩ danh giá chàng.*

- 'Rồi còn ba anh nữa! Liệu ông có chấp nhận thân phận cây liễu mọc đầu ngô, bông hoa nở bên tường của em không? Nếu ba anh đuổi em về lầu xanh thì đành thân phận em là vậy nhưng danh giá của anh cũng sẽ bị tan nát vì chuyện này.' Đọc ngang đây tôi phục Thúy Kiều lắm. Trải qua bao nhiêu tủ nhục ê chề nàng Kiều đã học được bài học của thực tế và đã nói hết ngọn ngành hơn thiệt cho Thúc Sinh nghe. Nhưng anh chàng không nghe. Kiều lập lại để kết luận:

'Thương sao cho vẹn thì thương,

'Tính sao cho trọn mọi đường thì vâng.'

- 'Anh là con trai. Nếu đã thương thì anh phải tính cho trọn và đã quyết định thì anh phải chịu trách nhiệm.' Buộc bằng một câu nói rạch ròi như vậy. Rất thông minh.

*Sinh rằng: 'Hay nói dè chừng,
'Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao?
'Đường xa chớ ngại Ngô Lào,
'Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
'Đã gần chi có điều xa,
'Đá vàng đã quyết phong ba cũng liêu!'*

Gan mà! Mê quá rồi! Lát nữa chúng ta sẽ biết có nên tin anh chàng hay không.

*Cùng nhau cắn vụn đến điều,
Chỉ non thê bẻ nặng gieo đến lời.*

- Lại thê nữa!

*Nỉ non đêm ngăn tình dài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.*

---o0o---

HOÀN LƯƠNG

*Mượn điều trúc viện thừa lương,
Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến hòa sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy thợ mượn người dò la.
Bắn tin đến mặt Tú Bà,
Thua cơ mụ cũng cầu hòa dám sao!
Rõ ràng của dân tay trao,
Hoàn lương một kiếp thân vào cửa công.*

Thúc Sinh lập mưu đón Thúy Kiều đi nghỉ mát ở vườn trúc rồi bắn tin về Tú Bà dọa kiện Tú Bà đã lừa mua con nhà lương thiện bắt đi làm đĩ (chiến)

nếu Tú Bà không cho chuộc Kiều (hòa). Tú Bà phải chịu nhận tiền và ký giấy hoàn lương cho Kiều.

*Công tư hai lẽ đều xong,
Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai.
Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.
Hương càng đượm lửa càng nồng,
Càng sôi vẻ ngọc càng lồng màu sen.*

---o0o---

ĐẤT BẰNG DẬY SÓNG

*Nửa năm hơi tiếng vừa quen,
Sân ngô⁹⁰ cành biếc đã chen lá vàng.
Dậu thu vừa nẩy gió sương⁹¹
Gối yên đã thấy xuân đường đến nơi.⁹²
Phong lôi nổi trận bời bời,
Nặng lòng e áp tính bài phân chia.
Quyết ngay biện bạch một bề,
Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.*

Thúc Ông về, thấy con trai đem một cô gái giang hồ về nhà ở thì nổi trận lôi đình. Thúc Ông không những ngại (*nặng lòng e áp*) về danh giá nhà mình mà còn lo đối với nhà vợ cả của Thúc Sinh sẽ có chuyện lôi thôi. Ông bắt Kiều phải về lại lầu xanh.

*Thấy lời nghiêm huấn rành rành,
Đánh liều Sinh mới lấy tình nài kêu:
Rằng: 'Con biết tội đã nhiều,
'Dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam.
'Trót vì tay đã nhúng chàm,
'Đại rồi còn biết khôn làm sao đây!*

Có người còn đố chơi: Thúc Sinh làm nghề gì? Trả lời: làm thợ nhuộm. Vì nếu không thì nhúng tay vào chàm làm gì? Truyện Kiều đã được yêu mến và đi vào đời sống người dân dưới những hình thức đố Kiều, bói Kiều, lấy Kiều... vân vân.

*'Cùng nhau vả tiếng một ngày,
'Ôm cầm ai nỡ đứt dây cho đàn.
'Lượng trên quyết chẳng thương tình,
'Bạc đen thôi có tiếc mình làm chi!'*

Thúc Sinh nhất định chết chứ không chịu đui Kiều về lâu xanh.

*Thấy lời sắt đá tri tri,
Sốt gan ông mới cáo quỳ cửa công.
Đát bằng nổi sóng ùng ùng,
Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra.*

Thấy con trai cứng đầu quá, Thúc ông đi thưa với chính quyền.

*Cùng nhau theo gót sai nha,
Song song vào trước sân hoa lay quỳ.*

---o0o---

HIỂU NGHĨA CHỮ THƯƠNG

*Trông lên mặt sắt đen sì,⁹³
Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời:
'Gã kia đại nét toi bời,*

Quan phủ mắng Thúc Sinh trước, nhưng chỉ mắng một câu thôi. Quay sang Thúy Kiều, ông la rất nhiều:

*'Mà con người thế là người đơng đơ!
'Tuồng chi hoa thải hương thừa,
'Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.*

Gọi người con trai là 'con đen' 'đại nét' và như vậy bao nhiêu lỗi ông mặt sắt đều đổ hết lên người con gái. Rõ ràng có sự thiên vị, không công bình. Mặt ông, thật ra, cũng không 'sắt' bao nhiêu.

*'Suy trong tình trạng bên nguyên,
'Bê nào thì cũng chưa yên bê nào.
'Phép công chiếu án luận vào,
'Có hai đường ấy muốn sao mặc mình:*

*'Một là cứ phép gia hình,
'Hai là lại cứ lâu xanh phó về!'*

Kiều phải chọn một trong hai giải pháp: bị đánh, bị gông hoặc là trở lại lâu xanh. Kiều nhất quyết không trở về đời sống lâu xanh nữa:

*Nàng rằng: 'Đã quyết một bề,
'Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần!
'Đục trong thân cũng là thân,
'Yếu thơ vâng chịu trước sân loi đình.'*

- 'Dầu đục dầu trong thì thân con người vẫn là thân con người, ai cũng biết đau như nhau. Con chọn hình phạt.'

*Dạy rằng: 'Cứ phép gia hình!'
Ba cây⁹⁴ chập lại một cành mẫu đơn.
Phận đàn chi dám kêu oan,
Đào hoen quện má liễu tan tác mày.⁹⁵
Một sân làm cát⁹⁶ đã đầy,
Gương lờ nước thúy mai gầy vóc sương.⁹⁷*

Với một người nhi nữ thì hình phạt kia quả thật là quá đáng! Nhưng cụ Nguyễn Du không nói thương Thúy Kiều mà lại nói thương Thúc Sinh:

*Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy lòng còn xót xa.*

Trong khi mọi người nhìn vào đều thấy cái khổ bị trừng phạt của Thúy Kiều thì cụ lại nhìn thấy cái khổ của Thúc Sinh. Người thương của mình đang bị hình phạt thì mình rất đau khổ. Nhất là nỗi khổ đó lại do vì mình mà có! Đau còn hơn là chính mình bị gông cùm và đánh đập nữa!

*Khóc rằng: 'Oan khóc vì ta,
'Có nghe lời trước chẳng đà lụy sau.
'Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,
'Để ai trắng túi hoa sầu vì ai?'*

Cạn lòng là suy nghĩ và tiếp xử với sự việc xảy ra trong một ngày một cách hời hợt, không biết quán chiếu sâu sắc. Vì vậy cho nên 'để ai trắng túi hoa sầu vì ai?' Lúc đau khổ xảy ra mới biết kiểm thảo, hối hận! Ngày xưa vì

mê quá, cho nên anh chàng chỉ nói: 'Để anh lo hết ! Em đừng sợ.' Anh hùng mà sợ gì! Nhưng đến lúc này ta mới thấy anh chàng chẳng anh hùng gì cả.

*Phủ đường nghe thoảng vào tai
Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.
Sụt sùi chàng lại thưa ngay,
Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân:
'Nàng đà tính hết xa gần,
'Từ xưa nàng đã biết thân có rày!
'Tại tôi húng lẩy một tay,
'Để nàng cho đến nỗi này vì tôi!'*

Ở đây chúng ta cũng thấy được nghĩa của chữ thương. Thương mà chỉ biết nghe tiếng gọi của đam mê, không biết nghe tiếng gọi của trí tuệ thì mình sẽ làm khổ và gây thương tích cho người mình thương.

*Nghe lời nói cũng thương lời,
Dẹp uy mới dạy cho bài giải vi,⁹⁸
Rằng: 'như hấn có thể thì,
'Trăng hoa song cũng thị phi biết điều!'*

Đây là lần đầu tiên ông phủ mở lời khen Thúy Kiều. Định kiến của ông về người con gái xuất thân từ giới trăng hoa bắt đầu thay đổi.

*Sinh rằng: 'Chút phận bọt bèo,
'Theo đòi và cũng ít nhiều bút nghiên.'*

Được quan bắt đầu hiểu thì bên này chàng Thúc nức lòng, liền khoe: 'Đa bẩm quan lớn. Em con tuy không có phước đức nhiều nhưng ngày xưa cũng đã được đi học. Khá giỏi văn chương.' (Kiều giỏi lắm đó! Không phải thường đâu, bẩm quan lớn!) Bây giờ quan phủ đã bắt đầu có cảm tình với Kiều:

*Cười rằng: 'Đã thế thì nên,
'Mộc già hãy thử một thiên trình nghệ.'*

Quan lớn chịu chơi: 'Hay lắm! Vậy thì bảo nó thử làm một bài thơ vịnh cái gông (một già) để ta xem thử tài học của nó đã tới trình độ nào (trình nghệ)' Nghệ ở đây là nghề văn chương. Trình kệ kiến giải cũng là trình nghệ; những chuyên hóa mình đã đạt được sẽ xuất hiện trong bài kệ kiến giải.

*Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.*

Nguyên bản *Phong Tình Lục* có bài thơ Kiều làm như sau:

*Ngã dĩ mộc vi cừ
Hỷ khuyên sáo trung đắc xuất đầu
Phương viên già cái toàn thân xử
Hà tăng mi vũ tu
Tọa tĩnh khả ưu
Khả linh lệ ngân lưu
Bất đáo sam hòa tụ.
Tạ Hiền Hầu, giao nhân cường hạng
Tái bất hứa phóng ca hầu.*

Nghĩa là:

*'Ta với cây gỗ là kẻ thù
Mừng vì nổi trong vòng khuyên tròn được chui đầu ra
Xấu vì nổi vuông tròn che khắp thân thể
Mày mặt chưa từng bị hổ thẹn
Như người ngồi dưới giếng đáng lo.
Thương thay vết dòng nước mắt
không chảy tới vạt áo và ống tay áo.
Kính tạ Hiền Hầu, bắt người phải cứng cổ
không cho lại mở họng hát ra.*

Quan xem thơ rất cảm kích:

*Khen rằng: 'Giá đáng thịnh Đường.'⁹⁹
"Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân!
'Thực là tài tử giai nhân,
'Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn!¹⁰⁰*

Hướng về cha của Thúc Sinh:

*'Thôi đừng rước dĩ cưu hờn,
'Làm chi lở nhíp cho đàn ngang cung,
'Đã đưa đến trước cửa công,*

*'Ngoài thì là lý song trong là tình,
'Dâu con trong đạo gia đình,
'Theo thì đẹp nổi bất bình là xong!'*

- 'Thôi ông hoan hỉ cho cả hai đứa!' Mặt sắt bây giờ không còn sắt đá nữa. Ông quan này là người có khả năng thưởng thức văn chương. Cái may của Thúy Kiều là chỗ đó. Biết làm thơ đôi khi cũng hay! Rồi ông quan chịu chơi hơn còn cho xe ngựa đưa cặp vợ chồng này về và giúp phương tiện tổ chức đám cưới, chính thức hóa cho họ nữa:

*Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa cất gió đuốc hồng điếm sao.
Bày hàng cổ xúy¹⁰¹ xôn xao,
Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.
Thương vì hạnh trọng vì tài,
Thúc ông thôi cũng đẹp lời phong ba.*

Đó là thái độ mới của ông già chồng, chịu ảnh hưởng của thái độ quan huyện. Thấy được đức hạnh và tài năng của Thúy Kiều nên ông đã chấp nhận Kiều như con dâu của mình. Trước đó ông đâu thèm ngó tới! Ông có một ý niệm: 'đây là một cô gái từ thanh lâu tới'; và chỉ có ý niệm đó nên thôi. Kế đến là sợ thế lực của quan Lại Bộ bên nhà vợ cả Thúc Sinh. Hành động trên căn bản sợ và thành kiến vì vậy ông đã không có khả năng thấy được con người của Thúy Kiều. Nhờ quan phủ mà bây giờ Thúc Ông đã thấy được đức hạnh và tài ba của Thúy Kiều. Ông hết giận không còn những câu chửi rửa, mắng nhiếc và lên án nữa.

*Huê lan sực nức một nhà.
Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa.*

Hạnh phúc bây giờ lớn hơn vì con người đã trải qua những đắng cay, đau khổ. Sau khi giận thì người ta lại thương nhiều hơn. Sau những khó khăn thì tình người trở nên đậm đà.

---o0o---

TRONG ÂM NGOÀI ÊM

*Mảng vui rượu sớm cờ trưa
Đào đà phai thắm sen vừa nẩy xanh.*

Bị kiện tụng là hồi mùa thu. Qua mùa Đông, mùa Xuân và bây giờ bắt đầu mùa Hạ. Không biết trong thời gian Thúc Sinh có học hành hoặc buôn bán gì không? Chỉ nghe cờ với rượu. Kiều bây giờ đã giỏi, có kinh nghiệm trong cuộc đời rồi. Kiều biết lo xa chứ không phải chỉ ham chơi như anh chàng. Kiều khuyên Thúc Sinh về thăm nhà và nói tất cả sự thật cho vợ cả nghe để được chấp nhận đàng hoàng, không phải sống chui sống nủi một cách không chính thức.

*Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh,
E tình mới bày tình riêng chung:
'Phận bỏ đã vẹn chữ tòng,
'Đổi thay nhận yến đã hồng đày niên.
'Tin nhà ngày một vắng tin,
'Mặn tình cát lữ lạt tình tao khang.¹⁰²
'Nghĩ ra thật cũng nên dường,
'Tăm hơi ai dễ giữ giàng cho ta?
'Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
'Ở vào khuôn phép nói ra mỗi giường,
'E thay những dạ phi thường
'Để dò rón bề khôn lường đáy sông!
'Mà ta suốt một năm ròng,
'Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.*

Những lời này chứng tỏ Kiều đã chín, đã có kinh nghiệm.

*'Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao,
'Hoặc là trong có làm sao chẳng là?
'Xin chàng kíp liệu lại nhà,
'Trước người đẹp ý sau ta biết tình.*

Trong nguyên bản Phong Tình Lục có năm chữ: *'Vô nãi hữu trá hồ?'* Hay là trong nhà (người ta đã biết và) có mưu mẹo gì rồi? *'Hoặc là trong có làm sao chẳng là?'*

*Đêm ngày giữ mực giấu quanh,
'Rày lần mai lửa như hình chưa thông.'*

Đi theo đường lối giấu, giấu và giấu. Đó là tình trạng bế tắc, không thông. Đối với các tâm hành trong ta cũng vậy, ta phải đưa tất cả ra dưới ánh

sáng của chánh niệm thì mới mong tạo được tình trạng lưu thông, thông suốt và an toàn.

*Nghe lời khuyên nhủ thông dong
Đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang.*

Lần này anh chàng nghe lời Kiều.

*Rạng ra gởi đến xuân đường
Thức ông cũng vội giục chàng ninh gia.
Tiễn đưa một chén quan hà,¹⁰³
Xuân đình thoát đã đổi ra cao đình.¹⁰⁴
Sông Tản một bãi xanh xanh,¹⁰⁵
Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương-quan.¹⁰⁶*

---o0o---

THƯƠNG NHAU XIN NHỚ LỜI NHAU

*Cầm tay dài ngắn thở than,
Chia phôi ngừng chén hợp tan nghẹn lời.
Nàng rằng: 'Non nước xa khơi,
'Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.*

Kiều đã có trí tuệ. Làm sao để cho bên trong ấm thì bên ngoài mới êm được.

*'Để lòa yếm thắm trôn kim,
'Làm chi bung mắt bắt chim khó lòng.*

Khi vô ý thì cái yếm màu thắm đỏ cũng không thấy. Khi có ý thì tuy cái lỗ kim nhỏ ta vẫn thấy và xỏ chỉ qua được. Đừng khinh thường, nghĩ rằng người ta không biết. Những chuyện sờ sờ như vậy không biết làm sao được! Đừng bung mắt bắt chim (*yếm tự bỏ tước*), đừng tự dối mình!

*'Đôi ta chút nghĩa đèo bông,
'Đến nhà trước liệu nói sòng cho mình.
'Dù cho sóng gió bất bình,
'Lớn ra uy lớn tôi đành phận tôi.*

- 'Dầu khó khăn, sóng gió thế nào đi nữa thì chị là lớn, em là nhỏ. Danh phận đâu ra đó.'

*'Hơn điều giầu ngược giầu xuôi,
'Lại mang những việc tày trời đến sau.*

Thúy Kiều như một nhà tiên tri, biết trước những gì sẽ xảy ra và nói rõ cho Thúc Sinh những điều cần phải làm. Nhưng Thúc Sinh vẫn không làm. Anh chàng không chuyển hóa gì cả.

*'Thương nhau xin nhớ lời nhau,
'Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
'Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
'Chén mừng xin đợi ngày này năm sau!'*

Rất cảm động: *'Thương nhau xin nhớ lời nhau'* Sáu chữ thôi mà rất hay. Nếu quả thực mình thương thì mình phải nhớ, phải hiểu được lời người kia nói. Bằng không thì mình sẽ trở thành một Thúc sinh, đem lại đau khổ cho chính mình và cho người kia. *Thương nhau xin nhớ lời nhau*. Nếu mình lạy Bụt, kính Bụt, thương Bụt thì cách hay nhất để biểu hiện tình thương của mình là nhớ, hiểu và làm theo lời Bụt. Liên hệ giữa bằng hữu và thầy trò cũng vậy. Phải nhớ lời nhau.

*Người lên ngựa kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.*

Hình ảnh rất đẹp! Chia bào là buông vạt áo ra. *'Thôi thôi buông áo em ra, Để em đi chợ kéo mà chợ trưa.'* Ở đây là: *'Thôi thôi buông áo anh ra, Để anh thăm vợ kéo mà vợ la.'*

*Người lên ngựa kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
Vàng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.*

Thơ lục bát mà làm như vậy là tài tình!

Câu 'Vàng trắng ai xẻ làm đôi' có liên hệ đến hai câu thơ chữ Hán và một giai thoại thi ca. Hai câu thơ đó là:

*Thùy bả kim bôi thân lưỡng đoạn,
Bán trầm thủy để bán phù không*

(Ai đem cái chén vàng chẻ làm hai mảnh? Một mảnh chìm dưới đáy nước, một mảnh nổi lơ lửng trong hư không.)

Một hôm thi sĩ Trương Kế ngồi làm thơ trong thuyền trên sông gần thành Cô Tô. Làm được hai câu thì bí:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.*

(Trăng lặn, có tiếng quạ kêu, sương rơi đầy trời; Những cây phong ở bờ sông, đèn của người đánh cá ban đêm; Trước cảnh đó lòng phát sinh một mối hoài cảm, chạnh buồn (đối sầu miên).

Lúc đó trên chùa Hàn Sơn (Hàn Sơn và Thập Đắc là một cặp thi sĩ Phật tử rất nổi tiếng ngày xưa) ở thành phố Cô Tô, thầy trụ trì sau giờ thiền tọa, thấy trăng đẹp thầy cũng làm thơ. Làm được hai câu thơ thì thầy cũng bí:

*Sơ tam sơ tứ nguyệt mông lung
Bán tợ ngân câu bán tợ cung*

(Đầu canh ba canh tư trăng mơ hồ; Nửa giống cái liềm bằng bạc, nửa giống cái vòng cung.)

Làm không xong bài thơ, thầy đi bách bộ. Chú tiểu thông minh và tài ba đã làm giúp thầy hai câu sau cho tròn bài thơ.

*Thùy bả kim bôi phân lưỡng đoạn
Bán trầm thủy để bán phù không?*

Hai câu dịch là:

*Vàng trắng ai xẻ làm đôi,
Nửa in dưới nước nửa cài trên không.*

Thầy trụ trì nói: *'Hay quá! Hay hơn hai câu của thầy nữa!'* Hai thầy trò quá vui: *'Để ăn mừng bài thơ của mình, thôi có lâu chuông mới xây xong mình hãy lên thỉnh đại hồng chung.'* Thường người ta chỉ thỉnh chuông lúc 4 giờ rưỡi sáng (công phu khuya.) Đây là đúng nửa đêm mà lại đi thỉnh chuông! Cặp thầy trò này hình như cũng ham chơi lắm! Lúc ấy thi sĩ Trương Kế đang ngủ gục dưới thuyền nghe chuông giật mình thức dậy. Tiếng chuông làm thức dậy trong ông một ý tưởng và ông làm tiếp bài thơ:

*Cô Tô thành ngoại Hàn San Tự
Đạ bán chung thanh đảo khách thuyền.*

Thi sĩ Tản Đà dịch cả bài:

*Trăng tà tiếng quạ kêu sương
Lửa chài cây bến sâu vương giấc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.*

Hai thầy trò kia bây giờ không biết ở đâu? Nhìn cho kỹ có thể mình cũng còn thấy họ đâu đây.

---o0o---

LỬA TÂM CÀNG DẬP CÀNG NỒNG

Nói về tâm trạng người vợ cả ở nhà:

*Kể chi những nỗi dọc đường,
Buồng trong này nỗi chủ trương ở nhà.
Vốn dòng họ Hoạn danh gia,
Con quan Lại Bộ tên là Hoạn Thu.
Duyên Đẳng thuận nẻo gió đưa,¹⁰⁷
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.
Ở ăn thì nét cũng hay,
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.*

Đó là gia thế và tính nết của Hoạn Thu. Ăn ở thì cũng cũng được nết. Khi nói lời buộc tội thì lý luận rất giỏi.

Từ nghe vườn mới thêm hoa,

*Miệng người đã lẩm tin nhà thì không.
Lửa tâm càng dập càng nồng,
Trách người đen bạc ra lòng trắng hoa:*

Giận, cố nén xuống. Nén chừng nào thì sức mạnh của cái giận càng lớn lên chừng đó.

*'Vi bằng thú thật cùng ta,
'Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên.
'Đại chi chẳng giữ lấy nền,
'Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình?*

Rõ ràng Kiều đã tiên đoán đúng.

*'Lại còn bưng bít dấu quanh,
'Làm chi những thói trẻ ranh mực cười:
'Tính rằng cách mặt khuất lời,
'Giấu ta ta cũng liệu bài giấu cho!
'Lo gì việc ấy mà lo.
'Kiến trong miệng chén có bò đi đâu?*

Nộ rồi phẫn. Phẫn rồi hận. Móng tâm trả thù. Những từ Hoạn Thư dùng (trong suy nghĩ) như 'trẻ ranh', 'ta', 'kiến trong miệng chén' cũng đang đóng góp phần tưới tẩm những tâm hành kiêu mạn, khinh lòn, dùng quyền thế ép người của cô. Ngôn ngữ hàng ngày ta sử dụng là khúc đàn ta tấu lên cho cuộc đời. Hãy chọn từ mà nói, cân nhắc từng chữ để tâm ta ngày càng đi gần với chánh pháp, có thêm chất liệu của trí tuệ và từ bi. Buông lung trong lời nói và suy tư của mình chúng ta sẽ có thể ngày một đi sâu vào con đường của khổ đau và cô độc.

*'Làm cho nhìn chẳng được nhau,
'Làm cho đày đọa cát đầu chẳng lên!
'Làm cho trông thấy nhãn tiền,
'Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.'*

Ghê quá! Lặp lại mấy lần mà chữ *làm cho*! Bản án của Kiều đã được tuyên bố bởi công tố viên Hoạn Thư.

*Nổi lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặt gió bay mái ngoài.*

Thâm lắ!m!

*Tuần sau bỗng thấy hai người,
Mách tin ý cũng liệu bài tâng công.
Tiểu thư nổi giận ùng ùng:
'Góm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi!
'Chông tao chẳng phải như ai,
'Điều này hă!n miệng những người thị phi!'
Vội vàng xuống lệnh ra uy,
Đưa thì vả miệng đưa thì bẽ răng.
Trong ngoài kín mít như bưng,
Nào ai còn dám nói năng một lời!
Buông ðào khuya sớm thành thoi,
Ra vào một mực nói cười như không.*

Đoạn văn này nói rất rõ về tính khí và con người của Hoạn Thư. Một con người ghen đến mức tột ðộ. Ra vào cười nói rất thong dong nhưng trong lòng ðầy chất ðộc của ghen và giận.

---o0o---

CƯỜI NÓI TỈNH SAY

*Đêm ngày lòng những dặn lòng,
Sinh ðà về ðến lầu hồng xuống yên,
Lời tan hợp nổi hàn huyên,
Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng.*

Cô ta nhất ðịnh không nói. Anh ta cũng không nói. Chỉ nói những chuyện: 'Xa em lâu quá! Rất nhớ.' 'Anh ði lâu quá! Em ở nhà cũng nhớ lắ!m!' Hai bên ðều giả ðối với nhau. 'Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng' có tính cách rất hình thức.

*Tẩy trần¹⁰⁸ vui chén thong dong
Nổi lòng ai ở trong lòng mà ra
Chàng về xem ý tứ nhà,
Sự mình cũng rắ!p lân la giải bày.
Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc tơ bất ðộng mấy may sự tình.*

Hoàn toàn không đề cập đến chuyện kia. Làm như mình không biết gì cả.
Anh chàng lắm:

*Nghĩ đà bung bít miệng bình,
Nào ai có khẩu mà mình lại xưng?*

- 'Tại sao người ta không hỏi mà mình lại nói?' Đó là ý kiến của anh chàng. Thương nhau *không* nhớ lời nhau!

*Những là e áp dùng dằng
Rút dây sợ nữa động rình lại thôi.*

Quá nhút nhát! Không dám nói. Trong khi đó thì cô nàng:

*Có khi vui chuyện mua cười,
Tiểu thư lại dở những lời đầu đầu.
Rằng: 'Trong ngọc đá vàng thau,
'Mười phần ta đã tin nhau những mười.
'Khen cho những miệng đông dài,
'Bướm ong lại đặt những lời nọ kia.
'Thiếp dù vụng chẳng hay suy,
'Đã dơ bụng nghĩ lại bia miệng cười!'*

- 'Tình nghĩa của mình là vàng đá. Chúng ta tin nhau một trăm phần trăm. Đôi khi người ta đặt ra những chuyện nói chàng thế này thế kia. Đó là những chuyện buồn cười. Em hoàn toàn không tin.'

*Thấy lời thủng thỉnh như chơi,
Thuận lời chàng cũng nói xuôi đỡ đòn.*

Anh chàng: 'Đúng vậy đó!'

*Những là cười phán cợt son,
Đèn khuya chung bóng trắng tròn sánh vai.*

Rất dễ sợ. Mỗi người có một tâm sự bên trong và cả hai đều đóng kịch.

*Thú quê thuần vược bén mùi,¹⁰⁹
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô.¹¹⁰*

Bắt đầu mùa thu trở lại. Thúc Sinh sống với vợ gần được một năm. Nhớ đến chuyện đi, kỳ thực là nhớ Kiều:

*Chạnh miềm nhớ cảnh giang hồ,
Một màu quan tái mấy mùa gió trắng.
Tình riêng chưa dám rỉ răng,
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua:
'Cách năm mây bạc xa xa,
'Lâm Truy cũng phải tính mà thàn hôn.*

Chưa dám nói: 'Anh nhớ ba quá! Muốn về thăm ba.' Thì tiểu thư đã nói: 'Thôi, Anh về thăm, hầu hạ cha đi!

*Được lời như mở tác son,
Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.
Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng.*

---o0o---

BÓN BỀ LỬA DONG

Thúc Sinh vừa đi, Hoạn Thư cũng về thăm mẹ, kể hết mọi chuyện:

*Roi câu vừa gióng dậm trường,
Xe hương nàng cũng thuân đường quy ninh.
Thưa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen.*

Đây là mưu kế Hoạn Thư:

*Nghĩ rằng: 'Ngựa ghẻ hờn ghen,
'Xấu chàng mà có ai khen chi mình!
'Vây nên ngành mặt làm thinh,
'Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
'Lâm-truy đường bộ tháng chầy,
'Mà đường hải đạo sang đây thì gần.
'Dọn thuyền lựa mặt gia nhân,
'Hây đem dây xích buộc chân nàng về.*

*'Làm cho cho mệt cho mê,
'Làm cho đau đớn ê chề cho coi!
'Trước cho bỏ ghét những người,
'Sau cho để một trò cười về sau.'*

Lại cũng sáu chữ *cho*, lần này hợp với vần *ê* tạo ra âm thanh đay nghiến hả hê. Hai mẹ con thực hiện kế hoạch bắt cóc Thúy Kiều. Họ không biết những điều họ nói, nghĩ và làm đều sẽ mang lại những nghiệp quả mà họ sẽ gặt hái sau này:

*Phu nhân khen chước rất mau,
Chiều con mới dạy mặc dầu ra ray.
Sửa sang buồm gió lèo mây,
Khuyến Ưng lại chọn một bầy côn quang.¹¹¹
Dẫn dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá vượt sang biển Tề.*

Thúy Kiều bây giờ đang ở Lâm Truy, kinh đô nước Tề cũ (nên gọi là biển Tề.) Đây là tình trạng của Kiều:

*Nàng từ chiếc bóng song the,
Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.
Bóng đâu đã xé ngang đầu,
Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi.
Tóc thè đã chấm ngang vai,
Nào lời non nước nào lời sắt son.*

Nghĩ tới cha mẹ giờ đây không biết ai săn sóc. Nghĩ đến việc đính ước ngày xưa, không biết em gái đã thay mình thực hiện cuộc hôn nhân với Kim Trọng hay chưa. Nghĩ đến thân phận lẽ mọn của mình bây giờ, không biết người vợ cả có chấp nhận không:

*Sấn bìm chụt phận cón con,
Khuôn duyên biết có vương tròn hay chãng?
Thân sao nhiều nổi bất bằng,
Liều như cung Quảng ở Hằng nghĩ nao!
Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời.*

Có người đọc câu này cho là tác giả nói về tâm sự, vì chữ *tâm* () có một vành trăng và ba ngôi sao. Thao thức không ngủ, Kiêu dậy, thấp hương khăn trước bàn thiên ngoài trời:

*Nén hương đến trước Thiên đài,
Nỗi lòng khăn chửa cạn lời vân vân.*

Bông:

*Dưới hoa dậy lũ ác nhân,
Âm âm khóc quỷ kinh thần mọc ra.
Đầy sân gươm tuốt sáng lò,.
Thất kinh nàng chửa biết là làm sao.
Thuốc mê đâu đã tưới vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì.
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào viện sách bốn bề lửa dong.
Sẵn thầy vô chủ bên sông,
Đem vào để đó lộn sông ai hay?*

Đốt nhà, bắt cóc Thúy Kiều, bỏ một tử thi chết đuối bên sông vào đám cháy để giả bày một vụ rui ro hỏa hoạn. Ngọn lửa trong tâm Hoạn Thư bây giờ đã phát hiện ra thành đám cháy ở nhà Thúy Kiều. Một niệm ghen tức trong lòng có công năng phá hoại rất lớn mà ai trong cuộc sống cũng đều là nạn nhân.

*Tôi đòi phách lạc hồn bay,
Pha càn bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
Thúc ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng rời.
Tớ thầy chạy thẳng tới nơi,
Tôi bời tưới lửa tìm người lao xao.
Gió cao ngọn lửa càng cao,
Tôi đòi tìm đủ nàng nào thấy đâu!
Hót hơ hót hải nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng.
Chạy vào chốn cũ phòng hương,
Trong tro thấy một đống xương cháy tàn.
Ngay tình ai biết mưu gian,
Hắn nàng thôi lại còn bàn rằng ai!*

---o0o---

TIẾC HOA

Thúy Kiều được làm chay sống hai lần. Đây là lần đầu tiên:

*Thúc ông sụt sùi ngắn dài,
Nghĩ con vắng vẻ thương người nét na.
Di hài nhật sắp về nhà,
Nào là khâm liệm nào là tang trai.*

Thúc Sinh về:

*Lẽ thường đã đủ một hai,
Lục trình¹¹² chàng cũng đến nơi bấy giờ.
Bước vào chốn cũ lâu thơ,
Tro tàn một đống nắng mưa bốn tường.
Sang nhà cha tới trung đường,
Linh sàng bài vị thờ nàng ở trên.
Hỏi ôi nói hết sự duyên,
Tơ tình đứt ruột lửa phiền cháy gan!
Gieo mình vạt vãi khóc than,
Con người thế ấy thác oan thế này.
'Chắc nàng mai trúc lại vậy,
'Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau!
'Thương càng nghĩ nghĩ càng đau,
'Để ai rắp thăm quạt sâu cho khuây.'*

Càng thương thì càng suy nghĩ. Càng suy nghĩ thì càng tội nghiệp, càng thấy tội nghiệp thì lại càng đau thương thêm. Điều này rất đúng với tâm lý học Phật giáo (Duy Biểu Học) ở điểm nói về sự tưới tẩm hạt giống, chủng tử sinh hiện hành, hiện hành sinh chủng tử.

*Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù trí quý cao tay thông huyền.¹¹³
Trên tam đảo dưới cửu tuyên,¹¹⁴
Tìm đâu thì cũng được tin rõ ràng.
Sấm sanh lẽ vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.*

Thúc sinh tìm một ông thầy đồng để hỏi Kiều chết rồi thì đi về phương nào. Nàng từ đâu tới và đi về đâu?

*Đạo nhân phục trước tĩnh đàn,
Xuất thân giây phút chưa tàn nén hương.
Trở về mình bạch nói tường:
'Mặt nàng chẳng thấy việc nàng đã tra.
'Người này nặng nghiệp oan gia,
'Còn nhiều nợ lắm sao đà thác cho!
'Mệnh cung đang mắc nạn to,
'Một năm nữa mới thăm dò được tin.*

Kiều chưa chết đâu. Một năm nữa sẽ biết tin. Sau này nếu gặp lại nhau thì hai bên sẽ không dám nhận mặt nhau:

*'Hai bên giáp mặt chiến chiến,
'Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay!'
Nghe lời nói lạ đường này,
Sự nàng đã thế lời thầy dám tin!
Chẳng qua đồng cốt quàng xiên,
Người đâu mà lại trên cõi trần?*

- ‘Ông này nói lạ quá! Rõ ràng đã chết rồi mà nói chưa chết, sẽ gặp lại. Ai mà tin được! Ông nói trật.’

*Tiểu hoa nhữg ngậm ngùi xuân.,
Thân này để lại mấy lần gặp tiên.*

---o0o---

NƯỚC TRÔI HOA RỤNG

Nước trôi hoa rụng đã yên,

Kiều chưa chết nhưng với chàng Thúc thì Kiều đã chết rồi. Nước đã trôi, hoa đã rụng! Và mình chấp nhận sự thật đó. Con người vô minh chưa! Người ta chưa chết mà mình cứ nghĩ rằng người ta đã chết rồi và đành lòng chấp nhận sự chết. Nếu có quán chiếu chúng ta sẽ thấy câu rất thật. Người kia có thể là chưa chết nhưng cách sống của mình và cách đối xử của mình

chúng tỏ là người đó đã chết rồi. Dầu người kia đã chết, đã làm giấy khai tử, chính mắt mình thấy người đó đã được hỏa thiêu, nhưng chưa chắc người đó đã không còn. Người đó có thể đang còn có mặt trong nhiều cách thức. Đang còn trong tự thân mình, và đang còn trong thế giới. Trong Kinh Bụt dạy sự vật vô thường nhưng sự vật không đoạn diệt. Chấp về thường là một thái cực. Chấp về đoạn là một thái cực khác. Chấp rằng con người sẽ như vậy cho đến vô biên, không thay đổi trong tương lai là chấp thường. Chấp rằng khi con người chết là không còn gì nữa là chấp đoạn. Con đường Bụt dạy là Trung Đạo. Thực tại không phải thường (permanence) mà cũng phải đoạn (annihilation). Trước khi chết cũng vậy. Sau khi chết cũng vậy. Chúng ta phải có trí huệ trong cách đối xử để có thể sống phù hợp với chân lý đó. Khi người kia đang sống, ta phải nhìn người kia với con mắt không thường không đoạn. Sau khi người kia chết rồi mình cũng phải nhìn người kia với con mắt không thường không đoạn. Tuệ giác đó sẽ đem lại cho chúng ta bình an, hạnh phúc, không tiếc nuôi.

*Nước trôi hoa rụng đã yên,
Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian.*

Địa ngục Thúy Kiều đang đi qua không phải ở dưới cửa tuyền mà ở ngay bên cạnh Thúc Sinh. 'Địa ngục ở miền nhân gian' là một sự thật. Chiến tranh, nghèo khổ, áp bức, tham lam, giận dữ, si mê... là địa ngục ở miền nhân gian. Nếu không khéo thì nội trong nửa giờ đồng hồ nữa mình đã có thể đi vào địa ngục. Người ta nói một câu làm cho mình nổi sần nổi si lên. Đó là địa ngục chứ gì nữa! Đừng nghĩ rằng địa ngục là cái mình sẽ chứng nghiệm sau khi chết. Địa ngục là cái mình có thể chứng nghiệm ngay bây giờ. Địa ngục ở khắp nơi trên trái đất và ngay trong lòng mình.

---o0o---

MỘT CON MƯA GIÓ

*Khuyển Ưng đã dặt muru gian,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm cao lèo thẳng cánh suyền¹¹⁵
Đè chừng huyện Tích băng miền vượt sang.
Giã đồ lên trước sảnh đường,
Khuyển Ưng hai đứa nộp nàng dâng công.*

Kiều được mang đến nộp cho bà lớn, mẹ của Hoạn Thư.

*Vực nàng tạm xuống môn phòng,
Hã còn thiêm thiếp giấc nồng chưa phai.
Hoàng lương chọt tỉnh hồn mai,¹¹⁶
Cửa nhà đâu mất lâu đài nào đây?*

Hoàng lương (giấc kê vàng) là giấc mộng trong đó thăng trầm, thay đổi của một đời người xảy ra trong thời gian nấu chưa chín một nồi chè kê. Kê là một loại ngũ cốc, nấu sôi đặc lại rồi lại loãng ra đến mấy lần mới chín. Ngày xưa có một chàng sinh viên họ Lu thi hỏng. Trên đường về, mệt nhọc và buồn bã chàng ghé vào một quán cơm. Một đạo sĩ trong quán nhường cái gối của mình cho Lu Sinh gối đầu nằm nghỉ trong khi chủ quán bắt đầu nấu một nồi kê cho khách. Sinh thiếp đi, thấy mình đi thi, đỗ tiến sĩ, được vua cử làm quan, cưới một người vợ đẹp và giàu; vinh hiển trong hai mươi năm, con và rể đều làm quan to. Giật mình tỉnh dậy, thấy nồi kê của ông chủ quán vẫn chưa chín. Thời gian trong giấc mộng là hai mươi mấy năm. Thời gian thật của sự sống là chưa chín một nồi kê. Sinh bâng hoàng tự hỏi: *'Việc đó là chuyện mộng ư?'* Đạo sĩ cười: *'Việc đời thì cũng như mộng vậy thôi!'*

*Bàng hoàng dờ tỉnh dờ say,
Sánh đường mắng tiếng đòi ngay lên hầu
Ả hoàn liền xuống giục mau,
Hãi hùng nàng mới theo sau một người.
Ngược trông tòa rộng dãy dài,
Thiên quan chúng tể có bài treo trên.
Ban ngày sập tháp hai bên,
Giữa giường thất bảo ngời trên một bà.
Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự tình nàng phải cứ mà gởi thưa.*

Thúy Kiều trả lời những câu hỏi của bà lớn, mẹ của Hoạn Thư, một cách đàng hoàng, có nhân cách. Dầu sao bây giờ Kiều cũng là vợ của một thương gia có vai vế trong xã hội, nàng có thể nói rõ ràng nguồn gốc của mình mà không có mặc cảm gì. Thấy Thúy Kiều không sợ hãi, khúm núm, bà lớn nổi giận:

*Bất tình nổi trận mây mưa,
Mắng rằng: 'Những giống bơ thờ quen thân.
'Con này chẳng phải thiện nhân,
'Chẳng phùng trốn chúa thì quân lộn chồng.*

*'Ra phường mèò mà gà đồng,
'Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
'Đã đem mình bán cửa tao,
'Lại còn khùng khỉnh làm cao thế này!
'Nào là gia pháp nọ bay!
'Hãy cho ba chực biết tay một lần.'*

Thật ra không phải vì Thúy Kiều không khúm núm với tư cách một nô lệ bị bán mà bà lớn nổi giận. Bà chỉ viện cớ để trả thù cho con gái. Con gái khóc: 'Con khổ lắm! Anh thế này, thế kia... Con đàn bà kia nó cướp chồng của con...' Trong lòng bà chỉ có nỗi khổ của con gái. Niềm đau khổ của Kiều bà không thấu được. Dầu Kiều có kể hết ngọn nguồn của mình bà cũng không nghe lọt lỗ tai. Khi người ta đã đầy những ý kiến và cảm xúc rồi thì mình không thể nói vô thêm được gì nữa cả. Không nên nói gì lúc đó, vì nói cũng không ích gì. Phải đợi cho người kia lung lay nửa túi (lung túi) thì mới nói gì được. Đó là một bài học.

*Ả hoàn trên dưới dạ rân,
Dẫu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào!
Trúc côn ra sức đập vào
Thịt nào chẳng nát da nào chẳng kinh.
Xót thay đào lý một cành,
Một cơn mưa gió tan tành một phen!*

Đây là một trong những nỗi khổ nhục của kiếp người. Không phải chỉ riêng Kiều gánh chịu. Khi người ta đồng nhất mình với một phe để biểu lộ tình cảm thương hay ghét của mình, khi người ta không muốn lắng nghe và tìm hiểu thì dù có một trăm cái miệng mình cũng không thể nào bày tỏ được nỗi oan. Mình có cảm tưởng uất ức, nhục nhã như bị hải tặc hãm hiếp. Đàn ông cũng như đàn bà, người trẻ cũng như người già, không ai tránh khỏi những cơn ô nhục như vậy. Đó là chuyện rất người! Khác nhau là ở chỗ có tu hay không tu. Nếu có tu thì mình sẽ đi qua giai đoạn đó một cách nhẹ nhàng, ít khó khăn. Còn nếu không tu thì mình sẽ đau khổ bằng trăm bằng ngàn lần.

Thái độ ả hoàn là thái độ của người nô lệ, không có chủ quyền. Bị khống chế bởi những cảm xúc, phần nộ, yêu và ghét của đám đông và của chính mình, con người có thể trở thành công cụ của bạo hành. Trước những nhục nhã, bất công và bức bách mà xã hội đã dành phần sẵn cho mỗi chúng ta, chúng ta phải làm gì? Ta không thể cam lòng đánh mất mình. Thái độ của

người tu là thái độ dũng mãnh của người biết nắm lấy thân tâm đi trong con lốc của những cảm xúc, ghét, thương, phần nộ và mặc cảm bên trong hay bên ngoài mình. thực tập chánh niệm và chánh kiến chúng ta sẽ có rất nhiều tự do để đi qua những thăng trầm kia một cách nhẹ nhàng. Nếu không tu chúng ta sẽ 'một phen mưa gió tan tành một phen'. Hai phen mưa gió tan tành hai phen, ba phen mưa gió tan tành ba phen... Phải cẩn thận lắm mới được!

---o0o---

PHẬN CON HẬU

*Hoa Nô truyền dạy đổi tên
Buồng the dạy ép vào phiên thị tì.
Ra vào theo lũ thanh y
Dãi dầu tóc rối da chì quán bao.*

Thế đứng của Thúy Kiều bây giờ là con ở. Chịu đựng những khổ nhục và vất vả của giới thị tì. Chúng ta nên biết con ở của thời xưa không phải là người giúp việc ngày hôm nay nói nặng tới họ thì hoặc họ gọi cảnh sát, hoặc la mắng lại hay không chịu làm nữa. Họ có quyền bình đẳng. Nhưng thân phận người ở ngày xưa là thân phận người nô lệ. Họ phải chịu đánh đập và hành hạ mà không có quyền lên tiếng đòi nhân quyền.

*Quản gia có một mụ nào,
Thấy người thấy nét ra vào mà thương.
Khi chè chén khi thuốc thang,
Dem lời phương tiện mở đường hiếu sinh.*

Bà quản gia nhà họ Hoạn thấy dáng điệu và nét na của Thúy Kiều thì đặc biệt đem lòng thương. Bà đã săn sóc, thuốc thang, an ủi và khuyên nhủ Kiều. Trong nguyên lục Kiều chỉ bị đánh hai chục roi, thay vì ba chục roi. Khiêng xuống, bà quản gia lấy rượu trắng hâm nóng, khuấy vào vài muống đường cho Kiều uống. Kiều nói: 'Con không uống được. Tim con đang tức, uống vô không nổi.' - 'Con uống đi nếu không sẽ chết đó! Uống cái này cho máu huyết lưu thông thì con sẽ sống được.' Kiều ráng uống được nửa bát rượu đó thì máu huyết chảy lại đàng hoàng, tim bớt tức. Kiều lại muốn chết. Bà quản gia khuyên: 'Con đừng chết ở đây. Con chết ở đây thì không có nghĩa lý gì cả, bất quá chỉ như con chó hay con gà chết thôi. Không ai để ý, không ai thương xót. Nhìn con thím biết con là con nhà đàng hoàng, sau này sẽ có tương lai. con nên giữ lấy thân con, đợi có cơ hội thoát ra khỏi cái cũi, cái

lòng này.' 'Dem lời phương tiện mở đường hiếu sinh.' Bà quản gia này có Phật tâm trong lòng. Phương tiện và hiếu sinh là hai từ nhà Phật. Dùng pháp môn phương tiện, lựa lời khuyên nhủ. Mở đường hiếu sinh là bảo vệ sự sống, là biết thương lấy con người và mọi loài.

*Dạy rằng: 'May rủi đã đành,
'Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay.
'Cũng là oan nghiệt chi đây,
'Sa cơ mới đến thế này chẳng dung.*

Phải có những oan nghiệp trong quá khứ nên ta mới phải trả cái quả ngày hôm nay. Không phải tự nhiên mà mình lại gánh chịu những oan khổ này. Nếu hôm nay mình bị khổ là vì trong quá khứ mình đã có gây những nghiệp không lành. Vì vậy mình phải biết chấp nhận cái khổ đó và tìm cách chuyển hóa. Trốn chạy không giải quyết được vấn đề. *Chẳng dung* nghĩa là không phải tự nhiên mà xảy ra như vậy. Cái gì cũng có nguyên do. Nếu quý vị có đau đầu, nhức mắt hay bị người la mắng... thì đều có nguyên do hết, không phải tự nhiên mà xảy ra như vậy.

*'Ở đây tai vách mạch rừng,
'Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
'Kẻo khi sấm sét bất kỳ,
'Con ong cái kiến kêu gì được oan!'*

Hình như bà quản gia biết chuyện. Bà khuyên Kiều phải cẩn thận, có gặp người quen cũ (cố nhân) thì cũng đừng nhìn. Bà là một người có lòng thương đối với Thúy Kiều. Lâu lâu ở trên đời mình được gặp một người như vậy và mình biết mình có may mắn. Có những người đi suốt cuộc đời không bao giờ gặp một người biết thương mình như vậy. Bà quản gia là một vị Bồ-tát.

*Nàng càng giọt ngọc như chan,
Nỗi lòng luống những bàn hoàn¹¹⁷ niêm tây:
'Phong trần kiếp chịu đã đây,
'Lâm than lại có thứ này bằng hai.
'Phận sao bạc chẳng vừa thôi,
'Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan.*

Bạc tức là mỏng. Người có hạnh phúc, may mắn thì gọi là có đức dày (đôn hậu) Ăn ở cho đôn hậu và cho có tình thì số phận mình sẽ không bạc

(mỏng). Ngày xưa Kiều đã nói thân phận mình mỏng như cánh con chuồn chuồn (*Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn.*) Phận Kiều mỏng là vì Kiều không có đức. Đức có là do chuyện tu hành. Thương người nhiều thì tự nhiên có đức dày. Phận mình sẽ từ từ dày thêm lên.

*'Đã đành tức trái tiên oan,
'Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi!'*

Đó là giai đoạn Kiều làm đầy tớ trong dinh quan Lại Bộ.

Một hôm Hoạn Thư về thăm mẹ.

*Những là nương nấu qua thì,
Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia.
Mẹ con trò chuyện lân la,
Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời:
'Tiểu thư dưới trướng thiếu người,
'Cho về bên ấy theo đòi lâu trang.
Lĩnh lời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa ngục thiên đường là đâu!*

Kiều vâng lời theo Hoạn Thư về. Kiều vẫn chưa biết là mình đang đi về đâu. Mờ mờ, mịt mịt đi trong cõi mơ hồ. Trong *Qui Sơn Cảnh Sách*, Thầy Quy Sơn nói: *'Tiền lộ mang mang bất tri hà vãng'*: đường trước mờ mờ, không biết về đâu. Đó đúng là tình trạng của Thúy Kiều. Mình không phải là mình. Mình hoàn toàn bị hoàn cảnh kéo đi. Không tự chủ được, mình không biết mình đang đi về đâu. Đó cũng là hoàn cảnh của nhân loại. Nhân loại bây giờ đang đi về đâu? Tiền lộ mang mang bất tri hà vãng. Trong cửa thiên có câu truyện một anh chàng cưới ngựa. Con ngựa phóng rất mau. Một người quen đứng bên đường hỏi vói theo: *'Anh đi đâu đó?'* Anh ta ngoái cổ lại: *'Tôi không biết, anh hỏi con ngựa.'* Con ngựa đưa anh ta đi đâu thì anh đi đó. Con ngựa nắm chủ quyền. Anh không kiểm soát được con ngựa. *'Cũng liều đánh mắt đưa chân, Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.'* Là những câu cho thấy mình không nắm được chủ quyền cuộc đời mình. Sóng gió cuộc đời đẩy mình đi đâu thì mình theo đó thôi. Đây là một tình trạng khổ đau của con người. Người tu phải nắm lấy vận của mình. Phải biết mình đang đi về đâu. Đừng để thời thế, hoàn cảnh kéo đi. Trong hoàn cảnh nào, thời thế nào, mình cũng phải nắm lấy vận mạng của mình. Bước từng bước do ý chí của mình chứ không phải làm theo sự sai khiến của họ. Đó là nắm lấy chủ quyền

của mình. Thúy Kiều sở dĩ khổ là vì Thúy Kiều không nắm lấy được chủ quyền của mình.

*Sớm khuya khăn mặt lược đầu,
Phận con hầu giữ con hầu dám sai.*

Một hôm Hoạn Thư hỏi về nghề đàn của Kiều:

*Phải đêm êm ả chiều trời,
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
Lĩnh lời nàng mới lựa dây.
Ni non thánh thót dễ say lòng người!
Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.*

Biết tài đàn của Kiều, Hoạn Thư cũng thương thương và bớt phần nghiêm khắc.

*Cửa người dày đọa chút thân,
Sớm năn nỉ bóng đêm ân hận lòng.
Lâm Truy chút nghĩa đèo bông,
Nước non để chữ tương phùng kiếp sau!
Bốn phương mây trắng một màu,
Trông vời cố quốc biết đâu là nhà?*

Thui thủi. Gậm nhám trong lòng với những nhớ thương, buồn tuổi. Đó là tình trạng Kiều với tư cách con ở.

---o0o---

CÙNG TRONG MỘT TIẾNG TƠ ĐỒNG

Bây giờ nói về tình trạng của Thúc Sinh:

*Lần lần tháng trọn ngày qua,
Nỗi gần nào biết đường xa thế này.
Lâm truy từ thỏ uyên bay,
Phòng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.
Mây xanh trắng mới in ngần,
Phấn thưa hương cũ bội phần xót xa.*

Nhìn thấy vầng trăng non thì chàng nhớ lông mày của Thúy Kiều. Nhìn những hộp phấn và những chai nước hoa của Kiều thì lại càng xót xa. Nhà đã cháy rồi, không biết tại sao lại còn phấn, còn hương? Chắc là thi sĩ tưởng tượng ra chứ làm gì có thật!

*Sen tàn cúc lại nở hoa,
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.
Tìm đâu cho thấy cố nhân?
Lấy câu vận mệnh khuấy dần nhớ thương.*

Cứ như vậy mà qua hết một năm. Bây giờ đến lúc Thúc Sinh nhớ vợ. Trở về Vô Tích:

*Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương,
Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiểu thư đón cửa già già,
Hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.*

Tiểu thư ra đón rất nồng nhiệt. Nói chuyện trên trời dưới biển, rồi cuối cùng gọi con đây tớ mới chào chủ:

*Nhà hương cao cuốn bức là,
Phòng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng,
Bước ra một bước một dừng,
Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa:*

Mỗi bước đi ra là lại càng thấy rõ, Kiều nhận ra ông chủ của mình là Thúc Sinh. Không thể làm được. Càng bước càng sợ, không dám bước thêm nhưng vẫn phải bước vì bà chủ đã gọi. ‘*Bước ra một bước một dừng. Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa.*’ Nhiều cặp chữ lặp lại một cách khéo léo trong câu này chứng tỏ sự ngần ngại, giật tót, giật lui trong bước chân cũng như trong tâm trạng Thúy Kiều.

*‘Phải chăng nắng quái đèn lòe,
‘Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc Sinh?
‘Bây giờ tình mới tỏ tình,
‘Thôi thôi đã mắc vào vòng chẳng sai!’*

Bây giờ mới hiểu: Mình bị mắc mưu. Đây cũng là một sự giác ngộ.

*'Chước đâu có chước lạ đời,
'Người đâu mà lại có người tinh ma!
'Rõ ràng thật lừa đời ta,
'Làm cho con ở chúa nhà đôi nơi.*

Một cặp vợ chồng vừa đôi phải lứa mà phải đóng vai một bên là con ở, một bên là chủ nhà. Con ở với chủ nhà là một trời một vực. Nên nhớ rằng chế độ của người giúp việc ngày hôm nay. Không có sự bình đẳng. Giống như ở Ấn Độ, giai cấp cùng đinh không thể nào nói chuyện, đối diện hay đụng vào giai cấp Bà-la-môn. Khi đã bị liệt vào hàng nô lệ rồi thì chuyện nhận người kia là chồng cũ là không thể được. Nếu không hiểu bản chất của giai cấp thì không hiểu thấu chuyện này. Âm mưu của Hoạn Thư là làm cho một người biến thành con ở để hai bên hoàn toàn bị xa cách, hoàn toàn viễn ly nhau.

*'Bề ngoài thon thót nói cười,
'Bề trong nham hiểm giết người không dao.
'Bây giờ đất thấp trời cao,
'Ăn làm sao nói làm sao bây giờ?'*

Cứng miệng. Không thể nói được. Đó là người thương của mình mà mình không có quyền nhìn, quyền nói. Không làm gì được hết!

*Càng trông mặt càng ngán ngơ,
Ruột tằm đôi đoạn như tơ rối bời.
Sợ uy dám chẳng vâng lời,
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.
Sinh đà phách lạc hồn xiêu:
'Thương ôi chẳng phải nàng Kiều ở đây?
'Nhân làm sao đến thế này?
'Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi!
Sợ quen dám hở ra lời,
Khôn ngăn giọt nước sụt sùi nhỏ ra.*

Tôi quá! Sợ quen có nghĩa là chuyện sợ vợ đã thành thói quen rồi. Không dám nói gì hết. Anh chàng chỉ biết khóc thôi.

*Tiểu thư trông mặt hỏi tra:
'Mới về có việc chi mà động dong?'*

*Sinh rằng: ‘Hiếu phục vừa xong,
‘Sinh lòng trắc dĩ đau lòng chung thiên!’
Khen rằng: ‘Hiếu tử đã nên,
‘Tây trần mượn chén giải phiền đêm thu.’*

- ‘Tại sao mới về mà đã khóc?’
- ‘Anh vừa mới mãn tang mẹ. Nhớ mẹ nên anh khóc.’
- ‘Cha! Anh có hiếu dữ ha!’

Toàn là giả dối ác độc với nhau!

Tây trần là tiệc rượu để rửa sạch những bụi bặm đường xa. Họ tây trần bằng rượu. Không giống với dương chi tinh thủy của chúng ta. Chúng ta tây trần bằng sự thực tập chánh niệm.

*Vợ chồng chén tạc chén thù,¹¹⁸
Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi.¹¹⁹
Bắt khoan bắt nhật đến lời,
Bắt quỳ tận mặt bắt mời tận tay.*

- Hoạn Thư bắt bẻ Kiều từng ly từng tý: ‘Rót rượu cho chàng thì phải quỳ trước mặt chàng mà rót. Mời thì phải mời tận tay chứ không được để trên bàn.’ Chú ý là để làm nhục cô gái kia. Càng bắt bẻ hành hạ Kiều chừng nào thì anh chàng càng đau khổ chừng đó.

*Sinh càng như đại như ngậy,
Giọt dài giọt ngắn chén đầy chén voi.
Ngảnh đi chợt nói chợt cười,
Cáo say chàng đã giạm bài lảng ra.
Tiểu thư vội thét: ‘Con Hoa!
‘Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn.!
Sinh càng nát ruột tan hồn,
Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay.*

Sợ người yêu bị đánh thành ra khi được mời chén nào anh chàng cũng phải ráng mà nuốt cho cạn chén ấy. Ngậm cái đắng nuốt vào. Thấy bi kịch xảy ra như vậy, Hoạn Thư vẫn tỉnh bơ, giả bộ như không biết hai người đang đau khổ cực kỳ.

*Tiểu thư cười nói tỉnh say,
Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.*

*Rằng: ‘Hoa Nô đủ mọi tài,
‘Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe!’
Nàng đà tán hoán tề mê
Vâng lời ra trước bình the vắn đàn:
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!*

Lòng của Thúy Kiều rất xót xa nên đã làm phát hiện trên bản đàn bao nhiêu là tức tối, khổ đau. Thúc sinh càng nghe càng thấy tan nát trong lòng.

*Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ người trong khóc thâm.*

Cùng một bản đàn mà người thì rất khoái, người thì đau khổ tan nát. Người ngoài cuộc (Hoạn Thư) thì cười nụ. Người trong cuộc (Kiều và Thúc sinh) thì phải khóc thâm. Đó là duy tâm. Cùng một đám mây đó mà người trông thì thấy nhớ nhà, người thì mừng là trời sắp mưa, lúa sẽ mọc. Cùng một hoàn cảnh mà người thì khổ đau, người thì sung sướng.

*Giọt châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu chàng những gạt thâm giọt Tương.*

Không kiểm soát được nữa, anh chàng rơi lệ, phải cúi đầu xuống lau nước mắt.

*Tiểu thư lại thét lấy nàng:
‘Cuộc vui gảy khúc đoạ tràng ấy chi!
‘Sao chẳng biết ý tứ gì?
‘Cho chàng buồn bã tội thì tại người.’
Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
Vội vàng gương nói gương cười cho qua.
Giọt rông canh đã điểm ba,
Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm.
Lòng riêng tập tễnh mừng thâm:
‘Vui này đã bỏ đau ngầm xưa nay!’*

Họ uống tới nửa đêm. Hoạn Thư nhìn mặt Thúc sinh thấy đau khổ đã lên tới cùng tột rồi thì trong lòng rất đã. Lâu nay đau khổ cực kỳ, tối nay mình mới có dịp trả thù. Cái vui của mình được làm bằng niềm đau của người khác. Đây là niềm vui không có bản chất tu tập, không có bản chất trí tuệ.

Chính cái vui này sẽ đem lại những tai nạn cho Hoạn Thư sau này. Ngay trong hiện tại, Hoạn Thư cũng đang đánh mất chồng mình và trở nên một người rất cô đơn. Cái vui vẻ, sẵn đôn của hai vợ chồng này không thật, mang đầy sự chịu đựng và oán trách. Gần nhau nhưng thật sự họ đã mất nhau. Đánh mất nhau, họ đánh mất hạnh phúc của chính mình.

*Sinh càng gan héo ruột đầy,
Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
Người vào chung gói loan phòng,
Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài.*

Tôi hôm đó Kiều thức suốt đêm.

*Bây giờ mới rõ tấm hơi,
Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!
Chước đâu rẽ thúy chia uyên,
Ai ra đường nấy ai nhìn được ai!
Bây giờ một vực một trời,
Hết điều khinh trọng hết lời thị phi!
Nhẹ như bấc nặng như chì,
Gỡ cho ra nợ còn gì là duyên?
Lở làng chút phận thuyền quyên,
Bể sâu sóng cả có tuyền được vay?
Một mình âm ý đêm chầy,
Đĩa dầu voi nước mắt đầy năm canh.*

Đó là nỗi khổ của cái đêm bị Hoạn Thư trả thù. Bị cướp bắt, bị làm đầy tớ, tuy là khổ nhưng chưa khổ lắm. Cái đêm hầu rượu cho hai người là đêm khổ sở nhất. Vừa khổ nhục vừa lo sợ không biết thân phận mình sẽ ra sao.

---o0o---

XIN NHỜ CỬA KHÔNG

Đoạn sắp tới là đoạn Thúy Kiều đi tu. Khổ quá chỉ muốn thoát nợ. Đi tu nhưng không biết tu như thế nào. Không có thầy dạy thực tập chánh niệm, không biết an trú trong hiện tại thành ra tu không thành công.

*Sớm khuya hầu hạ dài doanh,
Tiểu thư chạm mặt đề tình hỏi tra.*

- ‘Tại sao cái mặt mày râu râu vậy?’

*Lựa lời nàng mới thưa qua:
‘Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.’
Tiểu thư hỏi lại Thúc sinh:
‘Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao!’
Sinh đà nát ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đàng!*

Thúc sinh biết hết tất cả những nỗi đau của Kiều nhưng không nói ra được. Nếu nói: ‘Anh biết cô này từ hồi xưa hồi xưa...’ thì sợ lụy cho Kiều thành ra phải giả bộ tra hỏi.

*Nhưng e lại lụy đến nàng,
Đánh liều mới sẽ lựa lời hỏi tra.*

Kiều khai hết thân thế mình vào một tờ giấy và trình lên cho Hoạn Thư.

*Cúi đầu quỳ trước sân hoa,
Thân cung nàng mới dâng qua một tờ.
Diện tiền trình với tiểu thư,
Thoát xem dường có ngẩn ngơ chút tình.
Liên tay trao lại Thúc sinh,
Rằng: ‘Tài nên trọng mà tình nên thương!
‘Vĩ chẳng có số giàu sang,
‘Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên!
Bể tràn chìm nổi thuyền duyên,
‘Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời!’*

Tài văn chương kỳ này cũng giúp được Kiều. Kỳ trước làm bài thơ vịnh cái gông thì được ông quan phủ chấp nhận, tha bổng và được chính thức hóa cho quan hệ với Thúc sinh. Kỳ này viết tờ văn, Hoạn Thư đọc cũng thấy tội nghiệp và tiếc cho người tài. Có tài, có sắc mà không có duyên (thiếu những điều kiện tốt) cho nên phải khổ đau.

Sinh rằng: ‘Thật có như lời,

- ‘Em nói đúng quá đi!’ (Vì trong lời nói này có chút từ bi.)

*‘Hồng nhan bạc mệnh một đời này vay.
‘Nghìn xưa âu cũng thế này,
‘Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa.’
Tiểu thư rằng: ‘Ý trong tờ,
‘Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa Không.
‘Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
‘Cũng cho nghĩ nghị trong vòng bước ra.
‘Săn Quan âm Các vườn ta,
‘Có cây trăm thước có hoa bốn mùa,
‘Có cỏ thụ có sơn hồ,
‘Cho nàng ra đó giữ chùa chép kinh.’*

Trong nguyên lục, Hoạn Thư nói: *‘Thôi để em mở cho nó một phía của cái lưới. Cho nó đi tu.’* (Ngày xưa, người ta bẫy thú trong lưới; thỉnh thoảng có người thương những loài vật sẽ bị chết trong lưới săn nên mở cho chúng một lối thoát.) *Quan Âm Các* là ngôi chùa trong vườn nhà Hoạn Thư. Thúy Kiều được ra ở đó với tư cách trụ trì và lo việc chép kinh. Theo nguyên lục, Hoạn Thư khen chữ Kiều đẹp và muốn Kiều chép giùm mình một bộ *Kinh Hoa Nghiêm*.

*Tàng tàng trời mới bình minh,
Hương hoa ngũ cúng sấm sanh lễ thường,
Đưa nàng đến trước Phật đường.
Tam quy ngũ giới cho nàng xuất gia.
Áo xanh đôi lấy cà sa,
Pháp-danh lại đổi ra tên Trạc Tuyên.*

Ở đây nói có lễ xuất gia mà không cho biết ai là thầy truyền giới. Và thay vì Thọ Tam Quy và Thập Giới thì Kiều lại thọ Tam Quy và Ngũ Giới. Pháp danh *Trạc Tuyên* do ai đặt? Theo nguyên lục thì chẳng có thầy nào tới truyền giới cả. Chính cái pháp danh Trạc Tuyên cũng do Thúc sinh đặt. Trong *Quan Âm Các*, có thờ một tượng Đại Sĩ Quan Âm và trong chánh điện có một biển treo đề hai chữ Trạc Tuyên. Thúc Sinh mới đề nghị lấy hai chữ Trạc Tuyên làm pháp danh cho Kiều. *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* và những bài thơ viết về đạo Bụt sau này chứng tỏ cụ Nguyễn Du có một kiến thức về đạo Bụt khá sâu sắc. Nghe nói khi lia đời cụ cũng tịch một cách êm ái. Khi sáng tác truyện Kiều, kiến thức Phật pháp của cụ còn chưa được sâu sắc lắm. Điều đó biểu hiện ở một vài nơi. Triết lý của truyện Kiều phối hợp vừa triết lý đạo Bụt, vừa triết lý Thiên Mệnh, đạo Khổng, đạo Lão; không được mạch lạc rõ ràng. Cụ Nguyễn Du cũng không biết muốn xuất gia thì

phải thọ mười giới chứ không phải năm giới. Thọ năm giới cũng phải có thầy truyền giới. Chúng ta có thể sửa lại là: *'Tam Quy Thập Giới cho nàng xuất gia.'* *Trạc Tuyên* tuy vậy là một pháp danh rất hay. *Tuyên* là dòng Suối, *Trạc* là tám gôi. *Trạc Tuyên* là tám gôi trong dòng suối, có lẽ là suối Giải Oan. Trong bài tựa *Kinh Thủy Sám (Tỳ Bi Tam Muội Thủy Sám Pháp)* kể lại tích Quốc sư Ngô Đạt và mọt ghè¹²⁰; lúc thầy Ca Nặc Ca rửa mọt ghè cho Quốc sư Ngô Đạt thầy nói: *'Tôi xin rửa tam mọt ghè này cho huynh bằng nước ấm có muối. Ngày mai khi trời sáng, tôi sẽ đem huynh xuống dòng suối dưới chân núi. Suối tên là Giải Oan. Lấy nước đó rửa thì thế nào mọt ghè cũng lành.'* *Nham hạ*: dưới núi; *Hữu tuyên*: có một dòng suối. *Minh đán*: sáng mai; *trạc chi*: rửa nó; *tắc dữ*: thì lành. *'Dưới núi có một dòng suối. Sáng mai rửa thì sẽ lành.'* Đó là câu trong bài tựa *Kinh Thủy Sám*. Hai chữ *Trạc Tuyên* là từ câu đó mà ra. Những nỗi oan của nàng Kiều chỉ có thể rửa đi bằng nước của dòng suối từ bi. *Tỳ Bi Thủy Sám* là sám hồi bằng nước từ bi.

Giả dụ Hoạn Thư đã có mời một sư bà ở đâu tới làm lễ xuất gia cho Thúy Kiều, cho nàng thọ mười giới và sau lễ Truyền Giới sư bà đi mất. Kiều ở lại làm trụ trì Quan Âm Các. Dù có vậy đi nữa thì Kiều tu hành cũng không thành công được! Thọ mười giới mà không có ai dạy hành trì giới luật và uy nghi, không có ai dạy tụng Kinh, ngồi thiền, thờ, đi thiền hành... thì biết gì mà hành trì? Không có tăng thân cũng không có thầy. Tu như vậy thì thất bại là phải rồi! chúng ta sẽ thấy sự thất bại ấy sau này. Kiều đi tu, mục đích chưa hẳn vì muốn tu. Kiều chỉ muốn thoát khỏi hầm lửa, thoát khỏi thân phận đầy tớ mà thôi. Hoạn Thư cũng hơi tội nghiệp nên muốn cho Kiều thoát, nhưng thoát như thế nào mà vẫn nằm trong sự kiểm soát của mình. Hoạn Thư cung cấp đầy đủ gạo tương, dầu đèn và còn cho Kiều hai người thị giả:

*Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
Xuân Thu cắt sẵn hai tên hương trà.*

---o0o---

DƯỜNG GÀN RỪNG TÍA ĐƯỜNG XA BỤI HỒNG

*Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Dưới gàn rừng tía đường xa bụi hồng.*

Rừng tía, do câu ‘*Tứ trúc lâm trung Quán Tự Tại*’ (Đức Quán Tự Tại ở trong khu rừng trúc tím), là nơi cư ngụ của Đức Quan Âm, cũng tức là nhà chùa, là mảnh đất của giải thoát. Từ khi được ra ở Quan Âm Các, Kiều như được gần thế giới của giải thoát. *Dường gần rừng tía* thôi chứ chưa hẳn là đã ở trong *rừng tía*. Lòng chưa ở hẳn thiên môn. Chưa quyết tâm tu. Đường xa bụi hồng là có vẻ như đã xa cuộc đời bụi bặm nhưng kỳ thực chưa xa, vẫn còn vương vấn lắm. Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng. Nếu không phải là một ông thánh thơ thì làm sao nói lên được như vậy! Chập chờn qua lại, chưa chịu tu hẳn. Vấn đề là ở chỗ đó. Nếu đã ‘quyết vào rừng tía quyết xa bụi hồng’ thì đâu còn có vấn đề nữa!

*Nhân duyên đâu lại còn mong,
Khỏi điều thẹn phận tử hồng thì thôi.*

Làm sao còn hy vọng hàn gắn với Thúc sinh? Miễn không bị làm nhục là đã đỡ rồi! Trong câu này ý còn nuôi sự hy vọng. Nói không hy vọng nhưng trong đáy lòng vẫn còn hy vọng. Trên phương diện Ý thức thì quyết định như vậy (tu) nhưng dưới A Lại Gia thức vẫn có sự mong ước về tương lai. Đó là tâm trạng của Thúy Kiều. Vì vậy mà Kiều tu không thành công. Không quyết tâm tu. Quyết tâm tu thì tự nhiên có an lạc và tất cả tai nạn sẽ chấm dứt. Ở đây vì Kiều không quyết tâm tu, vẫn nghĩ rằng nếu có cơ hội thì mình sẽ được tháo cũi sổ lồng nên cô đã thất bại.

*Phật tiên thăm lếp sâu vùi,
Ngày pho thủ tự đêm nhồi tâm hương.*

Đó! Dùng cửa Phật để *vùi lếp* những sâu thăm trong quá khứ của mình thôi chứ không quyết tâm chuyển hóa chúng. Có chỗ đề là ‘*Ngày pho thủ tự đêm nhồi tâm hương*’ nhưng chữ *nhồi* khó hiểu. Người ta đốt hương trong lư chứ ai lại đốt trong nồi. Chữ *nhồi* là động từ, có nghĩa là huấn luyện, thực tập. Tâm hương không phải là hương thường, phải đem lòng mình ra làm hương chứ không phải lấy trầm để làm. Tâm nhiên ngũ phạm là lấy lòng mình thắp lên năm thứ hương: Giới hương, Định hương, Tuệ hương, Giải thoát hương, Giải thoát tri kiến hương. Thực tập Giới, Định, Tuệ là cúng dường ba thứ hương đầu tiên. Sự giải thoát và cái thấy do sự giải thoát đem lại là những thứ hương quý để cúng dường Phật. Chúng ta phải thực tập mỗi ngày năm thứ tâm hương thì mới có phẩm vật mà cúng dường. Đó là nhồi tâm hương. Nếu nhồi là một động từ thì chữ đối lại phải là một động từ. Chữ pho (danh từ) không thích hợp, phải được đọc là phô (động từ) Phô có nghĩa là trình bày ra. Ngày phô thủ tự, đêm nhồi tâm hương. Ban ngày thì bày kinh

ra chép; ban đêm thì thực tập ngồi thiền. Trên nguyên tắc là phải làm như vậy. Nhưng trên thực tế, Kiền không khí được hướng dẫn để tu tập như thế.

*Cho hay giọt nước cành dương,
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.*

‘Giọt nước cành dương’ là hình ảnh trong nghi thức Gia Trì Nước Tịnh:

*Dương chi tịnh thủy
Biển sái tam thiên
Tánh không bát đức lợi nhân thiên
Pháp giới quảng tăng diên
Diệt tội tiêu khiên
Hỏa diệm hóa hồng liên*

Nghĩa là:

Giọt nước tịnh trên đầu cành dương liễu
Rưới khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Tự tánh của nước đó là không; nước đó có tám khả năng (*bát công đức*) có thể làm tiêu tan những sâu khổ, phiền não, đưa lại sự thanh lương, mát mẻ và giải thoát cho con người.

Pháp giới rộng ra, sáng thêm.

Tiêu diệt được tất cả những tội lỗi, oan khiên.

Trong biển lửa cháy bùng mà có giọt nước Cam Lộ rưới vào thì tự nhiên có một đóa sen màu hồng nở.

Tôi dịch:

*Cành dương nước tịnh
Rưới khắp tam thiên
Tánh không tám đức độ nhân thiên
Pháp giới sáng rộng thêm
Diệt mọi oan khiên
Biển lửa nở hoa sen.*

Giọt nước trên cành dương với sức tâm linh và từ bi của Đức Quan Thế âm có thể tưới tắt những khổ đau và nóng bức trong lòng mình. Phải là giọt nước Cam Lộ mới có thể làm được điều đó. Những câu vừa đọc có dính đến Kinh. Không hiểu Kinh thì không hiểu thơ.

*Cho hay giọt nước càn dương,
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.*

Trên nguyên tắc là như vậy. Nhưng trên thực tế tâm của Kiều không có sự cương quyết và Kiều cũng không có một vị thầy hướng dẫn tu học. Thông minh cách mấy mà không có thầy, bạn và tăng thân thì cũng khó mà tu được. Vì vậy, tuy việc ở chùa có giúp Kiều thoa dịu phần nào những đau khổ nhưng vẫn chưa đủ để Kiều có an lạc, hạnh phúc. Ni cô Trạc Tuyên vì tu một mình, nên không thành công được bao nhiêu.

*Nâu sòng từ trở màu thiên;
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu.*

Chữ thiên có một số người phát âm là thuyền. Hồi còn là chú tiểu tôi cũng đọc là thuyền na (dhyana). Nhưng sau này tôi nghĩ chúng ta nên thống nhất cách phát âm là thiên để khỏi trùng với chữ thuyền là chiếc đò.

*Quan phòng then nhật lưới mau,
Nói lời trước mặt roi châu vắng người.*

Cụ Trần Trọng Kim giải thích chữ quan phòng là Hoạn Thư canh giữ không cho Kiều trốn đi. Giải thích như vậy không đúng nghĩa. Quan phòng là vấn đề giới luật. *Quan* là cửa, *phòng* là hộ trì. Mười giới Sa Di được chia làm hai phần. Bốn giới đầu (sát, đạo, dâm, vọng) là bốn giới trọng, phải hành trì như cánh cửa đóng chặt lại, không thể mở ra được (*quan*). Sáu giới sau là sáu giới nhẹ, có mục đích bảo vệ, hộ trì (phòng). '*Quan phòng then chặt lưới mau*' nghĩa là đứng về phương diện giới luật thì phải nghiêm cẩn, giữ gìn. *Nhật* và *mau* đều có nghĩa là sét sao. Then, chấn song, phải sát; nếu không thì người ta có thể đẩy cửa vào được. Lưới phải sét; nếu không sẽ bị thất thoát ra ngoài. Câu này có nghĩa là giới luật được hành trì tinh nghiêm, vững vàng. Đó là trên bề mặt. Bởi vì '*nói lời trước mặt roi châu vắng người*': vẫn có tâm sự, khi có mặt người (bổn đạo) thì nói nói cười cười, không có người thì vẫn khóc. Chúng tỏ sự tu hành cạn kiệt. Niềm đau còn nhiều. Không quyết tâm tu học. Không có thầy, có bạn. Câu này đi đôi với câu '*Phật tiền thăm lớp sâu vui*'. Chôn giấu chứ không chuyển hóa, vì vậy niềm đau vẫn còn. Chúng ta không trách Trạc Tuyên vì Trạc Tuyên không có tăng thân, không có thầy nên không biết phương pháp chuyển hóa nội kết. Vui sâu lấp thắm bằng gì? Bằng sự bận rộn. Ở đây sự bận rộn là chép Kinh, đốt nhang, quét dọn... Chuyện tụng Kinh, đốt nhang, làm công việc chùa...

có thể chỉ là sự bận rộn để phủ lấp niềm đau của mình. Sự bận rộn đó không được gọi là sự tu học chân chính. Chúng ta có thể nhận thấy điều đó trong đoạn thơ này. Tụng Kinh, lạy Bụt, ngồi thiền, chấp tác... phải được thực tập như sự tu học. Phải làm những công việc hàng ngày này một cách có chánh niệm và hạnh phúc thì những công phu ấy mới có tác dụng chuyển hóa. Nếu chúng ta làm những việc này như những bổn phận hay những công tác thì chưa phải là tu. Đó chỉ là làm cho mình bận rộn để quên đi vấn đề của mình thôi. Vấn đề vẫn y nguyên như cũ. Rất nguy hiểm. Trên phương diện hình thức thì có thể gọi là tu, nhưng trên phương diện nội dung đó chưa phải là tu. Lấp thắm vui sâu hay chuyển hóa thắm sâu? Chuyện này không thể che dấu được. Mình tự soi mình. Trước mặt bổn đạo có thể mình nói cười như đang có hạnh phúc và giải thoát nhưng khi trở về đối diện với chính mình thì mình có thể không nói không cười được với chính mình; mình khóc. Đó là trường hợp của Trạc Tuyên. Lại thêm:

*Gác kinh viện sách đôi nơi,
Trong gang tấc lại gấp mười quan san.*

Hai câu này tố cáo trong đáy lòng Kiều vẫn có ước muốn gặp Thúc sinh chứ Kiều chưa quyết tâm đi tu. Vì vậy đời của Kiều còn khổ. Chúng ta có thể học được rất nhiều bài học từ truyện Kiều. Làm việc và tu tập ở một nơi nhưng tâm không nằm ở đó mà nằm ở một chỗ khác. Tu như vậy thì làm sao thành công, làm sao chuyển hóa được!

*Những là ngâm thơ nuốt than,
Tiểu thơ phải buổi vãn an về nhà.
Thừa cơ sinh mới lên ra,
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.*

Trong nguyên lục, Thúc sinh đang có một kỳ thực tập đi thi. Thời xưa sinh viên thỉnh thoảng có một kỳ thi thực tập ở quận. Các sinh viên đại tập (đã học xong, đang ôn luyện để đi thi) được tụ họp lại và làm những đề thi do các thầy giáo trong vùng đưa ra, làm bài trong thời gian tương đương với thời gian của trường thi. Các thầy chấm bài xem thử các ông học trò này nếu đi thi thì có đậu không. Đó là kỳ thi tổ chức trong quận. Trong thời gian mười mấy ngày Thúc sinh đi thi thử đó, Hoạn Thư về thăm mẹ, Thúc Sinh quên một vật dụng gì đó, về lấy thì mới biết là Hoạn Thư đi vắng. Lợi dụng cơ hội đó, Thúc Sinh ra thăm Kiều ở Quan âm Các. Đó là trình tự trong nguyên lục. Trong truyện Kiều thì giống như Hoạn Thư gài bẫy, đi thăm mẹ

rồi giữa chừng trở về xem Thúc Sinh có lên ra thăm Kiều không. Thúc Sinh ra gặp Kiều:

*Sút sùi kể nỗi đoạn trường,
Giọt châu tâm tã dầm tràng áo xanh.*

Chàng đã khóc quá trời đất! Không có tư cách của nam nhi gì cả. Áo xanh là áo của anh chàng, vì áo cô nàng bây giờ là áo nâu.

*‘Đã cam chịu bạc với tình,
‘Chúa xuân để tội một mình cho hoa!
‘Thấp cơ thua trí đàn bà,
‘Trông vào đau ruột nói ra ngại lời.
‘Vì ta cho lụy đến người,
‘Cát làm ngọc trắng thiệt đời xuân xanh.*

Than thở cho hoàn cảnh của Kiều. Anh chàng thấy mình cũng phải lãnh trách nhiệm. Phải hành động chứ! Vậy thì làm gì?

*‘Quản chi lên thác xuống ghềnh,
‘Cũng toan sống thác chữ đồng làm hai.*

- ‘Anh chưa có con trai nối dõi nên chưa chết được.’ Trong luân lý ngày xưa người con trai có bốn phận phải có con trai để nối dõi tông đường. Nếu không có con trước khi chết là phạm tội bất hiếu rất lớn. Không thể hiểu câu này nếu không hiểu nhân sinh quan của người Á Đông thời xưa (thời nông nghiệp). ‘*Bất hiếu hữu tam, vô hậu hữu đại*’: Có ba tội bất hiếu, không con nối dõi là tội nặng nhất. Không có sự tiếp nối về sau (*vô hậu*) là tội bất hiếu lớn hơn cả. Đó là luân lý Khổng giáo trong bối cảnh xã hội nông nghiệp ngày xưa. Không có con trai nối dõi tông đường thì bao nhiêu cơ nghiệp của tổ tiên để lại sẽ không giữ được. Đứng về phương diện đó mà nhận xét thì những người con trai đi tu đều là bất hiếu! Đó là sự kích bác đạo Phật từ đạo Nho. Để đáp lại, trong đạo Bụt có một thời người ta phải viết lách, thuyết pháp để chứng tỏ rằng người đi tu cũng có hiếu lắm. Những chuyện như truyện Bà Chúa Ba (Quan Âm Nam Hải) hay *Quan Âm Thị Kính* đều chứng tỏ rằng người xuất gia có thể bày tỏ niềm hiếu thảo của mình, thực tế cứu độ được cha mẹ, gia đình và giúp cho xã hội. Bốn câu đầu của truyện *Bà Chúa Ba*:

Chân như đạo Bụt rất mâu,

*Tâm trung chữ Hiếu niệm đầu chữ Nhân.
Hiếu là độ được đáng thân,
Nhân là cứu vớt trăm luân mọi loài.*

Trả lời ngay sự kích bác của Không giáo: trong đạo Bụt có hiếu và có nhân, tại sao các ông nói chúng tôi không có nhân và không có hiếu?

Thúc Sinh nói: ‘Anh chưa chết với em được là vì anh chưa có con trai.’ Người Tây phương nghe lý luận này chắc là không hiểu được. Đây là ý niệm về hiếu trong xã hội cổ.

*‘Thẹn mình đá nát vàng phai,
‘Trăm thân dễ chuộc một lời được sao?’*

Nghĩ đến chuyện chung tình là nghĩ đến chuyện phải chết thôi, không có con đường nào để sống. Anh chàng này dở lắm.

*Nàng rằng: ‘Chiếc bách sóng dào,
‘Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may!
‘Chút thân quần quai vũng lầy,
‘Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao?
‘Cũng liều một giọt mưa rào,
‘Mà cho thiên hạ trông vào cũ hay!
‘Xót vì cầm đã bén dây,
‘Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta,
‘Liệu bài mở cửa cho ra,
‘Ấy là tình nặng ấy là ân sâu!’*

Kiều nói: ‘Thân em quần quai trong vũng bùn. Sống được đến ngày hôm nay là may mắn rồi. Em không đòi hỏi gì hết, chỉ mong anh nghĩ đến tình của chúng ta mà tháo cũi sổ lồng cho em ra khỏi tình trạng này. Chừng đó là đủ chứng tỏ anh thương em.’

*Sinh rằng: ‘Riêng tưởng bấy lâu,
‘Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường.
‘Nửa khi giông tố phủ phàng,
‘Thiệt riêng đây cũng lại càng cực đây.*

Nói xấu vợ: ‘Đã từ lâu anh nghĩ rằng lòng người nói chung, lòng vợ anh nói riêng rất nham hiểm. Nếu bà ta nổi cơn thịnh nộ lên mà làm tình làm tội em thì tội nghiệp cho em mà lòng anh cũng tan nát!’

*‘Liệu mà cao chạy xa bay,
‘Ái ân ta có ngân này mà thôi!’*

Thúc Sinh khuyên Kiều đi trốn. Hoàn cảnh như một cái lưới buộc hai người, Thúc Sinh không thấy con đường thoát nào cho đời sống đôi lứa với Kiều. Hai người đang đi trên hai con đường hoàn toàn khác nhau, không còn cơ hội để chấp lại cuộc tình duyên dở dở.

*‘Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
‘Biết bao giờ lại nói lời nước non?
‘Dẫu rằng đến thác vẫn còn vương tơ!’
Cùng nhau kẻ lẻ sau xưa,
Nói rồi lại nói lời chưa hết lời.
Mặt trông tay chẳng nở rời,
Hoa tì đã động tiếng người nẻo xa.*

Lâu quá hai người không được gặp. Khóc lóc, than thở, rồi đồng ý giải pháp Kiều đi trốn... vậy mà sau đó vẫn không thể rời nhau được. ‘Mặt trông tay chẳng nở rời’ tức là Thúc Sinh nắm tay Kiều. Như vậy ni cô này thật bê bối. Có người đi đến:

*Nhận ngừng nuốt tui đứng ra,
Tiểu thư đã thấy rẽ hoa bước vào.
Cười cười nói nói ngọt ngào,
Hỏi: ‘Chàng mới ở chốn nào lại chơi?’
Dối quanh Sinh mới liệu lời:
‘Tìm hoa quá bước xem người viết kinh.’*

- ‘Anh đi xem hoa, tiện ghé vào coi sư cô chép kinh.’ Càng nghe tả về Thúc Sinh chúng ta càng thấy rõ tính khí của anh chàng. Hoạn Thư tiếp lời, khen luôn:

*Khen rằng: ‘Bút pháp đã tinh,
‘So vào với thiếp Lan-đình nào thua!
‘Tiếc thay lưu lạc giang hồ,
‘Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài!’*

*Thiền trà cạn nước hồng mai,
Thong dong nói gót thư trai cùng về.*

Hai vợ chồng uống trà ở chùa rồi từ giã ra về như một cặp uyên ương tương đắc lắm. Có vẻ như không có vấn đề gì cả nhưng tình cảm trong lòng mình, hai bên không nói được với nhau. Rất tội nghiệp! Thiền trà là cách uống trà trong nhà chùa. Trà ở đây được làm bằng nước hồng mai, tức là nước gỗ cây mai sống gần trăm năm; màu gỗ đỏ, chẻ ra nấu trà mùi thơm rất tinh khiết. Ở chùa Hương Tích thỉnh thoảng thấy có bán trà hồng mai. Những cây mai ở Làng Mai mới có chín, mười tuổi. Phải đợi chín mười năm nữa mới có thể làm trà hồng mai được.

*Nàng càng e lệ ủ ê,
Rỉ tai hỏi lại hoa tì trước sau.
Hoa rằng: 'Bà đến đã lâu,
'Nhón chừng đứng núp độ lâu nửa giờ,
'Rành rành kẽ tóc chân tơ,
'Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường.
'Bao nhiêu oan khổ tình thương,
'Nỗi ông vật vã nỗi nàng thở than.
'Dặn tôi đứng lại một bên,
'Chán tai rồi mới bước lên trên lầu.'*

Cô thị giả báo lại như vậy.

*Nghe thôi kinh hãi xiết đâu:
'Đàn bà thế ấy thấy đâu một người!
'Ấy mới gan ấy mới tài,
'Nghĩ càng thêm nỗi sồn gai rụng rời!*

Lạnh xương sống luôn! Thật là một người đàn bà ghê gớm!

*'Người đâu sâu sắc nước đời,
'Mà chàng Thúc phải ra người bó tay!
'Thục tang bắt được đường này,
'Máu ghen ai cũng chau mày nghiêng răng.*

Đáng lẽ bắt quả tang như vậy người ta phải chau mày nghiêng răng, chửi mắng, giật tóc, đánh lộn..luôn luôn... mà đây:

*‘Thế mà im chẳng đãi dằng,
‘Chào mời vui vẻ nói năng dịu dàng.
Giận dầu ra dạ thế thường.
‘Cười dầu mới thực khôn lường hiểm sâu!
‘Thân ta ta phải lo âu.
‘Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.
‘Ví chẳng chấp cánh cao bay,
‘Trèo cây lâu cũng có ngày bẻ hoa!’*

- ‘Rõ ràng đây là một con người rất sâu hiểm. Nếu không liệu mà trốn thì thế nào cũng có ngày bị đánh, giết, làm nhục.’

*‘Hận bèo bao quản nước sa,
‘Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.*

Đã là thân phận luân lạc rồi thì đâu còn sợ chuyện lênh đênh nữa! Lênh đênh ở đây cũng là lênh đênh mà lênh đênh bên Mỹ cũng là lênh đênh.

*Chín e quê khách một mình,
‘Tay không chưa dễ tìm vành ám no!’*

Thính chuyện đi trốn nhưng lo không có vài trăm quan Pháp hoặc mấy chục đô la Mỹ thì khi đói lấy gì mà ăn. Vì vậy cho nên:

*Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.
Bên mình giắt để hộ thân,
Lần nghe canh đã một phần trống ba.*

Trong lòng Thúy Kiều có cảm tưởng bấp bênh, sợ đói. Vì vậy phát sinh tâm niệm ăn cắp. Lấy đồ thờ bằng vàng bạc trong chùa đem theo để khi đói quá bán đi mua cơm ăn. Điều này chứng tỏ Kiều chưa biết giữ giới, chưa thực sự tu. Khi đi tu, mặc vào người chiếc áo nâu sồng rồi thì đời sống mình phải được hoàn toàn nương tựa trên đàn na thí chủ. Tại sao phải sợ không có tiền mua cơm? Đã cạo đầu, mặc áo nhật bình, quyết chí đi tu rồi thì tại sao mình phải sợ đói? Ngày xưa, khi Bụt còn tại thế thì tình trạng đã là như vậy rồi. Thầy tu không cần nhà cửa, chỉ cần có một cái bát thôi. Khi đi tu là mình phải sống trên sự bố thí của người ta.

Nhất bát thiên gia phạn

*Cố thân vạn lý du
Kỳ vi sinh tử sự
Giáo hóa độ xuân thu*

Nghĩa là:

*Một bát cơm ngàn nhà
Một mình đi vạn dặm
Đó cũng chỉ vì vấn đề sinh tử
Giáo hóa cho tất cả mọi người, mùa xuân cũng như mùa thu.*

Tạm dịch:

*Bình bát cơm ngàn nhà
Thân chơi muôn dặm xa
Vì việc lớn sinh tử
Giáo hóa thảng ngày qua.*

Vấn đề lớn nhất, sứ mạng chính của người tu là giải quyết vấn đề sinh tử. Sinh tử sự đại: việc sinh tử là việc lớn. Người xuất gia phải giải quyết vấn đề sinh tử chứ không phải giải quyết vấn đề làm chùa, đi học để lấy cái bằng hay lên chức làm giáo thọ... Vấn đề quan trọng nhất của người xuất gia là thoát khỏi sinh tử. Bốn chữ *Sinh Tử Sự Đại* có thể được viết treo ở thiền đường. Ngồi thiền, đi thiền hành, ăn cơm... làm tất cả mọi cái là để giải quyết một vấn đề: vượt thoát sinh tử.

Khi đã đi tu thật rồi thì phải lấy cơm thiên hạ làm cơm của mình, lấy gốc cây làm nhà. Chùa nào cũng có thể là chùa của mình cả. Tại sao phải cất tiền riêng? Ngày xưa cũng như bây giờ, hễ người tu rồi thì không được sợ đói. Mình trở thành con người chung. Quần chúng Phật tử sẽ lo cho mình. Chỉ sợ mình không tu thôi. Nếu mình tu thì cơm của tín thí là cơm của mình. Ăn cơm đó là để hoàn thành sự nghiệp giác ngộ.

Nghĩ đi nghĩ lại quanh co: chỉ vì lo quá mà sinh chuyện. Thúy Kiều có cảm giác không có an ninh. Lo sợ đủ cái, trong đó có chuyện sợ đói. Rồi đi đến chuyện ăn cắp đồ thờ bằng vàng bạc để trốn đi. Chuyện phạm giới, thiếu niềm tin, thiếu quyết tâm này sẽ đưa lại những đau khổ trong tương lai cho Thúy Kiều. Chúng ta sẽ thấy ở đoạn sau. Nếu Thúy Kiều quyết chí tu hành, quyết chí làm ni cô thì Thúy Kiều sẽ không sợ nữa. Ở ngay tại đó cũng không sợ. Thái độ của Kiều đối với Thúc Sinh sẽ khác. Giả dụ như hồi Hoạn

Thư đứng nghe lóm, dù Kiều không biết, mà Kiều nói: ‘Thôi anh đừng tới đây nữa! Em muốn tu. Em muốn làm một người xuất gia đàn ông.’ Hoạn Thư nghe biết thì sẽ sung sướng và kính phục Kiều lắm. Kiều sẽ khỏi phải trốn đi đâu cả. chỉ ở đó tu thôi cũng đã có an ninh rồi, hướng hồ trong tương lai lại có cơ hội đi tham vấn, học Đạo với các ni sư khác. Thành ra cái căn bản nằm ở trong trái tim của Thúy Kiều chứ không phải nằm ở Hoạn Thư hay Thúc Sinh. Vì tu mà không có quyết tâm cho nên mới có vấn đề. Trong cuộc nói chuyện với Thúc Sinh, Kiều không chứng tỏ quyết tâm tu gì cả. Chỉ khóc lóc và than thở chuyện người đàn bà kia đọc ác và bàn chuyện đi trốn. Bây giờ đi trốn cũng vậy. Trốn đi không phải để làm ni cô tu hành. Chỉ muốn thoát ra thôi. Chính vì không được bảo vệ bởi niềm tin, bởi Bồ-đề Tâm và nhất là bởi Giới Luật nên ni cô Trạc Tuyên phạm giới tùm lum: ăn cắp, leo tường chạy trốn, không có niềm tin và sau này sẽ phạm giới nói dối.

*Cát mình qua ngọn tường hoa,
Làn đường theo bóng trăng tà về tây.*

Nửa đêm Kiều trèo tường đi về hướng Tây. Trong nguyên lục, Thúc Sinh nói: ở hướng Tây có một số chùa của các ni sư, trốn về hướng đó thì có thể tạm trú được trong những ngày đầu. Kiều không đi ngõ chính mà phải leo tường, ta có thể nghĩ muốn vào Quan Âm Các thì phải vào cửa chính của tư thất Hoạn Thư. Đây là những câu thơ đẹp vẽ lên hình ảnh người trốn đi trong đêm khuya;

*Mịt mù đêm cát đỏi cây,
Tiếng gà điểm nguyệt dấu giày cầu sương¹²¹
Canh khuya thân gái dặm trường,
Phân e đường sá phận thương dãi dầu!*

Thật tội nghiệp.

---o0o---

AM CHIÊU ẨM

Đi hết đêm. Tới sáng:

*Trời đông vừa rạng ngàn dâu,
Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà!
Chùa đâu trông thấy nẻo xa,*

Rành rành Chiêu Ân Am ba chữ bài.

Trong Nguyên lục: *Thúy Kiều tới Chiêu Ân Am gõ cửa, một chú tiểu đi ra. Kiều hỏi: Trụ trì ở đây là ai? Chú tiểu trả lời 'Ni sư Giác Duyên.'* Do đó Kiều biết tên ni sư trụ trì. Khi gặp ni sư, Kiều nói dối: *'Con là đệ tử của thầy con ở Bắc Kinh. Thầy con và con định tới Chiêu Ân Am thăm ni sư Giác Duyên nhưng giữa đường con lạc mất thầy con. Vì vậy con tìm tới trước.'* Ni sư Giác Duyên nói: *'Có phải ni sư Hằng Thủy ở Bắc Kinh không? Nếu phải thì đó là bạn thân của tôi.'* Kiều đáp: *'Dạ đúng là ni sư Hằng Thủy.'* Vào am rồi, Kiều giở bọc lấy chuông vàng, khánh bạc trao cho ni sư Giác Duyên, nói của thầy mình dặn đem tới cúng dường. Đi tu mà đem tiền, vàng, đồ la tới bỏ vào chùa là nguy hiểm lắm. Chỉ nên đem tấm lòng của mình tới là tốt hơn.

Truyện Kiều của Nguyễn Du kể khác Nguyên lục một chút:

*Xăm xăm gõ mái cửa ngoài,
Trụ trì nghe tiếng rước mời vào trong.
Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
Giác Duyên sư trưởng lành lòng liền thương.*

Mình là thầy tu, thấy một người khác mặc áo thầy tu thì tự nhiên có cảm tình.

*Gạn cùng ngành ngọn cho tường,
Lạ lòng nàng hãy tìm đường nói quanh:
'Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh,
'Quy sư quy Phật tu hành bấy lâu.
'Bản sư rồi cũng đến sau,
'Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh.'*
Chuông vàng khánh bạc bên mình dỡ ra.

Thúy Kiều nói dối. Vì sợ nói thiệt mình từ Quan Âm Các trốn ra thì sẽ không được chấp nhận. Thiếu niềm tin, có rất nhiều sợ hãi, có cảm giác không an ninh... Bị bao nhiêu nỗi khổ trong lòng xô đẩy đi làm những chuyện không đúng. Nếu đi vào mà nói thiệt hết cho sư Giác Duyên thì sẽ không có vấn đề gì cả. Ở đây Kiều lại giấu quanh, nói dối. Hồi mười hai giờ khuya vừa mới phạm giới ăn cắp (giới thứ hai). Bây giờ lại phạm tới một giới lớn nữa, giới thứ tư, nói dối.

Sư Giác Duyên cũng không để ý tới chuyện vàng bạc.

*Xem qua sư mới dạy qua:
'Phải Ni Hằng Thủy là ta hậu tình.
'Chỉ e đường sá một mình,
'Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày.'
Gởi thân được chôn am mây,
Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong.*

Được sự che chở của sư Giác Duyên nên Kiều có một ít sự an ổn. Am mây có sự liên hệ đến chỗ các thiền sư tĩnh tu. Ví dụ như Ngọa Vân Am (Am Mây Ngủ) trên núi Yên Tử là nơi tĩnh tu của Trúc Lâm Đại Sĩ (vua Trần Nhân Tông sau khi xuất gia.) *Cao Tăng Truyện* có thuật chuyện thiền sư Nhất Biền làm một cái cốc trên đỉnh núi. Đây là bài thơ của thiền sư chép lại trong *Cao Tăng Truyện*:

*Thiên phong đỉnh thượng nhất gian ốc,
Lão tăng bản gian, vân bản gian.
Tạc dạ vân từng phong vũ khí,
Đáo đầu bất tợ lão tăng nhân.*

Nghĩa là:

*Một gian nhà tranh trên chóp ngàn ngọn núi
Lão tăng ở nửa gian, mây ở nửa gian.
Đêm qua mây đã theo gió và mưa đi mất,
Rốt cuộc nó không được nhận hạ bằng ông thầy tu già.*

Từ đó, những chiếc am dựng trên đỉnh núi thường được gọi là am mây.

*Gởi thân được chôn am mây,
Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong.
Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đèn việc trước trai phòng quen tay.*

Đã tu được ba tháng, chép Kinh cũng khá, công việc thấp nhang, đốt đèn, dọn dẹp trai đường, phòng ốc cũng đã quen thuộc rồi.

*Sớm khuya lá bối phiến mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt tiếng chày nện sương.*

Đó là sinh hoạt hàng ngày trong thiền môn: tụng kinh, thỉnh chuông buổi sớm và buổi khuya. Văn chương rất đẹp! Có bản chép là ‘*Sớm khuya lá bổi phươn mây*’ thì không đúng. *Phươn* là cái treo trên trần rũ xuống, nhiều màu, có đề ‘*Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*’ hay ‘*Nam Mô A Di Đà Phật*’ để trang trí trong chùa, không dính đến công phu hàng ngày. Lá Bổi tức là Kinh (ngày xưa người ta chép Kinh trên lá Bổi); còn *phiến mây* là cái vân bản (cái khánh hình đám mây.) Ngọn đèn khêu nguyệt có lẽ được ảnh hưởng đoạn văn trong Nghi Thức Chấn Tế:

*‘Kinh song lãnh tám tam canh nguyệt
Thiền thất u minh bản dạ đặng.’*

Nghĩa là:

Từ cửa sổ (người thầy tu) ngồi đọc Kinh cái lạnh thấm vào ánh trăng canh ba; Trong thiền thất mờ mờ tỏ tỏ ngọn đèn nửa đêm. (*Tam canh* và *bán dạ* đều là nửa đêm.)

Nếu quen thuộc Kinh điển chúng ta sẽ thấy hình ảnh ‘*ngọn đèn khêu nguyệt*’ đẹp hơn. ‘*Tiếng chày nện sưng*’ là tiếng chuông đại hồng ngân lên buổi sớm. Chu Mạnh Trinh, trong bài *Chùa Hương*, có hai câu nói về ảnh hưởng của một tiếng chuông trong lòng người:

*‘Thoáng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.’*

---o0o---

MỖI HÀNH ĐỘNG ĐỀU CÓ KẾT QUẢ

Thúy Kiều thông minh, học mau, ni sư thương, cho ở lại lâu trong chùa.

*Thấy nàng thông tuệ khác thường,
Sư càng nể mặt nàng càng vững chân,
Cửa Thiền vào cỡ cuối xuân,
Bóng hoa đầy đất vẻ ngân ngang trời.*

Kiều ở Chiêu Ân Am cũng khá lâu. Trước kia ở Quan Âm Các chỉ được vài tháng mùa thu: ‘*Sân thu trăng đã vài phen đứng đầu.*’ Như vậy tròn đi,

đến Am Chiêu Ân phải là đầu mùa Đông. Ở lại qua mùa Đông, rồi hết mùa Xuân.

*Gió quang mây tạnh thanh thoi,
Có người đàn việt lên chơi cửa già.¹²²
Giờ đồ chuông khánh xem qua,
Khen rằng: ‘Khéo giống của nhà Hoạn Nương!’*

Người bốn đạo này có lẽ đi đã nhiều chùa, trong đó có Quan Âm Các, cho nên đã nhận ra chuông vàng khánh bạc của Hoạn Thư. Chúng ta thấy: không có một hành động nào của mình mà không có kết quả. Theo cụ Nguyễn Du, Kiều bị lộ tung tích vào lúc cuối xuân. Nhưng theo nguyên lục (Phong Tình Lục) thì đó là mùa thu, lúc chùa Chiêu Ân tổ chức lễ Vu Lan. Ni sư Giác Duyên là người có đạo hạnh, rất dễ thương vì vậy khi có lẽ các phu nhân và tiêu thư cũng đã đến rất đông. Hôm đó Kiều thoái thác là nhức đầu, nằm trên lầu không xuống. Dinh quan Lại Bộ Thượng Thư không cách Am Chiêu Ân bao xa. Kiều sợ bị nhận diện. Cũng theo nguyên lục, chuông vàng khánh bạc không bày trên chánh điện mà để trong phòng sư Giác Duyên. Người bốn đạo được phép vào phòng sư nên thấy và nhận ra. Câu chuyện chỉ xảy ra giữa hai người. Nguy lắm! Chùa mà chứa những đồ vàng bạc ăn cắp (lại từ một nhà quan nữa!) thì có thể bị cảnh sát tới thăm bất cứ lúc nào. Sư nghe sợ nhưng không nói liền. Đợi tới khuya, bốn đạo về hết, hai thầy trò ngồi lại với nhau sư mới hỏi Kiều.

*Giác Duyên thực ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.*

Khi Kiều đến gõ Am Chiêu Ân, một chú tiểu ra mở cửa. Ngoài hai người chùa còn có người khác. Chi tiết ‘đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau’ cho thấy Trạc Tuyên được ni sư coi như một người thân, cho ở chung một phòng. Như vậy ni sư Giác Duyên rất thương Trạc Tuyên trong nguyên lục chứng tỏ Giác Duyên chưa phải là một ni sư lớn tuổi. Sư đối với Trạc Tuyên thân mật như em ruột của mình. Trạc Tuyên thường gọi Giác Duyên là ‘*su huynh*’, ‘*đạo huynh*’ (đúng ra phải gọi là ‘*su chị*’.) Như vậy Giác Duyên cũng còn trẻ, hơn Kiều nhiều lắm là mười tuổi.

*Nghĩ rằng khôn nổi giấu mâu
Sự mình nàng mới tỏ đầu bày ngay:
‘Bây giờ sự đã dường này,
‘Phận hèn đủ rủi dù may tại người.’*

*Giác Duyên nghe nói rưng rờ,
Nửa thương nửa sợ bồi hồi chẳng xong.
Rỉ tai mới kể sự lòng:
'Ở đây cửa Phật là không hẹp gì.'*

Cửa Phật là cửa rộng. Đó là một câu nói mà ai cũng thuộc lòng. Cửa Phật là cửa rộng, không ai có thể đóng cửa lại không cho mình vào. Đó là truyền thống của Đông phương và đã đi sâu vào lòng người Việt. Một năm nọ ở Cali, ban tổ chức khóa tu đã làm việc theo kiểu Tây phương, nghĩa là khi đã đủ 150 người thì khóa sổ. Có những người điện thoại muốn ghi tên thì được ban tổ chức trả lời: *'Đạ thua hết chỗ!'* Nhưng những người muốn ghi tên không chịu thua: *'Hết chỗ rồi hả? Cho tôi biết địa chỉ đi!'* Và họ nói với nhau: *'Bữa đó mình cứ kéo nhau lên, thầy sẽ không đóng cửa đuổi mình đâu mà sợ!'* Đó là dân tộc tính của mình: Cửa Phật là cửa rộng. Hễ mình tới chùa thì không có ai có thể đuổi mình về được vì ai cũng công nhận cửa Phật là cửa rộng. Ban tổ chức bên Mỹ làm việc theo phương pháp Mỹ, không đi đôi được với tinh thần truyền thống: *'Ở đây cửa Phật là không hẹp gì.'*

*'E chẳng những sự bất kỳ,
'Để nàng cho đến thế thì cũng thương.*

- 'Nhưng nếu không làm gì hết, cứ ngồi yên như vậy thì một ngày kia có tai họa, sư em sẽ bị bắt bớ và tra khảo thì sư chị cũng sẽ chịu không nổi.'

*'Lánh xa trước liệu tìm đường,
'Ngồi chờ nước đến nên đường còn quên.'*

- 'Em phải lánh đi, chứ nếu ngồi đây mà đợi nước đến chân mới nhảy thì quê lắm!' Và do đó mà Kiều đã bị rơi trở lại trong vũng bùn một lần nữa. Bởi nghiệp còn nặng mà lòng không quyết chí tu!

*Có nhà họ Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương.
Nhấn sang dặn hết mọi đường,
Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân.
Những mừng được chốn an thân,
Vội vàng nào kịp tình gần tính xa.*

Kiều mang chuông vàng khánh bạc đi tỵ nạn ở nhà họ Bạc.

*Nào ngờ cũng tổ bọm già,
Bạc Bà học với Tú Bà đồng môn.*

Rốt cuộc là Kiều phải vương vào cái ổ nhèn nhện thanh lâu một lần thứ hai.

---o0o---

BÀI HỌC TRẠC TUYỀN

Bởi vì Trạc Tuyền đã không có cơ hội thực sự thực tập đời sống xuất gia nên mới xảy ra những chuyện rủi ro và trầm luân trở lại. Trong truyền thống đạo Phật đại thừa, đi xuất gia không là để trốn tránh những đau khổ trong cuộc đời. Có thể những đau khổ Kiều trong cuộc đời là những yếu tố tốt cho mình thấy được giá trị của cuộc đời và đi xuất gia. Nhưng xuất gia không phải là để trốn tránh những đau khổ đó mà là để chuyển hóa và giúp người khác chuyển hóa chúng. Đạo Phật đại thừa nói rất nhiều đến Tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề là một chí nguyện lớn. Đi xuất gia là phải có một chí nguyện lớn. Chí nguyện hoàng dương chánh pháp, độ thoát chúng sanh, đem niềm vui đến cho mọi người. Nếu không có nguồn năng lượng này thì lòng mình yếu lắm. Yếu cho đến nỗi những nội kết, khổ đau của chính mình mình cũng không chuyển hóa được. Chỉ *'thăm lạp sâu vùi'* thôi thì làm sao chuyển hóa được! Nói và cười với bọn đạo đến chùa như bọn phận của một người tiếp khách, vậy thôi; khi người bọn đạo về thì mình lại đối diện với niềm đau của mình, chỉ biết khóc. Tu học như vậy thì không bao giờ thành công được. Không có quyết tâm, do đó những nội kết trong lòng mình vẫn y nguyên như cũ. Cái thăm và cái sâu đó được cộng thêm với những cái khác như cảm tưởng nghi ngờ, không có an ninh, lo sợ... Sự hành trì mười giới cũng không đáng hoàng cho nên không có gì bảo hộ cho mình. Tuy mặc áo thầy tu, ở chùa, tụng Kinh nhưng mình không được bảo hộ bởi Bồ Đề Tâm, bởi Giới Luật, bởi niềm tin. Tu như vậy có vẻ có hình thức mà không có nội dung. Nếu trong lòng mình có Tâm Bồ Đề thì mình được một sức mạnh rất lớn thúc đẩy và cho mình nhiều sinh lực. Năng lượng đó giúp mình làm việc và tu học. Mình thấy mình có sứ mạng đem tới sự thay đổi, độ mình và độ đời. Chính năng lượng Tâm Bồ Đề ấy giúp mình không vấp ngã. Mình biết rằng mình muốn làm gì và đi đâu. Trong thời tôi còn thơ ấu, mới đi tu, chưa biết gì nhiều, Phật Pháp chưa sâu sắc, chưa biết con đường thực tập, chưa biết con đường chánh niệm, chưa biết con đường chuyển hóa... nhưng trong con người của chú tiểu mười sáu tuổi ấy có một nguồn năng lượng rất lớn, một

chí nguyện rất lớn. Chính nguồn năng lượng đó đã bảo vệ cho chú, cho chú sức mạnh để có thể học, tu, để có thể làm được những chuyện mà một người khác có thể không làm được. Ví dụ như bị áp đảo, khổ nhục, khó khăn mà không nản lòng. Đó là nhờ nguồn năng lượng của Bồ Đề Tâm. Trong sư cô Trạc Tuyên không có nguồn năng lượng đó. Chỉ muốn trốn thoát hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng thôi. Thêm vào, không có thầy, bạn và tăng thân nên sự thực tập của cô trong chùa chỉ có tính cách hình thức. Nói đến mười giới thì chúng ta thấy Kiều phạm vào rất nhiều giới, trong đó có các giới nói dối và ăn cắp. Đã là một sư cô rồi nhưng khi người yêu cũ tới thì vẫn không có ý thức được mình là một sư cô. Trong khi nói chuyện, khi khóc, khi cầm tay thì Trạc Tuyên cư xử không có tính cách của một sư cô. Trong uy nghi cũng như giới hạnh Trạc Tuyên vi phạm rất nhiều và cái đó đem lại những hậu quả khổ đau về sau. Giả dụ đừng ăn cắp thì đã không xảy tới chuyện người bốn đạo nhìn ra vật sở hữu của nhà Hoạn Thư. Sự thật Hoạn Thư tuy là là một người đàn bà ghen tuông cực độ nhưng vẫn có những hạt giống của từ tâm. Hoạn Thư đã có tình để cho Kiều đi trốn. Và dầu biết Thúy Kiều đã ăn cắp chuông vàng khánh bạc mang theo. Hoạn Thư vẫn tha thứ, không truy nã. Nếu muốn truy nã thì chỉ trong vòng bốn năm tiếng đồng hồ là bà có thể tìm ra Kiều ở đâu và lấy lại những bảo vật đó rồi. chính nhờ hạt giống lành đó trong tâm mà Hoạn Thư sẽ được cứu thoát sau này. Bất cứ một tâm niệm lành nào, bất cứ một hạt giống nào mình có trong lòng đều có thể nảy mầm và sinh hoa kết trái. Chỉ cần tưới tắm thôi. Luật nhân quả này cũng áp dụng được trong trường hợp Kiều ăn cắp. Hành động gọi là ăn cắp đó có kết quả về tương lai. Tuy không bị bắt, bị tù nhưng chính vì hành động ăn cắp đó mà Kiều rơi một lần thứ hai nữa vào dòng khổ đau.

Rõ ràng Hoạn Thư đã cố tình không theo đuổi, đã cố tình tha thứ cho Kiều mà Kiều vẫn sợ. Chính vì sợ nên Kiều mới lâm vào tình trạng này. Sợ rằng nếu không có tiền, không có gì để hộ thân thì mình sẽ bấp bênh:

*‘Chín em quê khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm vành ám no!’
Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân,
Bên mình giắt để hộ thân,
Lần nghe canh đã một phần trống ba.*

Hành động phạm giới này được thúc đẩy bởi lòng tham mà bởi cái sợ. Nguyên nhân cái sợ ở chỗ nào? Ở chỗ vô minh, không thấy được rằng đã là người xuất gia thì mình không nên sợ đói, sợ không có chỗ ở. Nếu mình là

người tu đích thực thì ở đâu người ta cũng ủng hộ mình, tới chùa nào người tu cũng thương, cũng chấp nhận. *'Nhất bát thiên gia phạn, cô thân vạn lý du.'* Bao nhiêu là không gian, bao nhiêu là tự do. Ở đâu mình cũng ở được vì mình có tu, có quyết tâm tu. Đã quyết tâm tu rồi thì không cần phải sợ cái gì cả. Kiền chưa quyết tâm tu cho nên cái sợ bấp bênh vẫn còn. Xuất gia, cạo sạch mái tóc là một hành động rất quả quyết. Gương mặt mình tự nhiên rạng rỡ, đẹp ra. Mình biết con đường mình đi thành ra không còn những vướng vấp khác. Một cánh cửa đã đóng lại và mình đã cương quyết đóng lại mãi mãi rồi thì tự nhiên có một sự giải thoát. Sự giải thoát đó bùng tỏa trong con người, nơi nét mặt của mình. Trước đó một ngày, hai ngày, người ta chưa thấy điều đó vì cánh cửa chưa đóng. Xuất gia làm ni cô mình sẽ có cái hay đó. Một cánh cửa đã được đóng rồi và mình biết mình sẽ không đi qua cửa đó nữa, với chuyện chồng con. Thúy Kiều chưa được cái đó. Kiều bước vào cửa thiền như vào một chỗ tị nạn. Vậy thôi. Chưa quyết tâm. Tuy có cảm tình với thiền môn nhưng chưa hết lòng. Chưa nhận ra được mình là người tu hành, hoàn toàn phó hết tất cả thân mạng, tâm ý, lý tưởng mình cho đạo. Một người đã đi tu rồi là cương quyết tu học. Hành động ăn cắp ở đây không được thúc đẩy bởi lòng tham mà bởi sự sợ hãi có nguồn gốc ở vô minh và thiếu bồ đề tâm. Vô minh là không có sự sáng suốt. Có sáng suốt thì tự nhiên sẽ thấy rằng ngay ở Quan Âm Các mình cũng đã có thể có tự do và hạnh phúc rồi. Chính vì không thấy điều đó nên những vướng vấp cũ của Kiều vẫn còn đó và đã biểu hiện trong giờ viếng thăm của Thúc Sinh. Tưởng rằng chỉ có hai người, không ai biết, không người người vợ cả đã đứng nghe hết tất cả. Cái sợ của Kiều vì vậy càng lớn thêm. Cái sợ càng lớn sự u mê càng to. Và Kiều lại phạm vào những lỗi lầm có ảnh hưởng đến đời sống sau này của mình. nếu không sợ đói khổ bấp bênh, chỉ đi thôi, không ăn cắp thì tới ở với sư chị Giác Duyên sẽ đâu có chuyện gì! Tị nạn xảy ra chỉ vì vướng có một chút xíu đó thôi! Chuông vàng, khánh bạc là vật chất nhưng cũng là biểu hiện của tâm thức. Mang theo chuông khánh đó không ích lợi gì cả. Mang theo chúng chúng tỏ mình mang theo vô minh, sợ hãi, nghiệp chướng. Chính chuông vàng khánh bạc đó đã đẩy Kiều xuống hố sâu một lần thứ hai.

Tất cả những đoạn này, nếu đọc với chánh niệm chúng ta sẽ thấy rất rõ giá trị của Bồ Đề Tâm, của sự trì giới và sự quyết tâm của một người tu học. Nếu chúng ta quyết tâm tu học thì những tai nạn sẽ tan biến như mây khói. Chúng ta biết con đường của chúng ta đi.

SỐ HOA ĐÀO

Tuy nhiên trốn trên lầu không gặp bốn đạo sáng hôm đó nhưng Kiều vẫn không tránh khỏi bại lộ tung tích. Giác Duyên thương, không muốn Trạc Tuyền bị bắt bớ tội tình nên tìm nhà bốn đạo để gởi gắm. Không ngờ lại vô tình đẩy Kiều đi vào chỗ tai nạn.

*Nào ngờ cũng tổ bọm già,
Bạc Bà học với Tú Bà đồng môn.
Thấy nàng mận phấn tươi son,
Mừng thâm được buổi bán buôn có lời.*

Trong xã hội có những người chuyên buôn bán thịt người! Giác Duyên không biết Bạc Bà cũng có hạt giống của Tú Bà. Thấy Kiều có nhan sắc thì liền nghĩ đến chuyện đem bán. Bán cách nào? Bằng cách mỗi ngày đều gieo tưới hạt giống sợ hãi sẵn có trong lòng Thúy Kiều:

*Hư không đặt để nên lời,
Nàng đà lớn sợ rưng rờ lắm phen.*

‘Nguy hiểm lắm đó cô! Ở đây thế nào cũng bị bắt. Đôi khi cảnh sát đã được thông báo, đang đi tìm mà tìm chưa ra đó thôi! Không có chuyện gì cả nhưng người ta đặt thành vấn đề. Mỗi lần nói chuyện với Bạc Bà là Kiều sợ run lên, ngủ không được. Mỗi ngày đều bị tưới như vậy, cuối cùng Kiều phải chấp nhận đề nghị của Bạc Bà: ‘Cô phải đi lấy chồng và phải lấy chồng rất xa. Trong vùng này cũng không có ai dám lấy cô đâu! Cô phải lấy một người con trai ở xa cả ngàn cây số. Đi thật xa sống thì mới yên ổn được. Tôi có một thằng cháu trai ở Châu Thai, miền Chiết Giang, mới về thăm. Nó chưa có vợ. Nếu cô chịu thì tôi giới thiệu cho. Nếu cô lấy nó thì sau đám cưới hai vợ chồng sẽ đem nhau về Chiết Giang ở. Không ai biết mình nữa. Chỉ có cách đó mới có an ninh mà thôi. Còn ở đây thêm ngày nào thì nguy cho cô ngày đó!’ Đọc đến đây chúng ta biết rõ khổ đau của Thúy Kiều là ở chỗ sợ. Cảm giác không an ninh đã có sẵn rồi. Vì sợ mà ăn cắp. Bây giờ vì sợ mà làm tâm bậy một lần nữa: chịu lấy một người mình không biết và không thương.

Chúng ta phải quán chiếu hạt giống sợ trong ta. Vì sợ cho nên nhiều khi ta làm nhiều điều rất ngu xuẩn. Nhất là sợ không có an ninh trong khi mình đang có an ninh. Buồn cười như vậy đó. Có thể là trong giờ phút này mình đang thật sự có an ninh nhiều nhất mà mình lại không biết. Những cái không

an ninh nhìn đâu mình cũng thấy! Ở đây lại có người tưới hạt giống sợ đó mỗi ngày.

*Mụ càng xua đuổi cho liền,
Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần.
Rằng: 'Nàng muôn dăm một thân,
'Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa.
'Khéo oan gia của phá gia,
'Còn ai dám chừa vào nhà nữa đây.
'Kíp toan kiếm chón xe dây,
'Không đừng chưa để mà bay đường trời.*

Ghê gớm! Những câu này là những câu có tác dụng tưới tẩm hạt giống lo sợ. Bà càng nói chừng nào thì cái sợ của Kiều càng lớn lên chừng đó.

*'Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
'Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
'Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
'Cũng trong thân thích ruột rà chẳng ai.
'Cửa hàng buôn bán Châu Thai,
'Thật thà có một đón sai chẳng hề.*

Quảng cáo cho cháu! Không biết có phải cháu thật không?

*'Thế nào nàng cũng phải nghe,
'Thành thân rồi sẽ liệu về Châu Thai.
'Bấy giờ ai lại biết ai,
'Dầu lòng bể rộng sóng dài thênh thênh.*

- 'Tới nơi đó mới có an ninh.' Nhưng nơi đó mới chính là chỗ đoạn trường đau khổ nhất.

*'Nàng dù quyết chẳng thuận tình,
'Trái lời nẻo trước lụy mình đến sau.'
Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói càng đau như dần.*

Càng nghe dọa thì Kiều càng khổ. Dần là dùng sống dao hay khúc gỗ để đập cho mềm. Chúng ta hãy tưởng tượng khúc ruột của Kiều có sống dao

đập lên! Mỗi lời nói tưới tẩm và dọa nạt đều có tác dụng cho người ta đau khổ, lo sợ, thất ruột thất gan như có sòng dao đập lên.

*Nghĩ mình túng đất sẩy chân,
Thế cùng nòng mới xa gần thờ than:
'Thiếp như con én lạc đàn,
'Phải cung rày đã sợ làn cây cong.
'Cùng đường dù tính chữ tòng.
'Biết người biết mặt biết lòng làm sao?*

Con chim đã từng bị bắt rồi thì mỗi khi thấy cành cây cong là sợ. Đi lấy chồng mà không biết người đó là ai thì làm soa mà dám tin. Kiều cũng thấy tất cả sự nguy hiểm của giải pháp Bạc Bà đề nghị chứ không phải không thấy.

*'Nửa khi muôn một thế nào,
Bán hùm buôn sói chắc vào lưng đâu?*

Bán con cọp mà mua con chó sói thì có gì bảo đảm an ninh đâu?

*'Dù ai lòng có sở cầu,
'Tâm mình xin quyết với nhau một lời.
'Chúng mình có đất có trời,
'Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì.'*

Kiều vẫn còn tin ở lòng người, tin ở lời thề. 'Nếu người ta thề với đất với trời thì con sẽ đi theo.' Chúng ta phải nghĩ đến xã hội của Thúy Kiều. Thúy Kiều không sống trong cùng một xã hội với chúng ta. Không có những phương tiện về luật pháp, không có những tổ chức nhân đạo, không có những cố vấn tâm lý trị liệu... Thúy Kiều hoàn toàn bơ vơ, không có giải pháp nào nữa.

*Được lời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
Một nhà dọn dẹp linh đình,
Quét sân đặt trác¹²³ rửa bình thắp hương.*

Trong nguyên lục, sau khi Kiều đã chấp nhận, Bạc Bà hỏi: 'Nhu vậy cô tính cần phải bao nhiêu tiền sinh lễ để cưới?' Kiều nói: 'Con không cần tiền. Có lẽ nên đòi độ 20 lạng vàng thôi. Con sẽ biếu bác 5 lạng, nhờ bác đem lên

chùa Chiêu Ân cúng 5 lạng. Còn 10 lạng con nhờ bác đi mua những vật dụng cần thiết để làm đám cưới và lo cho chuyến đi mấy ngàn cây số sắp tới. Rõ ràng Kiều không có lòng tham gì hết. Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du không nói tới việc này.

*Bạc Sinh quỳ xuống vợ vàng,
Quá lời nguyện hết Thành hoàng Thổ công.*

‘Nếu tôi mà có ăn ở hai lòng thì xin ông trời tru diệt tôi đi!’ Thề rất độc. Mấy người này không có tin Trời Đất và thần thánh. Họ thề để gạt Kiều đi theo mà đem bán.

*Trước sân lòng đã giải lòng,
Trong màn làm lễ tơ hồng hết duyên.
Thành thân mới rước xuống thuyền.
Thuận buồm một lá xuôi miền châu Thai.*

Đi không biết bao nhiêu ngày mới đến Châu Thai, một vùng đất phía Nam, gần biên.

*Thuyền vừa đỗ bến thành thoi,
Bạc Sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hành viện xưa nay,
Cũng phường bán thịt cũng tay buôn người.
Xem người định giá vừa rồi,
Mới hàng một đã ra mười thì buông.*

Theo nguyên lục, Bạc Hạnh bán Kiều được 240 lạng. Gấp 12 lần ‘tiền vốn’ bỏ ra (để cưới Kiều.) Khi đến bến, hai người dọn vào khách sạn. Kiều hỏi tại sao không về nhà mình mà lại dọn vào khách sạn. Dĩ nhiên anh chàng đâu có nhà ở đây, anh ta là kẻ đi buôn người mà! ‘Anh đi lâu quá, sáu bảy tháng thành ra nhà có người thuê. Mình ở tạm khách sạn vài ngày đợi người ta dọn đi rồi về.’ Kiều hơi nghi. Bạc Hạnh nói là đi lo công việc, độ nửa ngày sau đưa về một người đàn ông tướng tá rất kỳ cục. Hai người vào tửu điểm trong khách sạn gọi thịt cá, cơm canh uống rượu với nhau tới khuya. Giới thiệu với Kiều này kia nọ. Khi người khách về rồi Kiều hỏi: ‘Anh đưa người nào về hồi chiều vậy? Người gì mà trông dễ sợ thế? Giống như ăn cướp!’ Bạc Hạnh nói: ‘Đâu phải! Người ở miền này làm nghề đánh cá. Dân quê tướng mạo họ như vậy đó chứ đâu phải là ăn cướp!’ Kỳ thực người kia là nhân viên của hành viện, đến để xem mặt Kiều. Mai lại, Bạc

Hạnh nói: ‘Anh về nhà trước sắp đặt rồi chờ em ở nhà. Một giờ sau sẽ có kiệu tới đón. Em không cần mang theo hành lý vì sẽ có người tới lấy sau.’ Bạc Hạnh đi. Kiệu đến đón: ‘Bà nên đi một mình thôi, hành lý sẽ khiêng tới sau.’ Kiệu đã nghi là mình đang chui vào một cái bẫy nào đây rồi nên nhất định đem theo tất cả vật sở hữu của mình và của anh chàng Bạc Hạnh (theo nguyên lục, trị giá khoảng 240 lạng vàng.) Sau khi tới hành viện nhận 240 lạng vàng. Bạc Hạnh trở lại khách sạn gom hành lý thì không còn gì cả. Tác phẩm của cụ Nguyễn Du bỏ hết tất cả những chi tiết không quan trọng đó. Ở đây chúng ta đề cập tới vì muốn biết cho tường tận gốc gác câu chuyện. Những dị biệt nhỏ nhỏ này vẽ nên hai thần thái rất khác nhau của *Đoạn Trường Tân Thanh* và *Phong Tình Lục*.

*Mượn người thuê kiệu rước nàng,
Bạc đem mặt bạc kiếm đường cho xa.*

Đây là lời mắng của cụ Nguyễn Du: ‘Hèn gì mà nó tên Bạc! Bạc tình, bạc bẽo!’

*Kiếp hoa đặt trước thêm hoa,
Bên trong thấy một mụ ra vôi vàng.
Đưa nàng vào lạy gia đường,
Cũng thân mày trắng cũng phường lâu xanh.
Thoát trông nàng đã biết tình,
Chim lòng khôn lẽ cất mình bay cao.*

Thấy là biết rồi! Biết là mình đã bước vào cái ổ nhèn nhện rồi. làm sao mà thoát ra được nữa!

*Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi.*

Hai chữ *chém cha* là một lời chửi. Chửi bằng thơ. Rất mạnh. Cụ Nguyễn Du chửi, tại vì cái đau xót không thể diễn tả được nữa. Chém không phải là chém ai. Giận không phải là giận ai. Chỉ phẫn nộ, gina cho cái số phận mình, cái số hoa đào.

*Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen.*

Than thở, uất ức cho số phận hẩm hiu. Cứ nghĩ rằng tất cả những gì xảy ra cho mình hoàn toàn do số mệnh, không biết rằng thái độ và nhận thức của mình đã đóng một vai trò rất quan trọng. Chính mình đưa mình vào chỗ này mà mình không biết. Hoàn toàn đổ hết trách nhiệm cho hoàn cảnh mà không thấy được những hạt giống, những nguyên do tâm lý đã đóng góp đưa mình vào hoàn cảnh này.

*‘Nghĩ đời mà ngán cho đời’ – chỉ trách cứ đời thôi!
‘Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!’*

Lý thuyết của cụ Nguyễn Du là có tài có sắc thì phải đau khổ bởi vì ông trời ghen ghét. ‘Ông trời là cuộc đời, sự sống, thiên nhiên. Tài mệnh tương đố: tài năng và số mệnh ghanh ghét, đố kỵ nhau. Người mà có tài có sắc thì phải đau khổ nhiều. Muốn bình yên và an lạc thì phải làm như không có tài, không có sắc. Đó là kết luận tất yếu của thuyết tài mệnh tương đố.

*Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần!
Hồng quân với khách hồng quân
Đã xoay đến thế còn vẫn chữa tha.*

Hồng quân là ông mặt đỏ, tức là ông trời. Hồng quân là người đàn bà (ngày xưa họ mặc quần đỏ.) Mở đầu truyện ông trời xanh ghen với má hồng: ‘Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.’ Ở đoạn này thì ông trời đỏ lại ghen với ‘người mặc quần đỏ’ (người đàn bà đẹp.) ‘Hồng quân với khách hồng quân. Đã xoay đến thế còn vẫn chữa tha,’ Hoàn toàn đổ lỗi cho ông trời. Không thấy chính tâm lý và thái độ của mình cũng đóng một vai trò quan trọng trong hoàn cảnh của mình.

*Lỡ từ lạc bước bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.*

Từ khi bước chân ra khỏi gia đình đã tiên đoán là mình sẽ đau khổ như vậy. Chấm dứt thời thơ ấu, có cha mẹ chị em. Chấm dứt cái thời của thiên đường tuổi thơ.

*Đâu xanh có tội tình gì?
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.*

Minh đâu đã làm điều gì thất đức mà bây giờ phải khổ như thế này?

*Biết thân chạy chẳng khỏi trời
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.*

Biết không sao thoát ra khỏi cuộc đời khổ đau này, thôi thì phải chấp nhận. Phải bó tay thua trận. *Biết thân chạy chẳng khỏi trời:* Anh không làm gì được đâu! Anh hoàn toàn không có khả năng để thoát ra khỏi hoàn cảnh đau khổ của anh. Sức mảy mà thoát được! Đó là nhận thức rất nguy hiểm dẫn đến sự thua cuộc: *Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.* Đành liều! Không cố gắng, không tranh đấu nữa. Hai câu này chứng tỏ Kiều đang hoàn toàn thất vọng, không có ý chí tranh đấu. ‘Thôi, cố gắng làm chi! Tất cả những cố gắng của mình đều đã đưa đến chỗ thất bại cả. Bây giờ thôi kệ! Liều!’ Rơi vào vũng bùn, không còn ý chí. Ta không thể chấp nhận thí độ này được. Dù đang ở trong đau khổ cùng cực ta cũng không nên có thái độ đó. Thua keo này phải bày keo khác. Những người đau khổ quá nhiều thường có khuynh hướng buông xuôi. Nhưng *‘sông có khúc, người có lúc.’* Trong đời người thế nào cũng có những giai đoạn khó khăn. Nếu trong giai đoạn khó khăn mà mình buông xuôi, thất vọng, đánh mất ý chí thì làm sao mình đi tới được những giai đoạn quang đấng, hạnh phúc?

Chúng ta hãy để ý đến nghệ thuật pha màu của cụ Nguyễn Du trong đoạn thơ này: mặt phấn – ngày xanh, hồng quân – hồng quân, đầu xanh – má hồng. Chơi chữ rất khéo.

---o0o---

ANH HÙNG ĐOÁN GIỮA TRẦN AI.

Trong đời sống thanh lâu lần này Kiều gặp một người đàn ông khác. Thúc Sinh yêu đuối thế nào thì người này cứng rắn chừng đó. Hai người đàn ông này là hai thái cực. Tính khí khác nhau một trời một vực. Nhưng vì Kiều chưa có đủ tuệ giác và từ bi nên lần này cũng không giữ được hạnh phúc lâu bền.

*Lân thâu gió mát trăng thanh,
Bồng đầu có khách biên đình¹²⁴ sang chơi.
Râu hùm hàm én mày ngài
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài.¹²⁵
Đội trời đạp đất ở đời,*

*Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông.¹²⁶
Giang hồ quen thú vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo.*

Qua những câu thơ này của cụ Nguyễn Du diễn tả được khí phách hiên ngang của Từ Hải. *Từ Hải* (nghĩa là biển thương) là tên của nhà cách mạng Từ Minh Sơn, không chấp nhận được chế độ chính trị của nhà Minh nên đã đứng lên khởi nghĩa. Chỉ cần nghe âm điệu của câu thơ chúng ta cũng có thể biết được ông là người như thế nào rồi!

*Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.*

Từ Hải đi qua vùng Châu Thai nghe nói có một người đàn bà tên là Thúy Kiều sắc đẹp, tài năng và phẩm cách phi thường. Tuy ở thanh lâu nàng vẫn có nhân cách của mình, không phải người đàn ông nào cũng có thể tới với nàng được. Kiều có một nhận thức về đàn ông, ít người tới mà được Kiều cho là người có nhân cách và phẩm giá. Từ Hải nghe vậy muốn đến làm quen cho biết người đàn bà này.

*Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa.*

Chỉ mới thấy nhau họ đã có cảm tình với nhau rồi.

*Từ rằng: ‘Tâm phúc tương cờ,
‘Phải người trắng gió vật vờ hay sao!
‘Bấy lâu nghe tiếng má đào,
‘Mắt xanh chàng để ai vào có không?
‘Một đời được mấy anh hùng,
‘Bỏ chi cả chậu chim lồng mà chơi!’*

Từ Hải hỏi: ‘Lấy bụng dạ, trái tim mà đến với nhau thì đâu phải là người trắng gió vật vờ. Lâu nay tôi nghe tiếng cô. Đối với cô không có người đàn ông nào là đáng mặt phải không? Đời phần nhiều là hạng tầm thường, thì không đáng bỏ công chơi với họ! Phải không?’ *Mắt xanh* là con mắt tinh đời, con mắt thấy được những người nào có giá trị và những người nào không có giá trị. Nguyễn Tịch dưới đời nhà Tấn mỗi khi tiếp khách gặp được người tri kỷ thì mắt xanh lên, còn gặp những người tầm thường thì mắt ông vẫn đục. Trong bài Hành Phương Nam của Nguyễn Bính có câu:

*‘Ta đi - nhưng biết về đâu chứ?
Đã dấy phong yên khắp bốn trời!
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ,
Uống say mà gọi: Thế nhân ơi!
Thế nhân mặt trắng như ngân nhũ
Ta với nhà người cả tiếng cười.
Người ơi! Hề người ơi!
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi.’*

*Nàng rằng: ‘Người dạy quá lời,
‘Thân này còn dám xem ai là thường.
‘Chút riêng chọn đá thử vàng,
‘Biết đâu mà gọi can tràng vào đâu?
‘Còn như vào trước ra sau,
‘Ai cho kén chọn vàng thau tại mình.’*

Thân phận tôi là thân phận một cô gái điếm thì có giá trị gì mà dám khinh thường người khác! Duy có điều này là thật: tôi có nỗi niềm riêng mà chưa tìm được một người tri kỷ nào để gửi gắm thông cảm. Còn khinh người, xem thường người thì: dạ không dám! Ai muốn đến thì bỏ tiền ra mà đến. Tôi đâu có quyền, đâu còn tự do gì nữa mà nói chuyện kén chọn.’

Kiều trả lời như vậy là rất thẳng, rất thật. đây là buổi nói chuyện đầu tiên giữa hai người. Gặp nhau họ nói chuyện liền chứ không có những sinh hoạt gọi là sinh lý gì cả. Vừa gặp mặt, anh chàng đã hỏi rất thẳng câu mình muốn hỏi chứ không một hai rào đón gì cả. Kiều cũng trả lời rất thật.

*Từ rằng: ‘Lời nói hữu tình,
‘Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân.¹²⁷
‘Lại đây xem lại cho gần,
‘Phỏng tin được một vài phần hay không?’*

‘Lời nói của cô, có cái tình thật bên trong. Không khách sáo. Vừa mới gặp nhau mà tôi đã có cảm tưởng là mình đã được hiểu. Cô hãy đến gần lại một chút mà nhìn để xem thử tôi là người cô có thể tin cậy được hay không?’ Đây là một con người rất đặc biệt.

Thưa rằng: ‘Lượng cả bao dung,

*‘Tán Dương được thấy mây rồng có phen,¹²⁸
‘Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
‘Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau.’*

‘Nhìn đại nhân tôi biết đại nhân là người có tâm lượng và tương lai lớn. Mong sẽ nghĩ tình mà cho tôi nhờ cậy sau này.’

*Nghe lời vừa ý gật đầu,
Cười rằng: ‘Tri kỷ trước sau mấy người!’*

Tri kỷ là người hiểu mình. Chỉ cần nhìn một cái, nghe một câu là hiểu. Tìm được một người tri kỷ thật khó khăn hy hữu. Người gặp được tri kỷ là người rất may mắn, hạnh phúc.

*‘Khen cho con mắt tinh đời,
‘Anh hùng đoán giữa trần ai mới già.
‘Một lời đã biết đến ta,
‘Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau.’¹²⁹*

Từ Hải khen Kiều trong đám bụi bặm, đây những người vũ phu mà nhận diện ra được người anh hùng thì phải là người có con mắt rất tinh. Một lời nói thôi cũng đủ chứng tỏ là hiểu được mình. Khi tìm được người tri kỷ rồi thì cái gì cũng có thể chia sẻ với nhau được, không có gì thành vấn đề cả.

*Hai bên ý hợp tâm đầu,
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.*

Hai người trở thành bạn thân, không phải do sự cầu thân mà được. Không phải muốn thân mà được thân. Thân là do có sự hiểu nhau. Vì hiểu nhau mà thành ra thân nhau.

*Ngỏ lời nói với băng nhân,¹³⁰
Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn.*

Người đàn ông này tới thanh lâu chỉ vì tò mò, muốn nói chuyện với Kiều. Khi hai bên thông cảm, hiểu nhau rồi thì họ đặt vấn đề giải phóng Kiều ra khỏi tình trạng của cô ngay lập tức. Không cần phải trải qua giai đoạn đi chơi, đi ngủ với nhau.

Buồng riêng sửa chón thanh nhàn,

*Đặt giường thất bảo vây màn bát tiên.¹³¹
Trai anh hùng gái thuyền quyên
Phi nguyên sánh phượng đẹp duyên cưới rông.*

Hai người ra ở riêng. Trong nguyên lục Thúy Kiều hỏi tại sao Từ Hải không làm đám cưới, đưa Kiều về nhà như những người khác. Từ Hải đáp: *‘anh chưa có nhà nên chưa làm chuyện đó được. Bây giờ mình sống với nhau như vậy thôi. Anh muốn đám cưới của anh là đám cưới của một vị quốc vương đi đón một hoàng hậu, có hàng chục ngàn quân lính tiền hô hậu ủng. Nhà anh phải là một dinh thự hoàng chứ không phải là cái nhà bé nhỏ như vậy.’* Thúy Kiều thấy nơi người con trai này một tham vọng, một chí hướng lớn. Trong con người này có cả một vùng năng lượng. Kiều biết mình chẳng qua chỉ là một yếu tố làm nên sự sống của người đàn ông này thôi và Kiều chấp nhận. Con người này không phải vì sống bên cạnh người đẹp mà quên hết lý tưởng của mình. Con người này muốn người đẹp tham dự vào lý tưởng của mình. Đó là những dữ kiện trong nguyên lục không được nhắc tới trong tác phẩm của Nguyễn Du.

*Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương.*

Trong nguyên lục, hai người ở với nhau năm tháng thì Từ Hải muốn đi. Ở đây là nửa năm, cụ Nguyễn Du muốn cho Kiều có thêm một tháng hạnh phúc. Cụ có thêm vào nhiều chi tiết rất dễ thương. Nàng Kiều của cụ Nguyễn Du dễ thương và từ bi hơn nàng Kiều trong nguyên lục nhiều lắm bởi vì nàng Kiều của cụ có khá nhiều dân tộc tính. Tuy có những lỗi lầm nhưng cũng có những cái đẹp có tính cách Việt Nam.

Khi sống với Thúy Kiều, năng lượng của người anh hùng vẫn còn nằm nguyên trong lòng Từ Hải. Đây là một người đàn ông đặc biệt. Không muốn làm tiêu ma ý chí trượng phu của người đàn ông, người đàn bà trong trường hợp này cũng là một người đàn bà đặc biệt. Ở đây chúng ta có trường hợp rất lý tưởng.

*Trông vời trời bể mệnh mang,
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.
Nàng rằng: ‘Phận gái chữ tòng.
‘Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi.’
Từ rằng: ‘Tâm phúc tương tri,
‘Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình?’*

Từ Hải ra đi để xây dựng sự nghiệp. Thúy Kiều xin đi theo. Từ Hải nói: ‘Đã biết tim, biết bụng của nhau rồi mà sao em vẫn chưa bỏ được thói quen của người đàn bà? Anh là con người của cách mạng, chí hướng của người con trai nơi anh bắt buộc anh phải đi. Em đi theo chỉ làm vướng bận. Phận sự của em là ở nhà và đợi.’

*‘Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường.¹³²
Làm cho rõ mặt phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.¹³³
Bằng nay vốn bé không nhà,
Theo càng thêm bận biết là đi đâu?
Đành rằng chờ đó ít lâu,
‘Chầy chẵng là một năm sau vội gì!’*

- ‘Em đợi chừng một năm. Anh sẽ về với ít nhất là một vạn quân lính. Lúc đó chúng ta mới có nhà. Bây giờ em đi theo chỉ là vướng chân anh thôi. Em phải ở nhà, làm công việc của người đàn bà nghĩ là chờ đợi. ‘Con người này có đức tự tin, hoàn toàn trái ngược với anh chàng Thúc Sinh mít ướt, chỉ biết khóc thôi.

*Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió đưa bằng tiện đã lìa dặm khơi.*

Có nhiên, bản phận của người đàn bà là phải nắm áo lại và bản phận của người đàn ông là phải dứt áo ra đi. Hai bên, mỗi người làm công việc của mình. tất cả những câu những chữ cụ Nguyễn Du dùng để tả Từ Hải đều tài tình, từ nhạc cho đến nghĩa đều toát lên phong thái dứt khoát, rõ ràng của một võ tướng.

---o0o---

ĐƯỜNG KIA NỖI NỢ

Đây là tâm trạng của Kiều sau khi Từ Hải ra đi. Trong thời gian sống với Từ Hải những tâm sự này không có dịp phát hiện:

*Nàng từ chiếc bóng song mai,
Đêm thâu dằng dẳng nhật cài then mây.
Sân rêu chẵng vẽ dấu giày,*

Cỏ cao hơn thước liễu gãy vài phân.

Không đi thiên hành, không cắt cỏ làm vườn. Đóng cửa trong phòng, gặm nhấm sự thương nhớ.

*Đoái thương muôn dặm tứ phân,
Lòng quê theo ngọn mây Tần xa xa.
Xót thay huyên cõi xuân già
Tám lòng thương nhớ chắc là có nguôi?
Chốc đà mười mấy năm trời,
Còn ra thì đã da môi tóc sương.*

Rất đúng truyền thống nhà Nho: nhớ quê hương và cha mẹ trước. Bây giờ mới nhớ tới người yêu là Kim Trọng:

*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng.
Duyên em dù nói chỉ hồng,
May ra thì đã tay bông tay mang.*

Sau tình thì nghĩa phát sinh. Với Kim Trọng thì giờ đây Kiều đâu còn cái tình bông bột nữa, tình đã trở thành nghĩa. Tuy hai người chưa được sống với nhau nhưng sự thề bồi ngày xưa nay đã trở thành ân nghĩa. Trên căn bản này Kiều nhớ đến mối tình và bản phận của mình với Kim Trọng. Hình ảnh ngó sen bị cắt đứt nhưng hai đoạn vẫn còn được nối với nhau bằng những sợi tơ sen đã được sử dụng một cách tài tình để nói về mối liên hệ này. *Ngó ý tơ lòng*. Ý là mặt-na (thức thứ bảy) và lòng là tàng thức (thức thứ tám.)

*Tác lòng có quốc tha hương,
Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời.*

Nghĩ chuyện này, nghĩ chuyện khác. Bao nhiêu suy nghĩ ngổn ngang trong lòng. Dù đã từng đi tu nhưng vì không được ai hướng dẫn cả nên tâm tư vẫn còn hỗn độn. Không biết nắm lấy hơi thở để làm an tĩnh lại tâm hồn. Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời. Trở thành nạn nhân của hoàn cảnh và của tâm mình. Tâm mình có những lo lắng, sợ hãi, khổ đau, nội kết của quá khứ, vậy mà mình không biết cách tu, không biết cách điều phục. Ở Quan Âm Các tu không thành công mà về Chiêu Ân Am tu cũng không thành công. Một phần là lỗi của sư chị không dạy sư em - hoặc có thể thời gian ở Chiêu Ân Am quá ngắn. Nếu gặp sư chị bây giờ, ta phải nói với sư chị là lần

sau nếu gặp sư em thì phải dạy liền. Ngay ngày thứ nhất người ta tới chùa phải dạy cho người ta thờ và điều phục tâm tư của mình. Đừng để người ta ở tháng này tháng khác trong chùa mà không dạy người ta. Biết đâu thiền sinh tới đây chỉ ở được ba ngày hay một tuần với mình thôi. Đây là lời nhấn nhủ cho tất cả chúng ta. người nào trong chúng ta cũng là sư chị hết. Nếu sư em về nhà, về tiểu bang của mình mà ‘đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời’ thì đó là lỗi của sư chị. Sư em có thể là người ngoại quốc, người Việt, đàn ông, đàn bà hay em nhỏ. Tới chùa mình phải chỉ liền cho họ phương pháp điều phục hơi thở và làm an tĩnh tâm tư của họ. Khi mình làm giỏi thì mình có thể dạy giỏi. Đó là bổn phận của mình. Sư chị Giác Duyên đã không thành công lần trước. Mình phải làm hay hơn sư chị.

Chúng ta đọc lại tâm trạng Kiều:
Trước hết là nhớ quê hương:

*Đoái thương muôn dặm tứ phần,
Lòng quê theo ngọn mây Tần xa xa.*

Tiếp đến là nhớ cha mẹ:

*Xót thay huyên cố xuân già,
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi.
Chốc đà mười mấy năm trời,
Còn ra thì đã da mồi tóc sương.*

Nhớ tới người yêu và em gái:

*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
Dấu lià ngó ý còn vương tơ lòng.
Duyên em dấu nói chỉ hồng
May ra thì đã tay bông tay mang.*

Không nhớ em trai vì theo nguyên tắc nó là con trai, nó có đủ sức để tự lo.

*Tác lòng cố quốc tha hương,
Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời.*

Đó là tâm sự ngổn ngang, không có định, không có an lạc của Kiều. Cuối cùng, trở về với tình trạng hiện tại, Kiều chỉ thấy mình đang thiếu Từ Hải thôi:

*Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm.*

Hoàn toàn không có khả năng sống an lạc trong hiện tại thành ra đã tu hai chùa rồi mà vẫn không thành công.

---o0o---

CHÁT CỬ CHO MÙA ĐÔNG

Vào khoảng đầu truyện, có một câu thơ nói lên sự khiếp đảm của một con người không biết tương lai vận mệnh của mình ra sao (câu 218.) Đó là lúc Kiều đi chơi Thanh Minh về mơ thấy Đạm Tiên cho biết mình có tên trong sổ đoạn trường. Kiều thức giấc trong một tâm trạng lo sợ, hoàn toàn mù tịt về tương lai.

*Một mình lưỡng lự canh chầy,
Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh.*

Thức dậy một mình giữa đêm khuya, Kiều thấy mình rất cô đơn. Nghĩ đến tương lai cô không biết cái gì sẽ xảy ra cho mình. Hoảng sợ, lo lắng. Cuộc đời đoạn trường của Kiều bắt đầu từ chỗ đó. Kiều đã bước ra khỏi thời thơ ấu thiên đường, trở thành một cô gái lớn, nhưng không biết sẽ đi về đâu. Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh. Có thể Kiều cũng sẽ đi một mình như Đạm Tiên ngày xưa; biết bao người giàu sang thăm viếng, hâm mộ sắc đẹp và tiếng hát của mình nhưng khi chết thì mình hoàn toàn trợ trọi. Khi Kiều bỏ Quan Âm Các trốn đi cũng có câu: *‘Đêm khuya thân gái dặm trường’*. Thức dậy nửa đêm với cảm giác cô đơn và sợ hãi.

*Một mình lưỡng lự canh chầy,
Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh.
Hoa trôi bèo giạt đã đành,
Biết duyên mình biết phận mình thế thôi!
Nổi riêng lớp lớp sóng dồi,
Nghĩ đòi con lại sụi đòi con.*

Càng lo nghĩ chừng nào thì những đợt sóng của tâm hành càng nổi lên mạnh mẽ chừng đó. Càng suy nghĩ tới sự cô đơn của mình thì sự sợ hãi lại càng lớn lên. *‘Nỗi riêng lớp lớp sóng dồi, Nghĩ đời con lại sụt sùi đời con.’*

Không phải người đàn bà trong trường hợp cô đơn mới cảm thấy sợ hãi. Người đàn ông khi thấy một mình một bóng cô đơn, không ai hiểu mình cũng sợ hãi, không biết cái gì sẽ xảy ra trong đời mình. Đời một con người thế nào cũng có những giai đoạn may và những giai đoạn rủi. Chuyện may rủi này có thể không phải là ngẫu nhiên. Chúng đều có những nguyên nhân gần hay xa. Lâm vào tình trạng khó khăn mà bên mình có được một người hiểu mình, thương mình, yểm trợ cho mình thì đỡ lắm. Khi cô đơn, gặp tai nạn và khổ đau mà một thân một mình hoàn toàn cô đơn thì ta sẽ đau khổ tột độ. Nhưng nếu bên cạnh mình có vài người hay ít nhất là một người hiểu, thương nâng đỡ và bảo vệ cho mình thì hay vì khổ một ngàn lần mình chỉ khổ chừng một trăm lần thôi (hoặc có thể ít hơn.) Trong cuộc sống hàng ngày chúng ta phải biết đầu tư nơi bạn bè. Cũng như biết mùa đông sắp tới thì phải cura củi để dành cho những ngày quá lạnh. Không có củi đốt thì mình sẽ chết cóng. Chúng ta làm thế nào để có được một, hai, ba... người bạn. Những người bạn đó sẽ là những người đứng cạnh mình, nâng đỡ, bảo vệ mình trong những lúc mình đau khổ, yếu đuối nhất. Xây dựng tăng thân là một việc làm quan trọng. Tăng thân không hẳn chỉ là những người cùng thực tập theo đạo Phật; bạn bè nuôi dưỡng, giúp đỡ nhau trong cuộc đời cũng là một hình thức tăng thân. Trong khi đọc *‘Con về nương tựa nơi Tăng’* chúng ta phải hiểu Tăng bảo là một viên ngọc quý. Đừng coi Tăng bảo là những phần tử đang tu tập với mình mà thôi. phải thấy ở trong đó có những người anh, người chị, người em đích thực của mình. khi mình lâm nạn thì chính những người đó đến ôm lấy mình nói: *‘Chị đừng sợ! Em đừng sợ! Có em đây. Có anh đây. Không có gì mà sợ.’* Mỗi ngày sống ta phải đầu tư nơi huynh đệ, nơi tăng thân của mình. Ta phải quán chiếu, thấy được những khó khăn, khổ đau của những người sống xung quanh và thực tập làm vui đi những nỗi khổ đó. Khi bạn mình nở được một nụ cười thì chúng ta cũng đã đặt thêm được một viên gạch xây dựng tình bằng hữu. *‘Sáng cho người thêm niềm vui, Chiều giúp người bớt khổ.’* Đó cũng đồng thời là sự thực tập đầu tư cho tương lai, để dành củi cho những ngày mưa. Tất cả những gì mình làm mình sẽ được hưởng trong tương lai. Tất cả những gì mình làm mình sẽ được hưởng trong tương lai. Hai phía đều dính líu tới nhau. Tình luôn luôn đi với nghĩa. Một người thực tập thông minh thì trong đời sống hàng ngày luôn luôn đầu tư vào các bạn. Những lúc các bạn có vấn đề, yếu đuối, sa xuống thấp thì mình đứng gần, có mặt: *‘Có chị đây. Em đừng lo! Có em đây. Anh đừng lo!’* Và mình chăm lo thật sự cho người đó

chứ không phải chỉ lo vì bổn phận của một người trong tăng thân. Làm được điều đó thì đi đâu mình cũng có cảm tưởng được nâng đỡ. Đó là lời Bụt dạy khi Ngài dạy về Tứ Vô Lượng Tâm: khi thực tập tâm Từ, tâm Bi, tâm Hỷ và tâm Xả đi đâu mình cũng thấy có sự che chở, bảo vệ và nâng đỡ. Một người thực tập *'Sáng cho người thêm niềm vui, Chiều giúp người bớt khổ'* thì không có cảm tưởng cô đơn, lẻ loi trong cuộc đời. Đường dài nhưng mình đi một cách rất vững chãi an lạc. Đường càng dài thì càng được đi xa. Không sợ, không thấy *'đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh.'* Đường càng xa, càng đi càng thích. Dù có những khó khăn, trên đường của mình vẫn có chim, có bướm, có cây. Mình không sống một mình. Mình sống với các bạn.

Buổi sáng, sau khi ngồi thiền ta nên nhắc mình: hôm nay ta phải dâng cho người một niềm vui. Nếu buổi sáng đi qua mà ta không làm được cho một người nào vui thì ta không thực tập được sự đầu tư đó. Buổi chiều, nguyện giúp người bớt khổ, ta sẽ quán chiếu xem người huynh đệ nào đang cần sự săn sóc của ta. Và buổi tối, ngồi thiền xong, ta quán chiếu lại để thấy ngày hôm nay ta có làm công việc đầu tư ấy đáng hoàng không. Buổi sáng chúng ta đã cho ai được niềm vui? Buổi chiều ta có giúp ai được bớt khổ? Đó là một thực tập rất quan trọng. Làm điều đó cũng chính là làm cho mình. Lân mẫn, lo lắng cho họ tức là lân mẫn lo lắng cho chính mình. Đòi một con người thế nào cũng có những lúc khó khăn, đen tối, bệnh tật, lo sầu. Nếu chỉ có một thân một mình, người ta sẽ không thể nào sống nổi. Người ta tự tử thường là vậy: hoàn cảnh khó quá, không thể nào vượt thoát. Nhưng nếu có được một người bạn, người anh hay người chị bên mình trong lúc đó thì ý tưởng tự tử sẽ bớt đi bảy mươi, tám mươi phần trăm. Tự tử không phải vì chán đời mà vì sợ. Sợ rằng mỗi ngày mình đều phải sống như vậy thì đau khổ quá, chịu không nổi. Sống trong chánh niệm, thấy người xung quanh đi, đứng, nói, cười... mình cũng phải nhìn để thấy rằng họ cũng đang có những nỗi khổ, niềm đau. Người nào cũng có vấn đề riêng của họ. Không phải chỉ có một mình mình mới có vấn đề thì mình trở nên khó chịu với những người xung quanh. Đôi khi thấy được những vấn đề của người xung quanh rồi mình lại thấy vấn đề của mình không quan trọng mấy và tự nhiên nỗi đau của mình nhẹ đi. Tới giúp người kia tự nhiên mình có niềm vui và vấn đề của mình cũng tan biến. Thực tập này rất quan trọng. Có những nỗi khổ đau lớn gấp trăm, ngàn lần nỗi khổ đau của mình mà mình không thấy. Mình chỉ nghĩ rằng nỗi khổ đau của mình là lớn nhất. Đó là một nguyên do khiến mình đau khổ và tự giam trói mình trong ngục tù chủ quan.

NHẬN DIỆN

Đọc truyện Kiều, ta thường tự đồng nhất hóa với những nỗi khổ đau của nhân vật chính. Nhưng ta cũng phải tập đồng nhất hóa với hoàn cảnh và những khổ đau của các nhân vật khác. Trong ta không những có chất liệu của Thúy Kiều mà còn có chất liệu của những nhân vật khác trong truyện nữa.

Chúng ta có chất liệu của sư trưởng Giác Duyên. Chúng ta rất thương sư em nhưng chúng ta làm ăn ra sao mà không dạy cho sư em cách thờ, cách đi thiền hành, cách nắm vững tâm ý. Chúng ta phải thấy ni sư ở trong ta. Một người cũng có hạnh phúc, tu hành rất chân chính nhưng không biết tại sao mà không giúp được sư em về việc thực tập! Tại lo việc chùa hơi nhiều nên không có thì giờ? Hay sư chị chưa được học *Kinh An Ban Thủ Ý*? Như vậy thì ta càng thương. Ta nói: ‘Sư trưởng Giác Duyên, em sẽ cố gắng làm hay hơn chị. Vì chị không được gặp Sư Ông nhưng em đã có dịp gặp Thầy rồi.’ Nơi ni sư Giác Duyên có nhiều cái hay, cái đẹp mà có thể chúng ta chưa có. Ni sư rất thương Trạc Tuyên nhưng khi Trạc Tuyên gặp lại gia đình và được gia đình mời về thì ni sư không ngăn cản. Ni sư làm một cái chùa nhỏ là để ở chung cùng với sư em; sư em về nhà rồi thì ni sư khóa cửa, đi vân du. ‘*Sư đà hái thuốc phương xa, Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu.*’ Không biết địa chỉ của ni sư để gửi thư. Ni sư là một đám mây tự do, thong dong bay, không vướng bận. Trong túi của ni sư có rất nhiều trăng. Đi tới đâu ni sư cũng có hạnh phúc. Đó là những cái chúng ta có thể học được từ sư chị Giác Duyên.

Chúng ta có một Thúc Sinh ở trong lòng. Không nhiều thì ít, trong mỗi chúng ta đều có chất liệu đam mê và nhu nhược. Chúng ta phải công nhận rằng chúng ta có hạt giống của sự đam mê nhu nhược đó. Đừng nói: ‘Đâu, tôi phải đâu phải Thúc Sinh nà!’ Phải công nhận sự có mặt của những hạt giống đó để có thể thực tập chuyển hóa. Thúc Sinh tuy rất thương Thúy Kiều nhưng thiếu hẳn trí tuệ. Không biết nghe lời khuyên của Kiều. Và khi Kiều bị lâm nạn, tuy rất đau khổ Thúc Sinh không có can đảm để hành động, cứu Kiều. Rất sợ vợ. Tuy có một ít sự chung tình nhưng sự chung tình đó không đủ mạnh để Thúc Sinh hành động. Những hạt giống của Thúc Sinh chúng ta đều có hết. Phải nhìn kỹ để thấy sự có mặt của những hạt giống đó mà thực tập chuyển hóa và để đừng làm như Thúc Sinh.

Hạt giống của Từ Hải trong ta cũng có. Chúng ta cũng có khí phách. Thấy những sự bất bình đôi khi ta cũng nổi giận như Từ Hải. Chúng ta cũng muôn làm cách mạng. Nói như vậy không có nghĩa là chống lại với điều vừa nói ở trên là trong ta có sự nhu nhược của Thúc Sinh. Chúng ta có hạt giống của sự nhu nhược nhưng chúng ta cũng có hạt giống của sự khí khái. Nếu

chúng ta thực tập tưới tẩm những hạt giống khí khái, anh hùng thì những hạt giống đó sẽ lớn lên. Chúng ta sẽ trở nên một người có cái quyết tâm của Từ Hải. *'Quyết lời dứt áo ra đi, Gió đưa bằng tiện đã là dặm khơi.'* Đi một cái rột. Người đàn bà không thể làm tiêu hao, lung lạc chí khí trượng phu. Đó là cái chúng ta cần phải học. Ta có Bồ Đề Tâm, có chí hướng, lý tưởng. Đừng làm theo kiểu của Thúc Sinh. Cần hoạt động, cần quyết định thì phải hành động và quyết định một cách rất mạnh mẽ. Nếu trí tuệ cho chúng ta biết hành động đó là hành động đúng, phù hợp với con đường lý tưởng của ta thì ta nhất định phải làm. Đừng để tình cảm này níu kéo, tình cảm kia xô đẩy ngày này sang tháng khác kéo dài., rốt cuộc không bao giờ ta làm được cả. Có những người ôm một cái mộng mà ba, bốn, năm mươi năm không thực hiện được. Đó là vì họ có quá nhiều tính chất nhu nhược của anh chàng Thúc Sinh. Nếu anh, chị có cái mộng nào muốn thực hiện thì phải làm như Từ Hải.

Chúng ta cũng có hạt giống của Hoạn Thư. Đừng nói: 'Ôi Hoạn Thư làm một người ghê gớm quá! Mình làm sao mà là Hoạn Thư được!' Kỳ thực Hoạn Thư và ta có những điểm giống nhau. Mỗi người trong chúng ta đều có hạt giống của sự ghen ghét trong lòng. Có khi chúng ta ganh với em, với chị, với anh, với bạn... Hạt giống ganh ghét đó, chúng ta không biết, không nhận diện ra và chúng ta lấy những lý do khác để bào chữa cho thái độ của mình. Không có ai trong chúng ta vượt ra khỏi tình trạng đó. Tôi cũng có hạt giống ghen. Trong tất cả quý vị ai cũng đều có hạt giống ghen cả. Vì vậy chúng ta phải học thực tập Hỷ Xả Từ Bi để chuyển hóa cái ghen của mình. Thấy một người có hạnh phúc, được thương, được may mắn, mình mừng cho người đó, vui cái niềm vui của họ gọi là Hỷ. Trong lòng mình có niềm vui, có sự nhẹ nhàng, thanh thoi. Và người kia tự nhiên trở lại thương mình, chia sẻ hạnh phúc của họ cho mình. Nếu mình ghen người kia đau khổ và không thể nào chia sẻ được hạnh phúc cho mình. hạnh phúc của người kia bớt đi là vì sự ganh tuông của mình. Hoạn Thư có mặt trong ta. Nhưng Hoạn Thư không phải chỉ có ganh thôi. Trong cô cũng có lòng từ bi. Đọc tờ cung khai của Kiều, Hoạn Thư thương cho tài văn và tâm trạng của Kiều và đã cho phép Kiều đi tu, khỏi phải làm thân tôi tớ. Nghe lỏm được câu chuyện giữa Kiều và Thúc Sinh, Hoạn Thư vẫn lờ đi, không canh gác, có ý để Kiều đi trốn. Kiều trốn đi, mang theo chuông vàng khánh bạc, Hoạn Thư vẫn không theo bắt, dù cô có đầy đủ phương tiện để truy nã. Hành động nhân từ đó đã có kết quả rất tốt mà chúng ta sẽ thấy trong những đoạn tới. Từ Hoạn Thư chúng ta cũng học được bài học nhân ái chứ cô không phải là một người bỏ đi. Tất cả chúng ta, giác ngộ nào cũng có những hạt giống tốt và xấu. Chúng ta phải chấp nhận nhau và giúp đỡ nhau để những hạt giống tốt trong nhau phát triển và những hạt giống xấu ngày một yếu dần đi.

Rồi những Tú Bà, Mã Giám Sinh, Ưng, Khuyển... đừng nói đó là những phường vô lại. Chúng ta cũng có hạt giống của họ. Mỗi người Việt đều có hạt giống của Lý Thường Kiệt, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông... mà cũng có hạt giống của Trần Ích Tắc, Hồ Quý Ly... Nếu sống trong một môi trường không thuận lợi thì chúng ta sẽ thành ra Trần Ích Tắc. Và nếu được sống trong một hoàn cảnh gia đình và xã hội thuận lợi thì chúng ta sẽ thành ra những Lê Thái Tổ, Trần Thái Tông. Đừng nghĩ rằng bọn Sở Khanh, Ưng, Khuyển, Tú Bà là nên đem đi chém hết. Phải thấy rằng hoàn cảnh giáo dục, gia đình và xã hội của họ đã đưa họ tới chỗ đó. Chúng ta phải có lòng từ bi với những người này và phải chăm sóc họ một cách đặc biệt..

Đọc truyện Kiều theo phương pháp thiền quán, chúng ta phải đi vào da thịt từng nhân vật. Chúng ta sẽ thấy rằng người nào cũng có mặt trong ta cả. Họ ở ngay đó, trong đời sống hàng ngày. Ta chỉ đưa tay ra là đụng. Bằng chánh niệm chúng ta nhận diện liền lập tức những hạt giống của những nhân vật đó trong ta và trong người xung quanh. Ta phải thấy được họ và phải thấy một cách sáng suốt để có thể giúp họ và có thể phản chiếu lại nội tâm ta. Thấy để bắt chước những cái hay, cái đẹp cũng như tránh lặp lại những lỗi lầm của họ. Và với tình thương Từ Bi Hy Xả, ta tìm cách giúp họ.

----o0o---

HẠNH PHÚC CHÂN THẬT

BỔ LÚC PHONG TRẦN

*Đêm ngày luống những âm thầm,
Lửa binh đâu đã âm âm một phương.
Ngát trời sát khí mơ màng,
Đầy sông kinh ngạc chập đường giáp binh.*¹³⁴

Chiến tranh tràn tới. Không khí chiến tranh bao phủ cả một vùng.

*Người quen thuộc kẻ chung quanh,
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
Nàng rằng: 'Trước đã hẹn lời,
'Dẫu trong nguy hiểm dám rời ước xưa!'
Còn đang dùng dằng ngăn ngại.
Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng la.*¹³⁵

*Giáp binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh cùng gọi: ‘Nào là phu nhân?’
Hai bên mười vị tướng quân,
Đặt gươm cưỡi giáp trước sân khấu đầu.
Cung nga thê nữ nổi sau,
Rằng: ‘Vâng lệnh chỉ rước châu vu quy.’*

Từ Hải đưa một đạo binh đi đón vợ. Kiều đã xuống chó, bây giờ lên voi.

*Sẵn sàng phượng liễn loan nghi,¹³⁶
Hoa quan giáp giới hà y rõ ràng.¹³⁷
Dựng cờ nổi trống lên đường,
Trúc tổ¹³⁸ thổi trước kiệu vàng kéo sau.*

Đây là đám cưới mà Từ Hải mong muốn. Lời hứa đã được thực hiện. Từ Hải đã thành công và trở về đóng binh ở gần đó.

*Hỏa bài tiền lộ ruổi mau,¹³⁹
Nam đình nghe động trống chầu đại doanh.¹⁴⁰
Kéo cờ lũy phát súng thành,
Từ công ra ngựa thân nghênh cửa ngoài.
Lỡ mình là vẻ cân đai,
Hãy còn hàm én mảy ngài như xưa.*

Từ Hải thân hành ra ngoài cửa đón. Vẫn còn dáng dấp của người anh hùng đã gặp Kiều ngày xưa ở thanh lâu.

*Cười rằng: ‘Cá nước duyên ưa!
‘Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
‘Anh hùng mới biết anh hùng,
‘Rày xem phòng đã cam lòng ấy chưa?’
Nàng rằng: ‘Chút phận ngây thơ,
‘Cũng may dây cát được nhờ bóng cây!*

- ‘Em chẳng qua chỉ là một loại dây leo nương nhờ vào được một cây tùng mạnh khỏe mà leo lên cao.’ Cát là dây leo, thường gọi là cát đằng. Có một bộ lục tên là *Cát Đằng Lục* do một thiền sư sáng tác. Tác phẩm *Quy Sơn Đại Viên Thiền Sư Cảnh Sách* trong bộ luật Sa Di và Sa Di Ni có câu: ‘*Khởi bất kiến ý tùng chi cát, thượng tùng thiên tâm, phụ thác thẳng nhân, phương*

năng hữu ích. Nghĩa là: Há không thấy những dây leo nương vào cây tùng mà lên cao được cả ngàn tầm; nương tựa vào những người lớn thì mới có ích lợi trong sự tu tập.

*‘Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.’*

- ‘Bây giờ thì sự vinh quang đã rõ ràng nhưng em đã thấy được nó từ ngày mới gặp nhau!’ Chứng tỏ: ‘Em là tri kỷ duy nhất của anh. Em có con mắt rất tinh.’ Trong lòng nói vậy nhưng bên ngoài thì vẫn có vẻ khiêm nhường lắm: ‘Em đâu có giá trị gì đâu!’

*Cùng nhau trông mặt mà cười,
Dan tay về chốn trướng mai tự tình.
Tiệc bày thưởng tướng khao binh,
Om thòm trống trận rập rình nhạc quân.
Vinh hoa bỏ lúc phong trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.*

Đó là những ngày Kiều có danh, có lợi, có tình, có hạnh phúc. Nhưng than ôi, tình trạng này không được lâu dài!

---o0o---

ÂN OÁN RẠCH RÒI

*Trong quân có lúc vui vầy,
Thong dong mới kể sự ngày hàn vi.¹⁴¹
‘Khi Vô Tích, khi Lâm Truy,
‘Nơi thì lừa đảo nơi thì xót thương.
‘Tám thân rày đã nhẹ nhàng,
‘Chút còn ân oán đôi đường chưa xong.’*

Kiều muốn đền ơn và báo oán. Những hạt giống đó cũng có mặt trong ta. Chúng ta không muốn giết hay bỏ tù người làm ta khổ nhưng khi thấy người đó bây giờ khổ thì trong lòng ta cũng thấy hơi đã. Đó là hạt giống của sự báo oán. Tất cả chúng ta đều có hạt giống đó. Phải công nhận như vậy. Học Từ Bi Hỷ Xả chúng ta có thể chuyển hóa hạt giống đó. Tôi đã thực tập. Có những người làm khổ tôi rất nhiều trong quá khứ. Đôi khi thấy những người đó khổ thì ban đầu mình nói thầm thầm: ‘Cho đáng!’ Ngày xưa thì có

lúc như thế, nhưng bây giờ thì khác. Tôi đã chuyển hóa. Tôi không muốn những người làm khổ mình ngày xưa khổ. Nếu quý vị đọc sáu điểm tôi đề nghị cho tương lai Phật giáo Việt Nam thì sẽ thấy một trong sáu điều là: *‘Phật giáo Việt Nam không có kẻ thù. Phật giáo Việt Nam muốn được cộng tác với tất cả những thành phần khác của dân tộc, đầu với những người ngày xưa đã từng đàn áp Phật giáo và làm cho Phật giáo điêu đứng.’* Điều này được bộc lộ rất rõ, đúng với tinh thần Đại Xả của Tứ Vô Lượng Tâm.

Đọc truyện Kiều, chỗ nào chúng ta cũng thấy thương xót Kiều nhưng tới chỗ Thúy Kiều trả thù thì ta thấy Kiều chưa giỏi. Đã khổ nhiều như vậy mà chưa hiểu được những người kia. Tuy ác độc, gian manh nhưng họ cũng là nạn nhân của gia đình, xã hội và giáo dục của họ. Kiều chưa thấy được điều đó. Cùng tu học với nhau bây giờ, chúng ta có cơ hội làm được chuyện mà ngày xưa Thúy Kiều đã không làm được, tức là thương xót được những người đã làm khổ mình bởi vì họ cũng khổ. Ý định đền ơn thì tốt nhưng ý muốn trả thù thì không xứng đáng; nhất là mình đã từng được đi tu rồi.

*Từ công nghe nói thủy chung,
Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang.*

Anh chàng nghe nói giận lắm. Muốn trừng phạt tất cả những người đã làm cho người yêu của mình đau khổ da diết ngày xưa. Ăn thua là do người đàn bà cả. Người đàn bà cứ tí tê nói ra nói vào một hồi là người đàn ông xiêu lòng. Anh hùng vậy đó, nhưng nếu có một người đàn bà yếu đuối hờn ganh bên cạnh thì có thể những hạt giống vô minh sẽ nổi lên. Đó cũng là thương nhưng tình thương ở đây chưa phải là tình thương của Từ Bi Hỷ Xả. Tình thương này còn có chất liệu của vô minh, phân biệt, kỳ thị. Chưa có chất liệu Xả.

*Nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng,¹⁴²
Dưới cờ một lệnh vôi vàng ruổi sao.
Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
Đạo ra Vô Tích đạo vào Lâm Truy.*

Đi bắt hết những người làm khổ Kiều và mời tất cả những người ân của Kiều về. Vô Tích và Lâm Truy là hai nơi mà Kiều đã chịu khổ rất nhiều. Lâm Truy là nơi Kiều vào thanh lâu lần đầu. Vô Tích là chỗ Kiều bị bắt làm đầy tớ. Các tướng cũng được lệnh bảo vệ cho gia đình họ Thúc (Thúc ông và người nhà) không cho quân lính và dân chúng vào phá. Như vậy là quân lính

của Từ Hải có thể phạm vào những nhà khác. Đó là cảnh chiến tranh. Thật nguy hiểm.

*Mấy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh tâm nã bắt về hỏi tra.
Lại sai lệnh tiễn truyền qua,
Giữ giàng họ Thúc một nhà cho yên.
Mụ quản gia vãi Giác Duyên,
Cũng sai lệnh tiễn đem tin rước mời.
Thệ sư kể hết mọi lời,
Lòng lòng cùng giận người người chấp uy.*

Thệ sư là lễ tế cáo Trời Đất và Quỷ Thần và hiểu dụ tướng sĩ trước lúc xuất quân. Lễ này có mục đích nêu ra rằng đây là một cuộc hành quân có chính nghĩa, không phải là việc đi cướp bóc, tàn hại nhân dân. Đó là đạo đức chính trị và quân sự ngày xưa. Con người làm chiến tranh nhưng phải biết rằng ngoài con người còn có Trời, Đất, Quỷ, Thần. Không nên nghĩ rằng ngoài con người ra không có cái gì cả. Đó là một nét thuộc về văn minh Đông phương. Hy vọng trong tương lai những nước Tây phương mỗi khi muốn đem quân đi đánh ở đâu cũng sẽ làm lễ Thệ Sư nói cho quân chúng. Quỷ Thần, Trời Đất biết rõ lý do.

Sau khi tướng sĩ và quân lính nghe những chuyện Kiều kể thì ai nấy đều giận. Ai cũng muốn chấp hành và thực hiện cho được mục đích của cuộc ra quân.

*Đạo trời báo phục chĩnh ghê,¹⁴³
Khéo thay một mẻ tóm về đây nơi.
Quân trung gươm lớn giáo dài,
Vệ trong thị lập cơ ngoài song phi.¹⁴⁴
Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi,
Bác đồng chặt đất tinh kỳ rợp sân,¹⁴⁵
Trướng hùm¹⁴⁶ mở giữa trung quân,
Từ công với phu nhân cũng ngồi.
Tiên nghiêm¹⁴⁷ trống chũm dứt hồi,
Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên.¹⁴⁸*

Những người có tên điểm danh được dẫn ra trước cửa quân.

Từ rằng: Ân oán hai bên,

‘Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình.’
Nàng rằng: *‘Muôn cây uy linh,*
‘Hãy xin báo đáp ân tình cho phu.’¹⁴⁹
‘Báo ân rồi sẽ báo thù.’
Tù rằng: *‘Việc ấy để cho mặc nàng.’*
Cho gươm mời đến Thúc Lang,
Mặt như chàm đỏ mình dường giẻ run.

Mặt tái xanh, người run rẩy. Đúng là tướng mạo, là căn cước của anh chàng.

Nàng rằng: ‘Nghĩa trọng tình non,
‘Lâm Truy người cũ chàng còn nhớ không?
‘Sâm Thương’¹⁵⁰ chẳng vẹn chữ tòng,
‘Tại ai há dám phụ lòng cố nhân?’
‘Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân,
‘Ta lòng dễ xứng báo ân gọi là.

Dầu không sống với nhau suốt đời nhưng vẫn còn tình nghĩa cũ. Kiều biết ơn Thúc Sinh đã kéo mình ra khỏi ổ nhện nhện và cho mình gần một năm hạnh phúc. Nhưng:

‘Vợ chàng quỷ quái tinh ma,
‘Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau!
‘Kiến bò miệng chén chưa lâu,
‘Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa!’

Đó là một lời dọa.

Thúc Sinh trông mặt bấy giờ,
Mồ hôi chàng đã như mưa ướt dầm.

Sợ quá! Xin đừng cười, bởi chàng Thúc Sinh đang có mặt trong mỗi chúng ta.

Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,
Sợ thay mà lại mừng thâm cho ai.

Sợ là sợ cho Hoạn Thư, mừng là mừng cho Thúy Kiều. Anh chàng được Kiều trả ơn có thể sẽ bị mất vợ.

*Mụ gia sư trưởng thứ hai,
Thoát đưa đến trước vội mời lên trên.*

Mụ già là bà quản gia ở nhà họ Hoạn, Sư Trưởng là sư chị Giác Duyên. Hai người vừa đến thì được Kiêu mời lên trướng liền.

*Dắt tay mở mắt cho nhìn:
'Hoa nô kia với Trạc Tuyên cũng tôi!
'Nhớ khi lở bước sẩy vời,
'Non vàng chưa để đền bồi tấm thương.*

Kiêu có hạt giống của sự biết ơn rất lớn. Nhớ mãi những điều người ta giúp mình. Chúng ta nên biết bất cứ một hạt giống tốt nào mình gieo, một cử chỉ thương yêu lân mẫn nào mình làm đều có kết quả. Kết quả trong lòng mình và trong lòng người khác. Thực tập 'Sáng cho người thêm vui. Chiều giúp người bớt khổ,' bảo hộ sanh mạng và thực tập Từ Bi Hỷ Xả trong đời sống hàng ngày để đầu tư cho tương lai, làm như thế không phải chỉ cho riêng mình mà cho tất cả mọi người.

*'Nghìn vàng gọi chút lễ thường,
'Mà lòng Phiếu mẫu mấy vàng cho cân!'*

Cúng dường sư chị Giác Duyên và bà quản gia mỗi người một nghìn lạng vàng. Không biết sư chị dùng vàng này để làm gì? Nhưng bà quản gia thì chắc chắn sẽ biết cách xài. Bà sẽ tìm cách thoát khỏi thân phận làm việc cho người và ra sống riêng. Ngày xưa Hàn Tín bên Tàu trong thời đói khổ gặp một bà già tên là Phiếu mẫu cho ăn cơm. Sau này làm nên, Hàn Tín trả ơn bà một nghìn lạng vàng. Những khi người ta khổ đau hoặc lỡ bước mà giúp người ta là rất quan trọng. Một bát cơm thôi nhưng đáng giá ngàn vàng. Không thể nói một bát cơm ngoài chợ chỉ bán có ba hay mười francs. Một bát cơm có khi là ba Francs nhưng có khi là một ngàn lạng vàng, có khi lại không có giá trị gì hết. Đưa một bát cơm mà nói nặng nhẹ thì bát cơm đó không có một giá trị gì. Với tấm lòng thương yêu, săn sóc, nhường cơm xẻ áo cho người thì bát cơm đó đáng giá ngàn vàng. Có những người Việt Nam trong những trường hợp khổ cực, cha trong trại học tập cải tạo (Sơn La hay Ích Khiếu), mẹ bị bệnh... bên này chúng ta nhường cơm xẻ áo gửi về giúp họ, sau này mỗi khi nhớ tới họ rất cảm ơn mình. Nhưng có người sau khi qua được bên này lại nói: 'Gửi cho mấy chục đô la, nhằm nhò gì!' Họ không nhớ rằng trong trường hợp khó khăn mà nhận được sự giúp đỡ là quý. Đó là

họ không biết giá trị của bát cơm Phiếu mầu. Họ nghĩ ằng bên này tiền do mình tự đúc ra, cứ việc bỏ vào bì thư để gửi về; họ không biết rằng mình cũng phải nhịn áo, nhịn mặc, nhịn tiêu mới có thể gửi về được. Nên biết rằng trong ta có thể có những hạt giống như vậy. Chúng ta có thể có những hạt giống của Hàn Tín, Thúy Kiều và cũng có thể có hạt giống của những người không phải là Hàn Tín, Thúy Kiều.

*Hai người trông mặt tận ngân,
Nửa phần khiếp sợ nửa phần mừng vui.*

Ghê quá! Mình là thầy tu, mình là mục quản gia mà bây giờ phải lên tới chỗ này, toàn là quân lính và giáo dục gươm trên. Bà này làm lớn quá! Họ không biết nói gì cả.

*Nàng rằng: ‘Xin hãy rón ngòi,
‘Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù!’*

Chắc chắn là sư chị không muốn ngòi nhưng sư chị đã bắt buộc phải ngòi vì hơi ngại. Sư chị đâu muốn nhìn thấy những chuyện bạo động, trả thù. Chỗ này chúng ta cần quán chiếu cho kỹ. Chúng ta đọc tiếp để xem Thúy Kiều báo thù Hoạn Thư như thế nào:

*Kíp truyền chư tướng hiến phù,¹⁵¹
Lại đem các tích phạm tù hậu tra.¹⁵²
Dưới cờ gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư,
Thoát trông nàng đã chào thưa:
‘Tiểu thư cũng có bây giờ ở đây!’*

- ‘Tiểu thư mà cũng tới đây nữa hả?’ Đó là lời nói mỉa mai. Hạt giống này cũng có trong ta. Thịnh thoảng chúng ta cũng biết nói lời mỉa mai.

*‘Đàn bà dễ có mấy tay,
‘Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!
‘Dễ dàng là thói hồng nhan,
‘Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều!’*

- ‘Từ xưa đến giờ tìm ra được một người như tiểu thư là hiếm lắm. Càng cay nghiệt lắm thì càng gặp nhiều oan trái.’

*Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu,
Khẩu đầu dưới trướng dở điều kêu ca,
‘Rằng: ‘Tôi chút phận đàn bà,
‘Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.*

- ‘Đàn bà ai lại không ghen tương phu nhân!’ Điều này có thật. Nói như vậy không có nghĩa là đàn ông không ghen. Đàn ông cũng ghen. Nhưng đây là nói chuyện đàn bà với nhau. ‘Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.’ Nói ra một sự thật. Bà này khôn lắm. ‘Tôi là đàn bà. Mà hễ là đàn bà thì ai là không ghen.’

*‘Nghĩ cho khi các viết kinh,
‘Vời khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.*

Nhắc lại những công đức của mình. Rất khéo! Bà này mà đi học trường luật thì chắc cũng sẽ tốt nghiệp hạng cao. Không nói ‘đi trốn’ mà chỉ nói ‘khỏi cửa’ thôi - Người ta làm phu nhân, người ta đâu có ‘đi trốn’.

*‘Lòng riêng riêng những kính yêu,
‘Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai!*

Khi chồng mình bị một người đàn bà khác tới chiếm thì tâm niệm muốn giết chồng lại là một tâm niệm phổ biến. Đó là tính người. Tự mình làm luật sư bào chữa. Rất hay. Nhưng cái hay này một phần lớn là của thi sĩ.

*‘Trót lòng gây việc chồng gai,
‘Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng!’*

- ‘Lượng phu nhân lớn như biển. Bây giờ phu nhân thương được chút nào thì con nhờ chút đó.’ (Thương ít ít cũng được, miễn có thương là quý rồi.) Rất khéo.

*Rằng: ‘Tôi chút phận đàn bà,
‘Ghen tuông thì cũng người ta thường tình,
‘Nghĩ cho khi các viết kinh,
‘Vời khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
‘Lòng riêng riêng những kính yêu,
‘Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai!
‘Trót lòng gây việc chồng gai,
‘Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng!’*

Rất gọn mà đủ. Ghen thì ghen ghê gớm mà nói thì cũng rất khéo. Và quý hơn hết là vẫn có vài hạt giống của lòng từ bi trong tâm.

Kiều đáp lại:

*Khen cho: ‘Thật đã nên rằng,
‘Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời.
‘Tha ra thì cũng may đời,
‘Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
‘Đã lòng tri quá¹⁵³ thì nên,
‘Truyền quân lệnh xuống tướng liền tha ngay.’*

Kiều tha bổng cho một người đã từng làm cho mình đau khổ cùng cực. Đêm Hoạn Thư tổ chức tiệc rượu tầy trần đón Thúc Sinh trở về bắt Kiêu hầu rượu là đêm đau khổ nhất của Kiêu. Thúc Sinh và thúy Kiêu càng đau khổ bao nhiêu thì Hoạn Thư càng ‘đã’ bấy nhiêu. Nhưng bây giờ chính Kiêu ra lệnh tha cho Hoạn Thư. Chuyện này sở dĩ xảy ra một phần là nhờ Hoạn Thư khôn khéo và một phần khác cũng nhờ trong tâm bà ta có hạt giống từ bi. Ngày xưa bà đã làm được hai việc quan trọng. Một là cho Kiêu đi tu để thoát khỏi thân phận đầy tớ. Hai là để Kiêu trốn mà không tâm nã. Nếu không có hai điều đó thì bây giờ chắc chết. Trong nguyên lục Hoạn Thư bị đánh một trăm roi trước khi tha bổng. Cụ Nguyễn Du của chúng ta không cho đánh Hoạn Thư. Nàng Kiêu của cụ Nguyễn Du có lòng từ bi hơn nàng Kiêu trong nguyên lục.

*Tạ lòng lay trước sân mây,
Cửa viên lại dất một dây dãn vào.*

Những người còn lại đều bị phạt nặng.

*Nàng rằng: ‘Lòng lộng trời cao!
‘Hại nhân nhân hại sự nào tại ta!*

Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu: lưới trời lồng lộng, thưa mà khó lọt. Làm ác thì bị quả báo ác. ‘Hại nhân nhân hại’ là luật quả báo. ‘Sự nào tại ta’: vì các người ác nên bị quả báo chứ không phải tại tôi ác. Nói như vậy, đứng về phương diện pháp lý thì rất đúng nhưng đứng về phương diện đạo lý thì không đúng. Có hai phương pháp xử trị: đức trị và pháp trị. Pháp trị là lấy luật mà đối xử. Phạm lỗi đó thì bị trừng phạt, như vậy là pháp trị.

Câu nói của Kiều là câu nói về pháp trị..Nhưng là người tu thì mình không được nói như Kiều. Mình không phải là pháp gia , mình là đạo gia. Mình phải nói: ‘Anh đã gây tội lỗi, đáng lý hôm nay anh bị quả báo. Nhưng tại tôi là người tu thành ra may cho anh.’ Đó là đức trị. Trị bằng đức, bằng tình thương. Thúy Kiều đã được đi tu, học đạo giải thoát mà vẫn dùng ngôn ngữ của pháp trị, đó là không giỏi. Là người tu mình không nói bằng ngôn ngữ của pháp trị; mình phải nói bằng ngôn ngữ của đức trị. Mình đừng nói: ‘Ráng chịu!’ không phải là ngôn ngữ của người tu. Đây là một trong những lỗi lớn của Thúy Kiều. Chúng ta hãy tưởng tượng trong khi Kiều đang nói bằng cái giọng sắt đá và máy móc như vậy thì sư chị Giác Duyên cũng đang ngồi phía sau lưng. Sư chị nghĩ gì?

*‘Trước là Bạc Hạnh, Bạc Bà,
‘Bên là Ứng, Khuyển, bên là Sở Khanh,
‘Tú Bà với Mã Giám Sinh,
‘Các tên tội ấy đáng tình còn sao?’
Lệnh quân truyền xuống nội đao,
Thề sao thì lại cứ sao gia hình.*

Những người ngày xưa thề như thế nào thì bây giờ chịu quả như thế đó. Ví dụ thề: ‘Nếu mà tôi có phản bội thì tôi chết liền tức khắc!’ hay ‘Nếu tôi lừa gạt em thì cho người ta băm nát thân tôi thành từng miếng đem làm thực phẩm cho lợn ăn!’ thì Kiều bây giờ cũng cho làm y như vậy. Như vậy thời gian Kiều ở chùa Chiêu Ân không ích lợi gì. Có chép Kinh, tụng Kinh, thỉnh chuông, làm đủ thứ... được ở với sư chị nhưng những hạt giống của từ bi, tha thứ không được tưới tắm nhiều. Kiều có tha cho Hoạn Thư vì thấy được hoàn cảnh và lòng tốt của Hoạn Thư. Trong Kiều cũng có cái thấy, cái hiểu và cái thương. Nhưng với những người này, Kiều hoàn toàn không thấy được rằng sở dĩ họ ác như vậy là vì họ được nuôi dưỡng và sống trong những môi trường mà ai ở trong đó cũng có thể trở thành như vậy. Vì không thấy điều đó nên Thúy Kiều đành lòng để họ bị trừng phạt. Sư chị ngồi phía sau chắc cũng đau xót vô cùng nhưng không làm gì được. Không thể ngăn cản được nữa vì đây không phải thiên môn. Đây là quân trường, đây là tòa án, đây không còn là sư em của mình nữa mà là một vị chỉ huy trưởng quân đội toàn quyền sinh sát (*Từ rằng: ‘Việc ấy để cho mặc nàng.’*) Hai người ơn của Kiều, bà quản gia và sư Giác Duyên ngồi phía sau mà khiếp đảm, thấy trái tim Kiều là sắt đá. Chắc sư chị đau khổ vô cùng. Lỗi một phần là của sư chị. Trong thời gian em nó ở với mình, mình đã không dạy. Sư chị có thể là người tốt nhưng sư chị không thực tập dạy em. Vì vậy tuy thương em nhưng sư chị không làm tròn bổn phận của một người chị. Tất cả những sư chị

tương lai phải học những bài học này. Em mình không thể nói: '*Hại nhân nhân hại. Ai bảo! Ráng chịu!*' Nếu sư em mình làm và nói như vậy là mình chịu trách nhiệm hoàn toàn. 'Tôi đã nói mà nó không chịu nghe!' Nhưng tôi đã nói làm sao để nó không chịu nghe? Hay là vì tôi nói giọng chị Hai thành ra sư em tôi không thèm nghe? Tôi phải nói bằng thứ ngôn ngữ rất ngọt ngào và thương yêu thì em tôi mới dễ dàng tiếp nhận. Còn nếu tôi nói theo kiểu mẹ chồng hay chị Hai thì em tôi sẽ ghét tôi, không chịu nghe, không chịu học với tôi. Dầu có nói đúng cách mấy đi nữa mà nói cái giọng sảng đó thì ta sẽ không thành công và không làm được trách vụ sư chị? Các sư chị phải ăn nói như thế nào để các em thương và nghe lời mình. Sau này các em không thể nói rằng: ngày xưa sư chị chưa dạy! Sư chị có dạy và dạy bằng ngôn ngữ từ ái, không trách móc, không lý luận, không đổ lỗi. Sư chị chỉ nhẹ nhàng khuyên nhủ em thôi. Nếu sau này em không học được thì không phải là lỗi của chị nữa mà là lỗi của chính em. Tưởng tượng sư chị ngồi phía sau với tư cách thượng khách của sư em mà không làm được gì để ngăn cản sư em hết! Trễ quá rồi! Làm gì được nữa! Sư chị phải thấy trách nhiệm của mình ngày xưa đã không giúp em.

*Máu rơi thịt nát tan tành,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.*

Hồn và *phách* là hai khía cạnh tâm lý. Người Việt phải biết chuyện này. *Hồn* (spiritual soul) nhẹ hơn *phách* (vegetative soul.) *Phách* cũng là *hồn* nhưng có dính với phần sắc thân nhiều hơn. Đối với tín ngưỡng bình dân của người Việt thì đàn ông có ba bộn bảy *phách* (vía), đàn bà có ba *hồn* chín *phách* (vía nhẹ thì tốt.) Hỏi tại sao thì có thể giải thích bằng nhiều cách. Chín vía có thể nặng hơn bảy vía nhưng nhờ chín vía nên mới có thể thấy, cảm được những điều mà người đàn ông không cảm được. Đúng về phương diện chi tiết, người đàn bà tiếp xúc được nhiều hơn người đàn ông. Ví dụ như gửi quà về nhà, đàn ông thường làm đại khái, còn đàn bà nghĩ tới từng chi tiết một: nghĩ tới từng đứa cháu, từng đứa chắt. Có những người đi máy bay, xe lửa không muốn đem theo nhiều món đến khi thiếu thì than. Hành lý của người đàn bà tuy nhiều một chút nhưng rất cần thiết, đủ từng chi tiết. Đến khi cần cái gì họ nói: 'Có đem theo đây!'; người đàn ông rất hoan hỷ. Đúng về phương diện cơ thể học, con người có hai hệ thần kinh. Hệ gần với thân thể gọi là *systeme nerveux végétatif*. *Phách* gần với thân thể. Theo tín ngưỡng bình dân Việt Nam, khi thân thể đã chết *phách* vẫn còn và từ từ tan biến. Câu 115, khi thăm mộ Đạm Tiên, Kiều nói: '*Thác là thể phách còn là tinh anh.*' *Tinh anh* thuộc về *hồn*. '*Hồn kinh phách rời*' là khi sợ quá, *phách* lìa khỏi thân thể.

*Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta!*

Hai câu này cần phải xét lại. Đây là lời luân lý để cảnh cáo người ta. Trời ở đây không phải là một đấng tạo hóa mà là luật của thiên nhiên. Muôn sự tại trời nghĩa là mọi việc đều xoay quanh luật thiên nhiên; trong đó có luật nhân quả. Trồng bắp thì được ăn bắp, trồng đậu thì được ăn đậu, gieo gió thì gặt bão. Khi mình dễ thương với một người nào đó thì mình được người đó đối xử dễ thương lại. Khi mình phản bội độc ác với một người nào đó thì mình sẽ bị đáp lại bằng sự độc ác và phản bội của chính người đó hoặc của một người nào khác. *'Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta'*: Khi mình phụ người ta thì mình thấy không sao hết nhưng đến khi người ta phụ mình một cái thì mình mới thấy được tất cả đau khổ của một người bị tình phụ. Thấy một người mới tươi mát, tốt lành, dễ chịu nên mình đi theo, bỏ người cũ. Người cũ đau xót cách mấy mình cũng không biết. Nhưng khi cái người mình gọi là tươi mát đó đá mình một cái và bỏ đi, mình mới có cơ hội biết được người bị mình phụ đã đau khổ như thế nào. *'Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta'* là luật thiên nhiên, nêu ra để dạy người, nhưng trước hết là để chứng minh rằng chuyện mình trả thù cũng là chuyện tự nhiên thôi. Thái độ này không tốt. Nó chỉ tốt với những nhà pháp trị nhưng không tốt với những nhà đức trị như chúng ta.

*Mấy người bạc ác tình ma,
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương.*

Có chứ! Những người đứng trên phương diện đức trị nghe tiếng kêu thương vẫn có thể thương được. Ví dụ như sư chị Giác Duyên. Sư chị ngồi ở trên cảm thấy rất đau xót nhưng bất lực, biết rằng mình đã không dạy em. Tác giả nói như vậy là đứng về phía Kiều mà nói nhưng không đứng về phía sư chị mà nói. *'Mình làm mình chịu kêu mà ai thương'* có nghĩa là 'Đáng đời!' Kỳ thực cụ Nguyễn Du tuy nói vậy nhưng trong lòng cụ, cụ cũng cảm thấy đau. Nói là nói ngoài mặt vậy thôi. Ai thấy trường hợp những người kia bị bãm, bị chém mà không thương! Câu này như để răn dạy. Có người chủ trương phải có sự trừng phạt như vậy thì người ta mới ngán không làm ác. Một phen nào đó họ cũng có lý. Ví dụ khi qua một cái đèo rất hiểm trở trên con đường Sài Gòn - Đà Lạt, từ trên xe nhìn xuống người ta thấy một cái miếu thờ những người tử nạn từ xe hơi rớt xuống đèo. Những người có chánh niệm đã lái xe cẩn thận, nhìn xuống thấy cái miếu lại càng cẩn thận hơn nữa. Những tay anh chị đánh người không nương tay (anh chị Cầu

Muối), chửi thề, không kính trọng bất cứ ai, không tin ở đức trị, đi ngang qua miếu đó cũng phát ngán, sợ các linh hồn kia kéo mình xuống vực. Thành ra đe dọa cũng có ích lợi. Ở chùa có tượng đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiền lành, mát mẻ như một đóa hoa nhưng cũng có ông Diện Nhiên Đại Sĩ thờ ra toàn khói và lửa, cầm thanh gươm đứng để đóng vai trò Ông Ác cho người ta ngán. Anh làm cái đó sẽ bị cái này. Đó là pháp trị; pháp trị cũng đóng được vai trò của nó. Cái hay trong đạo Bụt là vị Diện Nhiên Đại Sĩ thờ ra và nói toàn là khói và lửa không ai khác hơn là đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Đức Bồ Tát cười nhẹ nhàng như cơn gió thoảng nhưng cũng phải hiện ra dữ dằn như vậy để cho người ta sợ mà xa lánh điều ác. Đó là một hình thái của tình thương. Đưa cao đánh khẽ. Nhưng Thúy Kiều có đánh khẽ không? Không. Đây không phải là đức trị mặc áo pháp trị. Có tình thương thật thì có thể sử dụng phương pháp pháp trị, nhưng đi sâu vào thì thấy toàn là đức trị. Ở các chùa có những hình vẽ cảnh địa ngục: vạc dầu, cột đồng... cũng là dọa. Nhưng đó không thật sự là ác. Đó là phương tiện để giúp những người không thể giúp được bằng những phương pháp nhẹ nhàng. Vấn đề là cứu độ chúng không phải là trừng trị.

*Máy người bạc ác tình ma,
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương.*

Bạc tức là (đức) mỏng. Người có nhiều đức độ, tình thương trong lòng, biết nghĩ tới tương lai gọi là người có *hậu* hay *đức* dày. Không ăn xối ở thì, không phải chỉ biết ngày hôm nay không lo gì đến tương lai. Như dưa củi mà chỉ dưa một chút xối để xài ngày hôm nay thôi, ngày mai mặc kệ thì gọi là mỏng; dưa nhiều để dành cho ngày mai gọi là dày. Đó là đứng về phương diện vật chất. Phương diện tinh thần cũng vậy. Thương người, giúp người, chất chứa công đức và tình thương nhiều gọi là hậu (dày). Ngược lại với mỏng, không lo cho hạnh phúc của mình và người trong tương lai. Bạc cũng có nghĩa là phụ bạc, phản bội. Đoạn này chúng ta thấy cụ Nguyễn Du cũng có đức dày. Cụ nói như vậy cốt để dọa. Nếu đứng ra xét xử chắc hẳn cụ sẽ dùng đức trị, dơ cao đánh khẽ, để cảm hóa họ: ‘Bữa nay ta tha đó nghe. May mà gặp tui chứ gặp người khác là chết rồi!’

*Ba quân đông mặt pháp trường,¹⁵⁴
Thanh thiên bạch nhật¹⁵⁵ rõ ràng cho coi.*

Trời trong, giữa ban ngày, không ai không thấy được luật nhân quả rõ ràng.

Kiều đã tha cho Hoạn Thư là một việc đáng mừng, nhưng Kiêu đã trừng phạt những người còn lại đó là một việc không hay. Nếu Kiêu biết tu tập thì đã có thể hướng dẫn cho họ thờ, nhìn kỹ, nhìn sâu để thấy rõ những đau khổ của hai bên và tìm cách giáo dục cho họ, cho họ những cơ hội và điều kiện để làm lại cuộc đời.

---o0o---

TRỜI PHƯƠNG NGOẠI

*Việc nàng báo phục vừa rồi,
Giác Duyên vội đã gửi lời từ quy.*

Sư chị ngán quá! Muốn về liền lập tức, không muốn ở thêm một giờ nào nữa trong chốn quân sự hãi hùng này. Chúng ta phải đi vào trong da thịt của sư chị để thấy. Sư chị bây giờ e ngại lắm, tuy rất thương sư em; không biết sư em sẽ đi về đâu nếu sư chị cứ tiếp tục như vậy. Nó đã rất đau khổ trong quá khứ, bây giờ báo thù được thì nó thấy nhẹ trong lòng. Đó là cái thấy của người đời. Nhưng người tu thì phải khác. Bây giờ sư chị đi, phải khiêng theo một ngàn lạng vàng và tất cả những tâm tư nặng nề tạo ra vì khung cảnh vừa rồi. Sư chị là người tu, dùng vàng để làm gì? Tu chính Chiêu Ân Am? Một ngàn lạng vàng nặng lắm! Rồi thì ăn cướp, ăn trộm, làm sao? Khiêng một ngàn lạng vàng đi cũng khổ lắm! Không biết mình sẽ làm chuyện gì với số vàng này, và sư chị cảm thấy mất hết tất cả những an ninh của mình. Và nhất là lại mang theo niềm hoang sợ và xót thương cho đứa em đồng đạo ngày xưa. Hãy để cho trí tưởng tượng của chúng ta đi theo để thấy sư chị rời khỏi trung tâm quân sự đó với tâm trạng nào.

*Nàng rằng: ‘Thiên tài nhất thì,¹⁵⁶
‘Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn.¹⁵⁷
“Rồi đây bèo hợp mây tan,
‘Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu!*

Đây là những câu thơ rất hay. Bèo hợp mây tan là lý vô thường. Ngày hôm nay mình sống chung với nhau là ‘bèo hợp’, biết đâu mai này mỗi người đi một ngã là ‘mây tan’. Vì vậy phải biết trân trọng những giờ phút của ngày hôm nay, phải có hạnh phúc trong giờ phút này. Hai chị em gặp được nhau là điều hiếm có, xa nhau rồi thì không biết bao giờ mới được gặp lại, ngồi chung, uống trà đàm đạo với nhau. ‘Thúy Kiều thấy được điều đó.

*Sư rằng: ‘Cũng chẳng mấy lâu,
‘Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.*

- ‘Không lâu đâu! Trong năm năm nữa chị em mình sẽ được gặp nhau lại.’ Giống như là sư chị đã biết trước. Biết trước, không phải là do sư chị có tài bả m quẻ mà vì sư chị có quen với một đạo cô tu theo đạo Lão tiên đoán sự hội ngộ của hai chị em trong năm nay và trong năm năm nữa. Và vì đã gặp Thúy Kiều lần này đúng theo tiên đoán của đạo cô Tam Hợp nên sư chị tin rằng tiên đoán về lần hội ngộ thứ hai cũng sẽ đúng.

*‘Nhớ ngày hành cước phương xa,
‘Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri.
‘Bảo cho hội ngộ chi kỳ,
‘Năm nay là một nữa thì năm năm.
‘Mới hay tiên định chẳng lầm.
‘Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau.
‘Còn nhiều ân ái với nhau,
‘Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì?’*

‘Hành cước’ (đi bộ) là sự thực tập của nhà tu. Nếu cái học của mình chưa tới, thì mình phải tìm thầy học đạo. Hành cước có khi gọi là đi vân thủy. Vân là mây, thủy là nước. Mây, nước luôn luôn đi. Người tu hành nếu chưa tìm được thầy, được pháp môn thì phải làm phận sự của mây và nước. Phải đi và đi bằng hai chân (hành cước) của mình chứ không đi ngựa, đi xe.

Những câu thơ này chứng tỏ sư chị Giác Duyên thương sư em Trạc Tuyên rất sâu sắc. Không biết có hiểu nhiều không nhưng có thương và muốn thương. Tình thương cao nhất là tình thương làm bằng cái hiểu. Biết sư em cần gì thì dạy sư em cái đó. Sư chị không biết sư em cần học kinh *An Ban Thủ Ý*, ru và chuyển hóa nội kết, nên đã không dạy. Sư chị chưa hiểu sư em bao nhiêu.

*Nàng rằng: ‘Tiên định tiên tri,
‘Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.
‘Họa bao giờ có gặp người,
‘Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân.’*

- ‘Nếu sư chị có gặp lại đạo cô thì xin hỏi dùm về tương lai của em. Em không biết mình sẽ đi về đâu.’ *Tiền lộ mang mang bát tri hà vãng* là một câu trong *Cảnh Sách*. Bốn cuốn *Luật Tiểu* (luật nhỏ) của người tập sự đi tu gồm

có: Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu, Mười Giới Sa Di và *Sa Di Ni*, Uy Nghi và *Cảnh Sách*. *Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu* là năm sáu chục bài thi kệ thực tập chánh niệm trong mọi động tác hàng ngày. Bất cứ đi, đứng, nằm, ngồi, rửa tay, đi cầu, giặt áo... làm gì cũng có một bài kệ để thực tập thở ra, thở vào trong khi làm việc đó. *Tỳ Ni Nhật Dụng thiết Yếu* bản in mới có tên là *Từng Bước Nở Hoa Sen*. Mười Giới của Sa Di và Sa Di Ni bắt đầu bằng giới không sát sanh. Uy Nghi là phong thái của một nhà tu trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, hành xử. Ví dụ sử dụng phòng tắm, lên chánh điện, vào nhà bếp, đến nhà cư sĩ... phải làm như thế nào cho đúng phong thái một nhà tu. Sách xưa có 24 thiên uy nghi. Sách mới (*Bước Tới Thành Thới*) có tới 39 chương, vì điều kiện sống và tiếp xúc có khác (ví dụ nghe điện thoại, vào siêu thị...) *Cảnh Sách* là những lời nhắc nhở của thiền sư Quy Sơn. Bài văn rất hay. Tất cả các sư cô, sư chú ngày xưa đều học thuộc lòng bằng chữ Nho. *Tiền lộ mang mang bất tri hà vãng* là một câu trong *Cảnh Sách*, có nghĩa là: đường trước mờ mờ, không biết sẽ đi về đâu. Thúy Kiều cảm biết rằng cuộc đời mình còn nhiều sóng gió lắm, sau này không biết sẽ đi về đâu, vì vậy muốn nhờ sư chị Giác Duyên hỏi đạo cô Tam Hợp giúp mình. Muốn có một cái nhìn tổng quát về tương lai. Đó là nhu yếu của Thúy Kiều và cũng là nhu yếu của tất cả chúng ta. Ai cũng muốn biết tương lai cả cho nên mấy ông thầy chám số tử vi túi mới có tiền. Nhưng mấy ông liệu có giỏi bằng đạo cô Tam Hợp không? Hay là tiền mất mà mình vẫn không có được cái nhìn rõ ràng nào về tương lai! Trong đạo Bụt, có những điều mình biết nhờ tu học có chánh niệm. Nếu nắm được thân tâm mình thì đi về đâu mình cũng làm chủ được thân tâm, không đánh mất mình và mình không cần đến đạo cô Tam Hợp hay mấy ông thầy chám số tử vi nữa. Vừa đỡ tốn tiền, vừa khỏi bị mang tiếng mê tín. Chỉ những người yếu bóng vía mới cần tới đạo cô và mấy ông thầy tướng số mà thôi.

*Giác Duyên vâng dặn ân cần,
Tạ từ thoát đã dời chân cõi ngoài.*

Sư chị Giác Duyên nhận lời Kiều và đi. Càng đi càng mau ra khỏi cõi này càng tốt. *Cõi ngoài* không phải cõi này. Có lẽ cụ Nguyễn Du đã dịch từ chữ *phương ngoại*: một không gian ở ngoài. Đọc thơ Nguyễn Du mà không biết về Phật học thì đôi khi cũng thiếu. *Phương ngoại phương* (space outside of space), trời phương ngoại. Đó là không gian nhưng cũng là loại không gian nằm ngoài không gian, vượt ra khỏi không gian thường của người đời. Chúng ta tìm tới cái không gian nằm ngoài không gian, thực tập tiếp xúc được với Tích Môn (historical dimension.) Người tu phải tiếp xúc với Bản Môn (ultimate dimension.) '*Cõi ngoài*' ở đây có nghĩa là phương ngoại

phương, một phương trời không có những chuyện lên-xuống, ra-vào, ân-oán, tử-sinh, trong-ngoài, nhiều-một,... Sự chi biết chỉ ở trong cái khung trời phương ngoại đó, sự chi mới thật sự thoải mái mà thôi.

‘*Chống gậy rong chơi chừ phương ngoại phương*’ là một câu thơ của Tuệ Trung Thượng Sĩ; có nghĩa là: ta chống gậy đi chơi ở trong khung trời phương ngoại chứ không đi chơi trong khung trời của thế gian. Tuệ Trung Thượng Sĩ, anh ruột của đại tướng Trần Hưng Đạo, là một thiền sư rất nổi tiếng của đời Trần. Trong khi Trần Hưng Đạo thành công về quân sự thì Tuệ Trung Thượng Sĩ thành công về thiền tập. Ngài có một thiền phong rất hùng vĩ. Khí văn, khí thơ và đạo lực của Tuệ Trung tương đương với thiền sư Lâm Tế bên Tàu. ‘*Chống gậy rong chơi chừ phương ngoại phương.*’ Khung trời phương ngoại là cái chúng ta có thể bước vào bất cứ lúc nào chúng ta muốn. Đó là khung trời thoải mái của giải thoát, của niết bàn. Phải đi trong không gian của phương ngoại thì mới thật sự có hạnh phúc. Còn nếu tu mà vẫn đi ở phương nội thì chưa có hạnh phúc.

*Giác Duyên vâng dặn ân cần,
Tạ từ thoát đã dời chân cỏi ngoài.*

Rất hay! Mà đâu có cần chữ nghĩa nhiều! ‘*Tạ từ thoát đã dời chân cỏi ngoài.*’ Chỉ cần đưa tay nói ‘goodbye’ một cái là tự nhiên từ cỏi của sầu đau và tranh chấp ta đi ngay được vào cỏi của thanh thản, nhẹ nhàng, giải thoát. Câu này là một câu chúng ta có thể viết treo ở thiền viện. Tạ từ: thôi, không ăn thua nữa trong cuộc đời! Thoát đã dời chân cỏi ngoài: giải thoát có thể thực hiện được trong một cái búng tay. Giã biệt tất cả những phiền não, tranh chấp trong cuộc đời để được có tự do. Và chỉ khi nào mình giải thoát tự do mình mới giúp được người mà thôi.

Tháng 1974, trong khi làm việc cho hòa bình và gây quỹ giúp các cô nhi ở Việt Nam, tôi có bài thơ *Trời Phương Ngoại*:

*Người đi trên đất mắt nhìn trời
Chim liệng từng không mây trắng bay
Một bàn tay đưa cho nắng ngọt
Một bàn tay giữ con đường mây
Lá xanh thàng tư mặt trời lợc
Đi qua rừng cây mà không hay
Búp tay hoa sen vừa hé mở
Vũ trụ sáng nay đã ngát ngây*

*Trà khuya bay khỏi thơ không chữ
Thơ chở trà lên tận đỉnh mây
Núi cao mưa lạnh vùng biên ải
Vi vút sau đèo gió gọi cây
Đỉnh tuyết trời quang bùng cảnh mộng
Giác ngộ tung về đóa mãn khai,
Đất xa màu nhiệm thom tình mẹ
Hoa nở tràn gian ước kịp ngày.
Thương bé bơ vơ mùa loạn lạc
Sen vàng bướm gửi khắp trời Tây
Tờ hoa nhạc hội bùng chiêng trống
Xóm dưới thôn trên dán chặt đây
Mắc nối đường dây trăm xít lạ
Án nghĩa bên trời mãi dựng xây
Ngục thất ba trăm còn tuyết thực
Mòn chân du thuyết hết đêm ngày.¹⁵⁸
Tháng Tư đồng nội trăm hoa nở
Mong ước ôm đầy hai cánh tay
Sắc xuân rục rở trời phương ngoại
Thơ hát yêu thương rộng tháng ngày
Gối mộng mây xa về lối cũ
Ngược dòng sông lạ đến tìm ai*

---o0o---

TÂY OAN VÀ GIẢI THOÁT

*Nàng từ ân oán rạch rời,
Bể oan dường đã vơi vơi cánh lòng.*

Không những đã không xót mà còn thấy khỏe trong người vì đã trả thù được! ‘*Ân oán rạch rời*’ là phải phân biệt ai là bạn, ai là thù. Đó là đường lối chánh trị. Người có tinh thần phe đảng nói: Ta phải phân biệt; người nào nói và làm có lợi cho đường lối và chủ nghĩa ta thì ta nhận làm bạn; những người mà tư tưởng, hành động hoặc văn chương không có lợi cho chủ nghĩa ta, dù họ không nói động tới ta, ta cũng liệt họ vào hàng kẻ thù. Nghĩa là phải rõ ràng, rạch rời ai là bạn, ai là thù. Trong khi đó nhận thức của người tu học đạo Bụt là không có kẻ thù. Tất cả đều là những người mà mình phải thương, phải chuyển hóa, giúp đỡ. Thái độ đó, người có phe đảng không chấp nhận được. Họ nói những ai không phân biệt bạn-thù, không có lập

trường, là họ không bao giờ chơi với được. Lập trường của chúng ta là không có thù. Chỉ có bạn thôi, bạn thân hoặc bạn chưa thân, và phải làm cho tất cả mọi người đều thành bạn cả. Đó cũng là một thứ lập trường, không thể nói là không phải lập trường. Kẻ thù chúng ta không phải là con người; kẻ thù chúng ta là tham, sân, si, mạn, nghi, kiến. Mà tham, sân, si, mạn, nghi, kiến cũng không phải là kẻ thù ta, bởi đó là rác mà chúng ta cần để chuyển thành hoa. Cái nhìn của đạo Phật là như vậy. Những người theo một chủ thuyết, một ý thức hệ không thể đồng ý với chúng ta. Họ nói ân oán phải rạch ròi, thù bạn phải phân minh. Thúy Kiều, cụ ni cô Trạc Tuyên, cũng đang suy nghĩ theo kiểu đó. *'Nàng từ ân oán rạch ròi, Bể oan đường đã voi voi cạnh lòng.'* Những oan ức dường như đã nhẹ đi sau khi trả thù được. Mà chưa chắc đã nhẹ; bởi vì Kiều vừa giết hoặc hành hạ một số người. Giai đoạn này là một vết đen trong đời Kiều. Kiều đã không có đợc con mắt của người tu (chúng ta gọi là *mắt thương, từ nhân.*) Không có con mắt đó nên Kiều không thương được người đã làm mình đau khổ. Kiều vẫn áp dụng đường lối pháp trị. Trước khi từ biệt, sư chị đã không nói với em điều đó. Sư chị muốn thoát ra khỏi một cách mau chóng, nói bye-bye càng sớm càng tốt. Đó là một cái lỗi của sư chị. Đáng lý, sư chị phải ngồi lại và nói: 'Em đã giải quyết xong việc ân oán rồi; bây giờ em không còn là em trong giới xuất gia của chị nữa, nhưng chị có thể nói cho em như thế này...' Sư chị đã không làm điều đó. Chúng ta phải học đợc bài học này. Đừng hấp tấp như sư chị Giác Duyên. Muốn cho khỏe, muốn thoát ra cho mau mà không làm tròn bổn phận của một người thương. Sư chị nói: *'Còn nhiều ân ái với nhau.'* Nhưng ân ái đó là nghĩ tới chuyện tương lai thôi. Còn nếu thực tập ân ái (thương) thì phải ngồi lại, dạy cho em nói: cái điều mà em vừa làm, chị thấy không xứng đáng với người đã học đạo từ bi. Đây có thể là lần đầu tiên trong hai trăm mấy chục năm lịch sử truyện Kiều chúng ta mổ xẻ chuyện này. Thương Kiều vì Kiều khổ, nhưng chúng ta phải nhìn rõ để thấy những góc rẽ khổ đau của Kiều. Không phải chỉ thương, chỉ tội nghiệp thôi là đủ. Phải thấy đợc những lầm lỗi của Kiều để chúng ta và các sư em của chúng ta đừng tiếp tục làm thêm những lầm lỗi đó.

*Nàng từ ân oán rạch ròi,
Bể oan đường đã voi voi cạnh lòng,
Tạ ân lạy trước Từ công:
'Chút thân bồ liễu nào mong có rày!
Trộm nhờ sấm sét ra tay,'
'Tắt riêng như cắt gánh đày đồ đi!
'Chạm xương chếp dạ xiết chi,
'Để đem gan óc đền trời mây!'*

Kiều cảm ơn Từ Hải đã giúp mình làm được việc trả thù. Không trả thù mà hay hơn. Chắc chắn là như vậy. Như có cơ hội, bắt những người gây chuyện ác tởm, nói cho họ biết rằng họ ác độc và họ cần phải thay đổi. Bất học phải phục vụ cho những người đau khổ dưới quyền kiểm soát của mình cũng có thể là một hình thái học hỏi để giúp họ sáng mắt ra. *Lấy công chuộc tội* là việc các nhà chính trị xưa đã làm. Thay vì giết, phạt, bỏ tù những người có tội thì yêu cầu họ lo cho những cô nhi viện, đắp cầu, làm đường và làm một số việc cụ thể để chuộc lại lỗi lầm. Ngày xưa ở Việt Nam chuyện này đã được thực hiện tương đối phổ biến. Các thầy có liên hệ tốt với triều đình thường xin lãnh các tù phạm ra để làm việc cho chùa, bảo đảm trong thời gian phục vụ tại chùa họ sẽ không ăn trộm, giết người.. Trong vòng mười, mười hai năm nếu họ chứng tỏ đã hoàn lương thì nhà chùa xin cho họ được trở về đời sống bình thường, cho họ ruộng, giúp họ làm nhà và cưới vợ. Ngày xưa các chùa Việt Nam đã làm như vậy. Rất hay! Nàng Kiều, cựu sư cô Trach Tuyền, đã không học được điều đó và đã trả thù. Những oan ức ngày xưa như một gánh nặng đè lên làm mình đau khổ, bây giờ trả thù được thì nhẹ đi. Đó là suy nghĩ của người đời, không phải của người tu. Người tu không làm nhẹ bằng cách đó. Làm cách đó không nhẹ được. Những gánh nặng trong tâm mình (nội kết) phải được chuyển hóa thì tâm mình mới thật sự nhẹ nhàng.

*Từ rằng: ‘Quốc sĩ⁵⁹ xưa nay,
‘Chọn người tri kỷ một ngày được chăng?
‘Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
‘Giữa đường đâu thấy đất bằng mà tha!
‘Huống chi việc cũng việc nhà,
‘Lọ là thâm tạ mới là tri ân.*

Sau khi được cảm ơn, Từ Hải nói ra những lời rất có tình có nghĩa, rất hay. Từ còn nói thêm rất dễ thương:

*‘Xót nàng còn chút song thân,
‘Bây nay kẻ Việt người Tần cách xa.¹⁶⁰
‘Sao cho muôn dặm một nhà,
‘Cho người thấy mặt là ta cam lòng.*

‘Anh còn muốn làm sao để em có thể đoàn tụ được với gia đình nữa thì anh mới thỏa mãn.’ Điều này chứng tỏ Từ Hải là người có khả năng hiểu. Vì vậy Từ có thể thương Kiều được một cách sâu sắc. Từ biết Kiều muốn trả ơn

những người ơn của mình và có nhu yếu gặp lại cha mẹ và các em. Ngày trước khi Kiều yêu cầu, Từ Hải đã nói rõ: ‘Anh biết em muốn như vậy. Chừng nào anh chưa làm được chuyện này thì chừng đó anh chưa thỏa mãn.’ Nói như vậy làm cho người thương của mình được an ủi rất nhiều. Thương là phải hiểu nhu yếu của người mình thương.

*Vội truyền sửa tiệc quân trung,
Muôn binh nghìn tướng hội đồng tẩy oan.*

Tiệc tẩy oan có mục đích gột rửa tất cả những niềm oan ức, được bày ra trong quân ngũ. Ai cũng tham dự vào việc ăn mừng đó. Đây là một chiến dịch tâm lý chiến rất hay. Nhân cơ hội, tổ chức ăn tiệc phủ phê, gọi là ăn mừng việc mình đã có thể thiết lập công bình xã hội và giải quyết những oan ức trong đời mình; khiến mọi người đều thấy rằng mình cũng đang được tẩy oan chứ không chỉ có riêng Kiều. Một chiến dịch tâm lý trong khung cảnh quân sự. Anh chàng này giỏi lắm!

Trong đạo Bụt, chúng ta không dùng chữ ‘tẩy oan’ mà dùng chữ ‘giải oan’. Ngoài đời người ta tẩy oan bằng rượu. Trong chùa, chúng ta biết rượu đã không những tẩy oan không được mà còn gây thêm những oan ức khác. Uống rượu rất nguy hại. Rượu gây oan ức cho lá gan của mình rất nhiều. Hơn nữa, muốn làm một lít rượu thì phải có cả một thùng lúa nếp; lấy một thùng lúa nếp để làm một chai rượu thì tội nghiệp cho những người đói lắm! Người ta đói không có gạo ăn mà mình lại lấy gạo làm rượu! Tẩy oan như vậy thì lại càng gây oan thêm. Phương pháp của người tu là giải oan chứ không phải là tẩy oan. Giải là mở ra, không buộc lại. Tẩy oan theo kiểu người đời thì lại cột thêm. Ví dụ: giết những người đã làm cho mình khổ là tạo ra oan hồn trong giới con cháu những người đó; họ sẽ tìm cách trả thù. Không giải được oan mà lại kết oán. Sau này Từ Hải và Thúy Kiều sẽ chết vì cái đó! Phương pháp là giải (mở) chứ không phải là kết (buộc vào.)

Nhân cơ hội binh sĩ đang nức lòng như vậy, Từ Hải tổ chức những cuộc hành quân lớn. Đánh đâu thắng đó và thiết lập một triều đình độc lập ở phương Nam:

*Thừa cơ trúc chẻ ngôi tan,
Binh uy từ ấy sấm ran trong ngoài.
Triều đình riêng một góc trời,
Gồm hai vắn võ rạch đôi sơn hà.
Đòi cơn gió quét mưa sa,*

*Huyện thành đập đổ năm tòa cõi Nam.
Phong trần mài một lưỡi guom,
Những phường giá áo túi cơm sá gì!¹⁶¹
Nghênh ngang một cõi biên thù,
Kém gì cô quả kém gì bá vương!¹⁶²
Trước cờ ai dám tranh cường,
Năm trăm hùng cứ một phương hải tân.*

Đoạn văn rất mạnh! Tuy là thơ lục bát nhưng hơi văn đi như gió nói lên được khí thế của quân lực Từ Hải. Liên tiếp thắng hết trận này đến khác như ‘*trúc chẻ ngói tan.*’ Quý vị đã từng chẻ tre chưa? Khi chẻ tre người ta đặt cây tre nằm thế ngang, để mũi rựa giữa thân tre và dùng dùi cui đánh vào cán rựa. Rựa đi vào thân tre làm thành những đường nứt rất tự nhiên, ‘*dễ như chẻ tre.*’ ‘*Ngói tan*’ cũng vậy; khi những viên gạch ở lớp dưới của mái nói rớt ra, rơi xuống thì những lớp ngói phía trên tiếp tục rơi, rơi cho đến hết mái ngói thì thôi. Chiến thắng này dễ dẫn đến những chiến thắng khác. Thua một trận rồi thì có thể thua những trận kế tiếp rất mau.

Trong mấy ngày thôi quân binh của Từ Hải đã chiếm được năm quận huyện thuộc vùng biển (hải tân) của nước Minh. Cố nhiên vùng này có rất nhiều dân đánh cá. Nghe nói Từ Hải cũng xuất thân từ giới anh chị của làng đánh cá. Từ thiết lập một quốc gia độc lập trong suốt năm năm, quan quân nhà Minh không làm gì nổi. Thúy Kiều, như vậy, được Từ Hải che chở, sống với chức vị hoàng hậu trong năm năm. Khổ thì khổ nhưng cũng có những giai đoạn được che chở và có quyền hành. Tuy vậy, Từ Hải không gọi Kiều là hoàng hậu mà luôn gọi là phu nhân; Kiều thì gọi Từ Hải là Đại Vương. Họ không hành quân thêm, chỉ giữ vững vùng đất này trong suốt năm năm. Trong năm năm đó cô nàng có hạnh phúc hay không? Ta có thể tự trả lời được. Chúng ta không nghe nói hai vợ chồng có giận nhau, có cãi nhau, có hóa giải nội kết không, nhưng chắc chắn đó là năm năm tương đối yên ổn của Thúy Kiều. Có những chi tiết cho ta biết Từ Hải rất kính Thúy Kiều, biết nghe những lời khuyên nhủ của Kiều và coi Kiều là một trong những cố vấn chính trị quan trọng nhất của ông. Trong những cuộc luận đàm về phương diện quân sự và chính trị với các tướng, dù là đàn bà Kiều vẫn được tham dự. Tiếng nói của Kiều luôn luôn là một tiếng nói rất quan trọng.

---o0o---

HẠNH PHÚC LÀ TỰ DO

Trong một quốc gia mà lại có một quốc gia tự trị, đó là một cái gai lớn cho triều đình. Bao phen triều đình nhà Minh đã đi tìm những phương pháp để dẹp đi sự nổi loạn đó nhưng không thành công. Chính trị gia Hồ Tôn Hiến xuất hiện. Vị tổng đốc có địa vị quan trọng trong triều đình này được vua nhà Minh giao phó trách nhiệm dẹp trừ cái quốc gia nhỏ bé này. Chấm dứt giai đoạn năm năm yên ổn của Thúy Kiều. Đây là tai nạn lớn nhất, đưa Thúy Kiều đến chỗ tận cùng đến chỗ tận cùng của đau khổ trong đời cô và dẫn cô đến chỗ phải tự tử. Chỉ khi nào chết rồi mới có thể tái sinh được. Cố nhiên Thúy Kiều tự tử không chết, cô sẽ được cứu. Nhưng trong kiếp người thế nào chúng ta cũng phải chết một lần, và phải chết thật thì chúng ta mới có thể sinh ra lại được với sự an lạc. Cái đau khổ cùng cực mới đem lại sự tái sinh của chúng ta. Mới đau khổ sơ sơ thì chưa nhằm nhò gì! Phải đau khổ cho cùng cực. Và khi đụng tới cái đáy của khổ đau, chết đi, sống lại thì mới thấy được niềm an lạc chân thật nảy sinh ra. Ngôn ngữ này rất quen thuộc trong nhà thiền. Nếu không chết, chỉ mới ngất ngư thôi, thì không thể nào tái sinh được. Phải chết trong tâm hồn, trong đau khổ của mình. Luân hồi có chết thì giải thoát mới sinh ra được.

*Có quan tổng đốc trọng thân,
Là Hồ Tôn Hiến kinh luân¹⁶³ gồm tài.
Đẩy xe vàng chỉ đặc sai,¹⁶⁴
Tiện nghi bất tiểu việc ngoài đồng nhung.¹⁶⁵
Biết Từ là đáng anh hùng,
Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.*

Thám tử triều đình làm việc rất giỏi. Họ biết Từ Hải không phải là một tay anh chị Cầu Muối tầm thường. Từ là một người có nhân cách, chí khí, có tư cách anh hùng. Không thể dùng phương pháp dọa nạt và bạo lực mà có thể thành công. Họ cũng biết Thúy Kiều được tham dự vào những buổi bàn luận bí mật về quân sự và chính trị. Rất khó giải quyết vấn đề nếu ta không biết rõ tình trạng và tâm lý những người trong cuộc.

Hồ Tôn Hiến lập ra chước chiêu an, gửi sứ giả sang kêu gọi Từ Hải ra hàng và hứa sẽ phong cho chức tước lớn. Một mặt khác họ chuẩn bị quà cáp riêng cho Kiều:

*Đóng quân làm chước chiêu an¹⁶⁶
Ngọc vàng gấm vóc sai quan thuyết hàng.
Lại riêng một lễ với nàng,
Hai tên thế nữ ngọc vàng nghìn cân.*

Theo nguyên lục, ban đầu Hồ Tôn Hiến gửi một viên quan nhỏ tên là Hoa Nhâm tới đề dò hỏi. Từ Hải giận nói: *‘Ta đang có thanh thế. Tuy không có mở mang bờ cõi dựng nước, nhưng ai có thể cầm ta xưng Vương, xưng Đế, xưng Cô, xưng Quả? Người muốn ta về hàng để làm con chó, con trâu của người khác sao?’* và tính đem Hoa Nhâm ra chém. Kiều can; Từ nghe lời tha cho Hoa Nhâm. Tiếp đó, Hồ Tôn Hiến sai một viên quan lớn hơn, tên La Trung Quân, đem lễ vật rất hậu tới. Trong đó, có một trăm ngàn lạng bạc, ba ngàn lạng vàng, gấm vóc, đan ngọc và hai người thê nữ gốc gác từ Kinh đô (những cô thê nữ vùng ven biển không thể so sánh với những phụ nữ từ Kinh đô) làm quà riêng cho phu nhân Vương Thị (Vương Thúy Kiều.) Khi tiếp đón La Trung Quân, Từ Hải không muốn nhận lễ, trái lại muốn đuổi về vì trong lòng ông đã có niềm nghi:

*Tin vào gởi trước trung quân
Từ công riêng hãy mời phân hồ đồ¹⁶⁷
Một tay gây dựng cơ đồ,
Bấy lâu bé Sở sông Ngô tung hoành!¹⁶⁸
Bỏ thân về với triều đình
Hàng thần lơ láo phận mình ra đâu?
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi?
Sao bằng riêng một biên thù.
Sức này đã để làm gì được nhau?
Chọc trời quấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai?*

Nguyên lục nói: Một người đã tự do quen rồi mà bị đưa về câu thúc một chỗ thì rất khó chịu; không những lúng túng khó chịu mà chức phận cũng không ra gì (nhiều lắm là chức Tổng Binh). Mất hết cả tự do, nhân cách. Là quan võ thì thế nào cũng bị các quan văn lấn ép, đàn hạch (chỉ trích, kết tội). Sống như vậy khổ lắm nên Từ Hải nhất định không hàng. Từ Hải rất tự tin vào khả năng của mình và rất trân quý cái tự do của một chàng hiệp sĩ.

Vua Minh Mạng rất mê truyện Kiều. Một hôm, trong khi tiếp các quan, vua gọi thi sĩ Nguyễn Du (hồi đó đang làm quan dưới triều Nguyễn) nói: *‘Khanh viết như vậy là không được! ‘Chọc trời quấy nước mặc dầu, Dọc ngang nào biết trên đầu có ai!’ viết như vậy là không có lễ phép gì với trăm cả! Trên đầu phải có vua chứ! Vì vậy ta phạt khanh.’* Vua bảo quân

hầu mang rượu ra và phạt thi sĩ uống ba chén. Ngày xưa người ta phạt nhau bằng rượu. Nhiều người ưa ‘được’ phạt lắm! Sau này khi thi sĩ uống ba chén rượu rồi, vua lại bảo: *‘Nhưng mà hay! Phạt thì phạt nhưng thơ rất hay! Vì vậy trẫm thưởng cho khanh.’* Và vua truyền quân hầu mang ba tấm lụa tặng thi sĩ về may áo mặc cho ấm. Giai thoại này được truyền tụng đến ngày nay. Vua Minh Mạng cũng chịu chơi lắm!

Điều chúng ta muốn nhắc ở đây là Từ Hải biết hạnh phúc của mình nằm ở chỗ tự do nhưng vì lời nói của Kiều rất ‘mặn mà’ cho nên Từ không thấy được điều đó nữa và chuyển sang một quan niệm khác về hạnh phúc; cái hạnh phúc không tự do! Là những người tu hành, chúng ta nên suy ngẫm. Chúng ta đi xuất gia để có tự do, Hạnh phúc của chúng ta là có tự do. Tự do với độc lập đi chung. Có độc lập, có tự do thì mới có hạnh phúc. Ta đừng nên quên điều đó. Cạo đầu, mặc áo thầy tu, đi xuất gia là cũng như Từ Hải, biết rằng hạnh phúc của mình hoàn toàn được căn cứ trên sự tự do của mình. Đôi khi có những tiếng mời gọi, những điều hấp dẫn, đôi khi thấy tự do lớn quá, ta không sử dụng nổi tự do của ta, ta nói: *‘Thôi, tự do mệt quá! Bây giờ tôi chỉ muốn làm nô lệ!’* Làm nô lệ cho một người, làm nô lệ cho một gia đình... Điều này có thật. Hạt giống của sự nô lệ có mặt trong tất cả mọi người. Trên phương diện trí tuệ, chúng ta biết tự do thênh thang là nền tảng của hạnh phúc. Nhưng đôi khi, thấy tự do thênh thang, ta mệt quá, ta muốn làm nô lệ, muốn chui vào hoàn cảnh nô lệ. Trong mỗi chúng ta đều có anh chàng Từ Hải và cô nàng Thúy Kiều. Chúng ta phải cẩn thận. Có bao nhiêu thầy và sư cô trẻ đang có tự do thênh thang của người xuất gia: *‘Nhất bát thiên gia phạn, Cô thân vạn lý du’* vậy mà tự nhiên đầu hàng, chui vào chỗ mất tự do. Sau một vài năm thì mới thấy rõ mình đã đi lún quá sâu trong con đường mất tự do. Lúc đó đã quá trễ rồi! Một đã luân hồi thành bốn, thành năm, thành sáu rồi! Làm sao có tự do được nữa! Trong khi đang còn là người xuất gia, đang có sự tự do mà có người không thấy được sự quý báu của tự do, không thấy được hạnh phúc của chính mình! Ta nghĩ: *‘Ôi, hạnh phúc thay nếu ta được làm nô lệ!’* Nô lệ cho một người, cho một nhóm người. Đó không phải là chuyện của một ngày. Hạt giống nô lệ có sẵn trong lòng mọi người. Có sẵn trong Từ Hải, có sẵn trong Thúy Kiều. Vì vậy chúng ta phải lòng tự xét lòng: ta phải biết. Chúng ta thường đứng núi này trông núi nọ mà không thấy được những hạnh phúc và những màu nhiệm của giờ phút hiện tại. Ta cứ nghĩ đứng núi bên kia chắc sướng hơn đứng núi bên này. Có một sư cô ra đời, cùng với người kia sản xuất ra bốn trụ. Một mà luân hồi thành sáu! Lúc ấy mới thấy cuộc đời trăm luân, nặng nề quá cỡ! Đến khi vượt biên họ viết thư cho tôi nói: *‘Thầy ơi! Chúng con bây giờ là sáu đũa lộn. Làm sao khi chúng con qua bên đó Thầy cho chúng con đi xuất gia lại’*

hết thầy sáu người!’ Súc mậy! Một người mà còn chưa nắm vững vận mệnh được, bây giờ sáu người... rất khó! Đọc bài *Phóng Cuồng Ca* của Tuệ Trung Thượng Sĩ chúng ta mới thấy tự do là cái quý nhất trên đời. Tự do đó đưa chúng ta tới hạnh phúc chân thật. Và khi chúng ta có hạnh phúc, chúng ta mới có thể ban phát hạnh phúc cho những người khác. Còn nếu chúng ta không có tự do, không có hạnh phúc thì chúng ta không làm hạnh phúc được cho bất cứ một ai. Chúng ta chết chìm và kéo những người khác chết chìm theo chúng ta.

---o0o---

LÝ LUẬN CỦA TRÁI TIM

Và bây giờ là suy nghĩ của Kiều:

*Nàng thì thật dạ tin người,
Lẽ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu.*

Đây là tâm lý của người đàn bà. Trong nguyên lục có những chi tiết có thể làm sáng thêm hai câu thơ này: Hai cô thế nữ rất khôn khéo, được huấn luyện rất kỹ để đóng vai trò dẫn dụ. Về phương diện hình thức thì là hai cô tỳ nữ với tất cả tài năng để phụng sự một vị đại phu nhân; về nội dung họ là hai tay gián điệp của triều đình. Ban đầu Từ Hải muốn trả về tất cả lễ vật rồi đuổi sứ về. Thúy Kiều nói: ‘Người ta có lễ độ, có lòng tốt, đem tới những tặng vật như vậy thì tại sao mình lại từ chối?’ Từ nghe lời, nhận lễ. Chính sự chấp nhận lễ vật đó mà phòng tuyến bị vỡ. Hai cô gián điệp lọt được vào tư thất của Kiều, đem tất cả sự khôn ngoan, miệng lưỡi của những người gián điệp để thuyết phục Kiều: ‘Phu nhân là một người con có hiếu. Ai cũng biết thành tích hiếu thảo của phu nhân, bán mình để chuộc cha. Một người có hiếu lại có Trung là một người hoàn hảo. Trung là trung thành với đất nước, triều đình. Các vị thánh đế đã khai sáng đất nước này. Đất nước đang hòa bình, lương dân đang sinh sống an ổn; vậy mà bây giờ vì chiến tranh loạn lạc, đất nước phải chia hai, người dân chết trong năm năm qua đã nhiều. Nếu phu nhân chấp nhận khuyên Đại Vương ra hàng là Trung với đất nước, là giải phóng cho lương dân khỏi nạn đao binh. Đại Vương sẽ được phong quan tước, còn phu nhân thì sẽ có cơ hội về đoàn tụ gia đình.’ Đoàn tụ với cha mẹ và hai em là một ao ước thâm sâu của Thúy Kiều. Mười lăm năm lưu lạc mà bây giờ lại có một cơ hội đoàn tụ gia đình. Bỏ qua thì uổng! Hai cô gián điệp đã động tới được ước muốn sâu sắc nhất trong lòng Kiều. Hai cô còn nói: ‘Khi công việc thành rồi thì quan Tổng Đốc sẽ dâng biểu xin vua

ban hiệu Trung Hiếu Khả Phong cho phu nhân vì phu nhân đã cứu cho bao nhiêu sinh linh khỏi chết. Nếu phu nhân về thăm gia đình với danh hiệu đó thì chắc chắn gia đình sẽ hạnh phúc lắm!’ Hai cô nói rất khéo! Khiến cho Kiều hoàn toàn chấp nhận.

Ta nên biết rằng ta vốn có trí tuệ và khả năng xét đoán. Nhưng một khi ta đã để cho cái ước muốn trong lòng ta thắng rồi thì ta sẽ dùng mọi cách để lý luận theo ước muốn đó. Đôi khi lý luận rất hay, nghe xuôi tai hợp lý giống như ta đã tìm ra con đường của trí tuệ rồi nhưng kỳ thực, tất cả những lý luận đó đều vâng theo một ước muốn sâu sắc ở trong lòng. Khi ta đã ước muốn cái đó, nghĩ rằng ta chỉ có thể sung sướng thật sự khi đi theo con đường đó thì tất cả những lý luận của chúng ta sẽ được dùng để phục vụ cho ước muốn đó. Có vẻ như ta vừa có tình, vừa có trí nhưng kỳ thực chính là cái tình, cái ước muốn ở trong ta đóng vai trò chủ động. Lý luận của chúng ta đang làm vai trò biện hộ mà thôi. Chúng ta lý luận ngàn cách để chứng tỏ rằng lý luận của chúng ta là đúng. Lý luận đó không còn khách quan nữa. Đây là điều mà hầu hết chúng ta đều mắc phải. Khi tâm ta đã hướng về một hướng nào đó rồi ta quên hết mọi chuyện ở hướng đối diện. Đã muốn rồi thì lý luận đủ cách. Nghĩ rằng mình đã có trí tuệ, kỳ thật mình mất trí tuệ. Mầm mống của sự thất bại không phát sinh từ Từ Hải mà phát sinh từ Thúy Kiều. Thúy Kiều rất quan trọng với Từ Hải, hai người là một, cho nên một khi mầm mống ấy đã chiếm cứ được Thúy Kiều rồi thì nó lang sang Từ Hải rất dễ dàng. Cụ Nguyễn Du nói rằng Kiều *‘thật dạ, tin người’*, bị lẽ vật làm tối mắt và những lời nói ngon ngọt chinh phục. Nhưng cụ chưa thấy rằng ước muốn rất chính đáng của Thúy Kiều là được đoàn tụ với gia đình chính là động cơ thúc đẩy Kiều khuyên Từ Hải ra hàng. Trong chúng ta có biết bao nhiêu người xa quê, lưu đày. Chúng ta có hạt giống mong ước trở về quê hương, đoàn tụ với cha mẹ, con cái, thấy được mồ mã của tổ tiên... Ai cũng có hạt giống đó. Thúy Kiều ngày xưa cũng vậy. Chúng ta hãy cẩn thận. Trong Từ Hải có trí tuệ nhưng cũng có tình cảm. phần tình cảm đã bị trấn ngự bởi Thúy Kiều. Ta nên biết phần tình cảm nhiều khi mạnh hơn phần trí tuệ rất nhiều. Những suy nghĩ, phản ứng của Từ Hải ban đầu rất rõ ràng, minh bạch nhưng vì ảnh hưởng của Thúy Kiều mà những đám mây đen bắt đầu giăng phủ. Từ Hải bắt đầu không thấy được sự thật một cách rõ ràng và khách quan nữa.

Kiều tự dùng những lý luận của trí tuệ để che lấp cái ước muốn sâu sắc của mình: ‘Bây giờ ta phải đi con đường của chánh đạo. Ta đã là con gái Hiếu. Bây giờ ta cũng muốn trung nữa (vì theo đạo lý Khổng Mạnh phải vừa Hiếu vừa là Trung thì mới là một con người toàn vẹn.) Hơn nữa, đây là con

đường bất bạo động. Tôn trọng sự sống của sinh dân. Chấm dứt chiến tranh. Đi theo con đường này thì không những ta hạnh phúc mà bao nhiêu dân chúng trong nước cũng được hạnh phúc. Không còn cảnh nhà tan, cửa nát.’ Lý luận rất đúng, rất hoàn hảo. Nhưng đầu sao đó cũng là lý luận phát sinh từ ước muốn của cô là được đoàn tụ gia đình. Đó không phải là một ước muốn bậy. Chúng ta không lên án ước muốn đó. Chúng ta chỉ nhìn kỹ để thấy rằng tất cả những lý luận coi như tuyệt hảo đó phát xuất từ một ước muốn mà thôi. Ta chỉ cần thấy điều đó. Và ta cũng sẽ thấy được những tai họa và hiểm nguy đang chờ ta. Có những trường hợp ước muốn thúc đẩy không được chính đáng. Nếu là người khôn khéo, chúng ta tìm những lý luận tuyệt vời, đến các luật sư cũng đều phải bó tay, chấp nhận lý luận của chúng ta; vì đó là lý luận của trái tim: ‘Le coeur a ses raisons que le raison ignore!’

*Nàng thì thật dạ tin người,
Lẽ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu.
Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.
Bằng nay chịu tiếng vương thân,
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì!
Công tư vẹn cả hai bề,
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương.
Cũng ngời mệnh phụ đường đường,
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.
Trên vì nước dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu hai là đắc trung.
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
E dè sóng vỗ hãi hùng nước sa.*

Đó là giấc mơ mà Kiều muốn thực hiện. Bây giờ Kiều đem lý luận ra để chinh phục Từ Hải:

*Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.*

Kiều hỏi: ‘Đại Vương nghĩ sao? ‘Từ Hải nói: ‘Không hàng thì có ba điều lợi. Một là muốn hành quân, đánh phá đâu cũng được, không có ai ngăn cản mình. Hai là muốn có thêm ngân quỹ, vàng bạc, lụa là gì cũng được dễ dàng. Ba là nếu thắng trận thì mình có khả năng tiến tới, không tiến được thì đóng binh rút về căn cứ, mình ở trong tư thế chủ động. Đó là ba điều thuận

lợi của lập trường không hàng. Nếu hàng thì có năm điều hại. Thứ nhất là nhân sắc phong của vua, nếu quan hơi có lỗi lầm một chút thì bị vua trừng phạt. Thứ hai là sẽ bị các quan, nhất là phía quan văn, sai khiến, đàn hạch. Thứ ba là mình có thể sẽ bị dòi đi nơi khác, bị cô lập hóa; khi đó thế mạnh nằm trong tay triều đình, mình có thể bị bắt giết bất cứ lúc nào. Thứ tư là một khi mình không nắm quyền binh trong tay thì chỉ cần được một vị quan văn sai khiến, bất cứ một tên lục sĩ nào cũng có thể nửa đêm tới gõ cửa nhà là bắt mình được mình. Thứ năm là dân chúng trong vùng biển này thế nào thế nào cũng có người khổ vì chiến tranh do mình gây ra, thừa lúc mình không có thế lực và binh quyền sẽ tìm cách trả thù báo oán. Đó là năm điều hại.’ Từ Hải lý luận khá rõ ràng. Nhưng Kiều đã bị ước muốn kia trần ngự nên lý luận rất hay (theo nguyên lục); *‘Nếu mình nhận sắc phong của vua mà không tiếp nhận một chức quan thì làm sao có thể phạm lỗi được? Thứ hai là nếu nhận chức quan có tính cách chức vị (nominal), ngồi chơi xơi nước thôi, không chịu sự sai khiến thì làm sao đàn hạch, hỏi tội được? Thứ ba là nếu hàng nhưng ra điều kiện là vẫn được ở chỗ hiểm yếu của mình, không bị dòi căn cứ, không phải đi vào chầu trong triều thì làm sao lính vua có thể bắt được mình? Thứ tư mình có thể chấp nhận không gây chiến tranh, quy thuận triều đình, theo lệnh của vua nhưng vẫn giữ quyền binh của mình. Mình án binh bất động nhưng thế mạnh vẫn thuộc về mình. Thứ năm là mình vẫn có quyền binh, không chống triều đình, nhưng kẻ sĩ dân trong vùng có trả thù muốn báo cũng không làm gì được. Hàng không những không có năm điều hại mà có năm điều lợi.’* Rất có biện tài. – Và hơn nữa là vợ của Từ, (điều này cô ta không nói), sẽ có thể được về thăm gia đình với bằng hiệu *‘Trung Hiếu Khả Phong’*, cờ lọng đầy đủ! Đó là giấc mơ của Thúy Kiều. - Từ Hải nghe lọt tai.

*Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.
Rằng: ‘On thánh đế dòi dào,
‘Túy ra đã khắp thăm vào đã sâu.
‘Bình thành¹⁶⁹ công đức bấy lâu,
‘Ai ai cũng đội trên đầu xiết bao.*

Ca ngợi công đức lập quốc của nhà Minh.

*Ngâm từ dây việc binh đao,
‘Đổng xuong Vô Định đã cao bằng đầu.¹⁷⁰
‘Làm chi để tiếng về sau,
‘Nghìn năm ai có khen đầu Hoàng Sào!*

*‘Sao bằng lộc trọng quyền cao,
‘Công danh ai dứt lối nào cho qua?’*

- ‘Chúng ta đã giết hại sinh linh nhiều rồi! Và trên nguyên tắc: *‘Được làm vua, thua làm giặc’*, nếu Đại Vương chiếm hết được cả nước thì Đại Vương mới làm vua, còn chiếm một phần của nước thì đến khi chết người ta vẫn gọi mình là giặc, như Hoàng Sào. Chi bằng ta tiếp nhận chức tước của triều đình. Công danh của chúng ta mấy ai có thể qua mặt được?’ - Đứng về phương diện Nhân, Nghĩa, Hạnh Phúc, tất cả lý luận của Thúy Kiều đều tuyệt hảo cả. Chỉ có một điều ta cần nhớ là tất cả những lý luận đó đều đến từ ước muốn của cô nàng chứ không phải từ nhận thức khách quan.

Từ Hải đã biết rõ hạnh phúc của mình nằm ở chỗ tự do, rằng: *‘Bỏ thân về với triều đình, Hàng thân lơ láo phận mình ra đâu! Áo xiêm ràng buộc lấy nhau, Vào luôn ra cúi công hầu mà chi!’* Vậy mà:

*Nghe lời nàng nói mặn mà,
Thế công Từ mới trở ra thế hàng.¹⁷¹*

Nghe lời Kiều thì quên hết!

*Chinh nghi tiếp sứ vội vàng,
Hẹn kỳ thúc giáp quyết đường giải binh.¹⁷²*

Trong nguyên lục không nói chuyện giải binh mà nói hàng với điều kiện không giải binh. Khi Hồ Tôn Hiến gửi một vị phụ tá có tài ngoại giao lớn tên là Lợi Triện sang thương thuyết nữa, Từ Hải nói: ‘Nếu tôi hàng thì quý vị cho tôi chức Tổng Binh là cùng chức gì! Chức tước trong triều nhiều lắm là lên tới nhị phẩm. Các quan văn trong triều sẽ coi tôi ra gì đâu! Tôi là dân nhà binh, tự do quen rồi, làm sao nép phục dưới mấy ông đó!’ Lợi Triện đáp: ‘Một khi Đại Vương quy thuận triều đình thì sẽ được phong tước Hầu. Hai là được trấn tại đây, không bị đày đi nơi khác. Ba là không giải binh, không buông quyền binh, được dùng quân trong vùng này.’ Lợi Triện hứa: ‘Ba điều kiện đó chắc chắn được chấp nhận!’ và về báo cáo lại với Hồ Tôn Hiến. Hồ Tôn Hiến nói: ‘Như vậy thì nên tổ chức uống máu ăn thề với Từ Hải rồi quyết định ngày giờ thực hiện việc quay về với triều đình ngay tại đại bản doanh của Từ Hải (không bắt Từ Hải ra khỏi vùng của mình.)’ Người thân tín của Hồ Tôn Hiến là quan Lợi Triện cùng Từ Hải lập bàn thờ uống máu ăn thề, hứa sẽ thi hành hiệp ước đó, làm không đúng lời sẽ bị trời tru đất diệt. (Ngày xưa chuyện thề thốt quan trọng lắm!)

---o0o---

BÁT Ý THƯA CƠ

*Tin lời thành hạ yêu mình,¹⁷³
Ngọn cờ ngơ ngác trông canh trẽ tràng*

Sau khi Lợi Triện và Từ Hải đã uống máu ăn thề, định ngày chính thức ra hàng rồi, Từ Hải thấy viễn tượng tương lai của mình là được phong tước Hầu, nắm giữ binh quyền và được triều đình chấp nhận. Tất cả những chàng lính trong quân đội Từ Hải đều thấy viễn tượng được về thăm gia đình. Ý chí chiến đấu không còn. Tác giả dùng tám chữ: ‘Ngọn cờ ngơ ngác trông canh trẽ tràng.’ Rất hay! Chỉ cần tám chữ là thấy được tình trạng bê bối của quân ngũ Từ Hải. Và cố nhiên, điều này không lọt qua mắt của thám báo triều đình:

*Việc binh bỏ chẳng giữ giàng,
Vương sư¹⁷⁴ dòm đã tỏ tường thực hư.
Hồ công quyết thế thừa cơ,
Lễ tiên binh hậu khắc cờ lập công.*

Đây là câu lục bát toàn chữ Hán, không có chữ Nôm.

*Kéo cờ chiêu phủ tiên phong,
Lễ nghi phục trước bác đồng phục sau.*

Theo nguyên lục, Hồ Tôn Hiến mặc áo mào triều đình, đi dưới những cây lọng, phía trên có một lá cờ lớn thêu bốn chữ ‘Đại thiên chiêu phủ’. Hồ dẫn theo ba đạo binh đi phía Bắc, phía Nam và tập hậu. Đoàn quân phía trước hoàn toàn không có khí giới, chỉ có nghi lễ và âm nhạc.

*Từ công hờ hững biết đâu,
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên.*

Từ Hải mặc lễ phục của đại quan đi bộ ra đầu hàng, trong tay hoàn toàn không có một tấc sắt.

*Hồ công ám hiệu trận tiền,
Ba bề phát súng bốn bên kéo cờ.*

*Đang khi bất ý chẳng ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn,
Từ sinh liêu giữa trận tiền,
Dạn dày cho biết gan liền tướng quân.*

Khi nghe tiếng pháo lệnh và thấy địch quân reo hò ập lại từ ba phía, Từ Hải biết mình đã trúng kế. Không có ngựa để chạy trốn. Từ quay lui, cướp giáo của một địch quân, tả xung hữu đột, giết hàng chục quân sĩ và một viên tùy tướng của triều đình. Thấy Từ ghê gớm quá, phía triều đình nói vậy, không dám đánh trực tiếp với Từ nữa mà dùng cung tên. Từ Hải bị tên nhắm bắn từ bốn phía, toàn thân bị tên cắm đầy như một trái chôm chôm.

*Khí thiêng khi đã về thần,
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng.
Trơ như đá vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng dờn.*

Nỗi oan ức của Từ Hải lớn quá. Thác rồi mà khí uất vẫn còn khiến thân Từ đứng sững như một pho tượng đồng, không chịu ngã ra. Trước khi chết Từ Hải la lên: *'Phu nhân làm ta lắm!'*

*Quan quân truy sát đuổi dài,
Hầm hầm sát khí ngất trời ai đang.*

Quân triều đình thừa thế đuổi theo, chém giết, tiêu diệt những đạo quân còn lại của Từ Hải. Rất tội nghiệp! Người ta đã chịu hàng rồi mà lại giết người ta và giết tất cả quân lính của người ta. Nói cái giọng: *'để tránh chuyện binh đao, tôn trọng sự sống của dân chúng'* chẳng qua chỉ là nói dối mà thôi. Người ta đã hàng rồi mà không cho người ta cơ hội để hàng.

*Trong ngoài hào lũy tan hoang,
Loạn quân vừa dặt tay nàng đến nơi.*

Một số binh sĩ dặt Kiêu tới chỗ Từ Hải vừa chết.

*Trong vòng tên đá bời bời,
Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ tro.
Khóc rằng: 'Trí dũng có thừa,
'Bời nghe lời thiếp nên cơ hội này!
'Mặt nào trông thấy nhau đây?*

*‘Thà liều sống chết một ngày với nhau!’
Dòng thu như xối cơn sâu,
Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
Lạ thay oan khí tương triền!
Nàng vừa phục xuống Từ liền ngã ra.*

Tương triền là quán quít lấy nhau. Trong Từ Hải có oan khí, trong nàng Kiều cũng có oan khí đó. Và vì vậy, Từ Hải ngã xuống như một người chết bình thường khi Kiều tới gieo đầu xuống chân Từ Hải tự tử.

*Quan quân kẻ lại người qua,
Xót nàng sẽ lại vực ra dần dần.
Đem vào đến trước trung quân,
Hồ công thấy mặt ân cần hỏi han.
Rằng: ‘Nàng chút phận hồng nhan,
‘Gặp cơn binh cách nhiều nàn¹⁷⁵ cũng thương!
‘Đã hay thành toán miếu đường,
‘Giúp công cũng có lời nàng mới nên.
‘Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
‘Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào?’*

Hồ Tôn Hiến nói: ‘Đã đành sự thành công này là do kế hoạch của triều đình, nhưng nói về công trạng thì không có nàng việc lớn không thành. Nàng có công, vậy nàng muốn được thưởng như thế nào?’

*Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,
Ngập ngừng mới gởi thắp cao sự lòng.
Rằng: ‘Từ là đáng anh hùng,
‘Dọc ngang trời rộng vẫy vùng bể khơi.
‘Tin tôi nên quá nghe lời,
‘Đem thân bách chiến¹⁷⁶ làm tôi triều đình.
‘Ngỡ là phu quý phụ vinh,¹⁷⁷
‘Ai ngờ một chút tan tành thịt xương.
‘Năm năm trời bể ngang tàng,
‘Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không.
‘Khéo khuyên kẻ lấy làm công,
‘Kẻ bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
‘Xét mình công ít tội nhiều,
‘Sống thừa tôi đã nên liều mình tôi.
‘Xin cho thiên thổ một đôi,¹⁷⁸*

‘Gọi là đắp điểm cho người tử sinh.’

Kiều xin được mai táng cho Từ Hải tử tế.

*Hồ công nghe nói thương tình,
Truyền cho kiêu táng di hình bên sông.*

‘*Kiêu táng*’ (hay cáo táng) là bọc cỏ mà chôn, nghĩa là chôn một cách sơ sài, dối trá.

---o0o---

HẾT KIẾP ĐOẠN TRÀNG

*Trong quân mở tiệc hạ công,¹⁷⁹
Xôn xao tơ trúc hội đông quân quan.
Bắt nàng thị yết dưới màn,
Dở say lại ép cung đàn nhật tâu.*

Bị bắt chơi đàn góp vui cho quân thắng trận, đây cũng là một trong những giờ phút đau khổ nhất của đời Kiều.

*Một cung gió thấm mưa sâu,
Bốn giây nhỏ máu năm đầu ngón tay.*

Cứ lâu lâu, thi sĩ lại cho ra một câu thần sầu quý khóc! Tất cả những đau khổ cùng cực của Thúy Kiều biểu lộ hết trong bản đàn.

*Ve ngâm vượn hót nào tà,
Lọt tai Hồ cũng nhăn mày roi châu.*

Đang say, đang vui mà nghe khúc dạo nhạc đó Hồ Tôn Hiến cũng phải khóc!

*Hỏi rằng: ‘Này khúc ở đâu?
‘Nghe ra muôn oán nghìn sầu lăm thay!’
Thưa rằng: ‘Bạc mệnh khúc này,
Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.
‘Cung cầm lựa những ngày xưa,
Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây!’*

Ngày xưa Kiều sáng tác khúc Bạc Mệnh. Cái bạc mệnh ấy trong giờ phút này được phát hiện quá rõ ràng!

Nhìn vào người đàn bà đang đau khổ cùng cực ấy Hồ Tôn Hiến vẫn thấy nàng rất đẹp. Đẹp một cách nào nùng! Bị nhan sắc của Kiều chinh phục, Hồ Tôn Hiến nói: ‘Thôi đừng khóc nữa! Tôi sẽ cưới cô làm vợ lẽ.’ Ông quan lớn này đã say lắm rồi! Say vì rượu, say vì sắc đẹp nào nùng của Kiều. Quan lớn là người chiến thắng nhưng trong tiệc rượu này ông lại thua trận rất thảm hại. Giữa mặt quan quân đông đảo hàng ngàn người, Hồ Tôn Hiến đã khoác vai Thúy Kiều múa, trong tay cầm một ly rượu. Đó là những chi tiết độc thấy trong nguyên lục mà truyện Kiều của cụ Nguyễn Du không có.

*Nghe càng đắm ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình!*

Đó là hai câu lên án quan lớn đại diện cho triều đình. Đã chiến thắng nhưng nhân cách lại không ra gì.

*Dạy rằng: ‘Hương hỏa ba sinh,
‘Dây loan xin nối cầm lành cho ai.’
Thưa rằng: ‘Chút phận lạc loài,
‘Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
‘Còn chi nữa cánh hoa tàn,
‘Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân¹⁸⁰
‘Rộng thương còn mảnh hồng quân,¹⁸¹
‘Hơi tàn được thấy gốc phân¹⁸² là may!’*

Kiều từ chối, bày tỏ sự đau khổ của mình và chỉ có một thỉnh nguyện duy nhất là được về đoàn tụ với gia đình. Nhưng quan lớn đâu có nghe được điều đó. Quan lớn đâu có để ý tới khía cạnh nhân đạo nữa. Quan đã say lắm rồi! Say rượu và say sắc dục. Quan lớn đâu có thể nghe được tiếng kêu cứu của Thúy Kiều và ước vọng duy nhất còn lại của Kiều là được trở về với cha mẹ.

*Hạ công chén đã quá say,
Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
Nghĩ mình phương diện quốc gia,
Quan trên nhắm xuống người ta trông vào.*

*Phải tuồng trăng gió hay sao,
Sự này mình biết thế nào được đây?*

Sáng tỉnh dậy, nhớ lại những chuyện xảy ra tối hôm trước, Những chuyện mà nhìn vào người ta có thể đánh giá mình rất thấp. Hồ Tôn Hiến biết mình đã đi quá mức của một vị quan lớn đại diện cho triều đình. Sợ bị khiển trách và chê cười, Hồ đi tới một giải pháp rất mãnh liệt và chớp nhoáng:

*Công nha vừa buổi rạng ngày,
Quyết tình Hồ mới đoán ngay một bài.
Lệnh quan ai dám cãi lời,
Ép tình mới gán cho người thổ quan.*

Ép gả Thúy Kiều cho một viên quan địa phương (từ thổ quan dùng để chỉ cho các quan người địa phương, cai trị những vùng dân tộc ít người.)

*Ông tơ cực nhé đã đoan!
Xe tơ sao khéo vợ quàng vợ xiên?
Kiêu hoa áp thẳng xuống thuyền,
Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu cao.
Nàng càng ủ liểu phai đào,
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát dập sóng vùi,
Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh.
Chân trời mặt bể lênh đênh,
Năm xương biết gởi tử sinh chốn nào?*

Thấy con đường trước mặt của mình mờ ảo và hứa hẹn nhiều khổ đau, Kiều thấy mình hoàn toàn lạc hướng, không biết sẽ đi về đâu. Không còn có một năng lượng, một trí tuệ nào để dẫn mình đi trên con đường đời nữa hết!

*Duyên đâu ai dứt tơ đào,
Nợ đâu ai đã dặt vào tận tay?
Thân sao thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi!
Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương!
Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi.*

Đây là tâm trạng của những người sắp tự tử. Kiêu thấy đời sống không còn có ý nghĩa nào nữa cả, sống không có niềm vui, chết là khỏe hơn. Trong tuyển *Ngu Sơ Tân Chí*, bức thư của nàng Tiểu Thanh có câu: *‘Vị tri sanh lạc, yên tri tử bi.’* (Nếu ta không thấy niềm vui trong khi sống thì làm sao ta có thể biết rằng chết là đau khổ?) Đối với những người đã thấy được niềm vui trong sự sống thì họ có thể nghĩ rằng cái chết là khổ đau; nhưng đối với những người mà trong cuộc sống không bao giờ thấy niềm vui cả thì cái chết đôi khi lại là một con đường giải thoát. Đó là tâm trạng người sắp tự tử. Khi nào chúng ta lâm vào sự suy nghĩ như vậy thì chúng ta biết ý định tự tử đã được nhen nhúm trong con người mình.

*Mảnh trăng đã gác non đoài,
Một mình luống những đứng ngòai chưa xong.*

Trăng đã sắp lặn rồi mà chuyện ‘chết hay không chết’ (to die or not to die) vẫn còn lẩn quẩn trong Kiêu. Đi, đứng, nằm, ngòai. Kiêu đều bị tư tưởng đó khuấy động.

*Triều đâu nổi tiếng ùng ùng,
Hỏi ra mới biết là sông Tiền Đường.*

Nghe hai chữ ‘*Tiền Đường*’ Thúy Kiêu nghĩ ngay tới Đạm Tiên. Mười lăm năm trước, trong một lần tự tử không chết, Kiêu nằm mơ thấy Đạm Tiên và được Đạm Tiên hẹn sẽ gặp lại ở sông Tiền Đường. Kiêu không còn suy nghĩ gì nữa, nghĩ rằng đây là lúc mình phải chết. Trước đó: *Mảnh trăng đã gác non đoài, Một mình luống những đứng ngòai không yên* là chưa giải quyết được vấn đề “chết hay không chết?” Nhưng khi nghe tiếng sóng và biết đây là sông Tiền Đường rồi thì không còn vấn đề suy nghĩ nữa. Chắc chắn là chết vì đây là một điều tiền định!

*Nhớ lời thần mộng rõ ràng,
Này thôi hết kiếp đoạn tràng là đây.
‘Đạm Tiên nàng nhé có hay!
‘Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta.’*

Ở đây chúng ta nên nhớ rằng: đứng về phương diện tâm lý, khi con người sa vào thế giới của bi quan và đen tối rồi thì họ quên tất cả những điều ngược lại. Cách đó năm năm, Kiêu gặp sư chị Giác Duyên cho biết Tam Hợp đọa cô tiên đoán trong năm năm tới hai chị em sẽ được gặp lại. Kiêu tin

chắc điều này sẽ xảy ra; ‘Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau.’, ‘Lời sư đã dạy ắt là chẳng sai.’ Nhưng trong giờ phút này Kiều chỉ nghĩ đến chuyện gặp Đạm Tiên (nghĩa là chuyện chết) thôi, còn chuyện sẽ được gặp Giác Duyên thì cô quên hẳn. Trong những lúc lâm vào tình trạng đen tối, ta chỉ tiếp xúc được với những hạt giống và chất liệu đen tối bên trong và xung quanh ta thôi. Còn tất cả những hạt giống đẹp đẽ, tươi mát, tích cực ở trong và xung quanh thì ta không thấy. Cái hoa tươi đẹp vậy mà mình không thấy. Màu trời xanh màu nhiệm như vậy mà mình không thấy. Đối với mình cái gì cũng đen tối hết. Đen từ bên trong đen ra. Lâm vào tình trạng đen tối của tâm hồn ta thấy người nào cũng xấu, cũng dễ ghét. Trời đất cũng dễ ghét luôn! Không có gì tích cực, không có gì tươi mát, không có gì đáng sống hết! Chỉ có cái đen trong mình là có thật thôi! Đây là điều đang xảy ra cho Thúy Kiều. Là người tu, khi lâm vào tình trạng đen tối, ta phải tự nhắc mình rằng đây chỉ là tình trạng chốc lát, nhất thời. Trong bản thân ta và xung quanh ta vẫn có những cái rất màu nhiệm mà ta không tiếp xúc được trong giây phút này. Ta phải nhờ những người anh, người chị, người em kéo ta ra khỏi tâm trạng đen tối đó. Vì vậy tu là phải tu với tăng thân. Bất cứ người nào trong chúng ta cũng thỉnh thoảng rơi vào tình trạng đen tối. Nếu ta không có một sư anh, sư chị, sư em giúp ta vượt thì ta có thể lún rất sâu vào tâm trạng này. ‘*Con về nương tựa Tăng*’ là chỗ đó. Tu mà không có tăng thân thì không thể thành công được. Và ngược lại, khi thấy một người sư anh, sư chị, sư em mình đang ở trong tình trạng đen tối, ta phải tìm cách kéo người ấy ra khỏi. Đó là bổn phận của chúng ta, một phần từ trong tăng thân. Đừng để người kia lún sâu vào tình trạng đen tối. Người đó có thể đang bệnh, thể xác yếu đuối. Thể xác yếu đuối đưa tới những tư tưởng đen tối. Ta phải làm thế nào để gần gũi, ưu ái, giúp người ấy thoát ra khỏi tình trạng ốm yếu của thể xác và tinh thần. ‘*Con về nương tựa Tăng*’ rất quan trọng. Ta phải tu với tăng thân, có anh, có chị, có em để nương tựa.

*Đạm Tiên nàng nhé có hay!
‘Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta.’*

Đáng lý lúc đó Kiều phải nghĩ tới Giác Duyên, và phải nói: ‘Sư chị ơi! Sư chị hẹn gặp lại em mà bây giờ sư chị ở đâu? Sư chị Giác Duyên là người Kiều rất thương và tin cậy. Sự thật, lúc đó Giác Duyên đang đi tìm Thúy Kiều. Nhưng Thúy Kiều đâu đi tìm Giác Duyên! Thúy Kiều chỉ muốn đi kiếm một con ma thôi! (ma Đạm Tiên.) Trong Kinh Lăng Nghiêm Bụt dạy: ‘*Thập phương Như lai lân niệm chúng sanh như mẫu ức tử. Nhược thử đào thế tuy ức hà vi? Tử nhược ức mẫu như mẫu ức thời, tử mẫu lịch sanh bất tương vi viễn. Nhược chúng sanh tâm ức Phật niệm Phật, hiện tiền*

đương lai tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn. Nghĩa là: Các đức Như Lai mười phương thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ mẹ chạy trốn thì mẹ có nhớ cũng không đi đến đâu. Trong khi đó, nếu con cũng nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì thế nào mẹ con cũng được gặp nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Bụt, niệm Bụt, hướng về Bụt thì bây giờ và trong tương lai chắc chắn chúng sanh và Bụt sẽ được đoàn tụ. Ở đây, trong tâm trạng đen tối, Kiêu chỉ nhớ tới ma Đạm Tiên và sự chết mà thôi. Không nhớ tới sự chỉ Giác Duyên và tất cả sự nhẹ nhàng, an tịnh, giải thoát mà sự chỉ biểu lộ. Chỉ *‘ tìm những chốn đoạn tràng mà đi ’*, không tìm những chỗ thanh thân. Đó là trường hợp của nhiều người.

*Dưới đèn sân bức tiên hoa,
Một thiên tử tuyết gọi là để sau.*

Trước khi tự tử Kiêu vẫn có thói quen của thi sĩ, muốn làm một bài thơ để lại. Cụ Nguyễn Du không viết bài thơ ấy, nhưng trong nguyên lục đó là một bài thơ sáu câu sáu chữ:

*Thập ngũ niên tiền hữu ước
Kim triều thi đảo Tiên Đường
Bách thế quang âm hỏa thước
Nhất sinh thân sự hoàng lương.
Triều tín thôi nhân khứ giả
Đẳng nhàn khước liễu đoạn trường.*

Nghĩa là:

*Mười lăm năm trước đã có ước hẹn
Sáng hôm nay mới tới được sông Tiên Đường.
Thời gian một trăm năm đi mau như lửa tàn
Một đời người thân thế như giấc kê vàng
Nước triều lên như thông điệp giục già mình ra đi
Để chắm dứt kiếp đoạn trường này.*

Tôi tạm dịch:

*Mười mấy năm xưa có hẹn
Sáng nay mới tới Tiên Đường.
Một kiếp thời gian thấm thoát
Trăm năm chỉ giấc kê vàng.
Tiếng sóng ngoài kia giục già
Từ đây hết kiếp đoạn trường.*

Viết xong bài thơ tuyệt mệnh Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường:

*Cửa bông vội mở rèm châu,¹⁸³
Trời cao sông rộng một màu bao la.
Rằng: “Từ công hậu đãi ta,
‘Chút vì việc nước mà ra phụ lòng.
‘Giết chồng mà lại lấy chồng.
‘Mặt nào còn đứng ở trong cõi đời?
‘Thôi thì một thác cho rồi,
‘Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông.’
Trông vời con nước mênh mông,
Đem mình gieo xuống giữa giòng trường giang.
Thổ quan theo vớt vội vàng,
Thì đà đắm ngọc chìm hương cho rồi,
Thương thay cũng một kiếp người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi!*

Những người có sắc có tài là những người dễ bị đau khổ nhiều nhất! Đây là những giọt nước mắt của cụ Nguyễn Du nhỏ xuống để khóc cho Thúy Kiều mà cũng để khóc cho bản thân tác giả. Cụ Nguyễn Du là người có tài. Cụ đã từng thờ nhà Lê, sau này bắt buộc lại phải làm quan cho nhà Nguyễn. Cảm tưởng mình đã phụ bạc nhà Lê là một niềm đau trong lòng thi sĩ.

*Thương thay cũng một kiếp người
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi!
Những là oan khổ lưu ly,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân!
Mười lăm năm bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng quần thử soi.
Đời người đến thử thể thôi,
Trong cơ âm cực dương hồi¹⁸⁴ khôn hay,
Mấy người hiểu nghĩa xưa nay,
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương!*

Thúy Kiều đã chết. ‘Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay’ tức là khi cái âm (yin) đến chỗ sâu nhất thì cái dương (yang) bắt đầu sinh ra. Cái lạnh lẽo của mùa Đông từ từ hết thì cái ấm áp của mùa xuân từ từ sinh ra. sẽ có sự thay đổi!

- Quá trình tu học của chúng ta là quá trình chết đi để sống lại. Những đau khổ của kiếp người rất quan trọng. Đi tu không phải là để trốn tránh đau khổ. Đi tu có nghĩa là sử dụng tất cả những đau khổ của mình để chuyển rác thành hoa. Sự sống chân thật được làm bằng chất liệu của sự chết. Hạnh phúc chân thật được làm bằng chất liệu khổ đau. Những người nào trong chúng ta đã từng đau khổ thì đừng vì vậy mà buồn phiền. những đau khổ đó chính là chất liệu cần thiết để chúng ta có thể tạo dựng ra hạnh phúc và giải thoát, như những người làm vườn biết sử dụng rác để làm phân, biến rác thành hoa. Những người chưa đau khổ thì khó thành công hơn những người đã từng đau khổ. Nhưng khổ đau nhiều, tiếp tục chất chứa phiền não mà không biết phương pháp biến rác thành hoa thì mình có thể chết chìm trong đau khổ. Nếu thông minh, có thầy, có bạn thì với số lượng đau khổ mình có, mình có thể chuyển rác thành hoa dễ dàng. Và mình có thể thành công mau hơn những người chưa từng đau khổ hoặc chỉ mới đau khổ sơ sơ. Sự thực tập của chúng ta là mỗi ngày phải tập chết. Chết đi những vô minh, tham đắm, khổ đau để an lạc và giải thoát được bùng nổ. Đức thế tôn cũng đã trải qua chuyện chết đi sống lại này bao nhiêu lần trước khi thành đạo. Là học trò của Ngài, chúng ta cũng phải học chết. Mỗi khi ngồi thiền, chúng ta phải chết. Hãy để cho chúng ta chết để chúng ta có thể sống dậy được.

Thúy Kiều đã chết. Đây là một tin mừng của Thúy Kiều. vì nếu không chết như vậy thì không sống trở lại được. Trong Thánh Kinh của Cơ Đốc Giáo cũng có tư tưởng này: '*... si le grain de blé qui est tombé en terre ne meurt, il reste seul; mais s'il meurt, il porte beaucoup de fruit.*' Hạt cây mà không chết thì cái cây không thể sanh ra được. Khi một hạt lúa được gieo xuống đất, hạt phải chết, nứt ra, tàn hoại thì mộng cây mới có thể trở thành cây con được. Tu hành ta đừng nên sợ chết. Trái lại, ta phải học chết mỗi ngày để cho sinh mệnh của giải thoát có thể thoát thai ra từ những đau khổ của chúng ta.

---o0o---

Ở CHO YÊN NGỒI CHO VỮNG

Bây giờ chúng ta hãy theo sư chị Giác Duyên:

*Giác Duyên từ tiết già nàng,
Đeo bầu quấy níp rộng đường vân du.*

Bầu là bầu cam lộ; *níp* là cái túi để đựng Kinh Kim Cương. Hành lý của người tu chỉ có một cái bình đựng cam lộ và một túi đựng Kinh Kim Cương thôi. *Vân du* là vân thủy. Người tu là phải có tự do. Tìm về chỗ có mây nước, giải thoát và an lạc mà tới. Không chui đầu vào làm nô lệ. Hồi còn bé, tôi có được nghe giai thoại của một anh học trò nghèo và một vị xuất gia gặp nhau trên một chuyến đò. Ông thầy hình như vừa mới đi cúng về. Trong túi ông không biết có trăng gió hay không nhưng chắc chắn là có chuối có xôi (có oản) Anh học trò nghèo kiệt xác mòng toi than đói. Ông thầy lấy xôi, chuối mời. Anh ta rất mừng. Ăn xong, ông thầy hỏi: ‘*Anh là học trò thiệt không mà ăn xôi, ăn chuối của tôi?*’ – ‘*Dạ con là học trò thiệt mà, thưa thầy!*’ – ‘*Vậy anh làm cho tôi một bài thơ đi!*’ Đây là bài thơ của anh học trò:

*Một hòm kinh sử, níp Kim Cương¹⁸⁵
Thầy tớ cùng nhau một chuyến đương
Đám hội đàn chay thầy đứng đỉnh
Ngồi cao chức trọng tớ nghênh ngang
Sao người chẳng nhớ lời Hàn Dũ
Đầy tớ còn căm chuyện Thủy Hoàng¹⁸⁶
Phút chốc lên bờ rồi tiễn biệt.
Người thì nên Bụt tớ nên sang.*

Tôi còn nhớ bài thơ này chỉ vì trong bài thơ có chữ ‘*níp Kim Cương.*’

*Giác duyên từ tiết già nàng
Đeo bầu quấy níp rộng đường vân du.
Gặp bà Tam Hợp đạo cô
Thong dong hỏi hết nhỏ to sự nàng:
‘Người sao hiểu nghĩa đủ đường,
‘Kiếp sao gặp những đoạn trường thế thôi?’*

Đạo cô Tam Hợp là người theo Lão giáo, có thể biết chuyện quá khứ và tương lai. Sư chị nói chuyện về Trạc Tuyên và hỏi về vận mệnh của cô. Chúng tớ sư chị rất còn thương sư em.

*Sư rằng: ‘Phúc họa đạo trời,
‘Cõi nguồn cũng ở lòng người mà ra.
‘Có trời mà cũng tại ta,
‘Tu là cõi phúc¹⁸⁷ tình là dây oan.*

‘*Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra*’ là tư tưởng của Kinh Hoa Nghiêm: ‘*Nhất thiết duy tâm tạo.*’ Trời là cộng nghiệp; ta là biệt nghiệp. Chúng ta bị ảnh hưởng của cộng nghiệp nhưng chúng ta cũng chịu trách nhiệm với tư cách cá nhân. nếu biết tu tập thì ta tạo ra phước đức; còn bị ràng buộc vào trong tình cảm thì ta tạo ra những oan nghiệp cho mình và cho người khác. Đó là lời thốt ra từ miệng một đạo cô.

Và bây giờ nhà đạo học đưa ra một sự phân tích về bản án của cuộc đời Thúy Kiều:

*‘Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vậy nên những chón thông dong,
Ở không yên ổn ngồi không vững vàng.
Ma đưa lối quỷ dẫn đường,
Lại tìm những chón đoạn tràng mà đi.*

Thúy Kiều có sắc đẹp và thông minh nhưng lại thiếu những nhân tốt của cuộc đời. Vô duyên là không có duyên may mắn, trong quá khứ đã không gieo trồng những hạt giống tốt. Người ta thành công được không phải do tài năng của mình mà do sự may mắn. Sự may mắn không phải ngẫu nhiên mà đến. May mắn có nghĩa là những nhân duyên do mình hoặc cha mẹ ông bà mình đã gieo trồng trong quá khứ. Nếu chúng ta đã có duyên lành rồi tức là chúng ta may mắn hơn Thúy Kiều.

Nếu chỉ vô duyên thôi thì không đến nỗi gì. Thúy Kiều đã vô duyên mà lại còn thêm tội đa tình nữa! *‘Lại mang lấy một chữ tình. Khăng khăng mình buộc lấy mình vào trong.’* Mình tự buộc chứ có ai buộc mình đâu! ‘Xin cho tôi làm nô lệ! Tôi phát nguyện được làm nô lệ cho người suốt đời, đời này sang đời khác!’ Tự do không muốn, chỉ muốn làm nô lệ! Không ai buộc được mình hết, chỉ có một người có thể buộc được mình thôi: chính mình!

Hai nguyên do tạo nên bi kịch của Thúy Kiều: Thứ nhất, không có những hạt giống phước đức của kiếp trước. Thứ hai, mình tự cột mình vào trong vòng tình ái. Hai cái đó sẽ đưa Kiều tới đâu?

*Vậy nên ở chón thông dong,
Ở không yên ổn ngồi không vững vàng.*

Dầu có được cơ hội đi vào những chốn tự do và thông dong thì Kiều cũng ở không yên ngồi không vững. *‘Vậy nên những chốn thông dong’* có nghĩa là Kiều đã có cơ hội đi vào những chốn thông dong. *Chốn thông dong* là chốn nào? *Chốn thông dong* là chốn có những người có thể bước những bước chân thanh thoi, ngồi uống trà, ăn cơm có hạnh phúc, có thể ngồi yên từ giờ này sang giờ khác mà không cần phải bôn ba chạy đi đâu hết. Đã có duyên đi tới những chốn thông dong đó nhưng vẫn không thông dong được. Vẫn đi thì như *‘chó đạp phải lửa’*¹⁸⁸, vẫn ngồi như ngồi trên than hồng. Không tiếp xúc được với sự thông dong ở trong lòng mình và xung quanh mình. Cứ nhìn Làng Mai là chúng ta biết. Ở Làng Mai có những người an trú được. Họ ngồi yên được, uống trà được, nhìn mây, nhìn trời được. Họ nhận đó là quê hương của họ. Mỗi giờ phút họ có thể an an lạc lạc và hạnh phúc. Nhưng có những người khác không làm như vậy. Không có khả năng ngồi, không có khả năng đi. Thấy chỗ này chưa phải là chỗ của mình. Chỗ của mình là chỗ khác, chỗ nào? Chỗ đoạn trường. Những lời của đạo cô Tam Hợp hay lắm!

Ở tức là trú (dwelling.) *Ở không yên ổn* tức là không an trú. Ngồi trên xe lửa mà không yên, ngồi trong thiền đường cũng không yên, ngồi trên bãi cỏ cũng không yên, ngồi ở cốc Ngồi Yên cũng không yên. Không có chỗ nào mà ngồi yên được. Ngồi trên than hồng thì làm sao vững vàng được! Chúng ta học: *‘Ngồi đây ngồi cội Bồ Đề, Vững thân chánh niệm không hề lãng xao.’* Sự thực tập của chúng ta là ở cho yên và ngồi cho yên. Chỉ có chừng đó thôi. Chúng ta học *Kinh Hoa Nghiêm*, giới luật, thờ, thiền hành... là cốt để đi tới một cái đó: ngồi cho yên, ở cho yên và có hạnh phúc. Vì *bất an* nên chúng ta rong ruổi. Rong ruổi về quá khứ, rong ruổi về tương lai. Điều này không cần phải ai nói, chúng ta chỉ cần nhìn lại tâm chúng ta để thấy. Chúng ta có ngồi yên không? Chúng ta có khả năng uống trà, ăn cơm, nắm tay một người bạn, nhìn trời xanh, mây trắng, bước những bước chân thanh thoi trên con đường thiền hành hay không? Chúng ta có chất liệu bất an của Thúy Kiều không? Nhiều hay ít, chúng ta đều có chất liệu ấy của Thúy Kiều. Tu tức là chuyên hóa chất liệu để có thể *ở cho an ổn, ngồi cho vững vàng*.

‘Vậy nên những chốn thông dong. Ở không an ổn ngồi không vững vàng’ là câu thơ tả được tâm trạng của nhiều người. Không có hạnh phúc vì không an trú được trong giây phút hiện tại: bây giờ và ở đây. Đi đâu cũng bất an: về Việt Nam cũng bất an, qua Mỹ cũng bất an, về Làng Mai cũng bất

an... Nếu tâm ta an thì chỗ nào cũng là chỗ thông dong, chỗ nào cũng là tịnh độ, chỗ nào cũng là an lạc cả.

Tâm không an trú, không có khả năng ngồi ở Thiền Đường hay Tịnh độ thì phải đứng dậy để đi. Đi đâu? Đi vào những thế giới của đoạn tràng. Đoạn tràng là đứt ruột, đau khổ, ngũ thú, lục đạo. Ai dắt chúng ta vào những con đường u mê, những chốn đoạn tràng đó? *'Ma đưa lối quỷ dẫn đường.'* Ma quỷ này là những tâm hành tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến. La Hán có nghĩa là người phá ma. Ma ở đâu? Ở trong tâm chúng ta. Chính vì chúng ta không thể an trú được nên những con ma trong tâm xuất hiện, xui bảo chúng ta: *'Mình ở chỗ này không được, phải đi tìm hoàn cảnh khác.'* Càng suy nghĩ càng bán loạn trong tâm và tâm hành bất an xui hai chân ta phải chạy. Đó là những con ma đưa chúng ta vào những hoàn cảnh đen tối, đoạn tràng. Ta hãy đọc lại những câu này và phản chiếu lại nội tâm mình:

*'Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
'Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
'Lại mang lấy một chữ tình,
'Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
'Vây nên những chốn thông dong,
'Ở không yên ổn ngồi không vững vàng.
'Ma đưa lối quỷ dẫn đường,
'Lại tìm những chốn đoạn tràng mà đi.*

Đề sợ! Những câu thơ như lột hết tâm can mình ra, chỉ cho mình thấy bản chất luân hồi, khổ đau và địa ngục nằm ngay trong chính con người mình.

*'Hết nạn ấy đến nạn kia,
'Thanh lâu hai đợt thanh y hai lần.
'Trong vòng giáo đưng guom trần,
'Kề răng hùm sói gửi thân tôi đòi.
'Giữa dòng nước dẫy sóng dồi
'Trước hàm rồng cá gieo môi vắng tanh.'¹⁸⁹*

Cố nhiên không có khả năng an trú được trong những chốn thông dong thì thế nào mình cũng gặp tai nạn. Tai nạn xảy ra ngay ở chỗ mà mọi người đang sống thông dong. Trong chỗ thông dong đó, người khác sống thông dong nhưng mình đâu có thông dong! Đạo cô tóm tắt cuộc đời đau khổ của

Kiều, chung cục phải tự tử dưới sông trong cô đơn, im lặng (vắng tanh). Những đau khổ của mình, mình không thể nói cho ai nghe được.

*‘Oan kia theo mãi với tình –
(Còn tình tức là còn oan.)
‘Một mình mình biết một mình mình hay.*

Có tám chữ mà hay đến nước như vậy! Tất cả những khổ đau của mình không ai có thể hiểu được, chỉ có mình mới thấm thía được mà thôi; vì người khác không ở trong da thịt mình thì làm sao hiểu được!

*‘Làm cho sống đọa thác dầy,
‘Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi.’*

Sống thì rơi xuống (đọa), chết cũng là bị dầy. *‘Làm cho sống đọa thác dầy’* là vì hai điều đã nói: vô duyên với Phật pháp, với sự an lạc và lại tự mình buộc lấy mình trong con đường của tình ái.

---o0o---

THẢ MỘT BÈ LAU

*Giác Duyên nghe nói rưng rờ:
‘Một đời nàng nhé thương ôi còn gì!’*

Nhưng đạo cô không nói một đời. Chỉ nói kiếp sống từ khi Thúy Kiều sinh ra cho đến khi Kiều chạm vào đáy đau khổ (hitting the bottom) phải tự tử ở sông Tiền Đường thôi.

*Sư rằng: ‘Song chẳng hề chi,
‘Nghịch duyên cân lại nhắc đi còn nhiều.
‘Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
‘Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm.
‘Lấy tình thâm trả nghĩa thâm,
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời.*

Tuy bị ràng buộc trong vòng tình ái nhưng Kiều không phạm lỗi tà dâm. Đây là nói tới đêm đầu tiên Thúy Kiều được gần Kim Trọng. Hai người rất mê nhau nhưng Thúy Kiều nhất định không phạm giới thứ ba. Chính nhờ Thúy Kiều mà Kim Trọng không bị phạm giới tà dâm. *‘Giữ gìn*

cho tôi và giữ gìn cho anh. Để cho ngày hôm nay còn tươi sáng và để ngày mai chúng ta vẫn sẽ còn có nhau. Đó là một câu trong bài hát *Hộ Trì Sáu Căn*. Trong suốt mười năm lưu lạc, Thúy Kiều nhớ mãi hình ảnh đêm đó. Đó là một sự nâng đỡ rất lớn cho Thúy Kiều trong những lúc đau khổ. Nếu hai người phạm giới thứ ba trong đêm hôm đó thì Thúy Kiều đã mất một hình ảnh rất đẹp, không thể đem theo trong suốt mười lăm năm để chống đỡ với những đau khổ. Hành động bán mình chuộc cha của Kiều cũng là một hành động chuyên nghiệp rất tốt.

*‘Hại một người cứu muôn người
‘Biết đường khinh trọng biết lời phải chằng.*

Hai câu này nói đến chuyện Từ Hải chết và cứu được muôn dân khỏi nạn đao binh. Chỗ này gợi ý vì Kiều đâu có muốn hại Từ Hải!

*‘Thừa công đức ấy ai bằng?
‘Túc khiên¹⁹⁰ đã rửa láng láng sạch rồi.
‘Khi nên trời cũng chiều người,
‘Nhẹ nhàng nợ trước đèn bồi duyên sau.
‘Giác Duyên nhớ đến nghĩa nhau,
‘Tiền Đường thả một bè lau rước người.
‘Trước sau cho vẹn một lời,
‘Duyên ta mà cũng phúc trời chi không!’*

Đạo cô khuyên ni sư Giác Duyên làm một chiếc bè lau để đợi vớt Kiều ở sông Tiền Đường. Trong thời gian 1965-1966, đất nước Việt Nam đau khổ cùng cực vì chiến tranh. Tôi có cho đăng một đoạn Kiều này trong tờ báo *Giữ Thơm Quê Mẹ* mà tôi đang chủ trương lúc đó, lấy tên là *Thả Một Bè Lau*. Thân phận Việt Nam chua xót, đau khổ giống hệt thân phận Thúy Kiều. Khi thì phải đi với Pháp, khi thì đi với Nhật, với Mỹ... như một cô gái giang hồ. Đau khổ cùng cực! Từ tám thân làm nô lệ đến tám thân đi vào chiến tranh, không có gì khác nàng Kiều hết. *‘Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần.’* Thanh y là bị làm đầy tớ, nô lệ cho nước ngoài. Thanh lâu là làm gái giang hồ. Mối tình với những chủ thuyết Đại Đông Á, Mác-Xít, Tư Bản... là mình buộc lấy mình. Tự nhiên, khi không mà tự buộc mình trong những chủ thuyết như vậy để khổ. Vương vấn vào những mối tình như vậy thì chỉ làm lớn thêm khổ nhau. Chiến tranh là do đâu? Do chỗ mình quán mình vào những hoàn cảnh đó, đi đôi với những thế lực ngoại quốc đó. Mời quý vị đọc lại mà xem:

*'Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
'Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
'Lại mang lấy một chữ tình,
'Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
'Vây nên những chốn thông dong,
'Ở không yên ổn ngôi không vững vàng.
'Ma đưa lối quỷ dẫn đường,
'Lại tìm những chốn đoạn tràng mà đi.
'Hết nạn ấy đến nạn kia,
'Thanh lâu một lượt thanh y hai lần,
'Trong vòng lễ giáo dựng gương trần,
'Kẻ răng hàm sói gửi thân tôi đòi.
'Giữa dòng nước chảy sóng dồi,
'Trước hàm rồng cá gieo mồi vắng tanh.
'Oan kia theo mãi với tình,
'Một mình mình biết một mình mình hay.
'Làm cho sống đọa thác đày,
'Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi!'*

Đó không phải là số phận của riêng nàng Kiều. Đó là số phận của nước Việt Nam! Con đường thoát là con đường nào? Là phải tu. Không tu thì không thoát ra được. Phải nghe lời Tam Hợp đạo cô thả một bè lau. Cái bè lau cứu được số mạng nước Việt Nam là sự tu học. Nếu không tu thì không thể đưa đất nước ra khỏi tình trạng của Thúy Kiều. Hồi đó tôi đã thấy được rất rõ rằng chỉ có sự tu học theo con đường của chánh pháp mới có thể cứu được đất nước ra khỏi con đường khổ đau. Và tôi đã đăng đoạn thơ này lên báo *Giữ Thom Quê Mẹ* với tên là *Thả Một Bè Lau*. Tất cả công việc chúng tôi làm trong thời gian đó là kêu gọi mọi người thương nhau, chấp nhận lẫn nhau, đi theo con đường của từ bi, xóa bỏ hận thù. Nhưng tiếng súng đã át tiếng thuyết pháp. Biết bao nhiêu người đi trên con đường của từ bi xóa bỏ hận thù đã bị giam cầm, tra tấn và áp bức.

Nếu quý vị thấy được tình trạng của đất nước và dân tộc và thấy được rằng chỉ có con đường tu học, từ bi hóa giải hận thù mới đưa đất nước ra khỏi giai đoạn đau khổ hiện tại thì quý vị biết mình phải làm gì và không nên làm gì. Công việc của chúng ta là thả một bè lau, đưa thuyền Từ của đạo Bụt ra để tế độ đất nước. Phải tu mới được. Không có con đường nào khác. Tu với bản thân mình, thành lập tạng thân. Đem đọa lý Từ Bi như một chiếc bè để cứu Việt Nam ra khỏi giai đoạn đen tối mấy chục năm. Đó là con đường thoát. Con đường thoát đó đã được chỉ rõ trong lời phán quyết của

đạo cô Tam Hợp. Không cần tìm đâu xa, ngay trong truyện Kiều ta đã có thể thấy được con đường giải thoát của đất nước.

---o0o---

GIÓ TRĂNG MẮT MẶT MUỐI DƯA CHAY LÒNG

*Giác Duyên nghe nói mừng lòng,
Lân la tìm thú¹⁹¹ bên sông Tiền Đường.
Đánh tranh chum nóc thảo đường,
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.*

Sư chị thương sư em lắm cho nên đã tìm tới bên sông Tiền Đường lợp một am tranh và ở lại đó để chờ Thúy Kiều. Có ai thương sư em bằng sư chị đâu! Chỗ sư chị ở, tuy nhỏ nhưng rất đẹp: *Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.*

*Thuê năm ngư phủ hai người,
Đóng thuyền chực bến kết chài giăng sông.*

Biết Thúy Kiều sẽ tự tử ở đây nên sư chị thuê hai người ngư dân giăng lưới chực sẵn. Tiền đâu mà thuê? Có lẽ vàng ngày xưa Thúy Kiều đã cho sư chị. Hai người ngư dân trọn năm không đánh cá nữa, chỉ ‘đánh người’ thôi. Thấy cá thì phải theo lời sư chị bỏ ra ngoài.

*Một lòng chẳng quản mấy công,
Khéo thay gặp gỡ cũng trong chuyển vận!*

Chuyện gặp lại sư em giống như có sự chuyển vận luân hồi, đã định trước.

*Kiều từ gieo xuống duềnh ngân,
Nước xuôi bỗng đã trôi dân tận nơi.
Ngư ông kéo lưới vớt người,
Ngẫm lời Tam Hợp rõ mười chẳng ngoa.
Trên mũi lớt mướt áo là,
Tuy dầm hơi nước chưa lòa bóng gương.
Giác Duyên nhìn thật mặt nàng,
Nàng còn thêm thiếp giắc vàng chưa phai.*

Chưa chết hẳn, chỉ mới uống nước hơi nhiều thôi.

*Mơ màng phách quế hồn mai,
Đạm Tiên thoát đã thấy người ngày xưa.
Rằng: 'Tôi đã có lòng chờ,
'Mắt công mười mấy năm thừa ở đây.*

Cô này kể công quá! Đã nói mười lăm năm sau mới gặp mà tại sao phải chờ tới mười lăm năm ở đây? Đi chơi trong thời gian ấy phải hay hơn không! Cái cô Đạm Tiên này cũng không có tự do và thanh thoi gì hết!

*'Chị sao phận mỏng phúc dày,
'Kiếp xưa đã vận lòng này để ai!
'Tâm thành đã thấu đến trời,
'Bán mình là hiếu cứu người là nhân.
'Một niềm vì nước vì dân,
'Ám công cất một đồng cân đã già.*

Cán cân đã già về phía hạnh phúc, non về phía đau khổ. Lấy bớt bên phía khổ đau thì phía hạnh phúc trĩu xuống.

*'Đoạn trường số rút tên ra,
'Đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau.*

- 'Tên chị đã được rút ra khỏi sổ đoạn trường, vì đức chị đã nhiều, nợ đã trả hết. Mười bài thơ ngày xưa chị đóng góp vào tập thơ của hội Đoạn Trường em trả lại cho chị vì chị không còn là một hội viên của Hội nữa.' Hai câu thơ này vẫn còn vương văn phạm Trung Hoa: *Đoạn trường thơ*. Phải nói là Sổ Đoạn trường và Thơ Đoạn trường thì mới là đúng với văn phạm Việt. tuy nhiên nếu ta đọc hai câu thơ này theo kiểu đọc hai câu 'gió cây trút lá trắng ngàn ngậm sương' thì cũng thấy hay.

*'Còn nhiều hưởng thụ về sau,
'Duyên xưa tròn trận phúc sau dôi dào!'*

- 'Từ đây về sau duyên phước của chị sẽ đầy đủ.'

*Nàng còn ngơ ngẩn biết sao,
Trạc Tuyền! nghe tiếng gọi vào bên tai.*

Giác Duyên gọi: *'Trạc Tuyền! Trạc Tuyền!'* Sư chị nhất định kêu nó bằng 'em', quyết bắt nó về tu trở lại, không cho đi hoang nữa cho nên quyết gọi nó là *'Trạc Tuyền'* chứ không xưng là *'phu nhân'* nữa.

*Giật mình thoát tỉnh giấc mai,
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên,
Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề.*

Sướng quá! Chết mà không chết. Thức dậy thì thấy có sư chị ngồi một bên. Đây là giây phút hạnh phúc nhất của Thúy Kiều. Có ai đang ngồi trong thất niệm mà tự nhiên nắm lấy hơi thở: 'thở vào - tỉnh lặng', thở ra - mỉm cười', rồi nhìn lại thấy sư chị mình đang ngồi một cách thân ái bên mình không? Người đó là người có hạnh phúc. Phép lạ này các sư cô và sư chú có thể thực hiện được bất cứ giờ phút nào. Đừng sống với một con ma, hãy trở về với hơi thở màu nhiệm. Hãy tỉnh dậy để thấy rằng bên mình đang có một sư chị rất ngọt ngào và vẫn thương mình sâu sắc như ngày nào. Vì lâu nay mình đang chạy theo một con ma nên không biết rằng sư chị luôn luôn có mặt đó. Sư chị là ai? Đó là câu hỏi. Đừng nói sư chị không có mặt đó; nói như vậy là oan lắm! Sư chị Giác Duyên luôn luôn có mặt. *'Thập phương Như Lai lân niệm chúng sanh như mẫu ức tử.'* Sư chị luôn nghĩ đến mình nhưng mình lại đi trốn sư chị, không tìm về với sư chị đó thôi. Hàng ngày sống với một con ma, thì sư chị có cũng như không. Phải tỉnh dậy mới gặp sư chị được! *'Giật mình thoát tỉnh giấc mai'* Luôn luôn hạnh phúc bắt đầu từ chỗ tỉnh thức.

*Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,
Dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư.
Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trăng mát mặt muối dưa chay lòng.*

Rất hay! Hai chị em được đoàn tụ. *'Một nhà chung chạ sớm trưa.'* Buổi sớm có nhau, buổi trưa có nhau. Ở chung một nhà, thấy được sự quý giá của nhau chứ không phải đi ra đi vô gặp không nhìn, mà lại nhìn đi chỗ khác. *'Một nhà chung chạ sớm trưa'* là hạnh phúc lắm. Mình sống với các sư chị và các sư anh của mình và có đủ hạnh phúc để cho nhau. Mình đâu có cần nhiều điều kiện vật chất để có hạnh phúc đâu! *'Gió trăng mát mặt muối dưa chay lòng.'* Đủ những thức ăn cho thân thể và tinh thần. *Gió trăng mát mặt* là hạnh phúc khi mình được tiếp xúc với những màu nhiệm

của thiên nhiên. Khi bị giam hãm trong khổ đau thì gió có mát mình cũng không thấy mát, trăng có trong mình cũng không thấy trong. Khi được thanh thoi rồi thì mình tiếp xúc được với những mâu nhiệm của sự sống xung quanh và trong bản thân mình. *Muối dưa chay lòng* là chấp nhận nếp sống đơn giản của nhà chùa. *Chay lòng* nghĩa là lòng không còn nhuộm những màu sắc ngoài đời nữa. Không đi kiếm những cái mà ngoài đời người ta cho là thiết yếu cho hạnh phúc. Mình đã biết giá trị của những cái đó quá rồi! Mình không đi tìm những chỗ ăn ngon, mặc đẹp, vinh hoa phú quý, bằng cấp này, địa vị kia nữa. Từ bỏ được rồi mình mới có thể sống một đời sống thanh bạch. Muối dưa, nhưng rất hạnh phúc. Một bài thơ tôi làm tại Phương Vân Am có câu: *'Muối dưa đắp đổi hôm nào cũng vui.'* Có thanh tịnh, có an lạc thì mình mới thấy những mâu nhiệm xung quanh mình:

*Trăng sao vẫn đẹp đêm rằm
Bãi dương vẫn mướt sóng từng vẫn xao
Lòng quê lòng vẫn khát khao
Hoa mai cứ nở đời cao gọi mời
Tháng tư lá lục hoa cười
Cho trăng thêm tuổi, cho đời thêm xuân
Vườn xanh cây mướt trở bông
Trẻ thơ đùa giỡn trước sân nắng dào
Chợ văn bán sách lâu cao
Muối dưa đắp đổi hôm nào cũng vui.*

Hồi đó thầy trò bán sách (theo đường dây thép) để có tiền mua muối mua dưa: *'Chợ văn bán sách lâu cao, Muối dưa đắp đổi hôm nào cũng vui.'* Cái vui của người xuất gia khác với cái vui ở ngoài thế tục.

Hạnh phúc luôn luôn đơn giản. Hạnh phúc không bao giờ quá rắc rối. Ta có hạnh phúc không? Sư em, sư chị có hạnh phúc không? Đó là câu hỏi: Những điều kiện của hạnh phúc đã có đủ; chỉ có vấn đề là ta có khả năng sử dụng những điều kiện hạnh phúc đó để sống hạnh phúc ngay trong giây phút hiện tại hay không mà thôi. Ví dụ; gió trăng mát mặt. Hồi hôm trăng đẹp lắm, không biết quý vị có thấy không? Trăng đẹp, nhưng nếu tâm ta vẫn còn đi với một con ma thì trăng có đó cũng như không. Gió mát, nhưng tâm ta không ở đó thì gió có coi như là không có. Muối dưa đáng lý làm cho tâm hồn chúng ta ngày càng an tịnh thì chúng ta có thể nói: *'Tại sao sống cực khổ như vậy? Tại sao mà đọa đày tâm thân ở cái chốn khi ho cò gáy này?'* Tất cả đều do tâm mà ra hết. *'Sư rằng: 'Phúc họa đạo trời, Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.'* Đọc truyện Kiều, chúng ta có thể không đọc như một

tiểu thuyết mà đọc như đọc Kinh. Chất liệu của tuệ giác được chứa đựng trong này rất nhiều, được biểu hiện bằng những hình ảnh thi ca rất đẹp.

Trong truyền thống đạo Bụt, muốn có hạnh phúc thì phải sống đơn giản. Thế giới hôm nay lâm vào tình trạng khổ đau và bế tắc là vì người ta không thấy được hạnh phúc trong nếp sống đơn giản. Nhiều bậc giác ngộ nói rằng nẻo thoát cho thế giới ngày hôm nay là một nếp sống đơn giản (a simple life style.) Nền văn minh hiện đại của chúng ta đã đi vào ngõ bí. Nếu chúng ta cứ tiếp tục đi theo hướng này thì chúng ta sẽ chết, nền văn minh này sẽ bị tiêu diệt. Chỉ có một nẻo thoát thôi, là tìm về một nếp sống đơn giản mà hạnh phúc. Bây giờ ai cũng nghĩ rằng phải có xe hơi, tủ lạnh, trang phục, một số lương tối thiểu nào đó, một bằng cấp và phải được công nhận thì mới có hạnh phúc. Nếu chưa có những điều kiện đó thì mình vẫn có cảm tưởng như mình bất lực, không phải là con người. Vì vậy ai nấy đều đưa đầu vào guồng máy. Chỉ những người rất khương kiện mới nói rằng hạnh phúc của tôi không phải là đi về hướng đó, hạnh phúc của tôi là đi về hướng khác. Chúng ta tìm về một nếp sống đơn giản, có tự do và hạnh phúc. Muối dưa chay lòng có nghĩa là đã buông bỏ những đua chen trong cuộc đời, chấp nhận rằng chỉ có nếp sống đơn giản mới đem lại hạnh phúc thật sự mà thôi. Những người ở thành phố phải trả thuế rất nặng về nhà cửa và chức nghiệp (nhất là giới bác sĩ, kỹ sư, thương gia.) Nhiều người tự tử vì thuế. Thuế nặng quá, người ta phải chạy, không có thì giờ để thờ, để tiếp xúc với ánh trăng, với cơn gió thoảng. Muối dưa chay lòng là một điều kiện quan trọng để ta có được cái hạnh phúc của gió trăng mát mặt. Tám chữ này có thể là nẻo thoát cho nền văn minh hiện đại. Ta có thể viết tám chữ này treo trong thiền đường. *Gió trăng mát mặt muối dưa chay lòng.* Thật đơn giản, giải pháp của đạo Bụt đối với nền văn minh mới!

*Bốn bề bát ngát mênh mông,
Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau.*

Đây là tả cảnh chỗ hai sư cô ở nhưng cũng đồng thời nói được tâm trạng thư thái, tự do của hai chị em. '*Bốn bề bát ngát mênh mông*' nghĩa là họ có tự do. Chúng ta nhớ bài thiền tập:

*Là hoa tươi mát
Là núi vững vàng
Nước tĩnh lặng chiếu
Không gian thênh thang.*

Khi sống có tự do và buông thả thì tự nhiên ta có *'không gian thênh thang.'* Quan trọng nhất là khi có *'triều dâng hôm sớm'* mà nghe được tiếng triều dâng. *Mây lồng trước sau:* cảnh là một cái khung, mây được lồng vào cảnh đó. Mây mong manh, đủ màu, đủ hình thái, rất đẹp. Tôi còn nhớ một lần ở Ba Lan, trước khi đi giảng tôi có tới thăm một họa sĩ. Họa sĩ không vẽ gì hết, chỉ vẽ mây thôi. Hỏi tại sao, ông nói: *'Thưa Thầy, tại vì chỉ có mây là đáng vẽ thôi!'* Nếu ông vẽ mây mà có chánh niệm thì nhìn vào mây ông có thể thấy tất cả mọi cái khác đều có trong mây. Lúc đó ông sẽ không còn kỳ thị giữa mây và không mây nữa. *'Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau'* cũng là những màu nhiệm của vũ trụ, nếu không thanh thản thì ta cũng không tiếp xúc được. Trong đời sống *'một nhà chung chạ sớm trưa'* ta phải giúp nhau để cho những người kia (sư chị, sư anh hay sư em của mình) tiếp xúc được với những màu nhiệm của sự sống đang có mặt hôm nay. Mùa xuân, cây cối xanh tươi. Cứ mỗi vài ngày lại có một loại hoa mới xuất hiện. Có những đám mây rất đẹp, những cơn gió rất mát. Những cái đó ta làm sao tiếp xúc được khi ta bị giam giữ trong sự tiếc thương quá khứ, lo lắng bất định trong tương lai, khi ta quên đi giờ phút hiện tại. Là những người thương nhau, ta phải giúp nhau ra khỏi tâm trạng lo lắng, tiếc nuối, buồn phiền để có thể tiếp xúc được với những màu nhiệm của sự sống trong giờ phút hiện tại. Sự thực tập của chúng ta là sự thực tập tiếp xúc. Nếu không tiếp xúc được với những màu nhiệm của hiện tại thì ta thực tập không được thành công. Thực tập tiếp xúc được với những màu nhiệm trong hiện tại thì thời gian chúng ta ở lại đây là thời gian hạnh phúc nhất trong đời và sau đó ta có thể tiếp tục sống hạnh phúc ở bất cứ nơi nào.

Đọc đoạn này, chúng ta thấy sư chị rất dễ thương và rất thương sư em. Có thể sư chị có nhiều nhiệm vụ ở những nơi khác nhưng cứu được sư em rồi thì hai chị em ở lại đó. Chúng ta hãy nhìn lại xem thử chúng ta đã được như Thúy Kiều và Giác Duyên lúc này hay chưa. Ta có thấy rằng được sống với sư chị, sư em mình trong khung cảnh có trăng, có gió, có mây, có trời là hạnh phúc hay không?

Trong bản in của cụ Trần Trọng Kim thì đến đây thơ được chấm câu và ngắt sang đoạn khác nhưng tôi thấy không nên, phải đọc tiếp:

*Nạn xưa trút sạch lâu lâu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.*

Tất cả những tai nạn vướng vào thân phận Thúy Kiều, làm cho Thúy Kiều *ba chìm bảy nổi chín lênh đênh*, đều được trút sạch hoàn toàn. *'Nạn*

xưa trút sạch làu làu. Sáu chữ này nói về sự chuyển hóa hoàn toàn của Thúy Kiều. Từ khi Kiều gieo mình xuống sông Tiền Đường, cái nghiệp quá khứ của Kiều đã chấm dứt. Mỗi người chúng ta đều cso sông Tiền Đường, chúng ta sẽ chấm dứt được tất cả những khổ đau và tai nạn của mình. Chúng ta được sinh ra lại trong một đời sống mới. Sông Tiền Đường đó có thể là Xóm Thượng hay Xóm Hạ, New York City, Amsterdam hay Mineapolis..., bất cứ ở đâu mà ta thấy rằng ta có thể chết được trong đời sống khổ đau vương vẩn và tái sinh lại trong đời sống thanh thản, nhẹ nhàng. Mỗi người trong chúng ta đều có một sông Tiền Đường. Vấn đề là chúng ta đã tới được sông Tiền Đường đó hay chưa. *'Nạn xưa trút sạch làu làu.'* Không có câu thơ nào đẹp bằng! Đó là sự giải thoát hoàn toàn. Đó là sự buông bỏ tất cả những tai nạn, nghiệp chướng; nhờ mình chết được. Trong Thiên chúng ta có danh từ *'chết đi sống lại'* (*tuyệt hậu tái tô.*) Nếu không chết đi sống lại thì chúng ta không sinh ra được trong cõi Tịnh Độ; Tịnh Độ ngay trong giờ phút này.

Cô nàng đã được giải thoát. Còn anh chàng thì sao? Đó là điều chúng ta sẽ xét lại trong đoạn sắp tới. Bây giờ chúng ta hãy đọc chung lại đoạn này:

*Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trắng mát mặt muối dưa chay lòng.
Bốn bề bát ngát mênh mông,
Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau.
Nạn xưa trút sạch làu làu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.*

Thời gian này (không biết rõ là được bao nhiêu tháng) là thời gian rất hạnh phúc của hai chị em. Cả chị và em đều lớn lên một cách rất mau. Tuy hai người rất thương yêu nhau, lưu luyến nhau nhưng chị bây giờ đã biết dạy cho em và em đang quyết tâm thực tập đàng hoàng theo chị. Thúy Kiều sau đó chứng tỏ đã lớn lên vững mạnh và chuyển hóa lớn lao. Điều đó không được nói tới trong sáu câu thơ này. Nếu viết lại truyện Kiều thì chỗ này chúng ta phải viết về chuyện thực tập của hai bên. Ngày xưa khi ở Am Chiêu Ân sư chị không dạy cho sư em đàng hoàng. Khi lâm vào tình trạng bối rối khổ đau thì sư em không biết cách giữ thân, giữ tâm. Kỳ này thì khác. Đứng về phương diện tu tập và kinh nghiệm thì Thúy Kiều, tức ni cô Trạc Tuyền, bây giờ đã bước những bước rất dài. Kinh nghiệm khổ đau rất nhiều và kinh nghiệm tu tập trong giờ phút chót đã có đầy đủ. So với người con trai thì Thúy Kiều đã bước những bước của người khổng lồ. Kim Trọng vẫn còn lẻo đẻo đi trên con đường lặn đạn. Trên đường tâm linh, Kim Trọng còn đi lợt

phía sau một quãng khá dài. Điều này chúng ta thấy rất rõ mỗi khi ở Làng Mai một, hai, ba năm về gặp lại những người bạn cũ. Những người ngày xưa cùng đi một đường với ta tại sao bây giờ vẫn chưa gỡ được những sợi dây mà mình thấy rất dễ gỡ! Đây là tâm trạng Thúy Kiều trong những câu thơ sau. Thúy Kiều đã làm rất hay và làm một cách rất nhẹ nhàng, vô tư để giúp người con trai mình ngày xưa (người cũ, cố nhân.) Những người mình đã có cảm tình ngày xưa, mình có bốn phận phải độ họ thôi, mình phải độ cả những người khác. Nhưng họ là những người nằ trong diện ưu tiên. Giống như năm người bạn tu của Tất Đạt Đa. Cùng tu chung với nhau, say này thấy Tất Đạt Đa uống sữa, ăn cháo, ăn yoyurt... họ nghĩ ông này tự hành không ra gì hết và bỏ đi. Nhưng tình đồng đạo còn đó nên khi thành đạo rồi Bụt nghĩ đến năm người và tìm tới vườn Nai độ họ. Chúng ta cũng vậy. Đạt tới sự nhẹ nhàng rồi chúng ta phải đi tìm cha, tìm mẹ, tìm anh chị em, tìm người cũ của mình để giúp họ. Đó là chuyện rất thông thường. Rồi quý vị sẽ thấy điều này là một điều rất dĩ nhiên.

----o0o----

TAN SƯƠNG ĐẦU NGÕ

HOA ĐÀO NĂM NGOÀI

Chúng ta hãy đi trở lại mười lăm năm trước:

*Nỗi nàng tai nạn đã đây,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương.
Từ ngày muôn dặm phù tang,
Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà.*

Mười lăm năm là một đường hầm dài rất tối. Chúng ta đã từng thử làm người bạn đồng hành của Thúy Kiều, đi ngang qua con đường hầm tối mười năm đó. Kiều đã tìm thấy ánh sáng. Bây giờ anh chàng mới bắt đầu. Tội nghiệp!

Kim Trọng đi hộ tang cho ông chú ở Liêu Dương, sáu tháng trở về:

*Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn phong cảnh cũ nay đà khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
Song trắng quanh quẽ vách mưa rã rờ.
Trước sau nào thấy bóng người,*

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Cứ tưởng tượng về thì cảnh sẽ như xưa mà người cũng như xưa. Nhưng mọi sự đã hoàn toàn đổi khác. Trong tâm mình chứa chất một hình ảnh. Mình nghĩ rằng hình ảnh đó sẽ mãi còn như vậy. Nhưng sự thật của cuộc đời là vô thường. Chỉ cần mấy ngày thôi mà tình trạng đã hoàn toàn đảo ngược. Sau tai nạn, gia đình Thúy Kiều phải bán nhà. Từ một gia đình giàu có, họ phải đi may thuê, viết mướn, làm công cho người ta và cư trú trong một túp nhà rất lụp xụp. Kim Trọng trở về thấy ngôi nhà cũ hoàn toàn cô liêu. *‘Đây vườn cỏ mọc lau thưa, Song trắng quạnh quẽ vách mưa rã rời.’* Hình ảnh trong lòng chàng trai đem so với hình ảnh hiện tại thì hoàn toàn khác nhau. Sự ngạc nhiên của Kim Trọng bắt đầu từ sự so sánh hai hình ảnh đó.

Trước sau nào thấy bóng người’ nhưng: *‘Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.’* Cây hoa đào năm ngoái chỗ hai người trao cảnh kim thoa vẫn nở hoa rực rỡ, cười với gió mùa xuân (gió đông). Câu này lấy tứ từ bài thơ của thi sĩ Thôi Hộ đời Đường:

*Tích niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.*

(Năm xưa, cũng ngày này, tại cổng nhà này, (nàng đứng dưới cây hoa đào) gương mặt phản chiếu màu hồng của hoa đào, người ấy không biết bây giờ đã đi đâu rồi, trong khi hoa đào vẫn cười với gió mùa xuân y hệt như năm ngoái.)

Cây hoa đào năm ngoái đã che chở cho Thúy Kiều. Bây giờ không còn Thúy Kiều nữa nhưng đến mùa, hoa đào vẫn nở, vẫn đẹp, vẫn tự do, hạnh phúc. Con người không có hạnh phúc và tự do vì con người có sự mê đắm. *‘Đào hoa y cựu tiếu đông phong’*: hoa đào năm ngoái còn cười gió đông. Chỉ có chàng Kim là méo miệng, không cười được. Nhiều khi người ta ước ao làm một cây đào hay một cây thông cho khỏe. Trong con người mình có những tình tự tham đắm, khổ đau, lo lắng và mình thấy hạnh phúc của mình không bằng hạnh phúc của một cây đào hay một cây thông. Nguyễn Công Trứ ngày xưa cũng đã có tâm tình đó cho nên một hôm thi sĩ nói: *‘Kiếp sau xin chớ làm người, Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.’* Khi có những hồi hộp, khổ đau, lo lắng thì nhìn một cây thông ta cũng thấy nó hạnh phúc, vững mạnh hơn ta quá nhiều. Thiên ôm cây (tree

hugging meditation) rất lợi ích. Mỗi khi ở trong tình trạng như vậy ta có thể tới ôm cây để tiếp nhận được sự vững chãi và tươi mát của cây. Trúc Lâm Đại Sĩ, tức vua Trần Nhân Tông khi đã đi tu, một lần trả lời câu hỏi của một thiền sinh về chuyện tu học, đã nói:

*Vườn nhà vắng mặt người chăm sóc
Lý trắng đào hồng tự nở hoa.*

Khỏi phải lao tác mệt nhọc, khỏi phải tranh đấu. Trong con người mình có sẵn giác tánh, cho giác tánh đó có cơ hội thì tự nhiên nó sẽ nở hoa. ‘*Vườn nhà vắng mặt người chăm sóc, Lý trắng đào hồng tự nở hoa.*’ Ở đây ta thấy hình ảnh một cây đào. Ngày xưa bên Tàu có một thiền sư tên Linh Vân đi chơi thấy hoa đào nở thì giác ngộ. Khỏi tu gì hết! Nhưng chắc chắn trước đó ông cũng đã đi thiền hành, đã tập hơi thở rồi cho nên đến lúc thấy hoa đào ông mới giác ngộ chứ! Có biết bao nhiêu người thấy hoa đào nhưng có giác ngộ gì đâu! Nhất là anh chàng Kim Trọng. Thấy hoa đào, càng thấy càng râu, không giác gì cả! Trước mặt chúng ta là hai hình ảnh trái ngược. Một là hình ảnh cây đào rất giải thoát. Có nàng Kiều hay không có nàng Kiều đứng một bên thì cây cũng tinh bơ, vẫn cười với gió mùa xuân. Một anh chàng khác, không tên ‘*đào*’ mà tên Kim, không thể tiếp xúc được với hoa đào; bởi vì thiếu một người thì cây hoa đào không có nghĩa gì nữa. Trên đời không còn gì có nghĩa nữa nếu nàng (hay chàng) không có mặt. *Un seul être vous manque et tout est dépeuplé.*: chỉ thiếu một người thôi là cả thế gian này trở nên trống rỗng, lạnh tanh. Đó là một câu thơ của Lamartine. Do tâm mình ra hết. Khi mình đã vướng vào một cái và cho đó là thế giới của mình rồi thì mình bỏ hết tất cả những gì còn lại trong thế giới kia. Nếu nàng không có mặt đó thì không có cái gì có mặt đó hết. Gió càng không mát, trăng cũng không trong, đào cũng không hồng, không có cái gì ra cái gì hết. đó là một sự bất công rất lớn. Có phải vậy không? Tại sao vũ trụ, thiên nhiên, sự sống màu nhiệm như vậy mà mình cho là zero hết khi mình chỉ thiếu có một cái thôi? Mà cái đó chưa chắc mình đã thật sự thiếu. Có thể nó có đó mà mình không thấy. Những người đã từng đau khổ vì mất mát một người thân (cha, mẹ, con, cháu, người yêu, hay thầy, trò của mình) có thể hiểu được tâm trạng của Kim Trọng lúc này. Trong những lúc thiếu thốn như vậy, tốt hơn là trở về với thiên nhiên. Tiếp xúc với thiên nhiên ta sẽ được an ủi rất nhiều và sẽ có thể thấy trở lại, tiếp xúc trở lại với người ta đã mất. Có một lần tôi đi thiền hành ở Xóm Thượng với một người cha trẻ mất con. Tôi chỉ cho người đó tiếp xúc với những bông hoa, đọt lá, giúp người cha đó tìm lại và tiếp xúc với đứa con vừa mới mất. Nếu mình mất cha, mẹ, người yêu hay con cái mình cũng phải làm như vậy. Phải trở về với thiên nhiên. Thiên nhiên có thể

an ủi được mình, chỉ cho mình cách tiếp xúc lại được với người mình thương. Cũng thi sĩ Lamartine nói: *Mais la nature elle là qui t'invite qui t'aime. Plonge-toi dans son sein qu'elle t'ouvre toujours. Et tandis que tout change pour toi, la nature est la même. Et la même soleil se lève sur tes jours.* (Nhưng này bạn, dù bạn có khổ đau thì thiên nhiên vẫn còn đó. Thiên nhiên vẫn yêu bạn. Bạn nên lặn hụp vào trong lòng của thiên nhiên vì thiên nhiên đang mở hai cánh tay để đón bạn. Trong khi đối với bạn tất cả đều thay đổi, thì thiên nhiên vẫn là thiên nhiên cũ. Không phản bội bạn, sẵn sàng mở hai cánh tay đón nhận bạn. Mặt trời hôm nay, mọc lên, chiếu xuống cuộc đời bạn vẫn là mặt trời cũ. Bạn đừng quên.) Đó là lời khuyên của thi sĩ. Bạn đừng nói rằng 'Un seul être vous manque et tout est dépeuplé': Chỉ thiếu một người là không còn gì nữa hết! Nói như vậy là bất công. Trở về, tiếp xúc với thiên nhiên là con đường thoát cho những người đột nhiên mất một người thân. Cây đào đang nở hoa là một sứ giả của Bụt, của chân như mẫu nhiệm. Cây đào nói: 'Bạn ơi, đừng đau khổ nữa! Có tôi đây!' Nhưng Kim Trọng đâu đã nghe được, đâu đã tiếp xúc được. Sự đam mê đã lớn quá rồi, trong lòng chỉ còn có một hình ảnh. Không có cái phản chiếu hình ảnh đó thì coi như cuộc đời không còn gì nữa cả. "Nếu đời không có em thì đời không có giá trị gì hết!" Đó là lời tuyên bố của những người đang kẹt vào sự đam mê.

*Xập xèo én liệng lâu không.
Có lan mặt đất rêu phong dấu giày.
Cuối tường gai góc mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa.*

Tất cả những hình ảnh của quá khứ hiện ra. Khi đã bị hình ảnh của quá khứ trấn ngự trong tâm rồi, đem ra so với hình ảnh hiện tại thì thấy bây giờ mình đã mất hết. Trong khi đó thế giới vẫn còn là thế giới. Người ta tự tử là vì tưởng rằng mình đã mất hết rồi. Kỳ thực người ta không mất gì cả. 'Chúng ta đã được gì hôm qua và sẽ mất gì sáng nay' là một câu thơ tôi viết tron bài *Hoa Mặt Trời*.

---o0o---

QUÁ THƯƠNG CHÚT NGHĨA ĐÈO BÔNG

*Chung quanh lặng ngắt như tờ
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?
Láng giềng có kẻ sang chơi,*

*Lân la sẻ hỏi một hai sự tình.
Hỏi ông ông mắc tụng đình,
Hỏi nàng nàng đã bán mình chuộc cha.
Hỏi nhà nhà đã dời xa,
Hỏi chàng Vương với cùng là Thúy Vân
Đều là sa sút khó khăn,
May thuê viết mượn kiếm ăn lần hỏi,
Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoát nghe chàng đã rụng rời xiết bao.
Hỏi han di trú nơi nao¹⁹²
Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.*

Phải hỏi thăm mấy ngày trời mới tìm được tới chỗ gia đình viên ngoại.
Tới nơi thì thấy gì:

*Nhà tranh vách đất tả tơi
Lau treo rèm nát trúc gài phen thưa.
Một sân đất cỏ dầm mưa,
Càng ngao ngán nổi càng ngơ ngẩn đường.
Đánh liêu lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe tiếng vội vàng chạy ra.*

‘Vương Quan ơi! Vương Quan!’ Vương Quan là bạn học Kim Trọng, gọi Vương Quan chứ còn gọi ai được nữa! Kim đâu có quen với hai ông bà viên ngoại mà cũng đâu có quen với cô em gái của Kiều.

*Dắt tay vội rước vào nhà,
Mái sau viên ngoại ông bà ra ngay.*

Trong nhà này bây giờ ai cũng đã biết tất cả những bí mật giữa Kim và Kiều rồi. Thấy Kim, Vương Quan kéo ngay chàng vào trong nhà. Hai ông bà nghe nói có chàng Kim tới cũng ra hết. Vì thương lắm. Thương con bao nhiêu thì thương chàng bấy nhiêu. Bây giờ đã hiểu thì thương. Lúc trước thì chưa chắc.

*Khóc than kể hết niềm tây:
‘Chàng ôi biết nổi nước này cho chưa?
‘Kiều nhi phận mỏng như tờ,
‘Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng.
‘Gặp cơn gia biến lạ đường,*

*‘Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.
‘Dùng dằng khi bước chân ra,
‘Cực trăm nghìn nỗi dằn ba bốn lần.*

Càng nghe nói chàng Kim càng thấy gia đình này đã biết hết chuyện mình.

*Trót lời nặng với lang quân,
‘Mượn tay em nó Thúy Vân thay lời.*

Chúng ta hãy nhớ lại chuyện công chúa Huyền Trân. Sau khi vua Chăm mất, theo nguyên tắc công chúa phải lên giàn hỏa đốt theo vua Chăm. Nhưng nhờ công chúa có mang nên người ta hoãn lại, đợi công chúa hạ sinh em bé rồi mới làm lễ hỏa thiêu. Đó là tục lệ của Ấn Độ. Vua Anh Tông, anh ruột của công chúa Huyền Trân, đã tổ chức một cuộc bắt cóc cứu công chúa về. Thấy bên mình làm như vậy là tráo trở, đã gả con cho người ta rồi mà làm như vậy là không tử tế. Thượng Hoàng (Trúc Lâm Đại Sĩ) sai đệ tử là thiền sư Bảo Phác xuống nói chuyện với vua Anh Tông nên làm một hành động gì để xin lỗi. Để tâm được yên, vua Anh Tông cho ba trăm người thợ khéo nước Chăm đã cống hiến cho nước Việt được về nước. Ở đây cũng vậy. Thúy Kiều đã hứa lờ cho Kim Trọng, bây giờ phải bán mình chuộc cha nên rất áy náy. Vì vậy nàng xin với cha mẹ ba bốn lần gả em gái mình cho chàng Kim. Ngày xưa ở Đông Phương (với chế độ đa thê) có khi hai chị em cưới cùng một chàng. Ở Việt Nam người ta gọi là: *‘hoa thom hái cả cụm.*’ Nếu Thúy Vân là một cô gái mới thì cô ta sẽ nói: *‘Tui đâu có mắc nợ anh chàng hời nào mà bắt tui phải trả nợ!’* Nhưng ở đây tình chị em liên đới nên chị mắc nợ thì em trả dùm cho chị. Trong xã hội cũ, gia đình là một khối thì người ta chấp nhận và làm chuyện đó được. Các cô gái mới bây giờ thì chắc không chịu đâu!

*‘Trót lời nặng với lang quân,
‘Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
‘Gọi là trả chút nghĩa người,
‘Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên.¹⁹³
‘Kiếp này duyên đã phụ duyên,
‘Dạ đài còn biết sẽ đền lai sinh.
‘Mấy lời ký chú đình ninh,
‘Ghi lòng để dạ cắt mình ra đi.
‘Phận sao bạc bẩy Kiều nhi,
‘Chàng Kim về đó con thì đi đâu?’*

Chuyện chỉ xảy ra mới cách đây sáu tháng. Vết thương còn tươi. Hai ông bà nhắc lại thì đau lòng, và khóc.

*Ông bà càng nói càng đau,
Chàng càng nghe nói càng đau như dưa.*

Nỗi đau của ông bà làm cho ông bà không thấy được rằng nỗi đau của anh chàng cũng rất lớn. Dừa là dập nát, vò nhàu. Quý vị có thấy dưa cái không? Gấp một gấp dưa cái nhìn thì thấy nó nhàu nát, nhăn nhiu. Cái lòng của Kim Trọng lúc này là như vậy.

*Vật mình vấy gió tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc thần thờ hồn mai.*

Đau khổ cho đến nỗi thân hình của Kim Trọng giống như một con giun bị người ta cuốc nhằm. Quần quai, đau đớn. Cả thân và tâm đều đi vào địa ngục. Thân quần quai mà tâm cũng quần quai. Đường hầm mười lăm năm cô nàng đã đi qua rồi, anh chàng bây giờ mới bắt đầu. '*Vật mình vấy gió tuôn mưa, Dầm dề giọt ngọc thần thờ hồn mai.*' Đau khổ tuôn ra như mưa như gió. Mình không còn là mình nữa. Một người thông minh, bất thiệp, linh mẫn bây giờ giống như một cái xác không hồn, không còn gì nữa cả. Đó là chứng bệnh tương tư thất tình.

*Đau đòi đoạn ngắt đòi thôi,
Tình ra lại khóc khóc rồi lại mê.*

Có những lúc cơn đau đi lên, ngưng lại một chút rồi lại đau lên một chập khác. Giống như cơn sốt, sốt xong, bớt sốt rồi sốt lại. Chữ *đoạn* và chữ *thôi* có nghĩa là từng chập một. Đau, ngắt một hồi, bớt đi, nghĩ nhớ tới lại đau, lại ngắt. Những cái đau đó hoàn toàn do tâm mình hết. Mỗi khi hình ảnh kia hiện lên thì mình đau trở lại. Rõ ràng khi một người lâm vào trạng thái đăm mê thì người đó rất đau khổ. '*Đau đòi đoạn ngắt đòi thôi, Tình ra lại khóc khóc rồi lại mê.*' Những người nào đã đi ngang qua cái cầu này đều thấy rằng những điều cụ Nguyễn Du viết là có thật. Chắc chắn cụ cũng đã đi ngang qua đó rồi. Đó là tình trạng của người thất tình đau khổ. Tình yêu đúng là một tai nạn vì người yêu nào cũng phải đi qua những cái cầu này. Cụ Nguyễn Du là một thi sĩ có khả năng diễn tả tình cảm con người một cách tuyệt diệu. Nói về tình yêu đoạn nào cũng hay. Ngôn ngữ về tình yêu của cụ

thật xuất sắc. Tả đau khổ của một chàng trai mất người yêu mà đến mức như thế thì thiết tưởng những nhà văn của thế kỷ hai mươi này ít ai sánh được.

*Thấy chàng đau nỗi biệt ly
Nhìn ngừng ông mới vỗ về giải khuyên:
'Bây giờ ván đã đóng thuyền,
'Đã đành phận bạc khôn đền tình chung.
'Quá thương chút nghĩa đèo bông,
'Nghìn vàng thân ấy dễ hòng bỏ sao?'*

- 'Này con, thân con quý lắm! Con đừng bỏ cái thân con.' Trong tình trạng thất tình như vậy người ta không muốn sống nữa. 'Một người không có mặt thì cả thế giới này cũng như không!' Tình trạng đó là tình trạng rất nguy hiểm. Anh chàng chỉ muốn chết. Gia đình của Thúy Kiều là tăng thân cứu Kim Trọng, nếu không có họ có thể Kim Trọng đã tự tử. Lạ thay, tình thương đáng lý phải đem lại sự an ủi ấm áp, hạnh phúc mà trái lại, nó đưa ta đến gần cái chết. Tình ái, đam mê thường đưa người ta tới cái chết. Trong rất nhiều trường hợp, tình yêu và cái chết là hai cái rất gần nhau. L'amour et la mort gần như đồng nghĩa. Rất dễ sợ! Trong đạo Bụt có nói về tình thương, diễn tả bằng những ngôn ngữ rất rõ ràng: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Tình thương phải có tác dụng hiển tặc niềm vui (Từ), làm vui nỗi khổ (Bi), có sự vui vẻ (Hỷ) và không kỳ thị (Xả). Tình đam mê rất kỳ thị. Chỉ có một người có giá trị thôi còn tất cả những người khác không có giá trị gì cả. Chỉ có một hiện tượng là đẹp thôi còn tất cả những hiện tượng khác đều không đẹp. Đó là kỳ thị, là không Xả. Tình thương đó đem tới toàn những khổ đau Thực tập tình thương trong đạo Bụt cho chúng ta thấy được rõ ràng thứ tình nào đem lại hạnh phúc và thứ tình nào dìm mình vào hố sâu của đau khổ, cô đơn, đưa mình tới cận kề cái chết.

'Quá thương chút nghĩa đèo bông, Nghìn vàng thân ấy dễ hòng bỏ sao?' Cha mẹ Thúy Kiều đã đóng vai trò cha mẹ của chàng sinh viên này. Nhờ có hai ông bà và hai người con còn lại mà Kim Trọng không tự tử. May cho Kim Trọng! Bốn người đó là ai? Bốn người đó là Thúy Kiều. Chính vì vậy mà Thúy Kiều đã giúp được Kim Trọng một lần nữa. Thúy Kiều đã từng giúp Kim Trọng một lần rồi, không phạm giới trong đêm đầu tiên hai người gặp nhau. Bây giờ là lần thứ hai Thúy Kiều giúp mà Kim Trọng không biết. Nhờ sự có mặt của hai ông bà viên ngoại và hai người em Kiều mà Kim Trọng đã không tự tử.

Đỗ dành khuyên giải trăm chiều

Lửa phiền càng dập càng khêu mối phiền.

Những lời khuyên tuy không có tác dụng ngay như sự có mặt của bốn người là rất quan trọng.

*Thê xưa giờ đến kim hoàn,
Của xưa lại giờ đến đàn với hương.
Sinh càng trông thấy càng thương,
Gan càng tức tối ruột càng xót xa.*

Rất dại! Đem những vật cũ ra làm gì để cho người ta nhớ và càng khổ thêm!

*Rằng: ‘Tôi trót quá chân ra,
Để cho đến nổi trôi hoa giặt bèo.*

Tức quá, bươi vì anh chàng là con nhà giàu có quyền thế; nếu anh chàng có mặt lúc đó thì đã có thể can thiệp vào được rồi, Kiều đâu phải bán mình lấy bốn trăm lạng!

*‘Cùng nhau thê thốt đã nhiều,
‘Những điều vàng đá phải điều nói không!
‘Chưa chẵn gói cũng vợ chồng,
‘Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang?
‘Bao nhiêu của mấy ngày đường,
‘Còn tôi tôi gặp mặt nàng mới thôi.’*

Đây là ngôn ngữ của một người yêu. ‘Bây giờ con không chết nữa nhưng con sẽ dùng tất cả sức con để tìm Kiều. Con sẽ có tin tức của nàng cho hai bác và hai em.’ Bây giờ chàng trai đã tìm được một lý do để sống!

*Nỗi thương nói chẳng hết lời,
Tạ từ sinh mới sut sùi trở ra.
Vội về sửa chón vườn hoa,
Rước mời viên ngoại ông bà cùng sang.
Thần hôn¹⁹⁴ chăm chút lễ thường,
Dưỡng thân¹⁹⁵ thay tấm lòng nàng ngày xưa.*

Kim Trọng về sửa sang cái nhà mình thuê lúc trước (có hiên Lãm Thúy) và rước gia đình và rước ông bà viên ngoại qua sống với mình. Kim

đóng vai trò của một người con rể. Coi như Kiều là vợ chính thức của mình rồi.

*Đinh ninh mài lệ chép thư
Cắt người tìm tối đưa tờ nhắn nhe.*

Lấy nước mắt mình mài mực để viết thư hỏi thăm tin tức của Kiều. (Đôi khi lấy nước trà mài mực cũng được.) Thuê người đi tìm hỏi và chuyển thư.

*Biết bao công mượn của thuê
Lâm-Thanh mấy độ đi về dặm khơi.
Người một nơi hỏi một nơi,
Mênh mông nào biết bể trời nơi nao?*

Người ta đưa Kiều đi Lâm Truy mà nói dối là đi Lâm Thanh. Hỏi Lâm Thanh thì làm sao mà tìm ra được! Nhất là thời đó đâu có nhà dây thép, điện tín, điện thoại. Trời đất rộng lớn như vậy thì làm sao tìm ra được tung tích một người.

*Sinh càng thảm thiết khát khao,
Như nung gan sắt như bào lòng son.*

Sắt son là niềm chung thủy cùng cực. Son lúc nào cũng đỏ, sắt lúc nào cũng cứng. Cái gan của Kim Trọng bằng sắt nhưng cũng có lúc bị nung nóng lên; lòng Kim Trọng là một tảng son nhưng cũng có nhiều khi bị bào mòn ra.

*Ruột tâm ngày một héo don,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
Thần thờ lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt hôn lìa chiêm bao.*

Quý vị có thấy rõ ràng rằng yêu là khổ không? Không ăn, không ngủ, càng ngày càng ốm. Khóc ra nước mắt, tâm hồn lúc thức cũng như lúc ngủ đều đi vờ vẩn như một ma đói, đói tình. Cho nên người ta mới nói tình yêu là một tai nạn. Có ai muốn rước tai nạn vào lòng. Nhưng trong lòng, trong cơ thể mỗi người đều có hạt giống của đam mê. Lỡ mà vương vào tai nạn thì chỉ có một tăng thân mới cứu được mà thôi. Nếu không chết không vong thân là nhờ tăng thân. Trong trường hợp Kim Trọng, tăng thân đó là gia đình Thúy Kiều, không phải là gia đình Kim Trọng. Gia đình Kim Trọng nói:

‘Mày mê cái con nào mà bây giờ mày ốm nhom như vậy?’ Nhưng gia đình của Thúy Kiều thì vì đã hiểu cho nên đã thương. Nguyễn Bính nói: ‘*Chao ôi, yêu có ông Trời cứu. Yêu có ông Trời giữ được chân*’ Khi mình đã bị tai nạn rồi thì không ai cứu được cả. Trời cứu cũng không được nữa, hướng hồ là người bạn! Nguyễn Bính không biết rằng tăng thân có thể cứu được. Cơ hội của quý vị là tăng thân. Quý vị thoát được là nhờ tăng thân: Ngày xưa tôi cũng nhờ tăng thân mà thoát được. Tăng thân là cơ hội duy nhất của chúng ta. Chúng ta phải coi tăng thân là một viên ngọc quý. Đôi khi chúng ta có giận, có hờn từng người trong tăng thân nhưng kỳ thực tăng thân luôn luôn là viên ngọc quý. Tăng thân lúc đó sáng suốt lắm, chỉ có mình là mê thôi. Chúng ta phải giúp nhau. ‘*Chao ôi yêu có ông Trời cứu!*’ là một câu nói rất đơn giản của một thi sĩ miền Bắc Việt Nam thế kỷ hai mươi. Yêu là một tai nạn. Nếu không phải là tai nạn thì sao phải ‘*cứu*’? Tây phương cũng nói yêu là ‘*té xuống*’, *fall in love, tomber amoureux*. Đang đi tự nhiên té xuống, sụp hầm sụp hồ. Và yêu cũng là một cơn bệnh: love sickness.

*Xuân huyên lo sợ xiết bao,
Quá ra khi đến thế nào mà hay!
Vội vàng sắm sửa chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.*

Sợ Kim Trọng chết, hai ông bà vội vàng sắp đặt gả Thúy Vân cho Kim Trọng. Anh chàng chấp nhận. Đã mất Thúy Kiều nh nếu có Thúy Vân thì cũng được an ủi, vì em của Thúy Kiều cũng có chứa đựng Thúy Kiều ít nhiều bên trong. Tình yêu là như vậy. những gì có liên hệ tới người yêu của mình, mình đều yêu hết. Khi thương thì thương hết tất cả đường đi nước bước, những thức ăn, thức uống của người yêu mình cũng yêu suốt. Mà khi đã ghét thì ghét hết. ‘*Yêu ai yêu cả đường đi, Ghét ai ghét cả tông chi họ hàng.*’ Con người yêu ghét tức cười như vậy. Không Xả, tức là không bình đẳng, vì tình yêu ấy chứa đựng rất nhiều tính phân biệt và kỳ thị. Cái đường người đó đi tại sao mình thương làm chi? Tông chi họ hàng người đó có dính gì tới mình mà mình ghét? Đó là một thái độ hết sức kỳ thị, không bình đẳng, Từ, Bi, Hỷ, Xả mới là tình yêu đích thực. Tâm trạng của Kim Trọng cũng thường thôi. Em gái của Thúy Kiều là Thúy Vân trong một mức độ nào đó. Được cưới Thúy Vân, Kim Trọng cũng bớt đau khổ. Đó là thuốc của ông bà viên ngoại cho chàng Kim uống. Nhưng đó cũng là di chúc của Thúy Kiều.

*Người yếu điệu kẻ văn chương,
Trai tài gái sắc xuân đương vừa thì.*

Cặp đó xem ra cũng được lắm. Nhưng:

*Tuy rằng hai chữ vu quy,
Vui này đã cất sâu kia được nào!
Khi ăn ở lúc ra vào
Càng âu duyên mới càng đào tình xưa.*

Tình yêu của Kim Trọng với Thúy Vân phát triển rất mau nhưng tình lưu luyến với Thúy Kiều vẫn không giảm bớt. Những lúc ngồi một mình Kim Trọng vẫn khóc, lòng dạ rối beng:

*Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đôi trận vò tơ trăm vòng.
Có khi vắng vẻ thư phòng,
Đốt lò hương giở phím đồng ngày xưa.
Bể bai rủ rủ tiếng tơ,
Trâm bay nhạt khói gió đưa lay rèm,
Dường như bên nóc bên thềm,
Tiếng Kiều đồng vọng bóng xiêm mơ màng.*

Mỗi khi đốt hương đánh đàn một mình thì cảm thấy linh hồn Kiều đang về với mình. Đó là do tâm mà ra cả. Bụt dạy ‘*Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức.*’ Kim cứ nghĩ rằng Kiều đã chết rồi và hồn đang về đáp lại tiếng đàn của mình. Đó là kỷ niệm đêm đầu tiên hai người gặp nhau. Nhưng cụ Nguyễn Du rất ý thức, cụ nói:

*Bởi lòng tạc đá ghi vàng,
Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.*

- ‘Nó đã chết đâu! tại thương, tại khổ nên anh tưởng tượng ra như vậy chứ!’ Đây là kiến giải của cụ Nguyễn Du. Tất cả đều do tâm thức của mình. Mình nằm mơ thấy, nói: ‘Thiệt mà, tui thấy!’ Nhưng kỳ thực đó cũng từ trong tâm đi ra.

---o0o---

GIÁC DUYÊN ĐAU BỔNG TÌM VÀO TẬN NƠI

Lấy Thúy Vân, có một liên hệ mới, niềm vui mới, đời sống của Kim Trọng tìm lại được sự thăng bằng. Nhưng tình cảm vẫn vương với Thúy Kiều vẫn còn nhiều.

Năm tháng đi qua.

*Những là phiến muộn đêm ngày
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần?
Chế khoa¹⁹⁶ gặp hội trường văn,
Vương Kim cùng chiếm bảng xuân một ngày.
Cửa trời rộng mở đường mây¹⁹⁷
Hoa chào ngô hạnh hương bay dặm phần.¹⁹⁸*

Vương Quan và Kim Trọng thi đậu, vinh hiển. Quê hương, làng xóm cũng được thơm lây.

*Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung lão tạ ân chu tuyền.¹⁹⁹
Tình xưa ân trả nghĩa đền,
Gia thân bèn mới kết duyên Châu Trần.*

Vương Quan, sau khi thi đậu thì sang nhà lán giềng năm xưa là Chung lão để tạ ơn Chung lão để can thiệp, giúp đỡ, chỉ đường khi gia đình bị nạn. Có một bí mật nào đó mà ta chưa hay: chàng Vương yêu cô con gái của Chung lão. Bây giờ trở về, đã đậu khoa Hội, Chung lão bằng lòng gả con gái cho.

*Kim từ nhẹ bước thanh vân,
Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.
Ấy ai dặn ngọc thể vàng,
Bây giờ kim mã ngọc đường với ai?²⁰⁰
Ngọn bèo chân sóng lạc loài,
Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu ly.
Vâng ra ngoại nhậm Lâm Truy,
Quan sơn nghìn dặm thê nhi một đoàn.*

Kim Trọng được vua cử đi làm quan ở Lâm Truy, chỗ ngày xưa nàng Kiều đã tới nơi mà gia đình đã tưởng là Lâm Thanh. Bây giờ số mạng gửi anh chàng đến đó.

*Cầm đường ngày tháng thanh nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu hao.*

Ngày xưa có nhiều người làm quan rồi nhưng vẫn giữ được phong cách nhàn hạ của người Nho sĩ. Làm việc quan xong rồi thì uống trà, lấy đàn ra gảy. Đời nhà Tống có ông Triệu Biện, đỗ tiến sĩ, đi làm quan nhưng vẫn giữ được sự thanh nhàn. Ông đem theo một cây đàn và một con chim hạc. Sáng, chiều tuy làm việc quan nhưng ông vẫn được nghe tiếng hạc, tiếng đàn. ‘Cầm đường ngày tháng thanh nhàn. Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao.’ Không giống như giới doanh thương business-man bây giờ, không có thì giờ để thờ.

*Phòng xuân trướng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm bóng chiêm bao thấy nàng.
Tỉnh ra mới rỉ cùng chàng,
Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi.*

Một đêm tại tư thất nơi phủ đường Lâm Truy, Thúy Vân nằm mơ thấy Thúy Kiều. Tỉnh dậy nàng kể cho chồng nghe. Kim Trọng sinh nghi: ‘Có lẽ Kiều đi Lâm Truy chứ không phải Lâm Thanh.’

*Nọ Lâm-Thanh với Lâm-Truy,
Khác chi một chữ hoặc khi có lầm.
Trong cơ thanh khí tương tâm,
Ở đây hoặc có giai âm²⁰¹ chẳng là?*

‘Thanh khí tương tâm’ nghĩ là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Cùng là một âm thanh thì ứng (echo) lại với nhau, cùng một chí khí thì đi tìm nhau. Ví dụ là người muốn học Phật pháp thì mình đi tìm những người học Phật pháp để làm bạn.

*Thăng đường chàng mới hỏi tra,
Họ Đô có kể lại già thừa lên.*

Có người thư ký già, họ Đô, biết chuyện, báo cáo. Đây là những lời báo cáo, tuy ngắn nhưng tóm tắt lại được quãng đời mười năm của Thúy Kiều. Nói rất gọn, như đánh dây thép vậy. Nếu quý vị muốn đánh dây thép thì phải học đoạn văn này để đừng đánh dư chữ mà tốn tiền.

‘Sự này là ngoại mười niên,

‘Tôi đã biết mặt biết tên rành rành.
‘Tú Bà cùng Mã Giám Sinh,
‘Đi mua người ở Bắc Kinh đưa về,
‘Thúy Kiều tài sắc ai bì,
‘Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ.
‘Kiên trinh chẳng phải gan vừa,
‘Liều mình thế ấy phải lừa thế kia.
‘Phong trần chịu đã ê chề,
‘Dây duyên sau lại gả về Thúc Lang.
‘Phải tay vợ cả phủ phàng,
‘Bắt về Vô Tích toan đường bẻ hoa.
‘Bực mình nàng phải trốn ra,
‘Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.
‘Thoắt buôn về thoắt bán đi,
‘Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi!
‘Bỗng đâu lại gặp một người,
‘Hơn người trí dũng nghiêng trời uy linh.
‘Trong tay mười vạn tinh binh,
‘Kéo về đóng chặt cả thành Lâm-Truy,
‘Tóc tơ các tích mọi khi,
‘Oán thì trả oán ân thì trả ân.
‘Đã nên có nghĩa có nhân,
‘Trước sau trọn vẹn xa gần ngợi khen.
‘Chưa tường được họ được tên,
‘Sự này hỏi Thúc sinh viên mới tường.’

Ông thư ký họ Đô chỉ biết tin tức Kiều trong mười năm đầu, không rõ tên họ và tung tích của vị Đại Vương giúp Kiều (Từ Hải.) Ông khuyên Kim Trọng hãy mời Thúc Sinh đến để hỏi thăm về những việc đã xảy ra những năm sau này.

Nghe lời Đô nói rõ ràng,
Tức thì đệ thiếp mời chàng Thúc Sinh.
‘Nồi nạng hỏi hết phân minh,
‘Chồng con đâu tá tính danh là gì?’
Thúc rằng: “Gặp lúc lưu ly,
‘Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.
‘Đại vương tên Hải họ Từ,
‘Đánh quen trăm trận sức dư muôn người.
‘Gặp nàng khi ở Châu Thai,

*‘Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên.
‘Vầy vùng trong bấy nhiêu niên.
‘Làm cho động địa kinh niên ùng ùng.
‘Đại quân đồn đóng cõi Đông,
‘Về sau chẳng biết vân mông²⁰² làm sao.’*

Thúc Sinh đã cho Kim Trọng những tin tức về Kiều trong thời gian nàng sống với Từ Hải. Chàng nói chàng không có tin tức gì từ đó về sau.

*Nghe tường ngành ngọn tiêu hao²⁰³
Lòng riêng chàng luống lao đao thần thờ.
Xót thay chiếc lá bơ vơ,
Kiếp trần²⁰⁴ biết rữ bao giờ mới xong?
Hoa trôi nước chảy xuôi dòng,
Xót thân chìm nổi đau lòng hợp tan!
Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
Mảnh hương còn đó phím đàn còn đây,
Đàn cầm khéo ngẩn ngơ dây,
Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?
Bình bông²⁰⁵ còn chút xa xôi,
Đỉnh chung²⁰⁶ sao nỡ ăn ngôi cho an!
Rắp lòng treo ấn từ quan,
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha.
Dấn mình trong áng can qua,
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.*

Kim Trọng muốn từ quan, lội sông trèo núi đi tìm Kiều, dù cho có chết giữa đường đi nữa. Đó là ước muốn của Kim Trọng. Nhưng sự thật thì bây giờ chàng đã có thê nhi rồi, đâu còn sống nhờ cha mẹ như thời còn là sinh viên nữa mà làm được chuyện đó. Từ quan rồi thì lấy tiền đâu mà đi xe buýt, mà mua vé máy bay tìm nàng? Nhất là đã dính vào danh lợi của triều đình rồi thì khó bỏ lắm! Rót cuộc, đâu có ‘treo ấn từ quan’, ‘vào sinh ra tử’ gì, chỉ ngồi đó viết thư và gửi e-mail mà thôi.

*Nghĩ điều trời thăm vực sâu,
Bóng chim tắm cá biết đâu mà nhìn!
Những là nản ná đợi tin,
Nắng mưa đã biết mấy phen đổi đời!*

Năm này sang năm khác chàng chờ đợi mà tìm không ra tin tức. Bỗng có chuyện xảy ra:

*Năm mây bỗng thấy chiếu trời,²⁰⁷
Khâm ban sắc chỉ đến nơi rành rành.
Kim thì cải nhậm Nam-Bình,
Chàng Vương cũng cải nhậm thành Phú-Dương.*

Vua ban sắc chỉ đổi Kim Trọng đi làm quan ở Nam Bình (thuộc tỉnh Phúc Kiến) và Vương Quan ở thành Phú Dương (thuộc tỉnh Chiết Giang.) Chính nhờ có biến cố này mà hai gia đình sẽ tìm được nàng Kiều.

*Sấm sanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cũng thuận một đường phó quan.
Xảy nghe thê giặc đã tan,
Sóng êm Phúc-Kiến lửa tàn Chiết Giang.
Được tin Kim mới rủ Vương,
Tiền đường cùng lại tìm nàng sau xưa.*

Trên đường đi, hai người hy vọng có thể tìm Kiều ở Hàng Châu (nơi sông Tiền Đường chảy ngang qua.)

*Hàng châu đến đó bấy giờ,
Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành.
Rằng: Ngày hôm nọ giao binh,
'Thất cơ Từ đã thu linh'²⁰⁸ trận tiền.
Nàng Kiều công cả chẳng đền,
Lệnh quan lại bắt ép duyên thố tù.
Nàng đà treo ngọc trâm châu,
Sông Tiền Đường đó ấy mồ hồng nhan.*

Tới Hàng Châu, Kim và Vương hỏi thăm biết được là Kiều đã nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử.

*Thương ôi! Không hợp mà tan,
Một nhà vinh hiển riêng oan một nàng!
Chiêu hồn thiết vị lễ thường,²⁰⁹
Giải oan lập một đàn tràng bên sông.
Ngọn triều non bạc trùng trùng,
Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo.²¹⁰*

*Tình thâm bể thảm lạ điều,
Nào hồn tinh vệ²¹¹ biết theo chốn nào?*

Hai gia đình thiết lập chay đàn bên sông để làm lễ giải oan siêu độ cho Kiều.

*Cơ duyên đâu bỗng lạ sao,
Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.
Trông lên linh vị chữ bài,
Thất kinh mới hỏi: ‘Những người đâu ta?
‘Vời nàng thân thích gần xa,
‘Người còn sao bỗng làm ma khóc người?’*

Không biết sư chị Giác Duyên hôm ấy có Phật sự gì cho nên đã đi ngang qua chỗ làm chay. Cô nhiên là người tu, thấy đám chay thì sư chị ghé vào xem thử và do đó đã khám phá ra rằng đây là gia đình Trạc Tuyền đang cầu siêu cho sư em mình. Trong lòng sư chị có lẽ ngổn ngang nhiều tình cảm. Mừng rằng sư em mình sẽ được gặp lại gia đình và cũng rất mừng khi mình có thể đem cho gia đình này một tin tức làm họ sững sốt bất ngờ và tạo ra hạnh phúc khôn cùng. Đó là một mảnh tin làm chấn động cả gia đình Kiều.

*Nghe tin ngỡ ngác rụng rời,
Xúm quanh kể họ rộn lời hỏi tra:
‘Này chồng này mẹ này cha,
‘Này là em ruột này là em dâu.*

Trong các buổi hát đúm (hát đối giữa hai bên nam nữ) ở Việt Nam, có khi bên con gái hỏi bên con trai:

*‘Truyện Kiều anh đã thuộc lâu,
‘Đó anh kể được một câu sáu người.’*

Nếu bên con trai giỏi thì họ sẽ hát:

*‘Này chồng này mẹ này cha,
‘Này là em ruột này là em dâu.*

(Sáu người là: chồng (Kim Trọng), mẹ, cha, em ruột (Thúy Vân và Vương Quan), em dâu (vợ Vương Quan.) Còn nếu bên con trai im thin thít

thì bên con gái họ sẽ cười khúc khích cho đến khi bên con trai chịu thua mới đọc hai câu trên ra.)

*‘Thật tin nghe đã bấy lâu,
‘Pháp sư dạy thế sự đâu lạ đường!’
Sư rằng: ‘Nhân quả với nàng,
‘Lâm-truy buổi trước Tiên-Đường buổi sau.
‘Khi nàng gieo ngọc trầm châu,
‘Đón nhau tôi đã gặp nhau rước về.
‘Cùng nhau nương cửa Bồ-Đề,
‘Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa.*

- ‘Chùa ở gần đây, nếu quý vị muốn thì tôi xin đưa quý vị tới để gặp Kiều ngay bây giờ.’ Nghe xong mọi người thấy như từ địa ngục vừa được vớt lên thiên đường.

*‘Phật tiền ngày bạc lân la,
‘Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây.’*

Trong nguyên lục sư chị Giác Duyên nói: ‘Quý vị nhớ Thúy Kiều lắm phải không? Thúy Kiều cũng tỏ bày niềm thương nhớ quý vị lắm.’ Ở chùa thỉnh thoảng Kiều cũng nhớ cha mẹ và các em.

*Nghe tin nở mặt nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng?
Từ phen chiếc lá lìa rừng,
Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây.
Rõ ràng hoa rụng hương bay,
Kiếp sau họa thấy kiếp này hẳn thôi.
Minh dương²¹² đôi ngã chắc rồi,
Cõi trần mà lại thấy người Cửu-nguyên!²¹³*

Tưởng rằng kiếp sau mới mong thấy lại được nhau mà bây giờ sư chị lại nói Kiều đang còn sống và ở gần đây. Không có phép lạ nào hơn phép lạ này!

*Cùng nhau lạy tạ Giác Duyên,
Bộ hành một lũ theo liền một khi.*

Bỏ chuông mõ, bỏ cỗ bàn, mọi người đi theo sư chị Giác Duyên. Đây là đoạn rất vui.

*Bẻ lau vạch cỏ tìm đi,
Tình thâm luống hầy hồ nghi nửa phần.*

Đường về chùa mà phải bẻ lau, vạch cỏ mà đi. Có lẽ đường chính hơi dài và vì thấy gia đình nôn nóng quá, ni sư cũng muốn Kiều mừng nên đã dẫn mọi người đi đường tắt. Tuy gia đình Kiều mừng như vậy nhưng vẫn còn nghi không dám mừng nhiều, sợ thất vọng: ‘Đôi khi ni sư này lộn, nhớ đó là một người khác thì làm sao?’ Sự thật rõ ràng như vậy nhưng mà ta vẫn không tin là sự thật. Ta nói: “It is too good to be true.” (Không dám tin, vì sự thật đẹp quá.)

*Quanh co theo dải giang tân, 15
Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường.*

Đọc tới câu này tôi có cảm tưởng ‘rừng lau’ là cái rừng có nhiều vấn đề, nhiều phiền não; ‘Phật đường’ là chỗ mình đã về, đã tới, vững chãi, thanh thoi, đã hạnh phúc. Mỗi khi đọc tới câu này là tôi thấy hình ảnh đó. ‘Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường.’ Vấn đề là mình đã đi ra khỏi rừng lau hay chưa.

---o0o---

TƯỞNG BÂY GIỜ LÀ BAO GIỜ

*Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong vệt đạo sen vàng bước ra.*

Ta có thể thấy tâm trạng Giác Duyên lúc đó. Nghĩ rằng mình sẽ mang lại một niềm vui rất lớn cho sư em. Thành ra mới tới cổng sư chị đã kêu: ‘Sư em ơi! Ra có khách! Có ai hỏi này!’ ‘Buồng trong vệt đạo sen vàng bước ra.’ Đã thành ni cô rồi, phong thái của Kiều lại càng thêm thanh tao. Có nhiên là Trạc Tuyên không chạy, đi đàng hoàng theo kiệu thiền hành.

*Trông xem đủ mặt một nhà:
Xuân già còn khỏe huyên già còn tươi.
Hai em phương trưởng hòa hai,*

Nợ chàng Kim đó là người ngày xưa!

Kể cha, mẹ, em rồi mới tới người yêu. Đó là theo thứ tự theo luân lý Á Đông. Không được kể chàng trước, dù mình thương chàng ghê gớm. Phải có thứ tự. Và phải chào theo thứ tự đó. Không thể nào một người Á Đông mà chào theo kiểu ngược lại. Một người Mỹ có thể tới ôm anh chàng trước. Nhưng một người Việt hay một người Hoa thì không thể nào làm như vậy. Đó là đảo lộn trật tự của mấy ngàn đời. *'Nợ chàng Kim đó là người ngày xưa!'* Làm như phớt tỉnh ăng lê, hơi lạnh lùng. Kỳ thực, Á Đông bên ngoài là phải làm như vậy. Theo Á Đông, cha trước, mẹ sau. Vì cha đóng vai người anh, mẹ đóng vai người em. Ở Việt Nam vợ kêu chồng bằng *'anh'*. (Tây phương nghe chuyện này họ tức cười lắm!) Liên hệ vợ chồng là một thứ liên hệ anh em, người vợ luôn luôn làm em, vợ phải xưng *'em'*. Dầu người vợ có thông minh hơn, lớn hơn một hai tuổi, hay giàu có hơn thì cũng đóng vai trò người em.

*Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao.
Giọt châu thánh thót quện bào,
Mừng mừng tủi tủi xiết bao là tình!*

Khóc mừng, những giọt nước mắt của hạnh phúc. Mừng thì có mừng, nhưng trong tâm vẫn chứa nhiều đau khổ ngày xưa (cô đơn, thương nhớ...) cho nên vừa mừng vừa tủi, vừa tủi vừa mừng. Cái tủi làm cho cái mừng lớn hơn. Cái mừng làm cho cái tủi sống dậy.

Câu *'Tưởng bây giờ là bao giờ'* tôi đã suy nghĩ nhiều giờ đồng hồ để tìm cách dịch ra tiếng Anh mà vẫn chưa dịch được. Ta đang đứng trước một sự thực quá đẹp, quá màu nhiệm cho đến nỗi ta không dám tin sự thực đó là có thật. Mười lăm năm sống trong tuyệt vọng, không còn nghĩ rằng mình sẽ được gặp người thân. Ấy vậy mà không chuẩn bị gì cả, tự nhiên phép lạ hiện ra trước mặt. *'Tưởng bây giờ là bao giờ.'* *'Bao giờ'* tức là không phải *'bây giờ.'* *'Bao giờ'* là *'when'*, *'bây giờ'* là *'now'*. Làm sao mà dịch được. Nếu cắt nghĩa thì mình cắt nghĩa thế nào? Giờ phút hiện tại màu nhiệm quá cho đến nỗi mình phải nghi ngờ rằng giờ phút này thuộc về quá khứ hoặc đây là một nơi mơ ước của tương lai chứ không phải là một cái gì có thật trong hiện tại. Câu này hay ở nhiều chỗ. Thứ nhất là cái hay về nội dung, không biết sự thực đã là sự thực chưa, hay chỉ là một giấc mơ thôi. Thứ hai là cái hay về hình thức. Cả hai tiếng *'bây giờ'* và *'bao giờ'* đều chuyển tải thời gian, đều có chữ *'giờ'* đứng đằng sau. Thơ là hình ảnh và âm nhạc. Nếu

không dùng hai chữ ‘giờ’ lặp lại thì sẽ đỡ. Nếu nói: tưởng bây giờ là lúc nào? Thì sẽ không hay. Bây giờ và bao giờ là hai chữ giống nhau, như hai sợi tóc. Bây giờ là vắn bằng, bao giờ là vắn bằng. Hai chữ có thể trộn với nhau. Nếu dịch: ‘Is it true or is it not true?’ thì dở quá đi! Giờ phút bây giờ có thực là giờ phút bây giờ không? Thực tại trong giờ phút này có phải là một thực tại hay chỉ là một hình ảnh của tâm trí mình? Đó có phải là một điều trong quá khứ mà mình mộng tưởng ra hay một điều trong tương lai mà mình mơ ước vào? ‘*Tưởng bây giờ là bao giờ?*’ sáu chữ rất mâu thuẫn! Ai dịch được thì giỏi. Nếu không dịch bây giờ thì bao giờ mới dịch? Tôi nghĩ truyện Kiều có những câu xứng đáng được viết để treo trong thiền đường. Giáo lý và thực tập của chúng ta là sống trong giờ phút hiện tại và thấy được những mâu thuẫn của giờ phút hiện tại. Ngày xưa Kiều còn là thiếu nữ mười sáu, mười bảy tuổi, mỗi ngày cô đều gặp những người thân. Hỏi ấy Kiều có cái nhìn và cái cảm nghĩ như bây giờ không? Có tâm niệm trân quý người thân như trong giờ phút tái ngộ đoàn tụ này không? Tại sao cũng cảnh đó, người đó, những điều kiện đó mà cái thấy khác nhau như vậy? Tại sao bây giờ mình trân quý cái mình đang có một cách kỳ lạ, trân quý đến nỗi mình tự hỏi: Cái đó có thật không? Do những đau khổ mình đã trải qua, những giác ngộ mình đã đạt được mà mình tiếp xúc được với cái mâu thuẫn của thực tại. Cái gì trong đời sống mà không phải là mâu thuẫn! Sự kiện mình đang còn sống là một phép mâu. Một chiếc lá một bông hoa đều là một phép lạ, đều là mâu thuẫn cả. Khi còn có khả năng và điều kiện để tiếp xúc, để có hạnh phúc thì ta không chịu tiếp xúc để có hạnh phúc. Đợi khi mất rồi thì ta mới than khóc. Đọc truyện Kiều cũng giống như nhìn trăng, nhìn mây, đi thiền hành, tiếp xúc với thiên nhiên, hoa lá, con người. Nếu tâm ta sáng tỏ, nếu ta có năng lượng của chánh niệm thì ta có thể nhận diện rằng tất cả những gì đang bao quanh ta đều là phép lạ rất mâu thuẫn. Chính thân thể, tâm hồn ta cũng là những hiện tượng hết sức mâu thuẫn. Tất cả những cái đó, tác giả gọi là ‘bây giờ’. Trong sự sống, vì buồn đau, giận ghét, lo lắng mà chúng ta dày đạp lên cái bây giờ, loại cái bây giờ ra khỏi sự sống và không thấy được, không tiếp xúc được với những mâu thuẫn. Chúng ta nhớ một câu tương tự cách đó mười lăm năm lúc Kim Trọng và Kiều được thực sự gặp nhau. Lúc đó gia đình Kiều đi ăn sinh nhật bên ngoài. Kiều ở nhà phá rào sang gặp Kim Trọng. Ở chơi vài tiếng đồng hồ Kiều phải về xem gia đình về chưa. Thấy gia đình chưa về thì lại tiếc, ‘đi chui’ sang nhà Kim Trọng một lần nữa. Kim Trọng đang ngủ gật, thấy người yêu xuất hiện Kim Trọng hỏi: ‘Đây là mộng hay là thực?’ Kiều trả lời: ‘*Bây giờ rõ mặt đôi ta, Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?*’ Hạt giống tuệ giác trong Thúy Kiều lúc đó có chưa chúng ta chưa bàn tới, nhưng chắc chắn đã có trong tâm hồn thi sĩ. Vì vậy đọc câu này chúng ta không thể nào không nhớ đến câu trước.

Nếu ta không sống tỉnh thức và sâu sắc giờ phút hiện tại thì tất cả sẽ chỉ là một giấc chiêm bao. Tưởng bây giờ là bao giờ. Câu này có mang theo sự tội nghiệp. Vì khổ đau, vì ước mơ không thành tựu ta chưa bao giờ được sống thật, chưa bao giờ có hạnh phúc thật cả cho nên bây giờ thấy được hạnh phúc, thấy được màu nhiệm ta lại nghĩ không biết có thật hay không. Kiêu cũng phản ứng giống như gia đình Kiêu khi nghe tin Kiêu còn sống. Không dám tin, vì sự thật đẹp quá.

Về phương diện văn chương, đây là những lời cực tả niềm hạnh phúc của nhân vật. Về phương diện tâm lý, ý tứ câu này rất sâu sắc. Đã quen sống trong mộng, ta không có khả năng tiếp xúc với bản thân thực tại. Ta thường lẫn lộn mộng và thực. Khi cái thực tự hiển bày cho ta thì cái không có khả năng tiếp xúc. Hồi đi thăm tu viện Cấp Cô Độc, tôi có ngồi bên cạnh những bức tường đồ của cái thất ngày xưa Bụt ở, mân mê những viên gạch. Một phái đoàn khảo cổ của Nhật đã đến đây xin phép đào xới, khai quật và làm phát hiện nền móng của những tu viện ngày xưa thiết lập trong vườn Kỳ Đà. Tất cả đều đã đổ nát và bị phù sa che lấp, gai cỏ mọc đầy. Các nhà khảo cổ đã moi lên và trình bày lại tất cả. Có những thời gian tu viện Cấp Cô Độc rất hưng thịnh, các tu viện được xây sát nhau. Bây giờ khai quật ra chúng ta biết chỗ nào là thiên đường, tăng xá và thực đường. Tuy tất cả đều bị đổ nát nhưng móng của các bức tường vẫn còn nên ta có thể thấy rất rõ cách bố trí phòng ốc các tu viện. Những giai đoạn hưng thịnh của tu viện Cấp Cô Độc là những lúc các thầy tu học có hạnh phúc, tiếp xúc được với Bụt, Pháp và Tăng. Nhưng những giai đoạn đó không kéo dài được mãi mãi. Nhìn vào một vùng đất hoang vu cỏ mọc, chúng ta đâu có thể tưởng tượng ngày xưa nơi này đã từng hưng thịnh như vậy. Chúng ta hãy nhắm mắt lại và tưởng tượng Làng Mai một trăm năm về sau. Chúng ta thấy gì? Có thể ta không thấy sư chị, sư anh, sư em, sư tổ, không thấy thầy, không thấy gì hết. Chỗ này có thể trở thành một siêu thị. Bây giờ trong giây phút hiện tại chúng ta có sư anh, sư chị, sư em đang ngồi với ta. Có thầy đang ngồi giảng. Có nước trà để uống. Có đường để đi thiền hành. Có bàn tay để nắm tay người bạn. Có hai mắt để nhìn và nhận diện ra đó là người anh, người chị, người em của mình. Chúng ta đang làm chuyện đó hay không? Hay chúng ta đợi một trăm năm sau để rồi thấy những điều có thể xảy ra chỉ là chuyện đã xảy ra trong một giấc chiêm bao mà thôi? Đưa tay ra và chạm vào người bên cạnh một chút xíu để coi thứ đó là thật hay giả. Chúng ta có khả năng làm chuyện đó hay không? Hay chúng ta cứ tự giam hãm mình trong cái buồn, cái giận, cái lo để không làm được chuyện đó? *'Tưởng bây giờ là bao giờ, Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!'* là những tiếng chánh niệm giúp chúng ta tỉnh thức. Tất cả bí quyết của sự thực tập nằm ở chỗ đó. *'Tưởng bây giờ là bao giờ':*

'Is it now or never!'. Tôi chịu thôi, không dịch ra tiếng Anh hay tiếng Pháp! Tôi tin chắc tất cả quý vị²¹⁴ đều hiểu, đều thấm rồi nhưng không nói ra lời đó thôi. Nói không ra lời thì phải có người giúp. Người đó là thi sĩ. Thi sĩ là người giúp mình nói những điều mình cảm mà không nói được. Nhưng đây là thi sĩ Việt cho nên mình cần thi sĩ Anh, thi sĩ Pháp. Chỗ mầu nhiệm của câu này, chắc dịch không được, là hai chữ bây giờ và bao giờ, lấp láy lại. Phải là một tay phù thủy cao tay ẩn lẩn mới có thể sử dụng những âm binh ngôn ngữ như thế được. Ngôn ngữ đối với một thi sĩ giống như âm binh mà một thầy phù thủy sử dụng. Bất nó làm gì thì nó làm theo mình. Vị tổ thứ ba trong phái Trúc Lâm, thầy Huyền Quang, cũng là một thi sĩ lớn của Việt Nam. Thầy cũng có một câu thơ nói về chuyện chiêm bao trong khi mở mắt. Đó là bài Ngủ trưa trên núi. (Nghe tổ cũng ngủ trưa chúng ta thấy khỏe trong người quá phải không? Tổ ngủ trưa thì tại sao mình không được ngủ trưa?)

*Vũ quá sơn khe tĩnh
Phong lâm nhất tháp lương
Phản quan trần thế giới
Khai mãn túy mang mang.*

(Con mưa đã qua, khe nước trong núi im lặng. Rừng phong ngủ một giấc mát. Nhìn lại thế giới bụi bặm bên dưới. Mắt mở nhưng vẫn say như thường.)

Tôi dịch:

*Mưa tạnh khe núi tĩnh
Ngủ mát giữa rừng phong
Nhìn lại cõi nhân thế
Mắt mở vẫn say nồng.*

Mắt mở nhưng vẫn say như thường. 'Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!' Lối sống đó người ta gọi là 'sống say chết mộng' (túy sinh mộng tử.) Đạo lý của nhà Phật là sống tỉnh thức. Phải mở mắt. Mở con mắt tuệ, con mắt chánh niệm chứ không phải là con mắt thị. Mở con mắt thị thì có thể vẫn còn mê. Mở con mắt chánh niệm thì lúc đó thì mình thật sự tiếp xúc được những mầu nhiệm của sự sống. Bụt có khi được gọi là 'con mắt tuệ'. Ngày Bụt nhập diệt có một số thầy khóc. Trong những lời khóc than có câu: 'Đức Thế Tôn không còn nữa! Con mắt của thế gian không còn nữa!' (The eye of the world is no longer there.) 'Con mắt của thế gian' là Bụt. Con mắt này là con mắt trí tuệ, tỉnh thức. Bụt được diễn tả như con mắt

của cuộc đời, tức là cái thấy tỉnh thức của cuộc đời. Nếu có con mắt đó thì mới không ‘*túy mang mang*’, không còn mê ngủ nữa.

---o0o---

TÁI SINH TRẦN TẠ ÂN NGƯỜI TỬ BI

*Huyền già dưới gối gieo mình,
Khóc than mình kể sự tình đầu đuôi:*

Kiều chạy lại ôm mẹ khóc. Không ôm cha mà ôm mẹ vì với người con gái người mà mình có thể gần gũi, có thể tiếp xúc về thân thể dễ dàng nhất là mẹ. Trong đây chúng ta thấy rất rõ những đặc tính của văn hóa Á Đông. Một người con gái Mỹ sau khi bị xa cách người yêu mười lăm năm sẽ không làm như vậy mà sẽ tới ôm anh chàng trước. Nhưng cô Kiều là người Việt, vì vậy cô phải tới ôm mẹ. Giữa mẹ và con gái có tình bạn, họ dễ tâm sự với nhau. Vì vậy ôm mẹ để kể chuyện đau khổ của mình là dễ nhất.

*Từ con lưu lạc quê người,
‘Bèo trôi sóng vỗ chóc mười lăm năm,
‘Tính rằng sông nước cát lằm’²¹⁵
‘Kiếp này ai lại còn cầm gậy đây!’
Ông bà trông mặt cầm tay,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
Bấy chầy dải nguyệt dầu hoa,
Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.*

Ông bà ngắm con gái. Đi ngang qua mười lăm năm, sự dải dầu không làm cho Kiều mất phong độ. Có ốm, có già đi chút ít nhưng vẫn còn tươi, còn xinh. ‘*Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.*’ Mười lăm năm đau khổ mà Kiều vẫn còn giữ được sáu bảy phần trăm sự tươi mát, trẻ trung của ngày cũ. Nguyệt và hoa đều chỉ cho Thúy Kiều. Đẹp như nàng, tươi như bông hoa, nhưng cả hoa và trăng đều đã bị dải dầu, đi qua những cơn bão tố của cuộc đời khổ đau.

*Nỗi mừng biết lấy chi cân,
Lời tan hợp chuyện xa gần thiếu đâu.*

Sư Cô Diệu Nghiêm mới đi thăm Việt Nam có mấy tuần lễ mà về nói hoài không hết chuyện Việt Nam, hưởng hồ là mười lăm năm của Trạc Tuyên.

*Hai em hỏi trước han sau,
Đừng trông chàng cũng trở sầu làm tươi.*

Hai đứa em hỏi tíu tí. Anh chàng thì đâu dám tới gần, tuy đã được gia đình chấp nhận, và đã được xem như là chồng của Kiều. Chỉ đứng đằng sau nhìn nhưng mặt mày chàng có vẻ tươi lắm. Một anh chàng Mỹ, Pháp hay Hòa Lan chắc là không chịu làm như vậy đâu. Để ý đọc với chánh niệm thì ta thấy tất cả khung cảnh và cách thức Á Đông hiện nay rất rõ trong này.

Trong đoạn này chúng ta không thấy cụ Nguyễn Du nói gì về sư chị. Sư chị đang đứng đâu và làm vì trong khi gia đình họ đoàn tụ? Khi đọc đoạn văn này tôi lại thấy rất rõ hình dáng của sư chị đang đứng đó và chứng kiến những gì xảy ra. Sư chị rất muốn xem cuộc hội ngộ này đem tới hạnh phúc như thế nào. Vì vậy sư chị rất chánh niệm. Sư chị đâu có đi vô nhà trong pha trà! Lúc này là lúc rất quan trọng. Sư chị đứng đó rất im lặng mà quan sát, có thể là trong góc sân, có thể là trước cửa chánh điện. Sư chị là một người thật sự thương sư em. Cố nhiên sư chị đã thấy trong lòng rồi: Có thể mình phải trả sư em lại cho gia đình sư em vì họ đã bị xa cách tới mười lăm năm. Tâm tư sư chị như thế nào? Tình thương của sư chị có vướng mắc không? Sư chị có muốn giữ sư em ở lại bên mình mãi mãi không? Hay sư chị hiểu được ước vọng của gia đình sư em và sư em? Tôi nghĩ rằng trong lòng sư chị đã có sự quyết định.

*Quây nhau lạy trước Phật đài,
Tái sinh trần tạ ân người từ bi.*

Sau khi nghe hết chuyện, gia đình Kiều mới thấy vai trò sư Giác Duyên rất là quan trọng trong đời sống Thúy Kiều. Cha mẹ đã sinh ra Kiều nhưng sư chị là người cứu Kiều, sinh ra Kiều lần thứ hai. Trong nguyên lục, Vương Ông đi về hướng Giác Duyên lạy xuống. Mẹ của Thúy Kiều, Vương Quan và Thúy Vân đều lạy theo. Cố nhiên, chàng Kim cũng phải làm như vậy thôi (tặng thân mà!) Nhưng mà Nguyễn Du đã sửa lại chút đỉnh. Cụ nói lạy Bụt. Cụ muốn Bụt và sư chị cùng trở thành đối tượng của sự biết ơn đó. Lạy Bụt tức là cũng lạy sư chị. Ở đây sự cung kính đẹp hơn. *'Tái sinh trần tạ ân người từ bi.'* Người chết rồi mà làm cho sống lại thì gọi là tái sinh. Đó là phận sự của sư chị hoặc sư anh. Là người tu thì phải biết cứu người. Giọt

nước Cam Lộ của Bụt có thể làm cho một người chết sống lại được. Giọt nước Cam Lộ trên cành dương liễu của đức Bồ Tát Quan Thế Âm tưới xuống một nhánh cây khô thì nhánh cây đó trở nên xanh tươi, mọc lá trở lại: ‘*Sái khô mộc nhi tác phùng xuân.*’ Người tu phải đạt cho được phép lạ đó. Phải có giọt nước từ bi để làm sống dậy những gì đã khô héo và chết đi vì đau khổ. Chữ ‘*người từ bi*’ cụ Nguyễn Du dùng có thể chỉ cho Bụt mà cũng có thể chỉ cho sư chị. Tùy quý vị chọn lựa. Trong nguyên lục thì nói rất rõ ràng là quay lại lạy sư chị. Cụ Nguyễn Du gần gũi với mình hơn. Dầu sao cũng có Bụt ở trên và sư chị dù sao cũng chỉ là học trò của Bụt. Sư chị cứu được mình tức là Bụt cứu mình. Nếu không có Bụt thì làm sao có sư chị? Lạy xuống Phật đài để tạ ơn Bụt và tạ ơn sư chị. Đó là chuyện rất hay, rất đúng. Tôi bằng lòng thái độ của cụ Nguyễn Du.

Chi tiết lạy này chứng tỏ sư chị đang không ở trong nhà bếp để nấu trà đãi khách. Sư chị có mặt một cách đích thực trong giờ phút đó. Chúng ta cũng có thể hiểu được lúc đó mọi người đã đi vào thảo am rồi; chuyện đoàn viên thì có thể xảy ra trước công chánh niệm. Sau khi lạy tạ Giác Duyên, ông bà nói: ‘Thôi bây giờ con về nhà!’

*Kiều hoa giục già tức thì,
Vương ông dạy rước cùng về một nơi.*

Cố nhiên, ban đầu Trạc Tuyên không muốn đi về, sư cô muốn tiếp tục tu vì sư cô đang có hạnh phúc. Trạc Tuyên nói: ‘Con đi tu rồi, làm sao về nhà được? Nhưng lý luận của bên gia đình là: ‘Con đi tu đã đành rồi, nhưng con phải có bổn phận với gia đình. Con là một người con, một người tình. Con phải trả cái nợ đó.’ Ở đây một câu hỏi được đặt ra người tu làm sao để trả nợ gia đình và xã hội. Đây là một chủ đề rất hay. Chúng ta sẽ tiếp tục ở đoạn sau. Ta sẽ thấy phản ứng của sư chị và của Kiêu.

---o0o---

TÌNH KIA HIẾU NỢ

*Kiều hoa giục già tức thì,
Vương ông dạy rước nàng về một nơi.*

Mười lăm năm bây giờ mới gặp lại con gái, đâu có thể để cho con gái ở lại đây được! Thế nào cũng phải đưa nó về. Đó là cái thường tình. Sư chị đã biết trước chuyện đó. Nhưng sư em không muốn về. Sư em rất thương sư chị

và muốn tu chứ không muốn trở về cuộc đời bụi bặm ở ngoài nữa. Đây là lời của sư em:

*Nàng rằng: ‘Chút phận hoa rơi,
‘Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.
‘Tỉnh rằng mặt nước chân mây,
‘Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?
‘Được rày tái thế tương phùng,
‘Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay.
‘Đã đem mình bỏ am mây,
‘Tuổi này gọi với cỏ cây cũng vira.*

- ‘Niềm ao ước sâu sắc của con bây giờ đã đạt được. Được gặp lại cha mẹ và các em là con thỏa nguyện lắm rồi! Con đã lớn tuổi rồi, và rất hâm mộ việc tu hành. Đứng về phương diện thể chất cũng như tâm hồn con đã chín muồi để có thể sống an lạc, hạnh phúc với đời sống xuất gia.’

*‘Mùi thiền đã bén muối dưa,
‘Màu thiền ăn mặc đã sưa nâu sồng.*

- ‘Con đã có hạnh phúc trong cuộc sống này rồi, con không muốn trở về cuộc sống thế gian nữa.’

*Sự đời đã tắt lửa lòng,
‘Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!*

- ‘Những phiền não, dục vọng, tham, sân, si, danh lợi... không còn trong lòng con nữa thì con trở về chốn bụi bặm làm chi?’ Lửa lòng ở đây là phiền não (affliction). Không có lửa dục, lửa tham, lửa sân nữa thì gọi là tắt lửa lòng. Nhưng đã có một thứ lửa khác nhem nhúm, đó là lửa tam muội, lửa từ bi. Đây là một sức sống mới. ‘Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi?’ Sự thực là như vậy. Nếu muốn lấy chồng thì có người chồng nào xứng đáng bằng Từ Hải không? Nếu muốn danh vọng thì có thứ danh vọng nào lớn hơn danh vọng của một vị đại phu nhân không? Thúy Kiều đã nếm hết tất cả những cái đó rồi và đã thấy những cái đó không đáng để cho mình phải bận tâm. Vậy thì còn gì trong cuộc đời Kiều mong muốn nữa? Đây là những câu nói rất thật.

*‘Dở dang nào có hay gì,
‘Đã tu tu trót qua thì thì thôi!*

Chúng ta nên biết rằng thời gian truyện Phong Tình Lục được viết chưa có đạo Phật hiện đại hóa, chưa có đạo Phật đi vào cuộc đời. Người ta vẫn nghĩ rằng giữa hai nếp sống xuất gia và tại gia không có gạch nối liên hệ. Đi tu là hoàn toàn khác, không dính líu gì với cuộc đời. Chúng ta bây giờ có cái nhìn khác. Vì cuộc đời cần nên chúng ta mới đi tu. Nếu tu đàng hoàng và thành công thì chúng ta có thể giúp được đời, trước hết là giúp gia đình chúng ta.

*‘Trùng sinh ân nặng bể trời,
Lòng nào nở dứt nghĩa người ra đi?’*

Lý do thứ nhất là: Con muốn tu, con đã có hạnh phúc trong đời sống tu học. Lý do thứ hai là: ‘Con thương sư chị con. Cha mẹ đã sinh con lần thứ nhất. Sư chị đã sinh ra đời sống tâm linh và giải thoát của con. Cái nghĩa đó con muốn báo đền. con muốn ở với sư chị.’ Rất dễ thương. Giải thoát cũng có mà tình nghĩa cũng có. Đủ hết. Tóm lại, những lý luận của Thúy Kiều không phải chỉ là lý luận. Nó là sự thật trong lòng Kiều.

Người cha lúc đó mới dùng lý luận ngoài đời để phản công lại: ‘Con còn có bốn phận với gia đình, và với người yêu. Con đã hứa với người ta bây giờ con đâu có thể làm ngơ dễ dàng như vậy được!’ Những người trong gia đình thuộc về phe đa số. Phải cứng cáp lắm và phải có tăng thân họa may mình mới địch lại nổi!

*Ông rằng: ‘Bỉ thứ nhất thì,
Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền.’*

Thử là cái này, *bỉ* là cái kia. *Nhất thì* là có khi. Cái này có liên hệ tới cái kia. Khi thì phải thế này, khi thì phải thế kia. ‘Tu hành thì tu chứ ai cấm? Nhưng mình phải biết linh động (tòng quyền)!’ Chữ *quyền* đi với chữ *kinh* (kinh quyền.) *Kinh* là con đường thẳng, có những nguyên tắc, cứ theo đúng như vậy mà làm là được. *Quyền* là linh động trong những trường hợp đặc biệt.

*‘Phải điều cầu Phật cầu Tiên,
Tình kia hiếu nọ ai đền cho đây?
Độ sinh nhờ đức cao dày,
Lập am rồi sẽ rước thầy ở chung.’*

- ‘Tu để thành Phật thành Tiên, chuyện đó tốt lắm! Cha cũng đồng ý. Nhưng vấn đề hiếu và tình là bốn phận của con người, con cũng phải giải quyết những vấn đề ấy chứ! Đối với gia đình con phải có bốn phận. Đối với người mà con đã thề nguyện con phải giải quyết. Cha đâu có cấm con tu nhưng mà con phải làm xong những chuyện đó rồi thì con mới tu được. Nếu con nghĩ rằng con có ân nghĩa với sư chị thì sau này mình sẽ làm một ngôi chùa cho đảng hoàng rồi mời sư chị tới tu chung có phải vui hơn không?’ Không biết ông có nghĩ thiệt như vậy không hay chỉ cố để an ủi để Kiều chấp nhận về nhà. Chúng ta nên biết ở Trung Hoa và Việt Nam quan niệm Hiếu và Tình rất quan trọng. Rất nhiều nhà Nho công kích đạo Phật là những người xuất gia không biết tình, không biết hiếu, bỏ bê bốn phận đối với gia đình, xã hội, quốc gia. Bên đạo Phật người ta phải tìm cách trả lời: Chúng tôi đi tu không phải là không đáp ứng những bốn phận đó. Ở đây cùng một vấn đề, khi được đặt trước một hoàn cảnh như vậy chúng ta không thể nào giải quyết được. Nói: ‘Thôi, ba má và hai em đi về đi! Con nhất định ở đây thôi! Thì không được. Đứng vào trường hợp này chúng ta thấy cũng khó lắm. Có lẽ trong Kiều có một ý định về thì về, giải quyết xong thì trở lại cuộc sống tu hành. Lúc bấy giờ Kiều không có ai hết, rất đơn côi. Sư chị thì không nói; sư chị tuy thương lắm nhưng chỉ đứng đó thôi. Sư chị là người có thương yêu, có hiểu biết. Sư chị không có ý niệm muốn tranh đoạt để giữ Kiều riêng cho mình. Trạc Tuyên biết rất rõ sư chị đang đứng đó và đã chứng kiến tất cả những gì đang xảy ra. Tôi chắc lúc này Trạc Tuyên đã ngược đầu lên nhìn sư chị đề cầu cứu, hay ít nhất là để hỏi. Tôi thấy rất rõ sư chị đang gật đầu nói: ‘Em đi đi. Em phải về. Chị có đức tin ở em.’ Vì vậy Trạc Tuyên đã đồng ý đi về với gia đình để lo giải quyết vấn đề. Bên kia, sau mười lăm năm mới tìm được Thúy Kiều, không có lý gì được thăm hỏi chút xíu rồi phải về. Phải kéo Kiều về chứ!

*Nghe lời nàng phải chiều lòng,
Giã sư giã cảnh đều cùng bước ra.*

Tôi nghĩ cùng đi tới am, ngoài gia đình của Thúy Kiều còn có một vài gia nhân hầu hạ của hai ông quan mới Kim Trọng và Vương Quan. Thế nào những người này cũng đã được phái đi đem võng lọng tới rước. Bấy giờ, có phương tiện chuyên vận, họ đi đường đảng hoàng chứ không phải đi tắt trong rừng lau nữa.

---o0o---

TRỜI CÒN ĐỂ CÓ HÔM NAY

Một nhà về đến quan nha,
Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy.
Tàng tàng chén cúc dở say,
Đứng lên Vân mới giải bày một hai:
Rằng: 'Trong tác hợp cơ trời,
'Hai bên gặp gỡ một lời kết giao.
'Gặp cơn binh địa ba đào,²¹⁶
'Vây đem duyên chị cột vào duyên em.
'Cũng là phận cải duyên kim,²¹⁷
'Cũng là máu chảy ruột mềm²¹⁸ chứ sao?
'Những là rày ước mai ao,
'Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình!
'Bây giờ gương vỡ lại lành,²¹⁹
Khuông thiêng lừa lọc đã dành có nơi.²²⁰
'Còn duyên may mới còn người,
'Còn vàng trắng bạc còn lời nguyện xưa.
Quả mai ba bảy đương vừa,²²¹
'Đào non sớm vội xe tơ kịp thì!'

Cô này cũng văn chương dữ! Trong việc đoàn viên, Thúy Vân đứng lên đề nghị làm đám cưới cho hai người. Chuyện này không phải do ông bố, bà mẹ, Vương Quan hay Kim Trọng khơi ra. Chính Thúy Vân đứng dậy khơi ra. Bởi vì Thúy Vân đứng ở địa vị thuận lợi hơn những người khác để làm việc này. Thúy Vân đang là 'chủ nhân' của Kim Trọng và đây là một xã hội đa thê.

Thúy Kiều nghe xong thì nói: 'Thôi đi cô!'

'Dứt lời nàng vội gạt đi:
'Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ?
'Một lời tuy có ước xưa,
'Xét mình dãi gió dầm mưa đã nhiều.
'Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
'Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi!'

Anh chàng lúc đó mới tấn công, can thiệp vào:

Chàng rằng: 'Nói cũng lạ đời,
'Dẫu lòng kia vậy còn lời ấy sao?
'Một lời trót đã thâm giao,

*‘Dưới dày có đất trên cao có trời.
‘Dẫu rằng vật đổi sao dời,
‘Từ sinh cũng giữ lấy lời tử sinh!
‘Duyên kia có phụ chi tình,
‘Mà toan chia gánh chung tình làm hai?’*

- ‘Mỗi lời mình nói ra đều có sự chứng kiến của trời cao đất dày. Lời hứa của mình là lời hứa sống chết. Dù sự vật có thay đổi, dù sao trên trời có dời đi chỗ khác mình vẫn giữ lấy lời của mình như thường. Anh đã làm lỗi gì để bây giờ em lại nói như vậy?’

Đây là lý luận của Kiều:

*Nàng rằng: ‘Gia thất duyên hài,
‘Chút lòng ân ái ai ai cũng lòng.*

Không ai là không nghĩ tới và mơ ước chuyện lứa đôi. Nhưng:

*‘Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
‘Hoa thơm phong nhị trắng vòng tròn gương.
‘Chữ trinh đáng giá ngàn vàng.
‘Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
‘Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
‘Ông qua bướm lại đã thừa xấu xa.
‘Bấy chầy gió táp mưa sa,
‘Mấy trắng đã khuyết mấy hoa cũng tàn.
‘Còn chi là cái hồng nhan,
‘Đã xong thân thế cò toan nổi nào?’*

- ‘Trong đạo vợ chồng, sự trong sáng, nguyên vẹn của người vợ rất là quan trọng. Nếu không có trinh tiết thì làm sao mà không khỏi thẹn thùng? Những đau khổ em đã đi qua dày xéo tất cả. Trong hoàn cảnh của em, không có bông hoa nào mà không tàn, không có mặt trăng nào mà không khuyết.’

*‘Nghĩ mình chẳng hổ mình sao,
‘Dám đem trần cấu dựa vào bó kinh!²²²
‘Đã hay chàng nặng vì tình,
‘Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru!*

- ‘Cố nhiên là chàng nặng chữ tình trong lòng. Nhưng nhìn vào hoa đèn em phải thấy thẹn chứ! Đây không còn là trường hợp ngày xưa nữa bởi vì em đã đi ngang qua biết bao nhiêu sóng gió và bão táp rồi!’

*‘Từ rày khép cửa phòng thu,
‘Chẳng tu thì cũng như tu mới là!
‘Chàng dù nghĩ đến tình xa,
‘Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ.’²²³
‘Nói ra chi kết tóc xe tơ,
‘Đã buồn cả ruột mà dơ cả đời!’*

Kiều vẫn còn tiếc muốn tiếp tục tu. Tốt nhất là được tu với sư chị, nếu bắt buộc phải ở lại trả hiếu cho cha mẹ thì vẫn phải tu ở nhà giống như người xuất gia vậy. Trong lòng Kiều đã có quyết định rồi, bởi vì Kiều không còn những phiền não và ước muốn chen chân vào chốn bụi hồng nữa. Kiều khuyên Kim Trọng đem tình yêu đổi ra tình bạn. Điều này có nghĩa là Thúy Kiều đã lớn, đã khai mở. Thúy Kiều không còn biết thứ tình gọi là tình đam mê nữa. Thứ tình đam mê mười lăm năm trước bây giờ đối với Thúy Kiều đã lạnh như tro tàn. Kiều đã học đường tình thương trong đạo Bụt, thứ tình giải thoát từ bi. Thấy rằng thứ tình này khỏe quá, đẹp quá và bổ dưỡng quá! Nó không đem lại những ray rứt. Tình cầm sắt sẽ gây sóng gió nhưng tình bạn thì chỉ đem lại an lạc và hạnh phúc thôi.

Anh chàng lại cãi:

*Chàng rằng: ‘Khéo nói lên lời,
‘Mà trong lẽ phải có người có ta!’*

- ‘Em định nghĩa chữ trinh như thế nào? Có lúc thì phải đi đường thẳng (kinh) nhưng có khi phải linh động (quyền). Lúc bình thường (khi thường) thì theo phương pháp kinh; gặp giai đoạn đặc biệt (khi biến) thì phải theo phương pháp quyền.’ Lý luận này giống hệt như lý luận của ông bố vợ. Anh chàng này chắc đi học trường luật.

*‘Nhu nàng lấy hiếu làm trinh,
‘Bụi nào cho đục được mình ấy vay?’;*

- ‘Cái trinh của em là cái trinh làm bằng chất liệu hiếu. Vì hiếu nên em phải bán mình, đi vào con đường kia. Cho nên đối với anh, em vẫn còn hoàn

toàn trong trắng.’ Nói cũng khéo lắm! Anh này rất có tài năng của một trạng sư!

*‘Trời còn để có hôm nay,
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời.*

Hai câu này rất hay! Thuộc về số những câu hay nhất trong truyện Kiều. Trời ở đây không phải là Thượng Đế, Ngọc Hoàng hay tạo hóa. Trời ở đây là tình trạng, hoàn cảnh. Ngày hôm nay chúng ta được gặp nhau, nhìn nhau, nắm tay nhau; tôi còn sống, anh còn sống, em còn sống để có thể ngồi uống trà với nhau, đi thiền hành, nhìn trăng với nhau... Ngày hôm nay quý vô cùng! Trời còn để có hôm nay. Chúng ta có được ngày hôm nay để sống, thở, nhìn thấy nhau là một phép lạ lớn. Nếu không biết sống, không tỉnh thức, an lạc và hạnh phúc thì chúng ta quá tệ! Đây là những tiếng chuông chánh niệm lớn. Nếu dịch ‘Trời’ là ‘God’ thì nói: ‘God has allowed today to be.’ Trời còn để có hôm nay. Đó là một giác ngộ rất lớn, một phép tỉnh thức. Chúng ta còn có được ngày hôm nay. Mỗi ngày là một tặng phẩm của đất trời. Không biết ngày mai như thế nào nhưng hôm nay mình có hôm nay đây. Ta phải làm thế nào để tỏ sự trân quý của mình đối với ngày hôm nay. ‘Trời còn để có hôm nay’ tức là mình còn may mắn lắm! Mình rất có hạnh phúc; được ngồi nhìn nhau, đưa tay ra thì chạm được người mình thương. Đọc câu này tôi cảm động rất sâu sắc. Cái thấy được diễn tả bằng sáu bảy chữ này là chánh niệm. Tất cả chúng ta đều có may mắn. Cố nhiên, chúng ta có thể có những rủi ro, đã đi qua những cơn cùng cực, khổ đau, thao thức, ba đào. Nhưng trời vẫn còn cho chúng ta có ngày hôm nay, vẫn để cho chúng ta sống tới ngày hôm nay để có thể tiếp xúc được với nhau, ngồi bên nhau. Trời còn để có hôm nay. Sáu chữ được làm bằng chánh niệm, tỉnh thức. Chánh niệm là gì? Là thứ năng lượng làm tan đi hết tất cả những u mê, thất niệm.

Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời.’ Câu thứ hai rày cũng rất mâu nhiệm. Cái ngõ mình đi ra đi vào buổi sáng có thể có sương mù, không cho mình thấy được đường. Nhưng bây giờ sương đã tan rồi. Mình thấy gì khi tan sương đầu ngõ? Mình thấy những bông hoa. Khi mây vén ra ở giữa trời thì mình thấy gì? Thấy trăng. Những đau khổ mình đã đi qua, cái đường hầm đen tối kéo dài mười lăm năm, mình nói rằng hoa đào mà không khuyết, trăng nào mà không tàn: ‘*Ấy vậy mà: ‘Trời còn để có hôm nay.*’ Khi mình thức tỉnh ra được, thấy được điều này thì; *Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời.*’ Lại thấy hoa và trăng trở lại. Hay như vậy đó! Sự thật là chúng ta còn có ngày hôm nay. Nếu chúng ta tiếp xúc được với cái hôm nay mâu nhiệm

thì cũng có nghĩa là những u mê, thất niệm, những trở lực thuộc tham, sân, si kia đều được vén ra. Tưởng là hoa tàn, ai dè hoa còn tươi hơn bất cứ lúc nào hết! *‘Trời còn để có hôm nay.’* Tiếp xúc được điều đó thì:

*‘Hoa tàn mà lại thêm tươi,
‘Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.*

Mình đã chuyên hóa được khổ đau. Những khổ đau trong quá khứ mười lăm năm đã trở thành có ích lợi. Rác đã trở thành hoa. Và dù mình có phải khổ trong mười lăm, hai mươi hay ba mươi năm đi nữa nếu mình giác ngộ được rằng: *‘Trời còn để có hôm nay’* thì mình đã không có gì mất hết. Trái lại, hoa còn tươi, trăng còn sáng hơn xưa.

*Có điều chi nữa mà ngờ,
‘Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu!’²²⁴
Nghe chàng đã nói hết điều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.*

Anh chàng là trạng sư mà! Cả nhà về phe Kim một trăm phần trăm, bắt Kiều phải làm đám cưới với anh chàng cho được. Sư chị ở đâu mà không tới giúp em? Mới biết tăng thân là cần lắm!

*Hết lời khôn lẽ chối lời,
Cúi đầu nàng những ngẩn dài thở than.*

Trong nguyên lục, sau khi chấp nhận làm lễ, Kiều nói: ‘Em làm lễ như vậy để mọi người vui thôi, nhưng em cương quyết không sống đời vợ chồng như thế thường. Em chỉ muốn sống với gia đình và với người yêu cũ thì em sẽ sống như bạn thôi chứ sẽ không có chuyện chẵn gói. Thà rằng chết chứ em không làm chuyện đó nữa. Em đã thoát nó rồi!’ Phải làm tròn bổn phận của một người con, một người chị và của một người đã thề nguyện. Mình còn sống trong cuộc đời này nhưng lòng của mình đã là lòng của một người tu. Phật giáo nhập thế! Kiều bây giờ có bản lĩnh lắm! Chúng ta sẽ chứng kiến việc Kiều dạy cho Kim Trọng tu. Nhờ đọc nguyên lục tôi khám phá ra những chi tiết không có trong truyện Kiều bằng chữ Nôm.

Gia đình Kiều chưa hiểu Kiều. Chưa biết Kiều đã đi rất xa trên đường tu tập. Kỳ này sư chị đã dạy sư em rất đàng hoàng. Bao nhiêu những đam mê, danh vọng, phiền não của Kiều đã tiêu tan. Kiều không thể nào trở về cuộc sống bụi bặm, trần tục như xưa nữa. Kiều có thể sống trong cuộc đời

mà không bị cuộc đời làm ô nhiễm. Kiều nói thật, rất rõ trong nguyên lục: ‘Con chiều cha mẹ. Em chiều anh. Làm lễ thì làm để cho trọn, đẹp về phương diện hình thức. Nhưng em rất ham tu. Không ép em được. Một là em chết, hai là để em sống cuộc đời của người tu trong lòng gia đình này. Nếu bắt con phải làm như người khác thì con sẽ chết. Con không thấy hạnh phúc trong nếp sống đó nữa.’ ‘Ôi! Con gái nói bè ngoài như vậy thôi! Đến lúc đó thì nó sẽ làm khác!’ Ai cũng nghĩ như vậy. Nhưng sự thực, Kiều đã làm đúng như Kiều nói.

---o0o---

GƯƠNG TRONG CHẴNG CHỨT BỤI TRẦN

*Nhà vừa mở tiệc đoàn viên,
Hoa soi ngọn đuốc hồng chen bức là.²²⁵
Cùng nhau giao bái một nhà,
Lễ đà đủ lễ đôi là xứng đôi.
Động phòng dẫu đặt chén môi,
Bâng khuâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa.
Những từ sen ngó đào tơ,
Mười lăm năm mới bây giờ là đây!*

Từ *sen ngó đào tơ* là từ hồi còn trẻ, mười lăm năm về trước; bây giờ lời thề mới được thực hiện. Đối với Kim Trọng và những người trong gia đình, đây là một đám cưới thật sự. Nhưng đối với Kiều, đây là chiều thế gian cho người ta có một hình thức mà thôi. Kiều nhất quyết đi trên con đường thoát tục, không đi theo cuộc đời thế gian nữa.

*Tình duyên ấy hợp tan này,
Bi hoan mấy nổi đêm chầy trăng cao.*

Tối hôm đó sau khi ăn tiệc, cả nhà chúc hai người có hạnh phúc rồi rút lui. Tất cả họ nghĩ rằng họ sẽ ăn nằm với nhau. Nhưng hai người đã ngồi nói chuyện đến khuya.

*Canh khuya bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ dạng má đào thêm xuân.*

Kim Trọng nhìn lại thấy Thúy Kiều còn đẹp quá dưới ánh đèn.

*Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình.*

Ngày xưa Thúy Kiều đẹp mê hồn, bây giờ Kiều vẫn rất đẹp. Thúy Kiều là bông hoa ngày xưa, Kim Trọng là con ong cũ. Con ong lại muốn đi thăm bông hoa. Kim Trọng là người chưa giải thoát, vẫn muốn có liên hệ nam nữ với Thúy Kiều trong đêm đó. Nghĩ rằng sau khi đã uống rượu thề bồi, chứng tỏ mình có nhiều thương yêu và tình nghĩa rồi thì thế nào rồi Kiều cũng chịu. Nhưng Kiều cự tuyệt. Ở đây, cụ Nguyễn Du rất kín đáo tế nhị, không nói ra những điều đó.

*Nàng rằng: ‘Phận thiếp đã đành,
‘Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!
‘Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
‘Chiều lòng gọi có xướng tùy²²⁶ mấy may.
‘Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
‘Cũng đà mặt dạn mày dầy khó coi!
‘Nhưng như âu yếm vành ngoài,
‘Còn toan mở mặt với người cho qua.
‘Lại như những thói người ta,
‘Vớt hương dưới đất bẽ hoa cuối mùa.
‘Cũng là giờ nhuốc bày trò,
‘Còn tình đâu nữa mà thù đay thôi!
‘Người yêu ta xấu với người,
‘Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau!*

Kiều nói rằng chấp nhận cái đám cưới này, dù chỉ là đám cưới hình thức, Kiều cũng cảm thấy xấu hổ lắm rồi. Còn nếu phải làm chuyện đó thì thà Kiều chết đi mà còn đẹp hơn. Lý do của Kiều là hai người không còn xứng đôi nữa. Nếu Kiều chấp nhận làm việc đó với Kim Trọng tức là Kiều không đối xử đẹp với Kim Trọng. Cái tình của hai người sẽ mất đẹp đi và chỉ còn lại sự bẽ bàng, thù nghịch. Một lý do khác là Kiều đã tu, đã nếm được mùi tịnh lạc và thấy hạnh phúc chân thật là như thế nào rồi thì không thể trở về chuyện đó được. Cũng như ăn chay đã từ lâu ngày mà cho mình một tô canh cá hay canh cua thì ăn làm sao được nữa!

*‘Cửa nhà dầu tính về sau,
‘Thì con em nó lọ cầu chị đây.*

- ‘Nếu cần phải có con nôi dãi thì đã có Thúy Vân rồi, đâu có cần phải em.’

*‘Chữ trinh còn một chút này,
‘Chẳng cầm cho vững lại dãi cho tan!
‘Còn nhiều ân ái chan chan,
‘Hay gì vậy cái hoa tàn mà chơi?’*

- ‘Cái đẹp duy nhất còn lại của em là tấm lòng và cuộc sống tu hành. Xin anh hãy giữ gìn cho em.’

Trong lòng Kim Trọng phát sinh một niềm kính ngưỡng chưa bao giờ có đối với Kiều. Kim Trọng nói:

*Chàng rằng: ‘Gắn bó một lời,
‘Bỗng không cá nước chim trời lữ nhau
‘Xót người lưu lạc bấy lâu,
‘Tưởng thề thốt nặng cũng đau đớn nhiều.
‘Thương nhau sinh tử đã liều,
‘Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.*

- Chúng ta đã thề thốt với nhau và đã phải xa nhau! Vì thương mà liều sống chết để tìm nhau. Gặp nhau là cũng chỉ mong được thấy nhau bình yên thôi!’

*‘Chừng xuân tỏ liễu còn xanh,
‘Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái ân.
‘Gương trong chẳng chút bụi trần,
‘Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm!*

- ‘Anh tưởng em còn trẻ thì em cũng như những người con gái khác. Nhưng anh nhận ra rằng tâm hồn em rất trong sáng, không vương một hạt bụi nào cả. Càng nghe em nói anh càng kính phục em thêm!’

*‘Bấy lâu đày bể mò kim
‘Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa?’*

- ‘Lâu nay anh đi tìm em là vì lời thề vàng đá chứ đâu phải là để tìm chuyện chẵn gối!’ Nói rất hay! Có lẽ cũng có sự thật trong lời nói của Kim,

nhưng chỉ được mấy chục phần trăm thôi. Trước đó anh ta đã ép nhưng đã bị Kiều cự tuyệt. Bây giờ phần hoa nổi lên, phần rác đi xuống.

*‘Ai ngờ lại hợp một nhà,
‘Lọ là chẵn gói mới ra sắt cầm!’*

- ‘Đâu cần phải chẵn gói với nhau mới là vợ chồng chân thật!’ Anh chàng nói triết lý! Anh chàng chấp nhận điều đó. Nếu Kim Trọng là một người vũ phu thì chàng đâu đã nghe được những điều Thúy Kiều nói. Ép thì hư hết! Kim Trọng là người có khả năng nghe và chấp nhận, chuyển hóa. Chúng ta cũng thấy trong Thúy Kiều có khả năng của đức Quán Thế Âm đã đi vào cuộc đời để dìu dắt người ta đi về hướng giải thoát.

*Nghe lời sửa áo cài trâm,
Khẩu đầu lay tạ cao thâm nghìn tròng:
‘Thân tàn gạn đục khơi trong,
‘Là nhờ quân tử khác lòng người ta.*

- ‘Chàng là người rất đặc biệt, không phải tầm thường!’ Thật ra quân tử ban đầu không khác lòng người ta lắm, cũng đòi hỏi như người ta vậy. Nhưng nhờ có giáo dục chàng mới được như vậy. Cái lay này làm cho Kim Trọng kết cứng. Cái lay nặng nghìn cân!

Gạn đục khơi trong có nghĩa là tu tỉnh và chuyển hóa lại. Những gì xấu mình làm cho tốt, những gì đục mình làm cho trong, những gì héo mình làm cho tươi. Đó là công phu tu học. *Gạn đục khơi trong* là như vậy. Trong chúng ta luôn luôn có rác và hoa. Chúng ta tu học để chuyển rác thành hoa. *Gạn đục khơi trong* là do công phu tu hành mà có. Thúy Kiều nói: *Thân tàn gạn đục khơi trong, Là nhờ quân tử khác lòng người ta.* Thật ra không phải nhờ Kim Trọng mà nhờ bản thân Thúy Kiều đã tu học, đã chuyển hóa. Bây giờ Thúy Kiều hồi tưởng công đức cho Kim Trọng, nhưng Kim Trọng chỉ là một trong những điều kiện để giúp Kiều có thể tiếp tục được con đường tu học đó thôi. Ở đây, Kiều sử dụng ái ngữ: ‘Sở dĩ em được như vậy là nhờ anh.’ Đây là một phương tiện quyền xảo của người tu. Anh chàng chỉ mới hứa thôi. Nói như vậy để anh ta giữ vững lời hứa của mình. Không quên ‘*Thận chung như thận thủy*’, sau cũng giữ được như trước. Có nhiên, ‘*khác lòng người ta*’ tức là Kim Trọng hiểu được chí hướng của Kiều và tôn trọng chí hướng đó. Đây là một điều đáng khen về phía Kim Trọng. Nhưng yếu tố căn bản để làm cho ‘*gạn đục khơi trong*’ là cái thấy, là sự tu

học của Thúy Kiều. Cái hiểu và lời hứa của Kim Trọng là một trong những điều kiện yểm trợ cho sự hành trì đó thôi.

*‘Mấy lời tâm phúc ruột rà,
‘Tương tri đường ấy mới là tương tri!’*

- ‘Những lời anh vừa nói là thật từ trong tâm, trong ruột đi ra. Không phải là lời nói ngoại giao. Hiểu nhau như vậy mới thật là hiểu nhau. Anh đã hiểu được em rồi thì anh là người đích thật thương em.’ Sư chị không biết bây giờ ở đâu nhưng nếu thấy được sư em hành xử như vậy chắc chắn sư chị mừng lắm! Công phu dạy dỗ của sư chị rất thành công.

Khi hai người bạn hiểu nhau thì gọi là bạn tương tri. Trong đạo Bụt chúng ta đã học rằng có hiểu thì mới thương được. Chưa hiểu nhau thì chưa thương nhau. Chưa hiểu nhau sâu sắc thì chưa thương nhau sâu sắc. *‘Tương tri đường ấy mới là tương tri.’* Câu nói của Kiều rất phù hợp với chánh pháp. Kiều nói sự thật, không phải nói dối. Ngôn ngữ của Kiều làm cho mạnh hơn ý chí của người con trai. Kiều biết rằng người con trai đó thông minh nhưng có thể yếu đuối. Kim Trọng đã có nghe Kiều nói rằng làm lễ chẳng qua là để cho đẹp về hình thức thôi chứ. Kiều không muốn sống đời vợ chồng dung thường. Mọi người, trong đó có Kim Trọng, nghĩ rằng những cô gái sắp về nhà chồng là ưa nói như vậy, kỳ thực đến lúc đó là mình tiến tới một bước thì các cô sẽ chấp thuận. Trong trường hợp này sự tình đã không xảy ra như vậy. Vì đứng về phương diện tâm linh và kinh nghiệm sống mà xét thì Thúy Kiều đã đứng vào vị trí một người thầy về mặt tu học và tâm linh. Kim Trọng tìm ra sự thật rằng người con gái này không còn là người con gái mình yêu ngày xưa nữa. Người con gái ngày xưa cũng đã giữ giới: ‘Anh đừng làm như vậy. Làm như vậy sẽ hỏng hết!’ Bây giờ chuyện lặp lại lần thứ hai, Thúy Kiều lại gạt ra một lần nữa. Nhưng kỳ này không phải là Thúy Kiều giữ giới. Thúy Kiều không cần giữ giới nữa. Thúy Kiều đã có kinh nghiệm trực tiếp về sự sống, về giá trị của vật dục, dục lạc. Vì vậy Kiều đã tới trình độ không cần giữ giới nữa mà giới vẫn được giữ như thường. Thúy Kiều đã ốn chuyện đó tới xương tới tủy cho nên không cần giữ giới mà giới vẫn được giữ. Khác nhau ở chỗ đó. Ngày xưa chàng sinh viên tiến tới thì cô Kiều giữ giới. Bây giờ cũng chàng sinh viên đó, già hơn và làm quan rồi, đứng về phương diện hình thức thì đã là chồng của Kiều rồi, chàng sinh viên tiến tới thì Thúy Kiều không cần giữ giới mà chàng sinh viên đó cũng không phạm giới. Giữ giới là khi nào mình còn yếu. Khi mình giải thoát rồi thì không cần giữ Giới mà Giới vẫn được giữ. Vua Trần Thái Tông ngày xưa, trong sách Khóa Hư, cũng có viết như vậy. Nói rằng khi mới tu học thì

chúng ta cần phải niệm Bụt, tụng Kinh và giữ Giới nhưng khi chúng ta đã giải thoát rồi thì: *‘đâu còn Bụt để mà niệm, Kinh nào để mà tụng, Giới nào để mà trì!’*. Ở đây chúng ta phải hiểu như vậy. Ngày xưa Kiều đã giữ giới như một cô thiếu nữ. Bây giờ Kiều đã vượt ra khỏi, đã giải thoát rồi, Kiều không giữ Giới mà Giới vẫn được tôn trọng. Kiều trở thành người dạy cho Kim Trọng. Người đàn bà Đông phương rất hay, họ dạy mà không có vẻ là dạy. Vẫn có vẻ như tuân phục người đàn ông nhưng kỳ thực trong đó họ hướng dẫn người đàn ông đi theo.

*‘Thân tàn gạn đục khơi trong,
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
Mấy lời tâm phúc ruột rà,
Tương tri đường ấy mới là tương tri!’*

Rất khéo. Càng nói thì càng buộc người con trai vào lời hứa. Chúng ta thấy Kiều rất giỏi về tâm lý.

*‘Chở che đùm bọc thiếu gì,
Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay!’*

- ‘Từ đây trở về sau anh sẽ là người hộ pháp, chở che, đùm bọc em.’ *Chở che đùm bọc* là một lời khen lớn chứ không phải là thường. Trong văn chương người ta nói ơn *‘trời che đất chở’* (*thiên phú địa tải.*) Trái đất chở mình và bầu trời che mình. Coi người kia như trời đất, cho người kia trở thành rất quan trọng. Người kia khi đã lãnh một sứ mạng như vậy thì không còn có thể đi lui được nữa. Ôn che chở, lượng đùm bọc. Đùm bọc là nói về lượng. Biển có thể bao hàm được nhiều và mùa xuân có thể nuôi được nhiều. *‘Xuân dục hải hàm chi lượng’* tức là lượng như lượng của biển cả và của mùa xuân. Trong bản tiếng Nôm, cụ Nguyễn Du nói: *‘Khẩu đầu lay tạ cao thâm nghìn trùng.’* Trên hình thức như thế thì như lay tạ một người, người đó là người hiểu thương mình, nhưng kỳ thực là lay tạ cả Trời, Đất, mùa Xuân và Biển cả. Muốn rằng người kia đại diện cho Trời, Đất, mùa Xuân và Biển cả chở che và đùm bọc cho mình. Chúng ta thấy trí tuệ cũng như sự khôn khéo của Kiều rất lớn. Và chúng ta biết Kiều đã lớn lên, trưởng thành và chín chắn trong con đường tu học. *‘Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay!’* Đêm nay là cái đêm mà chàng phát nguyện tu học và tôn trọng nếp sống tâm linh của nàng.

Trong nguyên lục, sau khi Kiều đã nói cho Kim Trọng nghe ý chí của mình thì Kim Trọng giật mình nói: *‘Tình của em là một thứ tình rất trinh*

liệt. Vậy anh đâu còn dám mơ tưởng đến thứ tình tằm thường như trước nữa.’ Cũng trong nguyên lục, Kiều làm mười bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt (năm chữ bốn câu) để hướng dẫn cho Kim Trọng thấy được chí hướng của mình và tỏ ý khuyên Kim Trọng cũng nên bắt đầu tu học. Thúy Kiều dạy Kim Trọng rất tế nhị. Kiều khuyên Kim Trọng đem hết thông minh tài trí và đức hạnh ra để làm quan. Kiều chia sẻ cái hay nhất của mình trong đời sống tu hành và khuyên Kim Trọng cũng nên thực tập để vượt thoát những vướng víu, buồn lo, khao khát trong lòng. Đây là bài thơ thứ mười của Kiều, chép trong nguyên lục:

*Kim nhật trùng kiến lang
Bất phục tri hữu tử
Nguyên quân tảo định tình
Thận chung như thận thủy.*

Tôi dịch:

*Hôm nay gặp lại chàng
Tử sinh em đã vượt
Xin chàng sớm định tâm
Giữ gìn sau như trước.*

Đưa ra mười bài thơ, Kiều nói thêm: ‘Mười bài thơ nói lên cái tình của em.’ ‘*Thử thiếp tình giả*: đây là tình của em; một thứ tình rất trong sạch, nhẹ nhàng, giải thoát. ‘*Nguyên di quân tình dĩ tưu ngã*’: xin anh đời tình của anh tới để gặp tình của em. Tình em là tình đã vượt, đã tới. Tình anh đang còn vướng mắc. Anh hãy định tâm lại, hãy chuyển, đời tình anh tới để gặp em. Vì em không thể nào lui được. Một con gà con sau khi đã san ra không thể nào lại chui vào trong vỏ trứng được nữa. Đó là ý của Kiều. Đọc nguyên lục có cái lợi là ta có thể thấy được những chi tiết không có trong tác phẩm của cụ Nguyễn Du.

Đây là một người đàn bà đã khổ đau, đã tu học, đã đạt tới giác ngộ và có khả năng giúp người đàn ông. Kim Trọng là người rất thông minh, giật mình thấy được rằng người đang ngồi với mình tối hôm nay là một con người hoàn toàn khác, không phải là người con gái năm xưa nữa. Mười lăm năm đã biến nàng thành một người chín chắn, một người mà mình không thể coi thường được. Một người có thể dạy mình và soi sáng cho mình.

---o0o---

CUỐN DÂY TỪ ĐÂY VỀ SAU CŨNG CHỮA

*Thoát thôi tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nét càng say vì tình.
Thêm nến giá nổi hương bình,
Cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao hoan.*

Hai bên lại uống rượu. Chúng ta biết Trạc Tuyên đã giữ giới rồi, chắc chỉ uống trà thôi chứ đâu có uống rượu được. Nếu uống say thì làm sao dạy được người ta!

*Tình xưa lai láng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.*

Đây là Kim Trọng, nhớ lại những kỷ niệm ngày xưa, muốn Kiều đàn cho mình nghe một lần nữa. *'Tình xưa lai láng khôn hàn'* là tâm trạng của Kim Trọng. Tình ngày xưa còn lai láng. Anh chàng đã hứa rồi nhưng chưa hứa đủ, phải thực tập nữa. Kiều biết rất rõ điều đó cho nên cô mới buộc anh phải tu để có thể giữ được trọn lời hứa. *Tình xưa lai láng* nghĩa là quá khứ vẫn còn mạnh. *Khôn hàn* là không thể nào ngăn chặn lại được.

*Nàng rằng: 'Vì mấy đường tơ,
Lắm người cho đến bây giờ mới thôi!'*

- 'Anh biết không, chính vì bản đàn đó mà em đã khổ suốt đời!' Thi ca, âm nhạc, hội họa... có thể ảnh hưởng trên đời mình rất nhiều. Nếu không cẩn thận, không chánh niệm khi thưởng thức những bản nhạc, bài thơ... mình sẽ đi sâu vào sào khố. *Lắm người* là đẩy con người đi tới chỗ lầm lạc. *Lắm* ở đây là wrong view, cái thấy sai lầm về cuộc đời. Câu nói của Kiều có nghĩa là mình phải cẩn trọng trong khi tiêu thụ những sản phẩm của âm nhạc hay văn học, vô tuyến truyền hình, âm nhạc... đóng một vai trò rất lớn trong cuộc đời mình. Nếu tiêu thụ những sản phẩm đó mà không có chánh niệm thì mình sẽ khổ suốt đời. Điều này rất rõ trong thế giới của chúng ta. Nếu chúng ta cho trẻ em tha hồ tiêu thụ những sản phẩm văn hóa như vô tuyến truyền hình, âm nhạc, trò chơi điện tử thì các em sẽ khổ suốt đời vì các sản phẩm ấy có thể có rất nhiều độc tố. Bản đàn Thúy Kiều sáng tác hồi nhỏ là kết quả của những hạt giống sào khố, đen tối, chán đời. Có thể những hạt giống đó đã được trao truyền lại, Thúy Kiều đã không biết để

chuyển hóa mà vẫn để nền âm nhạc đau thương đó trấn ngự đời mình và dẫn mình đi về những nẻo đường không sáng sủa.

*Nàng rằng: 'Vì mấy đường tơ,
Lắm người cho đến bây giờ mới thôi!'*

Những bài mình hát hàng ngày vận vào mình và đưa mình đi theo ngả của nó. Ở Sài Gòn, vào khoảng năm 1950, bọn con nít hát nghêu ngao ngoài đường '*Ôi ta buồn ta đi lang thang, bởi vì đâu?*' Con nít mới có sáu bảy tuổi mà hát những câu như vậy thì đời của chúng đi về đâu? Chúng ta thấy ngay ở trong giới Phật tử cũng có những bài hát rất sâu đau: '*Ngài ra đi, từ ly, vợ hiền con yêu dấu...*' Nhạc rất sâu đau, không có gì phản ảnh tính cách giải thoát của đạo Phật hết. Những bài thơ cũng vậy. Chúng ta thấy rất nhiều bài thơ và nhiều bài nhạc được sáng tác gần đây cho thiếu nhi mang nặng rất nhiều tính chất khổ đau. Và như vậy, không có Phật chất. Chúng ta có những bài hát như: '*Boong Boong, Tôi là chuông đại hồng...*' hát lên thấy sáng khoái, mạnh mẽ. Còn những bài như *Trái Tim Bò Tát*, tuy rằng để ca ngợi đức Hòa thượng Quảng Đức nhưng giọng rất sâu khổ; hát lên thì tát cả sẽ giống như những cây liễu rũ. Chúng ta thử nghe một vài bài rồi mới biết những bài hát đó tưới những hạt giống sâu đau trong chúng ta.

*'Ăn năn thì sự đã rồi!
Nể lòng người cũ vâng lời một phen.'*

- 'Nhưng nể anh là một người bạn thân thiết nhất đời nên em sẽ vâng lời đàn một lần nữa.' Nhưng Kiều đã biết trước rằng lần này mình đàn thì bản đàn sẽ khác vì tâm linh đã giải thoát rồi. Khi tâm mình đã giải thoát rồi thì chạm đến cái gì là cái đó chuyển hóa. Kiều ó một đức tin rất lớn ở nơi mình.

Bản nhạc Kiều sáng tác có tên là *Bạc mệnh* (số phận mỏng manh.) Mới có mười sáu, mười bảy tuổi mà đã làm ra một bản nhạc tên là '*số phận mỏng manh*!' Chúng ta thấy lối giáo dục đó, lối thưởng thức văn nghệ đó, không lành mạnh. Cho nên khi thấy có một người học trò làm ra một bản nhạc buồn thì tôi nói liền: '*Bài này buồn con ơi! Nên làm một bài khác vui hơn.*' Chê là chỉ chê cái đó thôi chứ không chê kỹ thuật. Ở bên Mỹ có một thầy ngâm thơ rất hay nhưng có nhiều lúc thầy ngâm những bài thơ buồn quá, thầy khóc nức nở trong khi ngâm. Tôi nói: '*Không được! Mình là người tu, mình không có quyền như vậy!*' Không được đầu độc mình và đầu độc những người xung quanh. Những bài thơ mình ngâm phải là những bài hùng

trắng, có tính cách giải thoát. Khi mình đã làm cây lệ liễu rồi thì mình sẽ làm cho người xung quanh mình khóc hết. Lúc đó mình đang ‘phản tuyên truyền’ giáo lý của mình, giáo lý của giải thoát.

Trong truyện Kiều có một số đoạn thi sĩ Nguyễn Du tả Kiều đàn. Lần đầu tiên là đàn cho Kim Trọng nghe khi hai người mới gặp nhau. Kim Trọng yêu cầu: ‘Nghe đồn em đàn rất hay. Em đàn cho anh nghe đi! Thúy Kiều đem bản nhạc hay nhất của mình, *Bạc mệnh* ra đàn:

*So vắn dây vũ dây vắn,
Bốn dây to nhỏ theo vắn cung thương.
Khúc đầu Hán Sở chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Khúc đầu Tư Mã Phụng Cầu,
Nghe ra như oán như sầu phải chăng!
Kê Khang này khúc Quảng Lăng,
Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân.
Quá quan này khúc Chiêu Quân,
Nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.
Ngọn đèn như tỏ như mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc khi chau đôi mày.*

Anh chàng ngồi không yên được vì bản đàn đau buồn quá đi! ‘*Khi tựa gối khi cúi đầu, Khi vò chín khúc* (tức là đau ruột) *khi chau đôi mày.*’ Buồn quá!

*Rằng: ‘Hay thì thật là hay,
‘Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.
‘Lựa chi những bạc tiêu tao,
‘Đột lòng mình cũng nao nao lòng người?’*

Kim Trọng trách Thúy Kiều tại sao lại đàn một bài buồn quá như vậy. Thúy Kiều đáp”

*Rằng: ‘Quen mắt nét đi rồi,
‘Tê vui thôi cũng tính trời biết sao!*

Trời trao cho mình chất đó thì mình chịu thôi!’ Mà Trời nào? Đó là hạt giống của ông bà cha mẹ trao lại hoặc do từ giáo dục và thói quen mang tới.

Một lần khác, Kiều bị bắt buộc phải đánh đàn cho Thúc Sinh nghe; người buộc Kiều là vợ cả của Thúc Sinh, Hoạn Thư:

*Tiểu thư cười nói tỉnh say,
Chưa xong cuộc rượu đã bày trò chơi.
Rằng; ‘Hoa nô đủ mọi tài,
‘Bàn đàn thử dạo một bài chàng nghe!’*

Kiều phải đàn với tư cách của một người đầy tớ chứ không phải với tư cách của người yêu như cũ:

*Nàng đà tán hoán tê mê,
Vâng lời ra trước bình the vắn đàn:
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!
Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ người trong khóc thẳm.
Giọt châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu chàng những gạt thẳm giọt Tương.*

Thúc sinh ngồi trên bàn tiệc khóc nức, không thể dừng lại được. Tiếng đàn Kiều ai oán quá! Hoạn Thư rầy: ‘Mày đàn cái bài gì mà dữ dội quá vậy, ác ôn quá vậy! Mày làm cho chàng khóc! Đó là tội của mày! ‘Nhưng Thúy Kiều đâu thể đàn một bài vui được! Chất nghệ thuật của nàng là chất sâu cảm.

Một lúc khác Kiều phải đàn cho một cuộc liên hoa, tổ chức bởi quan lớn Hồ Tôn Hiến để ăn mừng thắng trận. Hồ Tôn Hiến vừa lừa và giết được Từ Hải, chồng của Kiều.

*Trong quân mở tiệc hạ công,
Xôn xao tơ trúc hội đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến dưới màn,
Dở say lại ép cung đàn nhật tâu.*

*Một cung gió thổi mưa sâu,
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay.
Ve ngâm vượn hót nào tà,
Lọt tai Hồ cũng nhận mảy rơi châu.*

Cũng bài đó. Một cung đàn mà làm cho gió phải thổi, mưa phải sâu. Tiếng đàn lâm ly ai oán như có máu chày trên ngón tay người đàn. Con ve mùa hè than khóc cũng không buồn như vậy. Con vượn trong rừng sâu kêu thương khi con chết cũng không đau khổ đến thế. Ai ngồi trong tiệc cũng phải khóc, kể cả người anh hùng chiến thắng là Hồ Tôn Hiến. Tâm trạng của Kiều lúc đó là tâm trạng đũa khô cùng cực.

*Hỏi rằng: ‘Này khúc ở đâu?
‘Nghe ra muôn oán nghìn sầu lắm thay!’
Thưa rằng: ‘Bạc mệnh khúc này,
‘Phổ vào tay ấy những ngày còn thơ.
‘Cung cầm lựa những ngày xưa,
‘Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây!’*

- ‘Ngày xưa đã chọn loại âm nhạc đó. Bây giờ kết quả là đây. Quan lớn nhìn vào thì thấy!’ Nhưng đau khổ chỉ cho Thúy Kiều biết là mình đã đi lầm đường trong sự thưởng thức âm nhạc, nghệ thuật. Vì vậy bây giờ Thúy Kiều nói một cách rất rõ ràng với Kim Trọng:

*Nàng rằng: ‘Vì mấy đường tơ,
Lầm người cho đến bây giờ mới thôi!
‘Ăn năn thì sự đã rồi!
‘Nể lòng người cũng vâng lời một phen.’*

Và bây giờ cụ Nguyễn Du tả Thúy Kiều đàn cho Kim Trọng nghe sau mười lăm năm gặp lại. Lần này, tiếng đàn của Thúy Kiều không còn như ngày xưa vì tâm Kiều đã giải thoát:

*Phím đàn dìu dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa.
Khúc đâu đầm ấm dương hòa,
Ấy là hồ điệp hay là Trang Sinh?²²⁷
Khúc đâu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục đế hay mình đồ quyển.²²⁸
Trong sao châu nhỏ duyên duyên,²²⁹*

Ám sao hạt ngọc Lam Điền mới đông.²³⁰

Khúc nhạc nghe đầm ấm, khoan hòa như ánh dương. Nhàn nhã, xuất thế như Trang Sinh hóa bướm. Trong như hạt ngọc trai phản chiếu ánh trăng soi trên vùng bể. Ấm như một hạt ngọc ở Lam Điền vừa mới đông lại. Đây là những hình ảnh tả sự ấm áp, trong trẻo, tươi xuân của bản đàn. Không có chất liệu đau khổ ngày xưa nữa vì tâm của người đánh đàn đã được chuyển hóa.

*Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng nỡ nùng xôn xao.*

Kim Trọng nghe bản nhạc rất ngạc nhiên:

*Chàng rằng: ‘Phở ấy tay nào,
‘Xưa sao sâu thăm nay sao vui vậy?
‘Tẻ vui hỏi tại lòng này,
‘Hay là khổ tận tới ngày cam lai?’*

Vui khổ là tại nhận thức của mình hay là vì mình hết cái đắng (khổ) thì tự nhiên cái ngọt (cam), cái vui đến? Đó là câu nói triết lý của chàng Kim Trọng. Anh chàng bắt đầu thám giáo lý Duy Tâm. Buồn hay vui đều là do tâm.

Câu trả lời của Thúy Kiều càng làm rõ hơn điều Kiều đã tuyên bố trước đó về vấn đề thương thức văn nghệ.

*Nàng rằng: ‘Vì chút nghề chơi,
‘Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu!
‘Một phen tri kỷ cùng nhau,
‘Cuốn dây từ đây về sau cũng chừa.’*

Vì ham chơi nhạc sầu khổ mà tiếng nhạc đoạn trường (đứt ruột) đã hại mình biết bao nhiêu năm tháng. Cứ ngồi mà ủ rũ hát những bài *Nam Ai, Nam Bình, Tiếng Xưa, Đêm tàn bến Ngự...* và *sáu câu vọng cổ* thì dân tộc có thể vươn lên được hay không? Tuy rằng trong đó có chút ít quốc hồn quốc túy thật nhưng đó chỉ là những đau thương của dân tộc được ghi chép lại. Nếu chúng ta cứ tiếp tục hát mỗi ngày những bài hát sầu đau thúí ruột như vậy thì chắc có lẽ ai cũng thành Thúy Kiều hết!

Bây giờ chúng ta đã hiểu nhau, đã thấy được sự thật rồi thì xin vĩnh biệt cái loại âm nhạc đứt ruột từ đây. Vì nếu chúng ta cứ tiếp tục thì con cháu chúng ta sẽ bị ảnh hưởng. ‘*Cuốn dây từ đây về sau cũng chừa.*’ Đây là quyết định của Thúy Kiều. Thúy Kiều đã cảm thấy được sự thật của giới thứ năm và muốn con cháu mình sau này sẽ không vướng vào đó nữa.

*Chuyện trò chưa chạn tóc tơ,
Gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông.
Tình riêng chàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao.*

Trong nguyên lục, Kim Trọng chỉ nói cho Thúy Vân nghe thôi nhưng Thúy Vân đem ra nói huých toẹt với gia đình.

*Cho hay thực nữ chí cao,
Phải người sớm mận tối đào như ai?
Hai tình vẹn vẽ hòa hai,
Chẳng trong chẵn gói cũng ngoài cầm thơ.
Khi chén rượu khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.
Ba sinh đã phỉ mòi nguyên,
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.*

----o0o---

CHÁNH NIỆM LÀ NẸO THOÁT

MÂY TRẮNG THÔNG DONG

Bao nhiêu tuần lễ trôi qua. Chúng ta hãy tưởng tượng đi! Khi rời sư chi, căn cứ trên lời hứa của cha ‘*lập am rồi sẽ rước thầy ở chung*’. Thúy Kiều vẫn mong ước có ngày như thế. Về nhà trả được nghĩa và tình rồi thì có thể tiếp tục tu được.

*Nhớ lời lập một am mây
Khiến người thân tín rước thầy Giác Duyên.*

‘*Nhớ lời lập một am mây*’ tức là nhớ lời hứa sẽ lập một cái chùa. Có bản quốc ngữ khi in ra có dấu phẩy (,) sau chữ ‘*Nhớ lời*’; theo tôi thì không đúng. Không lý làm chùa rồi mới cùng những người thân tín đi rước thầy

Giác Duyên! Không phải như vậy. Làm chùa mà làm ở ngay thành phố thì sư Giác Duyên đâu chịu tới! Ý Kiều là muốn mời sư chị tới để hỏi: ‘Bây giờ chị em mình nên làm am chỗ nào để tu? Làm am làng hoàng vì gia đình em bây giờ có thể cung dưỡng được. Làm một cái am mây trong đó có phòng tắm và lò sưởi làng hoàng.

Theo tôi, ‘*Nhớ lời lập một am mây*’ là nhớ lời hứa ngày xưa sẽ lập một cái chùa và mời thầy tới ở chung. Cho nên: ‘*Khiến người thân tín rước thầy Giác Duyên*’. Tới thưa với ni sư xem ni sư muốn làm chùa ở chỗ nào.

Có lẽ nhiều tuần lễ đã đi qua từ cái ngày cả gia đình đến rước Kiều về. Sư chị Giác Duyên đã thấy được sự thật là gia đình này, sau mười lăm năm xa cách, cần sự có mặt của Thúy Kiều. Sư chị biết phải để cho Thúy Kiều đi, sư chị không tìm cách để giữ lại. Sư chị gật đầu, mỉm cười: ‘Em cứ đi đi. Chị tin tưởng rằng trong hoàn cảnh nào em cũng giữ được tâm Bồ đề và em cũng sẽ tiến tu được.’ Với nụ cười đó, Thúy Kiều đã đi về và đã làm được như mong ước của sư chị. Thời gian đó có thể xảy ra trong một, hai, hoặc ba tuần lễ là nhiều. Tôi nghĩ trong suốt thời gian đó không có ngày nào, giờ phút nào mà sư em không nhớ tới sư chị và mong ước rằng sau khi trả xong món nợ tình nghĩa, hướng dẫn được sự tu học cho gia đình và cho người tình cũ thì mình có thể trở về với sư chị. Một, hai, ba tuần lễ cho đến một tháng là nhiều. Không thể tưởng tượng rằng Thúy Kiều ở lâu hơn mà không đi thăm sư chị, vì tình hai người rất thắm thiết.

*Nhớ lời lập một am mây,
Khiến người thân tín rước thầy Giác Duyên.*

Tôi nghĩ rằng những người kia, dù thân tín cách mấy đi nữa mà tới rước Giác Duyên thì cũng không đủ lễ. Trong chuyến đi này thế nào cũng phải có Trạc Tuyên. Làm sao chịu nổi cái chuyện gọi người ta đi mà mình không đi! Bởi vì ngày nào, đêm nào, bao giờ Trạc Tuyên cũng nghĩ tới người sư chị thương yêu của mình, người đã cứu mình, đã sinh mình ra lần thứ hai, không những bằng thân xác mà bằng cả đời sống tâm linh nữa. Đến nơi thì thấy gì?

*Đến nơi đóng cửa cài then,
Rêu trùn kẽ gạch cỏ lên mái nhà.*

Sư chị đã đi rồi. Sư chị tự do như một đám mây, như một con hạc trắng. Cái đẹp của sư chị là chỗ đó. Cái đẹp của người tu là cái tự do của người đó. Người tu là một người có không gian. Không gian ở trong lòng và không

gian ở chung quanh. Nếu muốn đi thì đi, không có gì có thể giữ người tu được. Có một bài kệ chúng ta thường ngâm:

*Bụt là vàng trắng mát
Đi ngang trời thái không
Hồ tâm chúng sanh lặng
Trăng hiện bóng trong ngần.*

Bài này tôi đã dịch tự do từ một bài thơ chữ Hán trong một khóa tu ở miền Nam Cali:

*Bồ tát thanh lương nguyệt
Du u tát cảnh không
Chúng sanh tâm cấu tận
Bồ đề ảnh hiện trung.*

(Mặt trăng trong và mát của Bồ tát đi chơi ở cõi không tuyệt đối; nếu những bụi bặm cấu uế trong tâm chúng sanh hết rồi thì hình ảnh giác ngộ hiện ra trong tâm ấy.)

Ta có thể họa tượng đức Bồ tát Quan Thế âm ngồi trên một phiến đá, phía trên có mặt trăng và viết bốn câu thơ này lên chỗ lặc khoản. Bài dịch có thêm hình ảnh hồ tâm, và trăng hiện bóng. Trăng hiện chứ không phải ‘bồ đề hiện’. Trăng ở đây tức là Bồ đề’, chữ trăng được lấy lại, không mất, nên tứ thơ có tính nhất trí hơn trong nguyên bản chữ Hán. Cái đẹp và cái hạnh phúc của người tu được xây dựng bằng chất liệu gọi là không gian, tự do. Con người không có tự do là con người chưa có hạnh phúc lớn. Bài thơ cho chúng ta thấy sự thật đó. Càng nhiều tự do thì chúng ta càng có nhiều hạnh phúc. Ngày nghe thầy Thiện Minh tịch, tôi viết một bài thơ cho thầy, đó là bài *Mây Trắng Thong Dong*. Thầy Thiện Minh ngày xưa học ở Phật học viện chùa Báo Quốc tốt nghiệp cùng một lúc với lớp thầy Trí Quang. Thầy Thiện Minh là người rất thông minh, mau lẹ, tổ chức rất hay. Nếu cần một thầy ngồi chủ tọa để một đại hội để giải quyết những vấn đề khó khăn thì người làm chủ tọa giỏi nhất, đưa đại hội đi tới sự thành công mau nhất đó là thầy Thiện Minh. Rất mau nhạy, rất thông minh. Trong cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam cho nhân quyền dưới quyền ông Ngô Đình Diệm, thầy Thiện Minh đã được cử làm Trưởng phái đoàn Liên Tông, gồm đại diện của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và các tổ chức Phật giáo khác, đứng ra thương thuyết với phái đoàn Liên Bộ của chính phủ. Bên phía chính phủ phái đoàn Liên Bộ (bộ Nội Vụ, bộ Xã Hội, v.v...) có Phó Tổng thống

Nguyễn Ngọc Thơ làm trưởng đoàn. Chúng ta biết thầy Thiện Minh mà hướng dẫn một phái đoàn như vậy là hay nhất. Trong khi họp, phái đoàn Phật giáo đã thành công. Bên chính phủ phải ký vào một thông cáo chung, công nhận quyền tự do của Phật giáo. Khi thông cáo chung được công bố, mọi người thấy đây là một thắng lợi lớn của Phật giáo. Nhưng chính quyền không có thiện chí. Họ ký xong lại phản bội lại thông cáo chung ấy. Trong cuộc tranh đấu của Phật giáo để chống lại chế độ độc tài, thầy Thiện Minh đã đóng một vai trò rất lớn. Khi chính phủ của xã hội chủ nghĩa lên, họ sợ thầy Thiện Minh nên đã bức tử thầy. Họ bắt thầy và ép thầy tự tử trong một nhà tù tại Sài Gòn. Thầy Thiện Minh phải xé áo làm dây để tự tử. Khi thầy tịch rồi, sự quần chúng phản ứng mạnh nên họ chớ thầy về Hàm Tân, một hai ngày sau mới báo tử. Thầy Trí Thủ và các thầy khác phải về Hàm Tân mới nhận xác được. Lúc đó tôi đang ở Phương Vân Am. Tôi nhớ buổi chiều hôm đó, nhận được tin bên nhà, thầy trò làm việc suốt đêm tìm những dữ kiện có được về thầy Thiện Minh, tổ chức họp báo, làm press release, báo cáo về cái chết của thầy Thiện Minh. Buổi sáng, khi làm xong công việc, tôi ngồi lại, tưởng niệm thầy Thiện Minh và viết bài *Mây Trắng Thong Dong* để cúng dường thầy. Mây trắng thong dong là một đám mây tự do. Thầy Thiện Minh bây giờ đã trở thành một đám mây trắng, thầy có sự thong dong rồi. Trong bài thơ, tôi dùng hai hình ảnh: đám mây và dòng suối; giống như hai người bạn. Mây và suối là hai cái khác nhau nhưng cùng một bản chất. Tôi nói ngày xưa tôi là dòng suối còn thầy Thiện Minh là đám mây. Một bên thì đi xuống để tìm ra biển Đông, một bên thì thong thả rong chơi trên trời. Cả hai đều hẹn nhau đi về biển Đông. Nhưng vì hoàn cảnh khổ đau, khó khăn cho nên đám mây đã biến thành mưa, rơi xuống:

---o0o---

MÂY TRẮNG THONG DONG

*nhớ thuở xưa - khi người còn là đám bạch vân bay thong dong
ta theo nguồn mùa ca về đại dương mênh mông,
người lưu luyến chốn đỉnh cao, lắng tiếng reo cười ngàn thông
ta nhấp nhô trên sóng bạc, lên xuống vào ra muôn trùng.*

*Kịp đến khi thấy trần gian quần quai lệ chảy thành dòng
thì người biến thành mưa, nhỏ xuống tàn đêm đông
mây đen mịt mờ một phương chừ, mặt trời hấp hối
người gọi ta về, cùng nhau giã tay nổi trận cuồng phong.²³¹
Lòng thành thoi đầu,*

*khi hoa ngàn cỏ núi còn rên siết hận bất công.
ngươi đưa hai tay thiên thân, quyết tâm tháo bỏ cùm gông
trong khi bóng tối phủ đầy, hòng súng đen ngòm bạo lực
xương đòn thành gò cao chù,
trong khi máu đã chảy dài thành sông.*

*Hai bàn tay ngươi dập nát, thương ôi,
xích xiềng vẫn chưa tháo được
ta gọi sấm sét về bên ngươi,
quyết cùng bạo lực mở cuộc thư hùng gan dạ hơn người, trong đêm
ngươi hóa thành
Sư Vương rống lớn hàng vạn loài ma quái nghe ngươi,
đã cầm cặp run lên trong đêm sương.*

*Hiên ngang không lùi bước chừ,
dù phía trước dày đặc hàm chông
ngươi thản nhiên đưa mắt nhìn bạo lực chừ.
như nhìn vào khoảng không.
Sống Chết là chi chừ, ép uống nhau sao được?
ngươi gọi tên ta mà cười chừ,
không một lời rên xiết, dù tra tấn cùm gông.*

*Bây giờ thoát đi, xiềng xích không còn buộc nổi chân thân,
ngươi trở về kiếp xưa mây trắng,
thảnh thơi trên bầu mệnh mộng;
Đến, Đi tự ngươi - đỉnh cao nào thích thú thì ngươi dừng lại,
cười trên sóng bạc đầu chừ, ta hát ru ngươi khúc hát bi hùng.*

Hình ảnh đó cũng là hình ảnh của tự do. 'Đỉnh cao nào thích thú thì người dừng lại', chỗ nào không thích thì đi. Đó là hành tung của đám mây. Sư chị cũng vậy. Chỗ nào thích thì sư chị ở lại, chỗ nào muốn từ giã thì sư chị từ giã. Sư chị là một con người tự do. Sư chị không bị vướng mắc, đam mê. Sư chị quả thật là một người chân tu. Rất thương em nhưng không dính mắc. Nếu cần trả em về voi gia đình thì sư chị trả. Sư chị luôn luôn muốn tự do của em, không cột em vào trong vòng vướng mắc. Chúng ta có danh từ Duyên Giác. Duyên Giác hoặc Bích Chi Phật là những bậc tu học nhờ quán chiếu về Mười hai nhân duyên mà chứng ngộ. Ở đây không phải là Duyên Giác mà là Giác Duyên (conditions enlightenment), những điều kiện chính để giúp Trạc Tuyên đạt tới giác ngộ và chuyển hóa. Mỗi người trong chúng ta phải là một điều kiện để giúp người thương của chúng ta đạt tới sự hiểu

biết, giác ngộ và giải thoát. Mỗi chúng ta khi đi tu rồi, phải là một điều kiện để giúp cho những người thân của chúng ta được giác ngộ. Chúng ta phải giúp cha, mẹ, anh, chị, em, bạn bè của chúng ta được giác ngộ. Chúng ta phải thực hành ý nguyện của sư chị. Giác Duyên là một phần trong con người chúng ta. Chúng ta phải nuôi lớn con người Giác Duyên trong ta để sau này ta có thể giúp cha mẹ, tổ tiên, gia đình và xã hội. Giúp với tư cách những điều kiện đưa tới sự thực hiện hiểu biết, giác ngộ và thương yêu.

Trong nguyên lục, khi Kiều cùng với một số người đến tìm sư chị Giác Duyên tại chùa thì họ thấy cửa đóng, sư chị đã đi rồi, trước cửa lại có để lại một câu thơ chữ Nho:

*Nhược vấn ngô thân hà xứ khứ
Thường bạn chi hạc bán không vân.*

‘Nếu hỏi thân tôi đã đi về hướng nào thì trả lời rằng bây giờ tôi đang bay theo con chim hạc ở giữa đám mây trên tầng không.’ Có nghĩa là: Tôi là một con người tự do, muốn đi đâu thì đi; tôi không có địa chỉ nhất định. Vì câu đó trong nguyên lục nên cụ Nguyễn Du viết:

*Sư đà hái thuốc phương xa
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu?*

‘Hái thuốc phương xa’ là lấy ý từ bài thơ *Tùng hạ vấn đồng tử* của thi sĩ Giả Đảo đời Đường. Bài thơ rất hay:

*Tùng hạ vấn đồng tử
Ngôn: Sư thê diệp khứ
Chỉ tại thử sơn trung
Vân thâm bất tri xứ.*

(Khách ngừng lại) dưới cây tùng và hỏi chú tiểu. Đáp: Thầy tôi đi hái thuốc, chỉ quanh quẩn trong núi này thôi, (nhưng vì) mây dày đặc quá (nên) không biết chỗ nào)

Chú tiểu này là một chú tiểu rất thương thầy. Không muốn những người khách tới làm quấy thầy cho nên dầu có biết thầy ngồi ở đâu chú cũng không nói. Cả mười năm nay tôi có cốt truyện này mà chưa viết được: Trong ngôi chùa có một ông thầy và một chú tiểu. Thầy làm trọn bốn phận của một ông thầy và chú tiểu cũng thương ông thầy lắm. Tỉnh thoảng thầy dắt chú tiểu lên khu rừng phía sau chùa. Một bữa vui miệng thầy nói chơi với chú tiểu:

‘Đây mới là chùa của thầy còn chùa dưới đó không phải. Dưới đó thầy phải làm nhiều việc, phải tiếp khách quá nhiều. Trên này có những cây thông cao vút, ngòi ở đây thầy rất sung sướng. Đây mới thật là chùa của thầy.’ Hai thầy trò chỉ nói chơi với nhau thôi. Có bữa nọ, chú tiểu đang làm việc thì có ông khách tới: ‘Thầy đâu chú?’ Chú đáp: ‘Trên chùa.’ Chú không chánh niệm lắm, chú đang nghĩ đến khu rừng ở trên đồi, ‘chùa thiệt’ của thầy. Ông khách hí hửng, đi vào chánh điện, ngó quanh ngó quất không thấy thầy đâu. Đi một vòng cũng không thấy. Ông ta hỏi: ‘Chú nói thầy chú ở trên chùa mà sao tui không thấy?’ Biết rằng hỏi này mình không có chánh niệm, chú nói: ‘Chùa này là chùa của bác. Chùa của thầy ở trên cao kia. Nhưng bác đừng lên đó! Chùa của bác là ở đây. Trên đó là chùa của thầy.’ Cốt truyện là như vậy. Tôi có ý viết truyện ngắn đó nhưng mười năm nay chưa viết được. Chú tiểu ở đây giỏi quá! Chú biết thầy ưa ngòi chỗ nào trên núi nhưng chú đã nói: ‘Thầy tôi hái thuốc, chỉ ở trên núi này thôi nhưng mây dày quá không biết chỗ nào. Có lên tìm cũng không thấy đâu, chi bằng đừng lên.’ Có nghĩa là: ‘Để cho thầy tôi yên.’ Đọc câu thơ của Nguyễn Du ‘*Sư đà hái thuốc phương xa*’ chúng ta hiểu là sư chị không muốn bị quấy rầy.

*Đến nơi đóng cửa cài then
Rêu trùn kẽ gạch cỏ lên mái nhà.*

Đọc hai câu thơ này tuy thấy hay nhưng nếu chưa biết gốc rễ của chúng thì ta cũng chưa thấm lắm. Sư chị như một đám mây tự do, như một con hạc trắng. Muốn đi đâu thì đi. Thật ra sư chị đã dựng cái am này ở bờ sông Tiền Đường để làm gì? Làm am đó để sống với sư em thôi. Nếu sư em đi rồi thì giữ am làm gì nữa? Thà bỏ đi. Tìm về am cũ thấy ‘*Rêu trùn kẽ gạch cỏ lên mái nhà*’ thì cảm thấy thế nào? Buồn. Buồn vì không gặp được sư chị được nữa. Nhưng ta thấy sư chị đẹp vô cùng. Sư chị là một con người tự do, không dính mắc. Khi cần thì sư chị làm chùa để sống với sư em. Khi sư em không cần nữa thì sư chị bỏ, đi về với đời sống tự do thanh thoát của mình. Như một con chim hạc, như một đám mây trắng. Những câu thơ này đẹp lắm:

*Đến nơi đóng cửa cài then
Rêu trùn kẽ gạch cỏ lên mái nhà.
Sư đà hái thuốc phương xa
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu.*

Sư chị đã trở thành huyền thoại. Rất đẹp. Tu, chúng ta chỉ muốn trở thành sư chị mà thôi.

Từ đó về sau ngày nào Trạc Tuyên cũng lên am thấp nhang. Cố nhiên là cũng cắt cỏ và ngồi đó để nhớ sư chị.

*Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.*

Ngày xưa người ta đi không để lại địa chỉ. Người ta chưa có bui điện, điện thoại, điện tín và điện thư (e-mail) thành ra sư em không có cách nào liên lạc được với sư chị. Cách liên lạc duy nhất là mỗi ngày sư em lên chùa quét dọn, cắt cỏ, thấp nhang, thấp đèn, ngồi thiền. Tôi muốn, và nếu tôi làm không được thì một vị trong đại chúng này sẽ làm, viết tiếp cốt truyện này (tức là sau đó cái gì sẽ xảy ra.) Tôi nghĩ Trạc Tuyên đủ thông minh để đi tìm sư chị vì sư chị là một người đã được biết đến trong giới xuất gia. Ngày xưa Kiều đã từng tu với sư chị ở Chiêu Ân Am, Kiều có thể đi tới Chiêu Ân Am. Kỳ này có thể đi bằng xe ngựa đàng hoàng vì gia đình Kiều bây giờ đã giàu có (em trai làm quan, em gái là vợ một ông quan.) Tới Chiêu Ân Am hỏi thì thế nào người ta cũng có thể có một ý kiến là sư chị bây giờ đang ở đâu. Có thể sư chị đang ở đó, biết đâu! Nếu tôi viết không được thì quý vị sẽ viết. Viết tiếp chuyện Kiều. Không hẳn phải viết bằng thơ lục bát, không hẳn là phải viết hay như cụ Nguyễn Du. Nhưng mình có thể tiếp tục được. Tôi nghĩ rằng sau năm, bảy tháng tìm kiếm thì Trạc Tuyên có thể tìm lại được sư chị và trở lại sống đời sống của người xuất gia với sư chị. Điều đó ta có thể viết ra được, phù hợp với tình tiết của đoạn truyện này. Ở đây truyện được chấm dứt bằng hình ảnh rất tuyệt vời của sư chị.

*Nhớ lời lập một am mây
Khiến người thân tín rước thầy Giác Duyên.
Đến nơi đóng cửa cài then
Rêu trùn kẽ gạch cỏ lên mái nhà,
Sư đà hái thuốc phương xa,
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu?
Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.*

Bây giờ nói về gia đình của Kim Trọng và Vương Quan:

*Một nhà phúc lộc gồm hai,
Nghìn năm dằng dặc quan giai lần lần.*

Có Phước tức là gia đình đoàn tụ, ba thế hệ được ở chung. Có lộc là có tiền bạc lợi tức, được thăng quan tiến chức. (Chưa nói đến Thọ.)

*Thừa gia chẳng hết này Vân,
Một cây cù một một sân quế hòe.*

Thúy Vân đóng vai trò người vợ cả đảm đang, sanh ra khá nhiều các bé tí.

*Phong lưu phú quý ai bì,
Vườn xuân một thửa để bia muôn đời.*

Vườn xuân là hạnh phúc gia đình. Để lại tiếng khen, người đời truyền tụng mãi.

---o0o---

NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

Cụ Nguyễn Du, tên tự là *Tố Như*, hiệu *Hồng Sơn Liệp Lộ*, sanh ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Là con thứ bảy của ông Nguyễn Nghiễm, thủ tướng dưới triều Lê. Bác ruột của thi sĩ là Nguyễn Huệ (không phải là anh hùng Tây Sơn) đã đậu Tiến sĩ. Anh ruột là Nguyễn Khản cũng đậu Tiến sĩ và cũng cùng làm quan dưới triều Lê tới chức Lại Bộ Thượng Thư (bộ trưởng bộ Tư Pháp). Người anh thứ hai là Nguyễn Diêm cũng làm quan trấn thủ Sơn Tây. Cả nhà, cha con, chú bác, anh em đều là người thi đậu cao và làm quan to dưới đời nhà Lê. Đây là một gia đình rất trí thức. Mẹ của thi sĩ Tố Như là người Bắc Ninh, có bốn người con trai (cha của Nguyễn Du có nhiều bà) tên là: Trụ, Nễ, Du và Úc. Nguyễn Du là con thứ ba. Chúng ta không biết ngày sinh, chỉ biết thi sĩ sinh vào năm 1765 (năm Cảnh Hưng thứ 26.) Nguyễn Du rất thông minh. Mười chín tuổi đậu tú tài (khi đậu tú tài thì có thể đi thi Hội). Nhà Lê tàn rụi, nhà Nguyễn Tây Sơn lên. (Trong khi Tây Sơn dấy lên, gia đình Nguyễn Du không còn đóng vai trò quan trọng trong chính quyền nữa.) Nguyễn Du tham dự vào kháng chiến chống lại Tây Sơn nhưng không thành. Ông rất trung thành với nhà Lê. Nguyễn Du bỏ về quê, đi chơi. Nghe nói ở nhà quê đó có tới chín mươi chín ngọn núi Hồng Lĩnh, tha hồ đi rong chơi. Thất bại trong công việc khôi phục nhà Lê nên ông bỏ đi chơi. Nghe nói không có ngọn núi nào trong chín mươi chín ngọn núi mà Nguyễn Du không trèo lên để chơi. Khi vua Gia Long đã đánh bại Tây Sơn và lên ngôi hoàng đế. Vua muốn phục hồi những người đã từng làm

việc cho nhà Lê ngày xưa, mời ra làm quan trở lại. Nguyễn Du cố từ chối nhưng không được. Bắt buộc phải ra làm quan. Ông có cảm tưởng ra làm quan với triều Nguyễn tức là không trung thành với triều Lê. Giống như một cô gái giang hồ. Đó là quan niệm ngày xưa. Năm 1802 (năm Gia Long thứ nhất) Nguyễn Du phải ra làm tri huyện ở Thái Bình. Sau đó là tri phủ. Nguyễn Du cáo bệnh xin về. Nhưng đến năm Gia Long thứ sáu (bốn năm sau) Nguyễn Du lại được gọi về Kinh Đô, giao cho chức Đông Các Đại Học Sĩ. Năm 1809, được cử làm quan Bồi Chánh ở tỉnh Quảng Bình. Năm 1813, được thăng làm Càn Chánh Điện Học Sĩ, sung chức Chánh Sứ sang Trung Hoa. Có lẽ trong khi làm Chánh Sứ sang Trung Hoa Nguyễn Du đã mua và đọc được nguyên lục của truyện Kiều. Trong thời gian đi sứ đó Nguyễn Du cũng làm thơ và viết văn rất nhiều. Những bài thơ làm trong thời gian đi sứ góp lại có tên là *Bắc Hành Thi Tập*. Đi sứ thành công về được thăng chức Lễ Bộ Tham Tri (chức Hữu Tham Tri trong Bộ Lễ). Có lẽ Nguyễn Du sáng tác truyện Kiều vào khoảng năm 1813-1815 hay 1816. Sau đó thì sáng tác *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*. Năm 1820, vua Minh Mạng lên ngôi, muốn gửi thi sĩ đi sứ lần thứ hai. Chưa kịp đi thì thi sĩ bị bệnh và mất ngày 16 tháng 9 (10 tháng 8 năm Canh Thìn). Giai thoại vua Minh Mạng ngồi uống trà và phê bình câu '*Đọc ngang nào biết trên đầu có ai*' có lẽ xảy ra vào năm 1820, khi vua vừa mới lên ngôi.

Truyện Kiều là một áng văn chương toàn bích về phương diện văn chương. Nhưng đứng về phương diện tư tưởng Phật học thì còn có những khuyết điểm. Cách sử dụng ngôn từ và điển tích rất khéo léo. Tả về tình tiết trái tim con người thì thi sĩ rất tài ba, sâu sắc. Nhận xét tâm lý tinh tế cho đến nỗi chúng ta phải giật mình nhiều phen. Nguyễn Du đã thật sự sống trong cuộc đời. Những ánh sáng lóe lên (mà chúng ta nhận diện như những tuệ giác đạo Bụt) không phải do học Bụt mà có mà do tác giả sống trong cuộc đời và tìm ra. Ví dụ như nhận xét '*Bây giờ rõ mặt đôi ta, Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?*' hay '*Trời còn để có hôm nay, Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời.*' Tuệ giác Phật giáo có trong này nhưng không phải do thi sĩ học Phật mà nói ra. Thi sĩ đã sống rất sâu sắc, trân quý từng giờ từng phút của sự sống mà tìm ra và diễn tả sự thật đó một cách khéo léo.

Phần sau, chúng ta sẽ xét về kiến thức, cái gọi là triết học Phật giáo trong truyện Kiều. Chúng ta tìm ra quan niệm của tác giả về Nghiệp, Nhân quả, quan niệm còn có tính đại chúng hóa, chưa tới mức độ của người học Phật thâm uyên. Có những người nói cụ Nguyễn Du tinh thông về Nho học và Phật học. Đó là do thương quá mà nói. Sự thật, Nguyễn Du rất tài tình như một thi sĩ nhưng kiến thức Phật học của cụ trong khi sáng tác truyện Kiều

còn chưa chín. Sau khi viết truyện Kiều, Nguyễn Du đã tiếp tục học thêm văn học Phật giáo. Phật học của cụ sẽ sâu sắc hơn. Bằng chứng là tác phẩm (chữ Nôm) *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* (*Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt*). Có cơ hội chúng ta sẽ cùng đọc *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*.

---o0o---

NHÌN SÂU VÀO TRIẾT LÝ TRUYỆN KIỀU

Chúng ta đọc phần kết thúc truyện Kiều (từ câu 3241):

*Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.
Có đâu thiên vị người nào
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.
Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.
Lời quê chấp nhật đông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.*

Thơ rất hay mà lời lại rất khiêm nhường: *'Lời quê chấp nhật đông dài.'* Nếu thơ của cụ Nguyễn Du mà quê thì thơ mình còn... quê tới chỗ nào nữa!

Câu chót của truyện Kiều (*mua vui cũng được một vài trống canh*) có vần với câu đầu (*trăm năm trong cõi người ta*) nên khi các cô miền Bắc hát đối thường hỏi:

*Truyện Kiều anh học đã lâu
Đố anh kể được một câu hết Kiều?*

Bên con trai trả lời:

*Trăm năm trong cõi người ta
Mua vui cũng được một vài trống canh.*

(*Một và hay một vài đều cùng nghĩa.*) Có nghĩa là trong cuộc sống trăm năm người ta thấy sự việc đi qua một cách chớp nhoáng giống như chỉ trong một vài trống canh thôi. Câu này cũng có ý nghĩa lắm.

‘*Cho hay muôn sự tại trời.*’ Câu này hầu như nói rằng tất cả mọi sự mọi việc trên đời đều được ông Trời sắp đặt như trong thuyết Thiên mệnh. Trời ở đây có thể là ông Trời nhưng cũng có thể là mạng lưới nhân quả. Tuy nói ‘*muôn sự tại trời*’ nhưng sau đó cụ Nguyễn Du lại nói: ‘*Đã mang lấy nghiệp vào thân, Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.*’ Hai điều có vẻ như chông trái nhau, nhưng lại có thể bổ túc cho nhau. Đúng về phương diện văn chương, tư tưởng, tâm lý thì không nói gì, nhưng đúng về phương diện Phật học thì cái thấy của cụ Nguyễn Du chưa được rạch ròi lắm.

‘*Trời kia đã bắt làm người có thân.*’ Như vậy làm người, có cái thân này có thể không phải là một điều vui mà là một sự đày đọa (*‘Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai?’*). Nhiều người nói ‘Tôi không muốn làm người. Tôi không muốn có thân. Tôi chông đối lại ý tưởng của Trời Đất của Thượng Đế vì tôi thấy làm người mệt quá!’ Trong khi đó được làm người có thể là một niềm vui. Tùy theo cách nhìn của mình. ‘*Trời kia đã bắt làm người có thân*’ là tư tưởng có khuynh hướng yếm thế.

‘*Bắt phong trần phải phong trần*’ nghĩa là nếu trời bắt mình phải sống cuộc đời gió bụi (truân chuyên, đau khổ, rủi ro) thì con người phải sống cuộc đời gió bụi. *Thuở trời đất nổi con gió bụi.*’ Trời đã làm ra con người rồi lại làm ra gió bụi để cho con người lãnh đủ. Nhiều người chông đối ông Trời, chông đối Thiên mệnh là vì vậy. – ‘*Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*’ *Thanh cao* có nghĩa là nhàn hạ, có hạnh phúc, không bị rủi ro nhiều (ngược lại với phong trần.) Có một lực lượng nào đó quyết định việc mình sẽ bị phong trần hay sẽ được thanh cao. Vận mệnh con người như đã được viết sẵn trong một cuốn sổ ở Thiên Đình. Con người chết cứng. Vùng vẫy thế nào cũng không thoát được. Nếu số mình là gió bụi phong trần thì mình sẽ là gió bụi phong trần suốt đời. Còn nếu số mình được thanh cao thì dù mình làm biếng, không tranh đấu gì hết cũng vẫn được thanh cao, khỏe khoắn. Đó là thuyết Thiên mệnh hay Định mệnh. Thiên là trời; mệnh là mệnh lệnh hay mạng. Chữ ‘*mạng*’ cũng có nghĩa là đời sống. Thiên mệnh nghĩa là ông Trời nắm giữ vận mạng, quyết định đời sống của mình. Có những trường hợp người ta không dùng chữ ‘*ông Trời*’; tuy không có ông

Trời nhưng số mạng con người đã được quyết định trước. Đó là thuyết Định mệnh. Tất cả đều đã được xếp sẵn, con người cứ việc vâng chịu thôi chứ không thể nào phản đối, xoay sở hay cự quây gì được hết. Định là déterminé. Khuynh hướng tin vào Thiên mệnh hay Định mệnh rất mạnh trong tâm trí con người. Con người tuy vùng vẫy cũng khá, mưu mô cũng nhiều nhưng rốt cuộc cũng cảm thấy mình bị kẹt trong lưới Thiên mệnh. Vùng vẫy khó quá cho nên cuối cùng phải tin rằng có một Thiên mệnh hay Định mệnh. Khi còn trẻ, chúng ta hay phản đối tư tưởng Thiên mệnh hay Định mệnh này. Chúng ta nói: ‘Mình có sức mạnh, có trí tuệ, nhiều thứ lắm... Mình sẽ chống lại!’

Hồi Thúy Kiều còn nhỏ, một ông thầy tướng nói: ‘Suốt đời cô sẽ khổ vì tất cả những tinh hoa (tài sắc) trong con người cô đều phát tiết ra ngoài hết. Cô không giấu giữ được cái gì ở bên trong nên phải khổ suốt đời.’ - Ông thầy tướng này nguy lắm! người ta còn con nít mà nói như vậy là gieo một hạt giống đau khổ rắc rắc và lo sợ vào trong lòng người ta! Người ta cứ yên chí rằng mình sẽ khổ suốt đời, đó là cái không hay. - Trong đêm đầu tiên gặp Kim Trọng, Thúy Kiều nói: ‘Nhìn anh em thấy anh là người có phước đức. Em thì không. Vì vậy em không biết cuộc tình của chúng ta có thành tựu được hay không?’

*‘Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
‘Có người tướng sĩ đoán ngay một lời:
‘Anh hoa phát tiết ra ngoài,
‘Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.
‘Trông người lại ngẫm đến ta,
‘Một dày một mỏng biết là có nên?’*

Kim Trọng nghe Thúy Kiều lo lắng như vậy đã dùng đủ cách để trấn an”

*Sinh rằng: ‘Giải cầu là duyên,
‘Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều!
‘Ví dù giải kết đến điều,
‘Thì đem vàng đá mà liều với thân.’*

- Trong lịch sử, con người đã quyết định và đã chiến thắng ông Trời nhiều lần rồi. Em đừng lo! Chúng ta là những người còn trẻ, chúng ta là những người thông minh. Chúng ta sẽ tranh đấu! Nếu cần anh sẽ hy sinh cái thân này!’ Ai trong chúng ta khi còn trẻ cũng đều như Kim Trọng cả. Cố nhiên khi yêu mình có rất nhiều ‘xí quách’. Và mình cứ hứa tùm lum mà

không biết sức mình làm được tới đâu. Rốt cuộc mười lăm năm mình mới biết là mình làm được gì.

Tư tưởng Thiên mệnh trong truyện Kiều còn rất mạnh. Tư tưởng đó được ông thầy tướng trình bày và trước Kim Trọng, người yêu, cố tình chống lại. Nhưng rốt cuộc Đạm Tiên, con ma, đã phát triển và củng cố niềm tin đó, ít hay nhiều. Ta phải nhìn lại, xét thử mình tin bao nhiêu phần trăm ở thuyết Thiên mệnh hay Định mệnh đó. Đây là bốn câu xác định tuyệt đối về thuyết Thiên mệnh hay Định mệnh:

*Cho hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

Nhưng đến những câu kệ thì ta thấy thuyết đó bắt đầu lung lay: ‘*Có đâu thiên vị người nào.*’ Nghĩa là ông Trời rất công minh. Không phải ông muốn cho mình thanh cao thì mình được thanh cao, cho mình phong trần thì mình phải phong trần; phải có lý do gì đó thì người này mới phong trần, người kia mới thanh cao. Lý do đó nằm ở chỗ nào?

*Có đâu thiên vị người nào,
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.*

Hai yếu tố tài và mệnh đóng một vai trò nhất định trong sự quyết định một người phải đau khổ hay hạnh phúc: Theo triết lý của nguyên lực (mà cụ Nguyễn Du cũng bị ảnh hưởng khi viết truyện Kiều) thì giữa tài và mệnh có sự chống đối nhau. Càng có tài bao nhiêu thì số mạng càng ngang trái bấy nhiêu. Người càng có tài thì càng khổ. Những người có tài mà nhiều người thấy được sẽ bị ganh ghét. Sắc và tài là hai cái khi phát hiện ra ngoài nhiều quá thì sẽ làm người mang nó khổ. ‘*Anh hoa phát tiết ra ngoài*’ một trăm phần trăm thì: ‘*Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.*’ Căn cứ vào nhận thức đó thì lỡ mà mình đã có tài và có sắc rồi thì mình phải làm sao để giấu tài, giấu sắc của mình đi. Mặt hơi đẹp thì phải lấy lọ nghe hoặc bùn đất bôi lên cho bớt đẹp. Có tài thì giả bộ như mình ngu để người ta khỏi ghét. Mấy cô gái không đẹp thì các cô sợ ít. Mặt cô mà xinh thì cô sợ nhiều. Đức tin của người ta cũng có căn cứ vào sự thật xảy ra chứ không phải chỉ nghe một lý thuyết mà tin liền. Ở Đông phương chúng ta phải biết ở ẩn, phải làm như ngu, như điếc, như câm trong những lúc khó khăn thì mới sống được. Còn nếu mình nói thẳng, chứng tỏ mình là người có dũng, có tài thì mình chết rất

mau. Ở Tây phương người ta cũng nói rằng nếu muốn sống hạnh phúc thì phải sống ẩn danh. *Pour être heureux vivons cachés*: Muốn được hạnh phúc thì phải ở ẩn đi. Chứ nếu người ta thấy mình có hạnh phúc thì người ta sẽ ghen, sẽ đập cho mình tan nát. Cho nên hạnh phúc không bao giờ nên phô trương ra cả. Mà loài người rất đại dốt! Loài người không có hạnh phúc nhưng hay giả đò là mình có hạnh phúc. Có những cặp trong nhà thì lục đục đánh nhau, đi ra ngoài thì làm như là mình có hạnh phúc nhiều lắm. Trong khi đó trí tuệ là khi có hạnh phúc thật sự thì phải giả bộ là không có hạnh phúc, che dấu đi, nếu không sẽ bị ganh tuông. Thuyết tài mệnh tương đố ở đây chỉ nói rằng có tài và có sắc thì khổ chứ không nói rõ là vì tâm lý ganh ghét của con người.

‘Có đâu thiên vị người nào. Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.’ Chúng ta thấy ở đây đã bắt đầu có sự đóng góp của con người trong khổ đau hay hạnh phúc của mình rồi. *‘Có đâu thiên vị người nào’* tức là ông Trời công minh. Trời công minh có nghĩa là con người có đóng một vai trò nào đó. Người tốt thì được cái này, người xấu thì bị cái kia. Không phải ông Trời muốn gì thì được đó. Quyết định của ông Trời phải căn cứ trên thái độ, hành vi của con người. Từ thuyết Định mệnh đi tới thuyết Nghiệp. *‘Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai’* có nghĩa là cả hai đều quan trọng. Tuy tài năng và số mệnh chống trái nhau nhưng cách sống (hành động) của con người cũng có thể đóng góp vào sự quyết định vận mạng của mình.

*Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài cùng với chữ tai một vần.*

Chơi chữ rất khéo. Nếu có tài mà khoe khoang và hống hách thì sẽ bị tai nạn. Chúng ta không biết những chi tiết về đời sống hàng ngày, những rủi ro và may mắn của cụ Nguyễn Du; chúng ta chỉ biết khi được lệnh phải ra làm quan dưới triều Nguyễn thì cụ làm như ngu như điếc. Trong những buổi họp nội các cụ không nói gì hết. Không khoe tài của cụ ra; trong khi Nguyễn Du là người có tài! Có một hôm vua Gia Long nói: *‘Này khanh, nhà nước dùng người là để có thêm trí tuệ, thêm nhận thức để chính trị có thể đem thêm lợi ích cho nước cho dân. Tại sao khanh không chịu nói gì hết mà cứ ngồi im lặng như vậy?’* Lý do mà mọi người đều nói là cụ Nguyễn Du có cảm tưởng là ra làm quan với triều đình Nguyễn tức là không trung thành với nhà Lê, giống như một người đàn bà phản bội chồng mình. *‘Trung thân bất sự nhị quân’*, người thần tử trung kiên thì không bao giờ thờ hai vua cả. Đã thờ vua Lê mà lại ra thờ vua Nguyễn thì không còn trinh tiết nữa. Lâu nay dạy truyện Kiều người ta thường nói tới điều đó. Nhưng ít ai nói tới lý do thứ

hai: người có tài mà hợm hĩnh, khoe khoang thì sẽ đau khổ. Có lẽ thái độ giả ngu giả đĩ của cụ Nguyễn Du trong triều đình là để tự bảo vệ tâm thân của mình. Và như vậy có nghĩa là trước đó cụ đã từng đau khổ vì cụ là người có tài. *‘Chữ tài liền với chữ tai một vần’* câu thơ này có thể đến trực tiếp từ kinh nghiệm của cụ. Khi có nhận thức *‘Có tài mà cậy chi tài’* cụ Nguyễn Du đã thực tập điều đó. Có lẽ cụ cũng chưa quên được những khổ đau của mình ngày xưa do chỗ chưa biết áp dụng triết lý này cho nên bây giờ quyết định giấu tài giấu sắc của mình đi cho được an ổn.

Từ thuyết Thiên mệnh và Định mệnh chuyển sang cách sống sự khôn khéo của con người có thể làm cho cuộc sống con người bớt khổ đau. Bây giờ cụ lại nói tới thuyết Nghiệp báo:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.*

Nghiệp báo này là do đâu? Do người hay do Trời? Không được rõ ràng lắm. Chữ *nghiệp* trong câu thơ này chỉ có nghĩa tiêu cực thôi. Trong khi đó chữ nghiệp (karma) trong Phật giáo có nghĩa là hành động (action.) Nghiệp tốt đưa đến quả báo tốt, nghiệp xấu đưa đến quả báo xấu. Thường thường trong văn chương ngoài đời, chữ nghiệp luôn được dùng trong nghĩa xấu. Điều này chứng tỏ trong quần chúng sự hiểu biết về giáo lý Nghiệp báo không được vững chãi. Ở Tây phương cũng vậy, karma nghĩa là ‘bad karma’ chứ không hàm chứa ‘good karma’. Bồn phận người tu là phải giải thích cho quần chúng để điều chỉnh cách sử dụng chữ nghiệp này. Nghiệp có hai loại: thiện nghiệp (kusala) và ác nghiệp (akusala). Thiện nghiệp là hành động đem lại an lạc cho mình và người trong hiện tại và trong tương lai. Ác nghiệp ngược với Thiện nghiệp. Hành động (nghiệp) phát xuất từ thân, miệng và ý gọi là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Ba nghiệp này có thể là thiện hay ác. Nghiệp có nghiệp nhân (karma hetu) và nghiệp quả (karma phala.) Phải phân biệt nghiệp nhân và nghiệp quả, nghiệp thiện và nghiệp ác. Khi nói *‘Đã mang lấy nghiệp vào thân’* cụ Nguyễn Du hiểu rằng nghiệp là nghiệp xấu chỉ đem tới quả xấu thôi. *‘Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa’*: con người đã có nghiệp trong người rồi thì đừng nói rằng tại Trời quyết định thế này thế kia. Câu này làm sụp đổ câu *‘Ngẫm hay muôn sự tại trời.’* Vừa mới nói: *‘Tất cả đều do Trời!’* Tư tưởng Nghiệp báo và Nhân quả của cụ Nguyễn Du vì vậy chưa được rõ ràng.

*Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Căn là gốc rễ, *Thiện căn* là gốc rễ của cái thiện. *Thiện căn ở tại lòng ta* nghĩa là gốc rễ cái thiện nằm ngay ở trong lòng mình chứ không ở đâu xa. *Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.* Tâm này là tâm gì? Tâm có tâm ác, tâm thiện, tâm chánh, tâm tà. *Chữ tâm* dùng trong này nghiêng về phía thiện: *Thiện căn ở tại lòng ta.* Chữ *Thiện căn* (kusala mula) là một danh từ thuần túy Phật học; cụ Nguyễn Du đã được nghe những nhận thức của cụ chưa được hệ thống hóa. Cụ Nguyễn Du đã thấy trong lòng chúng ta có những hạt giống thiện. Chịu khó trở về vun tưới những hạt giống đó thì tâm của chúng ta sẽ thiện và ta sẽ được nhờ và vào đó rất nhiều, vì: *Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.* Nếu mình không có tài mà có thiện tâm thì mình vẫn có hạnh phúc và hạnh phúc hơn những người có tài mà không có thiện tâm. Đó là triết lý của cụ Nguyễn Du. Trong đoạn này chúng ta thấy chữ nghiệp được dùng theo nghĩa nghiệp xấu và chữ tâm dùng theo nghĩa thiện tâm. Cách dùng từ không được chính xác. Vì nghiệp có thể là nghiệp lành hay nghiệp dữ, tâm có thể là tâm xấu hay tâm tốt. Và nếu tâm mà xấu thì *chữ tâm* đâu có thể *‘bằng ba chữ tài’* được!

Triết lý truyện Kiều cũng được phát biểu qua lời bình phẩm và tiên đoán của nhân vật Tam Hợp Đạo Cô. Sau khi Thúy Kiều đã đền ân báo oán, sư chị Giác Duyên từ giã ra đi. Kiều xin sư chị ở nán lại với mình:

Nàng rằng: *Thiên tài nhất thì,
Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn.
Rồi đây bèo hợp mây tan,
Biết đâu hạc nội mấy ngàn là đâu!*

Đây là một đoạn văn xác nhận thuyết Định Mệnh:

Sư rằng: *Cũng chẳng mấy lâu,
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
Nhớ ngày hành cước phương xa
Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri,
Báo cho hội ngộ chi kỳ,
Năm nay là một nữa thì năm năm.
Mới hay tiên định chẳng lầm,
Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau.
Còn nhiều ân ái với nhau,
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì?’
Nàng rằng: *Tiên định tiên tri,**

Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.

Theo thuyết tiền định và định mệnh thì những gì xảy ra trong đời mình đều đã được viết trước rồi; chúng ta cứ việc đợi, đến lúc đó thì việc đó sẽ xảy ra. Nếu là người có khiếu tiên tri, nhìn cho kỹ thì có thể đoán trước cái gì sẽ đến. Tất cả đã có sẵn, đã được quyết định trước. Như vậy thì chuyện tu hành có ích lợi gì đâu! Tu hay không tu thì nó cũng đã được quyết định sẵn rồi! Tại sao phải tu? Vấn đề được đặt ra là con người có tự do hay không? Con người có thể can thiệp vào mạng lưới của Nhân Quả để thay đổi hay không? Đạo Phật trả lời như thế nào?

Hôm trước bên trung tâm Tây Tạng có người đặt câu hỏi vấn đề quyết định: làm thế nào để có một quyết định thông minh? Tôi trả lời: Trước khi mình quyết định thì sự việc đã được quyết định rồi. Mình có cảm tưởng mình có tự do quyết định, ai dè tất cả đều đã được quyết định trước! Tôi đưa ra một ví dụ: Bữa đó tôi vào trong một gian hàng Nhật Bản để mua một vòng lụa về cột mấy cuốn kinh mới thỉnh. Họ treo một dọc dài mấy trăm tấm hình vẽ, màu sắc khác nhau. Mình đi 'chọn'. Cô tiếp viên hỏi: 'Thầy chọn cái nào?' Tôi cười nói: 'Tôi đâu có chọn. Tôi để nó chọn tôi mà!' Cô ta ngạc nhiên. Nhưng sự thực là như vậy. Mình có cảm tưởng, ảo tưởng là mình có đầy đủ tự do, muốn chọn cái nào thì chọn; kỳ thực sự chọn lựa đã được hoàn tất từ bao giờ rồi. Khiếu thẩm mỹ của mình, giáo dục của mình, những hạt giống ông bà trao truyền, sự tu học của mình, cái thấy của mình về vẻ đẹp, cái trang nhã... tất cả những cái đó đều viết sẵn trong mình rồi. Mình trình diện ra trước những tấm khăn đó, khi đi ngang qua 'nó' thì mình bị 'nó' bắt. Cái gọi là 'tiếng sét ái tình' cũng vậy. Tại sao có 'tiếng sét' khi gặp anh đó hay cô đó mà không có tiếng sét khi gặp những người kia? Tại vì đã được quyết định trước. Con người thường có ảo tưởng là mình có tự do trong khi chọn lựa. Những người tin ở thuyết định mệnh và tiền định không có ảo tưởng nhiều về sự tự do của mình. Tôi còn nói thêm: Ví dụ có hai hoặc ba con đường chọn lựa. Mình tưởng rằng mình chọn làm một cái thì mình sẽ khổ suốt đời: 'Ngày xưa nếu mình chọn đi con đường kia thì mình sẽ không khổ như bây giờ!' Giả dụ có ba anh chàng mà mình bắt buộc phải chọn làm chồng. Mình đã lớn rồi, cha mẹ buộc: 'Mày phải chọn một trong ba đứa!' Mình phân vân... Chọn bừa anh chàng thứ hai rồi đau khổ suốt đời. Mình nói: 'Phải chi ngày xưa mình chọn anh chàng thứ nhất hay thứ ba thì chắc mình không đau khổ như thế này!' Mình mà như thế thì chọn anh chàng nào mình cũng làm cho anh chàng ấy đau khổ mà thôi. Tâm mình chứa nhiều phiền não và u mê thì sống ở Mỹ cũng khổ, ở Pháp cũng khổ, mà ở Anh cũng khổ... Không phải từ trại tỵ nạn xin đi nước này hay nước khác thì

mình có hạnh phúc. Mình thường nghĩ vì đã chọn con đường đó cho nên bây giờ mới có nhiều vấn đề. Biết vậy ngày xưa mình đừng đi con đường này! Đi con đường khác thì sẽ khá hơn! Đó là tự an ủi vậy mà thôi. Chỉ là đứng núi này trông núi nọ. Thấy được điều này thì mình sẽ không có ảo tưởng nhiều về cái tự do của mình.

Có nhiều người tin rằng mình không làm gì được hết. Mạng lưới nhân quả trùng trùng như vậy, quyết định hết rồi thì có vùng vẫy cách nào cũng không thể thoát ra khỏi. Mình chỉ là nạn nhân! Sống như vậy thì rất đau khổ, chịu không nổi. Cho nên có thuyết ngược lại, chủ trương rằng con người có tự do, có ý chí tự do (free will.) Đứng về phương diện triết học, con người có tự do chọn lựa hay không? Khi hành động, mình có tự do trong hành động đó không, hay những nguyên do từ quá khứ đã quyết định dùm mình rồi? Một số trong chúng ta đứng về phía tin tưởng rằng chúng ta có không gian, có tự do - nếu không thì đời sống không có ý nghĩa. Trong đạo Bụt chúng ta học về mạng lưới trùng trùng nhân quả. Chúng ta thấy tự do của mình nằm chỗ nào? Bây giờ chúng ta hãy tạm gác vấn đề lại. Hãy trở về chuyện Kiều đọc thêm một đoạn nữa. Từ câu 2653, khi sư chị từ già sư em đi vân du và gặp lại Tam Hợp đạo cô, hỏi thêm về tương lai của nàng Kiều:

*‘Người sao hiểu nghĩa đủ đường,
‘Kiếp sao gặp những đoạn trường thế thôi?’*

Đây là lời đạo cô Tam Hợp:

*Sư rằng: ‘Phúc họa đạo trời,
‘Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.
‘Có trời mà cũng tại ta,
‘Tu là cội phúc tình là dây oan.*

Mọi tai nạn và mọi may mắn đều do trời quyết định. Tuy nhiên: *‘Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.’* Lý thuyết này phù hợp với những câu chúng ta đọc ở cuối truyện Kiều. Tuy rằng trời định nhưng cội nguồn lại vẫn ở trong tâm của con người. *‘Có trời mà cũng tại ta’*: tức là hai yếu tố, Trời (định mệnh) và con người. Nếu đi xa hơn chúng ta có thể nghĩ Trời là cộng nghiệp và ta là biệt nghiệp. Cái gì xảy ra không phải chỉ do cá nhân và biệt nghiệp ta làm ra mà cũng do cộng nghiệp làm ra. Ví dụ ngồi trên máy bay đều có thể chết, đó là cộng nghiệp. Nếu có một người thoát được, không chết mà chỉ bị thương sơ sẩy, đó là biệt nghiệp. Biệt nghiệp trong cộng nghiệp. Chữ *‘trời’* ở đây có thể được hiểu là cộng nghiệp (collective karma) và *‘ta’* ở

đây là biệt nghiệp individuel karma. Ta đang cùng ngồi ở Làng Mai. Chúng ta có cộng nghiệp Làng Mai do đó mới ngồi chung. Nhưng trong khi ngồi đây, cảm giác của chúng ta có khác. Người thì thanh thoát nhiều hơn, người thì lo lắng nhiều hơn. Đó gọi là biệt nghiệp. Không phải ngồi chung một chỗ mà ta có cảm tưởng giống nhau.

‘Phúc họa đạo trời’ là thuyết Định mệnh (determinism). *‘Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra’* đó là thuyết do tâm tạo. Con người cũng đóng được một vai trò nào đó, mấy chục phần trăm. *‘Có trời mà cũng tại ta’* là tiền đề để đi đến kết luận: *‘Tu là cỗi phúc tình là dây oan.’* Ta có thể làm gì? Ta có thể tu, làm nhẹ đi nghiệp của ta và đem lại một ít hạnh phúc. Còn nếu ta không tu, cứ để cho sợi dây tình cảm kéo buộc thì ta tọa cho mình những oan nghiệp đau khổ.

Và đây là lời phán quyết của *‘bác sĩ tâm lý trị liệu’* Tam Hợp Đạo Cô phân tích tâm lý Kiều:

*‘Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.’*

Tuy có thông minh, tài năng và sắc đẹp nhưng Kiều không có điều kiện hạnh phúc. Đáng lý sắc sảo khôn ngoan thì phải thành công trong cuộc đời và hạnh phúc chứ! Nhưng vì không có cái căn bản là những thiện duyên cho hạnh phúc nên Kiều phải đau khổ. Cái nghiệp của Kiều là *vô duyên*. Điều này đã được viết trước rồi. Nhưng nếu chỉ như vậy thì chưa đến nỗi gì cho lắm. Vì những cái này nữa nên mới khổ thêm.

*‘Lại mang lấy một chữ tình,
Khăng khăng mình buộc lấy mình vào trong.
Vây nên những chốn thông dong,
Ở không yên ôn ngồi không vững vàng.
Ma đưa lối quỷ dẫn đường,
Lại tìm những chốn đoạn tràng mà đi.’*

Ở những chỗ đáng lý mình được tự do, thông dong mà mình vẫn ngồi không yên, đi không vững. Những con ma sâu não, ma quá khứ, ma tương lai, ma hờn giận từ bên trong hiện ra để kéo mình đi. Tuy cùng đi thiên hành với những người khác nhưng kỳ thực mình không đi cùng một hướng, mình bị những ma quỷ đưa về những nẻo tối tăm. Và vì ma quỷ đưa về những nẻo đó cho nên mình gặp những tai nạn chớ có gì đâu!

*‘Hết nạn ấy đến nạn kia,
‘Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần,
‘Trong vòng giáo dục gươm trần,
‘Kể rằng hùm sói gỏi thân tôi đòi.
‘Giữa dòng nước dẫy sóng đời,
‘Trước hàm rồng cá gieo mồi vắng tanh.
‘Oan kia theo mãi với tình,
‘Một mình mình biết một mình mình hay.
‘Làm cho sóng đọa thác đầy,
‘Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi!’*

Đạo cô nói rằng Kiều sẽ khổ suốt đời. Đó là một lời kết án. Án này không phải chỉ do Định mệnh tuyên đọc. Trời định như vậy nhưng Thúy Kiều đã không tranh đấu được. Chưa biết nắm lấy tâm mình để tìm một nẻo thoát. Cứ bị *‘những sợi dây tình vướng víu kéo đi²³²*, vì vậy trước sau gì cũng đi tới chỗ tự tử ở sông Tiền Đường. Tuy là một nhà tiên tri nhưng Tam Hợp đạo cô đã không nói rằng tất cả đều do những điều kiện khách quan, cộng nghiệp (Trời.) Tam Hợp nói: *‘Có trời mà cũng tại ta.’* Biệt nghiệp của Thúy Kiều cũng góp phần vào hạnh phúc khổ đau của cô. Thúy Kiều tự buộc mình vào những tình cảm giận hờn, những nhận thức và ước muốn của mình. Và chính những con ma, những con quỷ đó kéo Thúy Kiều đi về nẻo tai nạn, rồi cuộc cô phải tự tử ở sông Tiền Đường. Tam Hợp nói tới hai điều: một là tiền định và hai là cách hành xử của Thúy Kiều. Không tìm ra nẻo thoát cho mình mà cứ đi theo con đường của ma quái.

*Giác Duyên nghe nói rưng rờ:
‘Một đời nàng nhé thương ôi còn gì!’*

Sau đây là lời của Đạo Cô, chúng ta hãy nghe với nhận thức khách quan của mình chứ đừng bị Đạo Cô ảnh hưởng: Đạo Cô có thể làm, cụ Nguyễn Du cũng có thể làm.

*Sư rằng: ‘Song chẳng hề chi,
‘Nghệp duyên cân lại nhắc đi còn nhiều.*

- ‘Trong thời gian lần lần và đi vào nẻo ma quỷ Kiều cũng có làm một vài thiện nghiệp có thể đưa tới chỗ giải thoát nghiệp cũ và đi vào một nghiệp mới tốt đẹp hơn’. Đạo cô bây giờ không làm phận sự của một bác sĩ tâm lý nữa là quay sang làm trạng sư bào chữa cho Thúy Kiều:

*'Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
'Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm.*

Đó là một điểm son của Thúy Kiều. Tuy vướng vào tình ái nhưng thoát được tà dâm. Không để Kim Trọng làm cho phạm giới thứ ba.

*'Lấy mình thâm trả nghĩa thâm,
'Bán mình đã động hiếu tâm đến trời!*

Đó là hành động tốt thứ hai. Hy sinh cuộc đời một cô gái khuê các, bán mình chuộc cha. Đó là hành động có thể làm cảm động cả Trời. Trời đã cảm động nhưng vẫn để cho Kiều khổ mười lăm năm như thường! Ông Trời cũng sắt đá thiệt! Thấy ông trời như vậy mình không phục. Ông trời có thể là dễ chịu hơn! Những lý luận của Đạo Cô, chấp nhận hay không là do mình. Họ có một lý thuyết, họ lý luận để chứng minh lý thuyết của họ. Nhưng chứng minh đó hợp lý hay không là chuyện khác.

*'Hại một người cứu muôn người,
'Biết đường khinh trọng biết lời phải chẳng.*

Nói chuyện giặc giã tàn sát sinh linh và Kiều lừa cho Từ Hải chết để cứu sinh linh. *'Hại một người cứu muôn người.'* Chuyện này rất giả tạo. Cô Kiều có bao giờ muốn giết chồng đâu! Chúng ta phải thấy điều này. Tam Hợp Đạo Cô nói không đúng sự thật. Cụ Nguyễn Du không thấy điều đó hoặc đã thấy nhưng vì sơ sót nên cứ lập lại như thường. Khi khuyên Từ Hải về hàng, Kiều nói: *'Ngàn năm ai có khen đâu Hoàng Sào', 'Đóng xương Vô-dịnh đã cao bằng đầu' - 'Được làm vua thua làm giặc.'* Thôi anh đừng tiếp tục gây nạn binh đao nữa, không để tiếng tốt mà người ta chết nhiều tội lắm! Anh về quy thuận triều đình đi. Anh được làm quan lớn mà em cũng được cơ hội đoàn tụ gia đình.' Nói những câu đó là *'Biết đường khinh trọng biết lời phải chẳng.'* Câu này đúng. Nhưng *'Hại một người cứu muôn người.'* Thì không đúng. Ở câu 2550, Kiều nói thật:

*Rằng: 'Từ là đáng anh hùng,
'Dọc ngang trời rộng vẫy vùng bể khơi.
'Tin tôi nên quá nghe lời,
'Dem thân bách chiến làm tôi triều đình.
'Ngờ là phu quý phụ vinh,
'Ai ngờ một phút tan tành thịt xương.*

*‘Năm năm trời bẻ ngang tàng,
‘Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không.
‘Khéo khuyển kẻ lấy làm công,
‘Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.*

- ‘Đừng nói là tôi có công! Nói tôi có công là tôi đau khổ lắm!’ Kiều nói rất đúng, rất hay. Nhưng hai câu này thì lại không đúng, không hay gì hết:

*‘Xét mình công ít tội nhiều,
‘Sống thừa tôi đã nên liều mình tôi!*

Công nhận rằng mình có công, dù là công ít. Không đúng. Công gì? Công giết (oan) chồng hay công gì? Trước khi gieo mình xuống sông Tiền Đường (từ câu 2629, Kiều than: *‘Giết chồng mà lại lấy chồng. Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời?’* ‘Giết chồng’ ở đây không phải là cô ý giết. Cô vẫn cho anh chàng nhưng cố vẫn không hay nên anh chàng bị giết. Cái mặc cảm ‘giết chồng’ này có thể chấp nhận được.

Chủ trương của Thanh Tâm Tài Nhân (tác giả nguyên lục), cũng là chủ trương của cụ Nguyễn Du, là Kiều có hai nghiệp: một nghiệp xấu và một nghiệp tốt. Con sông Tiền Đường là ranh giới giữa mười lăm năm khổ đau và quãng đời hạnh phúc sau này. Làm nền tảng cho mười lăm năm khổ đau đó có Thiên mệnh, những vốn liếng từ quá khứ, ông bà và kiếp trước đi xuống. Vốn liếng của Thúy Kiều còn có tài, sắc, tình (vương mặc) và tâm (thiện tâm.) tài sắc và tình, ba cái làm lưng tựa cho mười lăm năm khổ đau (theo lý thuyết của Nguyễn Du.) Nhưng cái tâm tốt đồng thời cũng tạo ra được vài thiện nghiệp (giữ giới không tà dâm, bán mình cứu cha và ‘giết’ Từ Hải để cứu muôn dân khỏi nạn can qua.) Nhờ tâm giữ giới, tâm hiếu và tâm từ bi này mà thiện nghiệp tạo ra được giai đoạn thứ hai của đời Kiều, giai đoạn tu hành với sư chị và chuyển hóa được cho gia đình. Đó là phân tích của cụ Nguyễn Du và của Đạo Cô Tam Hợp. Đạo Cô Tam Hợp và lý thuyết gia mà tác giả nguyên lục và cụ Nguyễn Du đã đi theo. Tuy mỗi tác giả có thay đổi đôi chút trong khi trình bày cuộc đời Thúy Kiều nhưng đại khái thì cả hai vẫn đi theo cách phân tích của Đạo Cô Tam Hợp.

Thuyết âm dương ‘âm cực dương hồi’ sẵn có của Đông phương cũng đã được nói tới. Âm là negative energy. Đau khổ (âm cực) khi tới chỗ cùng cực thì hạnh phúc được sinh ra (dương hồi). Âm cực của cuộc đời Thúy Kiều là khi tới sông Tiền Đường.

Chúng ta cũng thấy lý thuyết nhân quả trong truyện. Tuy có nghiệp quá khứ hay Thiên định nhưng không phải là cái khối nghiệp của quá khứ và của tiền định đó chịu trách nhiệm hoàn toàn về mười lăm năm đau khổ. Thúy Kiều cũng có trách nhiệm. Tài, sắc và tình của cô ràng buộc, làm cho cô cứ đi theo riu riu mà không mở ra được con đường máu thoát khỏi vòng vây. Điều đó được cực tả trong câu *'Ma đưa lối quỷ dẫn đường. Lại tìm những chốn đoạn tràng mà đi.'* Cố nhiên khi bước vào những chốn như thanh lâu hay quân đội thì mình bị kéo theo, đau khổ đã đành rồi. Nhưng khi được bước vào những hoàn cảnh thanh thản như ở chùa mà mình vẫn không an lạc. Không có khả năng an lạc. Bởi vì mình vẫn khư khư giữ lấy ba cái tài, sắc, tình và không nắm vững được cái tâm tu học để chuyển hóa, thoát khỏi vòng vây. Thay vì đau khổ có thể chỉ là mười năm mà lại kéo tới mười lăm năm. Mười lăm năm đó là thiên mệnh tạo ra mà cũng do Thúy Kiều, một phần nào đó, tạo ra. *'Có trời mà cũng tại ta, Tu là cõi phúc tình là dây oan.'* Thúy Kiều tu được ba chuyện còn bao nhiêu chuyện khác đều là tình hết. Nhưng nhờ có tu ba chuyện, nên mới tạo được giai đoạn sau.

Chúng ta đọc truyện Kiều. Chúng ta thấy Giác Duyên là một yếu tố rất đặc biệt đưa tới sự chuyển hóa của đời Kiều. Ai đưa giác Duyên tới cho Thúy Kiều? Kiều đi tìm mới gặp Giác Duyên hay gặp Giác Duyên là một điều tiền định đã có sẵn? Giác Duyên là những điều kiện để bùng tỉnh. Giác Duyên không phải chỉ là một con người. Giác Duyên là tất cả những điều kiện có tác dụng làm cho mình thức dậy, biết rằng mình đang làm cái đó, đang đi con đường của ma quỷ. Những điều kiện có tác dụng làm cho mình thức dậy, biết rằng mình đang làm cái đó, đang đi con đường của ma quỷ. Những điều kiện đó do ai tạo ra? Cách đây hai ngàn sáu trăm năm có một người ngồi dưới gốc cây Bồ Đề và đã giác ngộ, người đó đã truyền lại cho nhân loại những tia sáng của chánh niệm. Một tia hào quang đã được phóng về hai ngàn năm trăm năm sau cho Thúy Kiều. Người mang hào quang đó là một sư cô. Tia hào quang phóng từ cội bồ đề là một trong những yếu tố khiến cho Thúy Kiều có thể chuyển hóa được vận mệnh của mình. Nhưng những điều kiện để được bùng tỉnh có thể là bất cứ điều kiện nào. Ví dụ như những khổ đau cùng cực của Thúy Kiều. Khi mình thấy mình khổ nhiều quá thì tự nhiên mình có thể bùng tỉnh được. Có những người khổ mà không bùng tỉnh được, nhưng có những người khổ bùng tỉnh được. Không phải ánh sáng giác ngộ từ cây Bồ Đề là điều kiện duy nhất giúp mình bùng tỉnh. Những đau khổ, trui luyện trong vòng trầm luân cũng có thể giúp mình tỉnh dậy... Nếu không có kinh nghiệm trực tiếp từ những đau khổ đó thì ánh sáng kia có thể không đủ để làm mình tỉnh dậy. Phải khốn khổ mới học hiểu được. Có những người sinh ra là tự nhiên biết, gọi là sinh nhi trí. Có những

người phải học mới biết, đó là khổ nhĩ trí. Phải cùng khổn thì mới hiểu được. Đó là một trong những điều kiện để bưng tỉnh. Giác Duyên là một người tượng trưng cho những điều kiện đó đến với Kiều. Giác Duyên nằm ở chỗ nào? Ví dụ một cô thiếu nữ nói rằng: ‘Con không lấy chồng. Ba anh chàng mà ba má đề nghị con không thể chấp nhận anh nào cả vì con nghĩ rằng con sẽ không có hạnh phúc với ai. Con đi tu. Con đề nghị một giải pháp thứ tư.’ Theo nguyên tắc thì giải pháp thứ tư cũng vậy thôi. Dầu anh chọn người thứ tư hay thứ ba nhưng nếu con người anh cứ như vậy thì anh cũng vẫn đau khổ. Anh đi tu anh cũng có thể đau khổ như thường. Phải vậy không? Nhưng khi đi tu thì anh có *một điều kiện mới* mà giải pháp một, hai, ba không có. Tuy anh vẫn còn y nguyên là con người của anh, nhưng khi đi tu anh được đặt vào một khung cảnh khác, mà anh không có khi anh cưới người thứ nhất, thứ hai hay thứ ba. Anh sống với tăng thân. Tăng thân không phải là một môi trường có thể gọi là Giác Duyên, tức là những điều kiện để cho mình tỉnh thức. Nếu bốn cái giống hệt như nhau và anh quyết định với những nội kết của anh thì anh có thể vẫn đau khổ như nhau. Nhưng trong trường hợp thứ tư anh có Giác Duyên, một tia sáng của Bụt chiếu tới từ hai ngàn năm trăm năm trước cho nên anh có cơ hội để thoát. Tự do và giải thoát nằm ở chỗ Giác Duyên. Nếu chúng ta thoát được màng lưới của nghiệp báo, đó là nhờ những tia hào quang phóng tới từ những người giải thoát.

Thuyết định mệnh chúng ta có thể thấy trong ba lĩnh vực:

Lĩnh vực thứ nhất là đời sống thông thường. Trong đời sống thông thường, chúng ta đặt câu hỏi: Có định mệnh hay không? Ta có nên vâng theo hay không? Nếu vâng theo thuyết Định mệnh thì chúng ta thấy rõ ràng, không có không gian thênh thang. Và nếu còn trẻ, chúng ta muốn phấn đấu, chống lại định mệnh. Vì vậy có hai phe: một phe định mệnh và một phe chống lại định mệnh.

Lĩnh vực thứ hai là trong phạm vi khoa học. Trong phạm vi khoa học chữ déterminisme có nghĩa rất rõ ràng là nếu cùng những điều kiện như vậy thì thế nào cũng đi tới những kết quả như vậy. Ví dụ làm đậu hũ mà đúng theo những phương thức a, b, c, d thì thế nào cũng có đậu hũ để ăn. Nhưng thỉnh thoảng không biết tại sao chúng ta làm giống hệt như vậy mà đậu hũ lại ra hơi khác. Trong lĩnh vực khoa học, nhất là lĩnh vực khoa học nguyên tử (mécanique quantique) chuyện này xảy ra rất thường. Tất cả điều kiện hội đủ mà kết quả lại khác. Luật xác suất (la loi de la probabilité) cũng do khoa học tìm ra (cố nhiên đạo học cũng đã tìm ra) cho phép những kẽ hở. Kết quả có thể xảy ra khác mặc dầu có những điều kiện. Trong khi những nhà bác

học nguyên tử quán sát những vật thể li ti, chất điểm hay điện tử, họ dùng trí tuệ và nhận thức của mình để quán chiếu và ảnh hưởng được đối tượng của sự nghiên cứu. Có sự tham dự của tâm con người vào thì sự thực có thể biến dạng đi. Khi cần nhìn vào một vật thể li ti để quán sát người ta cần phải chiếu ánh sáng vào. Vật thể vi tế là một loại năng lượng, ánh sáng cũng là một loại năng lượng. Khi ánh sáng chiếu vào thì vật thể đó đã thay đổi rồi. Tâm thức cũng là năng lượng. Khi dùng tâm để quán chiếu vào điện tử thì trong bản chất của điện tử cũng có sự thay đổi. Tâm của nhà khoa học có ảnh hưởng tới sự thật gọi là khách quan của thế giới nguyên tử vật chất. Vì vậy luật xác suất tới bỏ tức cho luật định mệnh nói kết quả như nhau. Điều này đã được chứng minh bằng khoa học. Tâm của Bụt, tâm của chúng ta đang có mặt và đang ảnh hưởng tới thế giới vật chất, thế giới xã hội, thế giới nhân quả. Yếu tố của tâm là một yếu tố có thể can thiệp vào hoàn cảnh, về vật chất cũng như về kinh tế, xã hội.

Đứng về phương diện của những định luật tâm lý mà xét, chúng ta thấy rằng khi những hạt giống của si mê, giận hờn, ganh tị, khi những nội kết cũ... có mặt, chúng ta sẽ phản ứng như thế này hay thế kia. Chúng ta có thể tiên đoán trước phần nào căn cứ theo thuyết định mệnh. Ví dụ chúng ta nói: Nếu mình gọi anh này vào buổi họp, thì khi những người khác nói ra sự thật này anh ta sẽ phản ứng như thế, chắc chắn như vậy, không thể sai được. Vì tâm của anh ta đang có những tâm hành này, tâm hành kia nên mình tiên đoán anh ta sẽ phản ứng như thế, không sai. Đó là mình theo thuyết Định Mệnh. Căn cứ trên sự thật là trong buổi họp mà có những người nói như vậy là anh ta đều phản ứng như thế. Một trăm lần đều xảy ra như một. Quyết định không cho anh ta vào buổi họp là hành động theo đức tin của mình về thuyết định mệnh và mình thấy không có tự do gì trong con người của anh ta hết. Nhưng Giác Duyên ở đâu? Giác Duyên nói: ‘Hôm nay anh đi với tôi và anh sẽ cầm tay tôi trong suốt buổi họp. Khi nào tôi nắm tay anh một cái là anh không nói gì hết.’ Tất cả mọi người đều sửng sốt vì anh chàng tự nhiên xuất hiện trong buổi họp. Nhưng quan sát viên hôm đó rất lấy làm lạ là tại sao buổi họp đã xong rồi mà anh không nổi điên. Đâu biết rằng có một nguyên do ẩn dấu là bàn tay anh ta đang được sư Giác Duyên nắm. Mỗi lần biết anh này sắp phản ứng thì sư Giác Duyên lại nắm chặt bàn tay anh lại và anh ta ngồi yên. Đó là yếu tố Giác Duyên, chỉ có tăng thân mới tạo ra được và sẽ giúp được anh chàng thay đổi, nhờ sự có mặt của Giác Duyên. Giác Duyên là điều kiện của sự tỉnh thức. Chánh niệm của anh ta rất yếu. Dù là được học một năm hay một năm rưỡi rồi nhưng những lúc như vậy anh ta vẫn không có khả năng nắm lấy chánh niệm và cứ phản ứng một cách rất là... ‘*tự nhiên*’ Anh đã được hướng dẫn rằng mỗi khi gặp trường hợp như

vậy thì phải nắm lấy hơi thở. Anh cũng cố gắng thực tập nhưng chất lượng của những hạt giống kia nặng quá. Anh ta biết rằng những lúc đó thở được thì rất hay, nhưng lúc đó tại sao anh ta không nhớ và không thở! Vì vậy ta mới cần phải có Giác Duyên. Giác Duyên cần phải đưa ta đi một đoạn đường thì ta mới có thể tự mình đi được. Sau mỗi lần anh ta phản ứng, ta hay nói: ‘Tôi đã dặn anh là những lúc như vậy thì phải thở mà tại sao anh không thở?; Anh ta trả lời: ‘Tại vì lúc đó sự kiện xảy ra mau như chớp nhoáng, tôi không làm gì được hết!’ Có nhớ thở mình thở cũng không được!’ Nếu chúng ta buông xuôi, chịu thua thì anh ta không bao giờ có cơ hội. Ta phải đóng cho hay vai trò của Giác Duyên. Có nhiều cơ hội. Ta có thể nắm bàn tay anh, hướng dẫn anh. Ban đầu anh ta ngưng được không phải là do tự điều phục bằng hơi thở mà nhờ có một lời giao ước với mình là khi nào mình xiết chặt tay anh thì anh dừng lại.

Sự xuất hiện của Giác Duyên trong đời Thúy Kiều là sự xuất hiện của Bụt. Và cũng nhờ Thúy Kiều đã đau khổ, chạm đến đáy vực thẳm cho nên cái nắm tay của Giác Duyên càng có hiệu nghiệm. Truyện Kiều không nói rõ điều đó. Sự chuyển nghiệp là do công phu tu tập và do tăng thân, do sự hướng dẫn chứ không phải là do chỉ làm ra được ba việc mà Tam Hợp viện dẫn (không để Kim Trọng lẩn tới, bán mình và giết Từ Hải.) Trạng sư Tam Hợp nói sở dĩ Thúy Kiều thoát được nghiệp xấu là nhờ có ba thiện căn đó. Chúng ta thấy lý do không đầy đủ. Nói rằng ‘*Bán mình đã động hiếu tâm đến trời*’ tại sao Trời lại để cho tiếp tục khổ trong mười lăm năm? Lý luận này không xác đáng. Nói Thúy Kiều giết Từ Hải để cứu người, đó là hoàn toàn giả tạo, không đúng. Vậy thì tại sao có sự chuyển hóa? Có sự chuyển hóa là vì có những điều kiện giúp mình tỉnh thức và tu tập. Sự tu tập với Giác Duyên trước và sau khi tự tử đưa tới sự chuyển hóa của Thúy Kiều sau này.

---o0o---

CHÁNH NIỆM LÀ NẸO THOÁT

Trong báo Giác Ngộ vừa rồi²³³ có bài của một bà Phật tử vào khoảng bảy mươi tuổi, ở Huế. Bà kể chuyện hồi người Pháp trở lại Việt Nam (khoảng năm 1946, 1947) bà tham gia kháng chiến, bị bắt, ở tù. Bị giam chung với bà có rất nhiều phụ nữ từ hai mươi tới ba mươi tuổi. Ngày đầu tiên bà cũng có tâm trạng giống hết những người nữ tù khác. Đêm đó, trong khi mọi người thảm thì tâm sự thì bà quay mặt vào góc tường khóc. Khóc một hồi thì thấy có một bàn tay để trên vai. Một thiếu nữ hai mươi tuổi cho bà một miếng

keo mè xưng, nói: *'Chị đừng khóc nữa. Để dành sức. Con đường còn dài. Em đã bị tra điện tới năm mươi mấy lần rồi nhưng em vẫn còn sống sót được.'* Bà cảm thấy rất an ủi khi gặp cô thiếu nữ đó. Sau đó bà được phóng thích. Cô thiếu nữ vẫn ở tù (từ 1948), cho đến năm 1954 mới được trao đổi tập kết ra Bắc. Từ đó về sau bà không gặp cô nữa. Bà kể sau khi bà được phóng thích, có bữa mấy cô tù nhân được phép đi ra giặt đồ và làm việc gì đó, họ ghé tới thăm bà. Bà đã có thể gửi tặng cho cô thiếu nữ đó, tên là Liễu, một số tiền nhỏ. Bây giờ, năm 1993, ngồi trong một am lá nhìn ra ngoài và nhớ tới chuyện xảy ra bốn mươi một năm về trước, bà nói: Không biết bây giờ Liễu còn sống hay không. Bà muốn nói với Liễu là có hai sự giam hãm. Một là sự giam hãm hình thức và hai là sự giam hãm tinh thần. Khi được phóng thích, ra khỏi tù thì mình có thể được gọi là tự do. Nhưng nhìn trong nhãn quan của Phật pháp thì mình chưa bao giờ có tự do cả. Đây là lời bà viết: *'Ra khỏi tù tội có thể tạm nói là tự do. Nhưng kiểm điểm lại gần cuộc sống khi chưa đến với Phật pháp thì có lúc nào ta thật sự tự do đâu! Tuy vẫn ăn, vẫn mặc, vẫn đi, vẫn đứng, lên xe, xuống ngựa... mà ta không ý thức được rằng mình đang ăn, đang mặc, đang đi, đang đứng, đang lên xe, xuống ngựa... Cứ để cho cái ngã chấp và kiến chấp hành hạ trời buộc thì có khác gì mình đang ở trong tù?' Ở tù trong cái thất niệm. Mình bị mạng lưới của nhân quả kéo theo. Mình không có một chút tự do nào cả. Dầu đã được thả khỏi tù, có quyền đi chợ, vào bếp, ra bờ sông... làm đủ mọi thứ nhưng mình vẫn vâng theo mạng lưới của nhân quả. Nó đẩy mình đi tới đâu thì mình đi tới đó thôi. Mình thật sự không có tự do. Ta hãy đọc lại lời bà viết: *'Tuy vẫn ăn, vẫn mặc, vẫn đi, vẫn đứng, lên xe, xuống ngựa... mà ta không ý thức được rằng mình đang ăn, đang mặc, đang đi, đang đứng, đang lên xe, xuống ngựa... Cứ để cho cái ngã chấp và ngã kiến hành hạ và trời buộc thì có khác gì mình đang ở tù.'* Ngã chấp, kiến chấp đó là ma đưa lối, quỷ dẫn đường trong truyện Kiều. Hoàn toàn sống như là một nạn nhân của những tập khí từ trước, những nghiệp cũ. Bà ta viết: *'Nếu chúng ta hiểu rằng sự sống nằm trong giây phút hiện tại, trong sự thức tỉnh, tiếp xúc với thực tại và biết tiếp tục nuôi dưỡng ý thức tiếp xúc đó là chúng ta đã được tự do.'* Theo ý bà, khi mình sống có chánh niệm, đi biết là đi, đứng biết là đứng, ngồi biết là ngồi, nằm biết là nằm... thì lúc đó mình bắt đầu nắm được giềng mối của tự do. Còn nếu không thì ta vẫn còn đang đi theo sự chỉ dẫn và sai sử của tà dục, tà kiến, kiếp chấp và ngã chấp. Đó là những kiết sử (samyojana), còn gọi là nội kết. Những cái đó đã có sẵn trong lòng mình (nội) kết tại thành một khối (kết) và sai sử mình làm cái này cái khác. Mình đâu có tự do! Mình ưa cái đó, ghét cái kia là vì những ưa ghét đó đã được quyết định sẵn trong tâm thức mình rồi. Tất cả đều do nội kết của mình sai sử. Giây phút bắt đầu nắm lấy chánh niệm, đi thì biết mình đi, đứng thì biết mình đứng... lúc đó mình*

bắt đầu có một chút tự do. ‘Ồ, tôi đang ăn ớt và tôi biết rằng tôi đang ăn ớt. Dầu biết rằng ăn ớt không tốt cho ruột của tôi mà tôi vẫn ăn.’ Như vậy, tuy mình đang còn yếu mà mình đã có một chút tự do rồi. Chút tự do này là chánh niệm. Nếu cứ nắm lấy chánh niệm đó mà đi tới thì một ngày kia mình sẽ không nói: ‘Cho tôi xin một viên thuốc độc!’ nữa. Tác giả những câu này chứng tỏ đã tiếp xúc với pháp môn hành trì của chúng ta: ‘Nếu chúng ta hiểu rằng sự sống nằm trong giây phút hiện tại, trong sự thức tỉnh, tiếp xúc với thực tại và biết tiếp tục sự nuôi dưỡng ý thức tiếp xúc đó là chúng ta đã được tự do.’ Một người đã ở tù, đã được phóng thích và đã thấy rằng trước khi mình hiểu được Phật pháp thì tuy rằng mình có tự do nhưng kỳ thực mình không có tự do gì cả. Mình hoàn toàn vâng theo những sai sử của những nội kết, những cộng nghiệp và biệt nghiệp. Những biệt nghiệp và cộng nghiệp đó có thể được diễn tả bằng một ví dụ sau đây: Chúng ta chịu ảnh hưởng của đám đông. Nếu chúng ta ngồi đó với tư cách của một cá nhân thì chúng ta không có cảm xúc đó. Nhưng nếu ngồi đó chung với một số người thì chúng ta sẽ có cảm xúc đó. Một điều Thầy ta nói riêng với ta có thể không có hiệu quả. Nhưng cũng một điều đó Thầy ta nói trong một đám đông thì lại có hiệu quả. Đó là biệt nghiệp và cộng nghiệp. Có những lúc ta bị cộng nghiệp kéo theo. Vì mọi người như vậy nên ta cũng như vậy. Nhưng nếu đứng một mình thì chưa chắc ta đã ồ ạt đi theo cái đó. Đôi khi mình thấy nhiều người nghĩ như vậy thành ra mình cũng nghĩ như vậy, còn nếu một mình thì chưa chắc mình đã nghĩ như vậy. Trong suy nghĩ, trong sự đáp ứng lại với một biến cố nào đó đều có hai phần: biệt nghiệp và cộng nghiệp. Hai hình thức của nghiệp đó đã được ghép sẵn trong nội kết của chúng ta. Nội kết riêng và nội kết chung. Quan điểm của chúng ta về đẹp, về xấu cũng có cộng nghiệp và biệt nghiệp. Mình rời Việt Nam trong lúc các cô thiếu nữ áo dài rất dài (maxi), mình có thể mang hình ảnh đẹp đó cho đến khi về. Mười năm sau về lại, mình thấy không có cô nào mặc áo dài hết. Các cô mặc áo dài ngắn cỡn (mini) và mình thấy tại sao mà nó xấu như vậy? Chúng ta đã có một ý niệm về cái đẹp ăn sâu trong tâm rồi, so sánh ý niệm đó với thực tại bây giờ thì chúng ta thấy rằng mặc áo dài mini không đẹp. Nhưng không biết tại sao Sài Gòn kỳ này sa sút như vậy? Chúng ta đã có một ý niệm về cái đẹp ăn sâu trong nội tâm rồi, so sánh ý niệm đó với thực tại bây giờ thì chúng ta thấy rằng mặc áo dài mini không đẹp. Nhưng không biết tại sao ở lại Sài Gòn độ vài ba tháng thì ta lại bắt đầu thấy cái áo dài mini đẹp! Đó là ảnh hưởng của cộng nghiệp. Quan niệm về Chân, Thiện, Mỹ của chúng ta nhiều khi bị ảnh hưởng quan niệm Chân, Thiện, Mỹ của đám đông quần chúng. Biệt nghiệp và cộng nghiệp nằm trong nội kết (kết sử) của chúng ta. nếu chúng ta sống ‘bình thường’, nghĩa là sống không chánh niệm thì khi đi, đứng, nói, cười, làm việc, ăn uống... chúng ta chỉ theo nghiệp mà đi thôi. Chúng ta không có

một chút tự do nào cả, hoàn toàn đi theo định mệnh. Chỉ trừ khi nào có một Giác Duyên xuất hiện, chỉ trừ khi nào có một tia sáng của cây Bồ Đề chiếu tới chạm vào người ta. Cố nhiên, tia sáng đó cũng là định mệnh. Tia sáng đó tới với tất cả mọi người nhưng chính lúc đó mình chạm được mà người khác không chạm được. Cũng trong một bài pháp thoại mà có người bừng tỉnh trong khi nghe, có người không bừng tỉnh trong khi nghe. Chưa tỉnh là tại vì chưa chín, những điều kiện của sự tỉnh thức chưa có. Giác Duyên chưa thực sự có mặt.

Tu hành có nghĩa là phát khởi chánh niệm. Đi thì biết là đi, đứng thì biết là đứng, khổ thì biết rằng đang khổ. Tuy rằng đang khổ nhưng đã bắt đầu thấy được, bắt đầu mình là mình, mình có cái nhân cách của mình, mình bắt đầu có chút ít tự do.

Không có hạnh phúc chân chính nào mà không được thiết lập trên tự do. Nếu không có tự do thì không thật sự có hạnh phúc. Tự do chỉ có được khi mình chống lại được với định mệnh. Địch lại với định mệnh, chọc thủng được mạng lưới của nhân quả, là chỉ khi nào mình có chánh niệm mà thôi. Ngồi thiền, đi thiền hành, bước những bước chậm rãi, thành thơi, mà chủ được chính mình. Lúc khóc biết mình khóc, lúc buồn biết mình buồn. Chánh niệm chiếu vào chứng tỏ rằng mình bắt đầu có một ít tự do. Cái tự do đó, ban đầu ít lắm, mong manh như sợi chỉ. Nhưng nếu mình thực tập thì sợi chỉ đó càng ngày càng chắc, càng lớn. Ban đầu cái khoảng trống để cho mình có thể sử dụng chủ quyền rất hẹp. Giống như anh chàng sắp nổi khùng, không có bàn tay của Giác Duyên cầm lấy và nắm chặt thì anh chàng đã bùng nổ lên rồi. Anh chàng rất yếu đuối. Cơ hội để thành công rất nhỏ lúc ban đầu. Nhưng không thể có con đường nào khác hơn là đi thì phải biết đi, đứng thì phải biết mình đang đứng, uống nước thì phải biết mình đang uống nước. Đang buồn thì biết mình đang buồn, đang khổ thì biết mình đang khổ. Đang tự làm mình buồn thì biết mình đang tự làm mình buồn. Chánh niệm đó là ánh sáng của tự do.

Thiên hạ nói tới tự do, tranh đấu cho tự do; chẳng qua chỉ là những tự do về xã hội, kinh tế, này kia kia nọ mà thôi. Nhưng đâu có được những tự do đó người ta vẫn đau khổ như thường. Họ có hộ chiếu (passport), muốn đi đâu cũng được nhưng họ không đi đâu hết; họ tự tử. Tự do đó họ đâu có sử dụng được! Trong khi đó, một người trong trại học tập cải tạo, đang ở tù mà biết thiền hành, thiền tọa, quán chiếu, tiếp xúc với những mâu nhiệm của sự sống thì người đó có tự do, có hạnh phúc hơn những người kia.

Đứng về phương diện thực tập giáo lý mà xét thì tất cả chúng ta đều đang bị tóm trong cái lưới Nhân Quả, Định Mệnh. Con đường duy nhất để thoát khỏi mạng lưới ấy là Chánh Niệm. Chánh niệm có thể do những điều kiện của sự tỉnh thức đưa tới. Chúng ta có thể làm được gì để nuôi dưỡng khả năng và cơ hội đó? Đó là nương tựa Tăng. Nương tựa Tăng tức là biết rằng tăng thân là môi trường duy nhất có thể giúp ta nuôi dưỡng chánh niệm đó. Nếu chánh niệm đó mà tắt đi thì muôn ngàn đời ta sẽ giam hãm mình trong mạng lưới của Nhân Quả và Định Mệnh. Làm sao để tiếp xúc được với Giác Duyên đó là việc quan trọng nhất! Ban đầu, ở bên cạnh Giác Duyên, ta có thể rất đau khổ. Ở *‘những chốn thông dong’* ta vẫn *‘Ở không yên ổn ngồi không vững vàng.’* Nhưng phải nắm lấy tay Giác Duyên nắm lấy hoàn cảnh thuận lợi đó. Rồi một hồi nào đó ta bắt đầu có một chút tự do, một điểm tự do. Và nếu nắm lấy điểm tự do đó mà đi tới thì tự do đó sẽ lớn lên, bằng hột bắp, rồi từ từ bằng hột điều... Chỉ có cách đó thôi. Lúc đó con người mới có không gian. Không gian thênh thang. Có không gian thì mới sống hạnh phúc được.

Mỗi quý vị, các sư cô, các sư chú và các thầy đi thiền hành hoặc ngồi thiền thì đừng nghĩ rằng mình bắt buộc phải đi thiền hành, phải ngồi thiền. Đó là cơ hội duy nhất để mình làm con người tự do, để sống như một người tự do. Nếu trong khi đi thiền hành mà ta bước những bước chân không chánh niệm thì tức là ta không tha thiết đến tự do của mình. Ta không thấy sự quý giá của không gian. Con người sống không có không gian thì con người đó là một kẻ nô lệ. Chánh niệm, cũng như bất cứ một sinh vật nào khác, phải được nuôi dưỡng. Nếu Thúy Kiều, nếu sư em mà không có tăng thân nuôi dưỡng, không tạo lập những điều kiện của tăng thân thì vốn liếng của chánh niệm của hạnh phúc đã đạt được sẽ biến mất từ từ. Sự thiết lập liên hệ với sư chị rất quan trọng. Sư chị phải có đó sư em mới có thể đi xa được. Sư chị có đó dưới mọi hình thức chứ không phải chỉ với hình thức của một ni cô trong chùa mà thôi. Dụng tăng (sangha building) là một công trình tiếp nối Phật, làm cho những con người mất đi tự do có một cơ hội. Tiếp xúc được với một Tăng thân tu học là có một cơ hội để giải thoát ra khỏi biển khổ trầm luân.

Thuyết Định Mệnh, dù muốn hay không, vẫn đè nặng trên tâm tư mình. Nhiều khi mình thấy bất lực. Tất cả đều như được sắp đặt hết rồi và mình chỉ có vâng theo thôi! Khổ là tại số mình như vậy, ráng chịu! Trong trường hợp Kiều, người ta nói có một vài cố gắng, một vài thiện nhân dẫn đến một giai đoạn khác của đời sống. Chúng ta tự an ủi: ‘Số mệnh như vậy rồi!’ nhưng chúng ta phải thấy rõ rằng con người có đóng một vai trò nào đó. Nếu ‘Số

mạng như vậy rồi!’ mà chúng ta còn buông thả nữa thì hoàn toàn sẽ không có một nẻo thoát. Ta phải quyết định! Không có gì nhiều, chỉ chánh niệm thôi! Tự do là thấy được những gì đang xảy ra. Nhận diện được những con ma, con quỷ đang đưa đường dẫn lối mình. Chỉ chừng đó thôi là ta đã có thể bắt đầu nuôi dưỡng tự do của mình.

Thuyết Định Mệnh đã được công kích. Bao nhiêu người muốn có tự do. Nhưng những người muốn có tự do, chống lại Định Mệnh kia không có phương pháp cụ thể nào cả. Họ chỉ muốn chống lại thuyết Định Mệnh đang đè nặng trên con người. Và họ chỉ dùng những lý luận để chống lại, để nói rằng con người có tự do mà thôi. Nhưng họ không có những phương pháp cụ thể để có thể đi tới tự do thực sự. Trong đạo Phật, tự do bắt đầu bằng chánh niệm. Bắt đầu bằng chánh niệm rất nhỏ. Trầm trày trầm trật. Nhưng một ngày nào đó nó sẽ trở thành một hạt giống tốt. Và chánh niệm đó sẽ cho mình không gian, từ từ lớn lên. Trong Thánh Kinh nói rằng hạt giống tuy nhỏ nhưng trồng xuống thì sẽ trở thành cây lớn, chim chóc có thể bay về trên cây đó mà nương tựa. Chánh niệm cũng vậy. Chánh niệm trong đạo Phật là Phật sẽ thành, là Phật. Nếu tiếp xúc được với chánh niệm trong bản thân mình thì ta có thể tiếp xúc được với Phật trong mình. Đó là một Giác Duyên, một điều kiện của sự tỉnh thức.

---o0o---

LỜI CUỐI

Chúng ta chỉ cần nói một câu thôi để kết thúc. Đứng về phương diện văn chương, tâm lý, tả tình, tả cảnh (nhất là tả tình) thì truyện Kiều của Nguyễn Du là một tác phẩm tuyệt hảo, không chê vào đâu được. Tác giả nói: *Lời quê chấp chặt đông dài*. Nhưng tác phẩm không đông dài, không quê chút nào. Ngược lại, rất thanh tú, rất mỹ lệ. Chỉ có một điều: quan niệm, kiến thức Phật học của Nguyễn Du lúc đó chưa uyên bác lắm. Quan niệm về nghiệp còn mù mờ, chất phác. Có những học giả viết về những đề tài như ‘triết học Phật học trong truyện Kiều’, thì triết lý Phật học trong truyện Kiều rất mù mờ, chen lẫn với thuyết Định Mệnh và quan niệm tài mệnh tương đố. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là cụ Nguyễn Du không có tuệ giác đạo Phật. Tuệ giác của cụ lớn lắm, không phải là do cụ học Phật mà có, mà do cụ đã tiếp nhận được từ các thế hệ tổ tiên, từ văn hóa dân tộc, và nhất là từ kinh nghiệm sống và tiếp xúc của cụ. Tuệ giác này đã không được diễn tả dưới hình thức Phật học và với từ ngữ Phật giáo, mà bằng những câu thơ, như câu “*Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao*” hay “*tan sương đầu ngõ vén*

mây giữa trời” “ở không an ổn, ngồi không vững vàng” “một mình mình biết, một mình mình hay,” v.v...

Trong đời sống hàng ngày chúng ta có cảm tưởng bị bức bách, sống trong tù ngục của mạng lưới Nhân Quả. Chúng ta không có không gian để thở. Những nhà triết học cũng có cảm tưởng đó vì họ thường suy nghĩ nhiều về kiếp người về số phận con người. Nhưng mỗi khi chúng ta thực tập chánh niệm, thở vào thở ra có chánh niệm, thì chúng ta tự nhiên thấy có không gian. Chúng ta có cảm tưởng mình đang có một chút ít tự do. Và nếu chúng ta tiếp tục thì tự do càng lúc càng lớn. Chúng ta cảm thấy thoải mái. Nếu không có chánh niệm chúng ta chỉ là những người mê ngủ, nô lệ trong mạng lưới Nhân Quả mà thôi. Những giờ phút thiền hành, thiền tọa, ăn cơm im lặng, uống trà im lặng của quý vị là những tặng phẩm quý nhất cuộc đời có thể hiến tặng cho mình. Đừng cho đó là những sự bắt buộc. Sống trong một tặng thân, những giây phút được đi chậm chậm với nhau, ngồi uống trà im lặng với nhau, ngồi thiền với nhau... đó là hạnh phúc chân thật của mình. Phải thấy được những điều như vậy. Nhìn xuống hạ giới trầm luân mình thấy người ta không có khả năng đề hưởng được những thú vị cao siêu đó. Thú vị cao siêu đó là tự do. Tự do thật sự của mình. Ai cho mình tự do đó? Chính mình và tặng thân mình. Chúng ta phải giúp nhau.

Truyện Kiều dưới cái nhìn Thiền Quán
(các bài giảng của Thầy ở Làng Hồng vào mỗi buổi chiều thứ ba từ tháng 2/1992 đến tháng 6/1993)

---o0o---

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Truyện Kiều: NXB Đại Học và Giáo Dục Chuyên Nghiệp, 1991 (xuất bản lần thứ IX), GS Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú giải.

Từ điển Truyện Kiều: NXB (1976) Đào Duy Anh.

----o0o---

---Hết---

¹ Tô nga: người con gái đẹp

² Làn thu thủy: mắt trong như nước hồ thu. Nét xuân sơn: lông mày như dáng núi mùa xuân.

³ Nghiêng nước nghiêng thành: đẹp đến nỗi làm người ta say mê, bỏ cả nhiệm vụ, để mắt cả đất nước. Lý Diên Niên có bài ca: Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập. Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc. Ninh bất tri khuynh thành dữ khuynh quốc, gian nhân nan tái đắc = Phương bắc có người con gái đẹp, đẹp vô song mà còn đứng một mình. (Người đó) ngoảnh lại nhìn một cái xiêu thành người, ngoảnh lại nhìn cái nửa nghiêng nước người. Thà không biết việc nghiêng thành và nghiêng nước, (vì) người đẹp khó được gặp lại.

⁴ Ý cả câu: Về sắc thì chỉ có một mình Kiều là nhất, về tài thì may ra còn có người thứ hai sánh kịp.

⁵ Thiệu quang: ánh sáng đẹp, tức là ánh sáng ngày xuân. Ý cả câu: mùa xuân có chín mươi ngày thì đã hết sáu mươi ngày rồi, tức là tháng giêng và tháng hai đã đi qua, đang bước sang tháng ba.

⁶ Thanh minh: tiết vào đầu tháng ba, mùa xuân khí trời mát mẻ, trong trẻo, người ta đi tảo mộ, tức là đi viếng và quét tước, sửa sang lại phần mộ của người thân.

⁷ Đạp thanh: giẫm lên cỏ xanh. Tiết thanh minh, đi chơi xuân ở đồng nội, giẫm lên cỏ xanh nên gọi là đạp thanh.

⁸ Yên anh: chim én, chim oanh về mùa xuân thường ríu rít bay từng đàn: đây ví cảnh từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân.

⁹ Tiểu Khê: dòng suối nhỏ

¹⁰ Nếp tử: áo quan gỗ (từ gỗ thị); xe châu: xe tang có kết rèm như hạt châu. Đây là nói khách người viễn phương làm lễ tang cho Đạm Tiên.

¹¹ Phượng: chim phượng trống, Loan: chim phượng mái. Loan phượng trong văn cổ dùng tượng trưng cho đôi lứa vợ chồng. Cả câu ý nói những người khách làng chơi đi lại với Đạm Tiên ngày trước.

¹² Tích lục tham hồng: tiếc màu xanh, tham màu hồng, ý nói luyến tiếc tham mê nhan sắc người đẹp.

¹³ Bốn câu ba vần: thơ tứ tuyệt. Theo luật thơ cổ, thơ tứ tuyệt có bốn câu, có lối hai vần (câu 2-4), có lối ba vần (câu 1,2,4)

¹⁴ Lung túi: cái túi lưng lưng, không đầy.

¹⁵ Ngựa câu: ngựa non. Giòn: chắc, đẹp.

¹⁶ Hai kiều: hai người con gái đẹp, chỉ hai chị em Thúy Kiều.

¹⁷ Trâm: cái trâm cài vào mũ hay búi tóc, Anh; cái dải mũ; nhà trâm anh là nhà quyền quý.

¹⁸ Đồng thân: là cùng học một thầy, có khi gọi là đồng song: cùng ngồi bên cửa sổ để học.

¹⁹ Đồng tước: tên tòa lâu đài lớn do Tào Tháo dựng trên bờ sông Chương Hà tỉnh Hà Nam. Xây dựng xong, Tào Tháo định sẽ chiếm đất Giang Nam của Đông Ngô và bắt hai chị em Đại Kiều (vợ Tôn Sách, vua Đông Ngô) và Tiểu Kiều (vợ Chu Du, đô đốc của Đông Ngô) về đó ở. Thơ Đỗ Mục (Đường): Đông phong bất dữ Chu lang tiện. Đồng-Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều = Ngọn gió Đông nếu không giúp Chu Du (phóng hỏa phá trận Xích Bích) thì đài Đồng-Tước đã khóa chặt tuổi xuân của hai chị em họ Kiều. Ý cả câu: nhà họ Vương có hai cô con gái đẹp cầm cung.

²⁰ Giải cầu tương phùng: tình cờ không hẹn mà gặp nhau.

²¹ Đố lá: trò chơi thi kiếm những lá lạ, phổ biến ở Việt Nam và Trung Quốc thời xưa. Đây là dịp để nam nữ có thể gặp nhau.

²² Thu không: hiệu đóng cửa thành lúc gần tối.

²³ Hạ tứ: Viết tứ thơ xuống. Ném châu gieo vàng: lời hay ý đẹp, quý như vàng, như ngọc.

²⁴ Nhà huyên: do chữ huyên đường, chỉ người mẹ. Huyên là tên một thứ rau nấu canh rất ngọt (cây kim châm), tượng trưng cho người mẹ. Trong khi đó cây thông tượng trưng cho người cha (thung đường.)

²⁵ Mạch tương: do chữ tương lệ, nước mắt nhớ người yêu. Tích vua Thuấn đi tuần thú, chết ở đất Thương Ngô, ven bờ sông Tương; vợ là bà Nga Hoàng và Nữ Anh ra sông khóc, nước ấy vẩy vào các bụi trúc chung quanh làm cho trúc có sắc lốm đốm nên gọi là Tương phi trúc.

²⁶ Lời bài hát Bông hoa vàng trong cỏ của Nhất Hạnh.

²⁷ Thơ Từ An Trinh: Ngân thược trùng quan thích vi tịch, bất như miên khứ mộng trung khan = Khóa bạc mấy lần nghe chưa thấy mờ, chỉ bằng ngủ đi, may được thấy mặt trong giấc mơ.

²⁸ Mành Tương: Mành làm bằng giống trúc Tương Phi (Tích Nga Hoàng và Nữ Anh khóc vua Thuấn ở bờ sông Tương, nước mắt làm trúc bên bờ sông trở nên lốm đốm)

²⁹ Lá thắm: do chữ hồng điệp đề thi (đề thơ trên lá đỏ). Theo Thái bình quảng ký, đời Đường, Vu Hựu một hôm tình cờ bắt được chiếc lá đỏ thắm trôi trên một ngòi nước từ cung vua chảy ra, trên lá có bài thơ: Lưu thủy hà thái cấp! Thâm cung tận nhật nhàn; Ân cần tạ hồng điệp, hảo khứ đáo nhân gian = Nước chảy sao xiết vậy! Trong thâm cung suốt ngày nhàn hạ; Ân cần tạ lá đỏ, khéo trôi tới chốn nhân gian. Hựu bèn lấy sắc lá đỏ khác, đề hai câu thơ: Tầng văn điệp thượng đề hồng oán, điệp thượng đề thi ký dữ thù? = Tầng nghe nổi hờn oán của khách má hồng đề trên lá, không biết trên lá đề thơ gửi cho ai? Rồi đem thả nơi đầu ngòi nước cho trôi vào cung vua. Cung

nữ Hàn thị, người thả chiếc lá đỏ buổi trước, bắt được. Về sau nhân dịp vua thả ba nghìn cung nữ, Hàn thị được ra, tình cờ kết duyên với Vu Hựu. Hàn thị nhân làm bài thơ: Nhất liên giai cú tùy lưu thủy, thập tái ưu tư mãn tố hoài; kim nhật khước thành loan phượng hữu, phương tri hồng điệp thị lương môi. = Một đôi câu thơ đẹp trôi dòng nước chảy, mười năm ôm bụng nghĩ ngợi âm thầm; ngày nay thành được bạn loan phượng, mới biết lá đỏ là bà mối giỏi. Chim xanh; con chim sứ giả, chỉ người đưa tin. Theo Hán Vũ cổ sự, ngày mồng bảy tháng bảy có con chim xanh bay đến trước cửa điện, vua hỏi, Đông Phương Sóc tâu; Chấn Tây Vương Mẫu sắp đến. Một lát sau quả Tây Vương Mẫu đến, có ba con chim xanh bay đậu bên cạnh.

³⁰ Động khóa nguồn phong: Khi Lưu Thần, Nguyễn Triệu trở lại hỏi thì cửa động tiên đã khóa chặt, nguồn Đào phong kín, lấp mất lối cũ, không có cách gì gặp lại người tiên.

³¹ Châu về Hợp phố: vật đã mất nay trở về chủ cũ. Theo Hậu Hán Thư, quận Hợp phố có nhiều ngọc trai, quận thú tham ông bắt dân mò ngọc cho họ rất nhiều. Ngọc quý bỏ đi gần hết. Dân không có gì đổi cái ăn, chết đói đầy đường. Khi Mạnh Thường đến làm thái thú bãi bỏ những tệ cũ, mưu lợi cho dân, chưa đầy một năm ngọc bỏ đi tìm về Hợp phố, dân trở về nghề cũ. Ý cả câu: không biết của ai mà tra.

³² Lân lý: xóm làng, ý nói người lối xóm.

³³ Ấp cây: ôm chặt cây cột cầu. Vỹ Sinh người nước Lỗ thời Xuân Thu cùng hẹn với một người con gái gặp nhau dưới chân cầu. Người con gái không đến. Vỹ Sinh thủ tin ngồi đợi mãi, nước lên to cũng không chịu đi, cứ ôm trụ cầu mà chịu chết đuối. Tiếng Hán dùng để diễn này để chỉ việc liều thân mà thủ tín. Ở đây, Kim Trọng chịu liều thân để được gặp Thúy Kiều.

³⁴ Phi phong: tên hai thứ rau nhà nghèo ăn, ý nói sống bằng phương tiện đạm bạc, đơn giản.

³⁵ Chỉ hồng: do điển xích thằng hệ túc, chỉ việc xe duyên vợ chồng. Theo Tục u quái tục, Vi Cố đi dạo một đêm trăng gặp một ông lão ngồi tựa lưng vào một cái túi lớn đựng đầy những sợi chỉ đỏ hướng về phía mặt trăng mà kiểm sách. Vi Cố hỏi, ông lão nói đó là văn thư kết hôn của thiên hạ, còn những sợi chỉ đỏ thì dùng để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành hôn thành vợ chồng. Nguyệt lão, ông tơ, chỉ hồng đều chỉ việc xe duyên vợ chồng, nhân duyên trời định.

³⁶ Chiều xuân: lòng mơ tưởng đến tình yêu, do các chữ hoài xuân hay xuân từ trong tiếng Hán. Nét thu: con mắt sáng trong như nước mùa thu gợn sóng (thu ba).

³⁷ Vạn phúc: lời chúc phúc lành, thường người đàn bà hay nói với người đàn ông khi gặp nhau. Hàn huyền: thăm hỏi, chuyện trò khi chủ khách mới gặp nhau.

³⁸ Lời phong nguyệt: những câu chuyện yêu thương, lãng mạn. Nguyên non sông: lời thề nguyện gắn bó.

³⁹ Đạm thanh: màu xanh nhạt.

⁴⁰ Nàng Ban, ả Tạ: Ban Chiêu đời Đông Hán và Tạ Đào Uẩn đời Tấn là hai người đàn bà nổi tiếng thông minh, học rộng, có tài biện luận và giỏi thơ văn.

⁴¹ Ngọc bội: đồ đeo bằng ngọc, chỉ người quân tử, người đã hiển đạt và có quan chức. Kim môn: Kim Mã Môn, tên một cửa cung Vương đời Hán, nơi các quan học sĩ đợi chiếu, chuẩn bị để vua hỏi chính sự. Đây là chỉ những người có văn tài, được nhà vua trọng dụng.

⁴² Giải cầu: tình cờ không hẹn mà gặp.

⁴³ Trung khúc: khúc lòng, những tâm sự thâm kín.

⁴⁴ Song sa: cửa sổ có treo màn sa (thứ hàng tơ dệt thưa mỏng)

⁴⁵ Trướng huỳnh: màn đom đóm, chỉ phòng học của học trò. Theo Tấn Thu, ông Xa Dận hồi nhỏ nhà nghèo, không có đèn thắp mà học nên bắt đom đóm bỏ vào một cái túi để thấy chữ mà học. Người ta dùng chữ trướng huỳnh để chỉ buồng học của người siêng học.

⁴⁶ Đài sen: để cắm nên hình hoa sen. Song đào: lư đốt trầm, hình quả đào.

⁴⁷ Nước non: Bờ chữ cao sơn lưu thủy, chỉ tiếng đàn hay của người tri kỷ, tiếng đàn có bạn tri âm thưởng thức. Tích Bá Nha và Tử Kỳ. Bá Nha thời Xuân Thu, là người giỏi đàn, gặp và chơi thân với Chung Tử Kỳ là người sành nghe đàn. Một hôm Bá Nha đánh đàn, Chung Tử Kỳ ngồi nghe. Khi Bá Nha nghĩ đến chỗ non cao, Chung Tử Kỳ nói: Thiên tai hồ cổ cầm, nguy nguy hồ nhược Thái Sơn = Đánh đàn giỏi làm sao, vùi vùi cao thay như núi Thái! Một lát Bá Nha nghĩ đến chỗ nước chảy, Chung Tử Kỳ lại nói: 'Thiên tai hồ cổ cầm, dâng dâng hồ nhược lưu Thủy' Đánh đàn sành biết mấy, mệnh mông thay như nước chảy. Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha đập đàn không gảy nữa vì cho người đời không còn ai hiểu tiếng đàn của mình. Chung Kỳ là Chung Tử Kỳ, người tri âm

⁴⁸ Tư mã Phượng cầu: khúc đàn Phượng cầu hoàng của Tư Mã Tương Như đời Hán, đàn tỏ tình với Trác Văn Quân. Phượng cầu hoàng là chim Phượng (chim trống) đi tìm chim Hoàng (chim mái). Kim Trọng không cầm đàn nhưng cũng đàn một bản đàn miệng ('không lấy được em chắc là anh chết'), cũng 'nghe ra như oán như sầu' làm cho Thúy Kiều nghe xính vính, phải chấp nhận.

⁴⁹ Kê Khang - khúc Quảng Lăng: theo Thông Chi, Kê Khang một hôm đến chơi đất Lạc Tây, trọ ở Hoa Dương Đình, đêm ngồi gảy đàn, chợt có người khách đến tự nói mình là người thời cổ, rồi cùng Khang bàn luận âm luật, nghĩa lý rành rọt thấu đáo. Nhân đó, ông khách lấy đàn gảy, soạn nên khúc Quảng Lăng Tán, lời điệu cực hay, trao cho Khang và dặn không được truyền lại cho người khác. Về sau Kê Khang bị Tư Mã Chiêu sát hại. Khúc Quảng Lăng bị thất truyền.

⁵⁰ Lưu thủy, hành vân: nước chảy mây trôi, nói tính cách thanh thoát, tự nhiên của khúc đàn.

⁵¹ Quá quan: qua cửa ải. Chiêu Quân: tên tự của Vương Tường cung nữ của Hán Nguyên Đế, bị cống cho vua Hung Nô làm hoàng hậu để ngăn chiến tranh giữa hai nước. Khi qua cửa ải, Chiêu Quân gảy một khúc đàn tì bà tỏ lòng nhớ nước, nhớ nhà vô hạn.

⁵² Lời bài hát 'Hộ trì sáu căn' lấy từ Kinh.

⁵³ Bồ kinh: do chữ bồ quân kinh thoa (quần vải, thoa gai) chỉ người vợ hiền. Ngày xưa nàng Mạnh Quang vợ Lương Hồng chỉ dùng quần vải thoa gai.

⁵⁴ Trên Bộc trong dâu: chỉ thói tà dâm của trai gái. Hán thư: nước Vệ có bãi dâu trên sông Bộc, trai gái hẹn hò đàn hát, làm chuyện không đúng lễ giáo.

⁵⁵ Cháp cánh liền cành: sự sống lứa đôi, hai người luôn có mặt bên nhau. Thơ Bạch Cư Dị: Tại thiên nguyện tác tị dục điều, tại địa nguyện vi liên lý chi = trên trời nguyện làm chim liền cánh, dưới đất nguyện làm cây liền cành.

⁵⁶ Mái Tây: do chữ Tây Sương, tức mái tây chùa Phổ Cứu, nơi Thôi - Trương gặp gỡ nhau.

⁵⁷ Sai nha: nhân viên chính quyền.

⁵⁸ Giã giang: cái gông (già) gông vào cổ (giang)

⁵⁹ Giặm: đồ dùng đánh cá; giằm: bẫy bắt chim hay bắt các loài thú.

Đan giặm giật giằm: ý nói lừa, đánh bẫy cho nên tội.

⁶⁰ Nghi: ông ta (ông họ Chung), dấu hỏi chứ không phải dấu ngã.

⁶¹ Tác cỏ ba xuân: bài Du Tử Ngâm của Mạnhhông Giao có câu: Thùy ngôn thôn thảo tâm, báo đắc tam xuân huy = Ai nói rằng cái lòng của tác cỏ mà báo đáp được ánh sáng của ba tháng mùa xuân. Đó là lời người đi chơi xa (du tử) nhớ mẹ. Tác cỏ ví cho người con: ba xuân ví như cha mẹ.

⁶² Nàng Oanh: Thuần Vô Úy, cha của nàng Đề Oanh phạm lỗi lớn, Đề Oanh viết thơ tâu lên vua Hán Văn Đế xin thế tội cho cha. Vua Văn Đế đọc biểu cảm động và tha tội cho cha cô.

⁶³ Ả Lý: Nàng Lý Ký nhà nghèo, bán mình nuôi cha mẹ. Theo Suu Thần Kiểm soát: Hang núi ở quận Mân Trung, đất Đông Việt có con rắn to, hàng năm dân phải cúng cho thần rắn một đồng nữ. Có một năm, viên quan

lệnhững tìm đồng nữ mà chẳng được ai. Nàng Lý Ký ở huyện Tương Lạc muốn nhân dịp này bán mình lấy ít tiền nuôi cha mẹ, trốn đến cửa quan tự bán mình để nộp thân rấn, và xin được một thanh gươm tốt, một con chó dữ. Đến ngày nộp thân rấn, Lý Ký cầm gươm, dắt chó ngồi chờ sẵn trong miếu. Con rấn không lò bò ra, Lý Ký thả chó ra cắn, còn nàng theo dùng gươm chém. Rấn chết, Hán Vũ Đế biết chuyện, mời nàng về cung lập làm hoàng hậu.

⁶⁴ Tinh kỳ: Tinh kỳ hôn kỳ già, hôn giả, kiến tinh nhi hành = Tinh kỳ là kỳ cưới vợ, đám cưới trông thấy sao thì đi

⁶⁵ Trúc mai: tên của hai giống tre.

⁶⁶ Dạ đài: đài đêm, chỉ âm phủ.

⁶⁷ Rén chiềng: thừa trình mà có ý rụt rè. Chiềng là do chữ trình đọc trạnh ra.

⁶⁸ Quán huyền: ống sáo, dây đàn (chỉ tiếng sáo, tiếng đàn rước dâu.)

⁶⁹ Mạt cửa mướp đấng: người lấy mạt cửa giả làm cám đem bán, gặp kẻ lấy mướp đấng giả làm dưa chuột; chỉ những phường bịp bợm, chơi với nhau rất cân xứng.

⁷⁰ Chén đồng: Chén rượu thề. ‘Người dưới nguyệt chén đồng’ là người cùng uống rượu và thề thốt dưới mặt trăng. Đây là Kim Trọng.

⁷¹ Người tựa cửa: người mẹ tựa cửa trông chờ con. Chiên quốc sách: Mẹ Vương Tôn Giả bảo ông: Nhữ triều xuất nhi văn lai, tắc ngô ý môn nhi vọng nhữ; nhữ mộ xuất nhi bất hoàn, tắc ngô ý tư nhi vọng nhữ = Con sáng sớm đi, chiều mới về thì mẹ đứng tựa cửa mà ngóng trông con: chiều tối ra đi thì mẹ tựa công làng mà ngóng trông con

⁷² Quạt nồng ấp lạnh: quạt khi trời nóng, ấp chiếu chăn cho ấm: khi trời rét, đó là cử chỉ săn sóc của người con hiếu, do chữ đông ôn hạ sanh trong Lễ Ký

⁷³ Hạ lai: Sân nhà Lão Lai tử, chỉ nhà cha mẹ. Theo Hiếu tử truyện, Lão Lai tử thờ cah mẹ rất có hiếu, đã ngoài 70 tuổi ông còn bày trò chơi trẻ con, mặc áo năm màu ra múa cho cha mẹ coi rồi giả ò té khóc như trẻ con để cha mẹ cười. Đó là gương người hiếu hạnh.

⁷⁴ Gốc tử: gốc cây tử. Kinh thi: Duy tang dữ tử, tất cung kính chi = Nhớ đến cây dâu với cây tử (cây do cha mẹ trồng) thì nên sanh lòng cung kính. Người sau nhân đó gọi là quê hương, nơi cha mẹ ở là tang tử. Gốc tử đã vừa người ôm: ý nói cha mẹ đã già.

⁷⁵ Ý cả câu: Thúy Kiều lia cửa lia nhà, như con chim lạc đàn, phải mắc vào lầu xanh, mang lấy cái nợ làm gái điếm

⁷⁶ Kết cỏ ngậm vành: chỉ sự báo ơn sâu. Kết cỏ: theo Tả Truyện, Ngụy Vũ Tử còu người thiếp trẻ đẹp, không có con, ngày thường dặn con là Ngụy Khỏa: ‘Nếu chẳng may có chuyện gì hoặc ốm mà chết thì con lo gả chồng tử

tế cho nàng.’ Nhưng khi Vũ Từ ôm nặng sắp mất lại dặn Khỏa: ‘Đem vàng chôn theo ta.’ Khi Vũ Từ qua đời, Ngụy Khỏa cứ theo lời dặn của cha khi sáng suốt mà đem gả chồng cho nàng. Sau Ngụy Khỏa đánh nhau với quân Tần ở Phụ Thị, Khỏa thấy một ông già nắm từng bụi cỏ mà kết lại với nhau. Ngựa của tướng bên Tần là Đỗ Hồi bị vương ngã, Đỗ Hồi bị Khỏa bắt. Đêm hôm ấy Ngụy Khỏa nằm mộng thấy ông già kết cỏ đến nói: ‘Tướng quân biết theo lời dạy sáng suốt của tiên nghiêm mà gả chồng cho con gái tôi. Vì vậy tôi kết cỏ cho ngựa Đỗ Hồi ngã để báo ơn sâu của tướng quân.’ Ngậm vành: Theo Tục Tề hài ký dẫn trong Hậu Hán Thư, Dương Bảo đòi Hậu Hán đi chơi thấy một con chim sẻ vàng bị con chim cắt đánh rơi xuống đất, bắt đem về nuôi đến khi chim sẻ khỏe mạnh thì thả cho chim bay đi. Đêm hôm ấy, có một đứa bé mặc áo vàng đến trước Bảo, lạy nói: ‘Cậu là người nhân ái đã cứu sống tôi, thực cảm cái ơn đó nên nay đem bốn chiếc vòng ngọc đến tạ.’

⁷⁷ Tam thập lục kế tâu vi thượng sách: ba mươi sáu cách để giải quyết thì cách trốn đi là hay nhất.

⁷⁸ Hóa nhi: ông trời, có khi gọi là trẻ tạo.

⁷⁹ Đà đao: miêng võ hiểm lừa cho người ta đuổi rồi quay lại chém bắt ngờ. Đây nói lừa đảo, đánh lừa.

⁸⁰ Nghi: anh chàng

⁸¹ Người soi: người sành sỏi.

⁸² Gió lá cành chim: ý nói cảnh tập nập đưa đón khách chơi. Nàng Tiết Đào đòi Đường lúc bé có câu thơ Chi nghênh nam bắc điểu, điệp tổng vãng lai phong = cảnh đón những con chim nam bắc, lá đưa những ngọn gió qua lại. Cha nàng xem bài thơ không vui vì biết con về sau không ra gì.

⁸³ Tống Ngọc và Trạng Khanh là những người đẹp trai, văn nhân tài tử nhưng có tính trăng hoa.

⁸⁴ Trân cam: những thức ăn quý, ngon ngọt là những vật phụng dưỡng cha mẹ già của người con hiếu.

⁸⁵ Liễu Chương Đài: Theo Toàn Đường thi thoại Hàn Hoành đời Đường giỏi thơ, kết duyên với một người con gái ở phố Chương Đài thành Trường An là Liễu Thị. Hàn về quê thăm nhà. Kinh đô có biến, Liễu Thị bị tướng giặc cướp mất. Khi loạn được dẹp yên, họ Hàn cho người đem vàng bạc và bài thơ Chương Đài Liễu để dò tin Liễu Thị: Chương Đài Liễu. Chương Đài Liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ? Túng sử trường điều tự cự thù, già ung phan chiết tha nhân thử = Cây liễu ở Chương Đài, Cây liễu ở Chương Đài, ngày trước xanh xanh, nay có còn không? Cho dù cành dài còn buông rủ như cũ thì có lẽ cũng đã vin bẻ vào tay người khác mất rồi! Sau

Liễu Thị được trở về đoàn tụ với Hàn Hoàn. Liễu Chương Đài chỉ người yêu xa cách.

⁸⁶ Bốc rời: bốc tiền tiêu không cần đếm. Ý nói tiêu không tiếc tiền

⁸⁷ Thang lang: nước hoa lan thơm nấu sôi để tắm.

⁸⁸ Mây vàng: theo Tự Điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh: ‘Có câu thơ cổ của tác giả người đất Thục sang ở đất Tần: ‘Thục trung đa hoàng vân’ nghĩa là trong đất Thục có nhiều mây vàng, do đó nói nhớ quê nhà người ta thường nói nhớ mây vàng. Bản của KOM, BKD và NKH thì chép ‘mây Hàng’ lấy tích Địch Nhân Kiệt lên núi Thái Hàng thấy mây trắng thì nói nhà cha mẹ ở dưới đám mây đó. Nhưng ‘mây Hàng’ thì không đúng vì điển Địch Nhân Kiệt nói mây trắng chứ không phải mây ở núi Thái Hàng, núi Thái Hàng là chỗ Nhân Kiệt đứng nhìn thấy đám mây ở nơi khác.

⁸⁹ Thu ba: sóng thu, hai con mắt người đẹp trong sáng như nước thu gợn sóng.

⁹⁰ Sân ngô: sân có trồng cây ngô đồng. Lá cây ngô đồng đổi sang màu vàng là dấu hiệu của mùa thu

⁹¹ Dậu thu: đậu hoa mùa thu. Gió sương: chồi hoa chịu được sương tức là chồi hoa cúc (hoa mùa thu).

⁹² Gối yên: gối dựa vào cái yên ngựa của các ông lão đời trước hay dùng. Xuân đường: người cha.

⁹³ Mặt sắt đen sì: do chữ thiết diện chỉ ông quan nghiêm nghị, cương trực

⁹⁴ Ba cây: (tam mộc) là cái khóa tay (nữ), gông cổ (già) và cùm chân (giới).

⁹⁵ Đào hoen quẹn má: mặt mũi thất sắc, nước mắt giàn giụa hoen cả má áo. Liễu tan tác mảy: nhú mảy chịu đau, lông mảy lá liễu không còn ra hình lá liễu nữa.

⁹⁶ Lầm cát: bùn và cát.

⁹⁷ Vóc sương: khổ người nhẹ, thanh, trong trắng. Hình thù của Thúy Kiều tiêu tụy khi bị hình phạt như gương không sáng nữa vì nước thủy ngân mờ đi, như cành mai bị sương tuyết.

⁹⁸ Giải vì: mở vòng vây.

⁹⁹ Có bản ghi: ‘giả lại thịnh Đường’, tức là còn hay hơn cả thơ đời hưng thịnh của nhà Đường nữa.

¹⁰⁰ Châu Trần: họ Châu và họ Trần đời đời làm thông gia với nhau; đây là nói đến chuyện hôn nhân tốt đôi vừa lứa.

¹⁰¹ Cổ xúy: nhạc bát âm. Cổ là tên gọi chung những nhạc khí dùng để đánh như chiêng, trống. Xúy là những nhạc khí để thổi lên như kèn, sáo.

¹⁰² Cát lũy: dây leo, chỉ người vợ lẽ. Tao khang: bã rượu và cám gạo, những thức ăn hèn mọn, chỉ người vợ lấy từ buổi nghèo túng khôn khổ tức là người vợ cả.

¹⁰³ Quan hà: cửa ải và sông, tượng trưng cho chuyến đi xa. Chén quan hà là chén rượu tiễn biệt.

¹⁰⁴ Xuân đình: chỗ chơi, Cao đình: chỗ tiễn biệt.

¹⁰⁵ Sông Tần: tượng trưng cho sự cách biệt. Có câu hát cổ (bài ca Vị Tây): ‘Dao vọng Tần xuyên can trường đoạn tuyệt’ = nhìn xa thấy nước sông Tần nát gan đứt ruột vì sự ly biệt.

¹⁰⁶ Dương-quan: tên của một cửa ải phía tây nam huyện Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc, tượng trưng cho sự ly biệt.

¹⁰⁷ Đẳng: gác Đẳng Vương (Đẳng Vương Các.) Gió gác Đẳng là chỉ duyên may hiếm có, cơ hội thuận lợi..

¹⁰⁸ Tẩy trần: rửa sạch bụi. Tục cổ, khi có người ở xa mới đến, đặt tiệc mời ăn hay biếu vật gì cho người đó là tẩy trần, ý nói để rửa sạch những nỗi gian lao vất vả dọc đường.

¹⁰⁹ Thuần vược: do chữ thuần lô, rau thuần cá vược là hương vị của quế hương.

¹¹⁰ Cô thi: Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ công tri thu = một lá ngô đồng rụng, ai cũng biết thu sang. Ý cả câu: Mùa thu đến.

¹¹¹ Côn quang: gây gộc, chỉ bày du côn, cầm đầu là hai anh chàng Ung và Khuyển.

¹¹² Lục trình: đường bộ.

¹¹³ Phi phù tí quý: đốt một đạo bùa triệu thỉnh ma quỷ tới. Thông huyền: hiểu thấu được những lẽ huyền vi trong vũ trụ.

¹¹⁴ Tam đảo: ba hòn đảo tiên to như núi Bồng lai. Phương Trượng và Doanh Châu. Cửu tuyền: chín suối, chỉ âm phủ.

¹¹⁵ Cánh suyền: cánh buồm đi nhanh (suyền = đi nhanh.)

¹¹⁶ Hồn mai: linh hồn cây mai. Theo Long thành lục, Triệu Sư Hùng đời Tùy qua chơi núi La Phù. Trời chiều sắp tàn, thấy trong rừng có một quán rượu. Hùng ghé vào thấy một người con gái đẹp, trang điểm thanh nhã, mặc đồ trắng ra tiếp. Hai người nói chuyện, uống rượu hương thơm như tỏa vào người. Tỉnh dậy, thấy mình nằm dưới gốc cây mai đang nở rộ hoa. Đó cũng chỉ là một giấc mộng. Hồn mai trong câu này chỉ người đẹp trong cơn mê.

¹¹⁷ Bàn hoàn: nghĩ quanh nghĩ quẩn, băn khoăn lo lắng.

¹¹⁸ Thù: chủ nhân rót mời khách. Tạc: khách rót mời lại chủ nhân. Chén tạc chén thù: người này mời mọc người kia uống.

¹¹⁹ Trì hồ: cầm bầu rượu (đứng hầu rượu).

¹²⁰ Xem chuyện Tùng của Nhất Hạnh trong quyển Cửa Tùng Đồi Cánh Gài

¹²¹ Điềm nguyệt: điếm cỏ, lều cỏ dưới trăng. Cầu sương: cầu ván có sương ướt. Thơ Ôn Đình Quân: Kê thanh mao điềm nguyệt, Nhân tích bản kiêu

sương = Tiếng gà gáy nơi điểm cỏ dưới trăng, vết chân người in trên cầu ván có sương ướt.

¹²² Đàn Việt: danna, cúng dường; người đàn việt là người cư sĩ đến chùa cúng dường. Cửa Già: chôn Già Lam, tức là tu viện.

¹²³ Trác: bàn thờ, bàn hương án.

¹²⁴ Biên đình: miền biên giới.

¹²⁵ Côn: võ dùi gậy; quyền: võ tay không. Lược thao: do chữ lược thao tam lược là tên những bộ binh thư thời xưa, chỉ chung phép dụng binh, kế hoạch quân sự

¹²⁶ Việt Đông: ở miền nam Trung Hoa.

¹²⁷ Bình Nguyên Quân: tên Triệu Thắng, con Linh Vương nước Triệu đời Chiến Quốc, là người hiền thích tân khách, tính hào hiệp, trong nhà có đến mấy nghìn khách ăn. Ông làm tể tướng cho Huệ Văn Vương và Hiếu Thành Vương, ba lần thôi không làm tể tướng, ba lần trở lại địa vị, được phong đất ở Đông Vũ Thành. Thơ Cao Thích: Vị tri can đảm hướng thùy thị, linh nhân khước ức Bình Nguyên Quân = Chẳng biết gan mật hướng vào ai cho phải, khiến người lại nhớ Bình Nguyên Quân. Đây nhân câu trên, Thúc Kiều nói: ‘Biết đâu mà gởi can trường vào đâu’ nên Từ Hải lấy ‘câu Bình Nguyên Quân’ mà đáp lại cũng là có ý tự ví mình.

¹²⁸ án Dương: tên đất, nơi Đường Cao Tổ từ đó dấy binh đánh nhà Tùy dựng nghiệp đế vương như Đường Cao Tổ

¹²⁹ Chung: học lúa: tứ: xe chở người, vật dụng. Sự giàu sang được đo bằng lúa và xe.

¹³⁰ Bãng nhân: người làm mai.

¹³¹ Giường thất bảo: giường có khảm bảy thứ báu (vàng, bạc, phá lê, xà cừ, trân châu, mã não, đồi mồi.) Màn bát tiên: màn thêu hình tám vị tiên (Chung Ly, Trương Quả Lão, Hàn Tương Tử, Lý Thiết Quỳ, Tào Quốc Câu, Lữ Đồng Tân, Lam Thái Hòa, Hà Tiên Cô.)

¹³² Chiêng: nhạc khí bằng đồng, hình tròn có múm ở giữa để đánh. Tinh: cờ xí

¹³³ Nghi gia: về nhà chồng.

¹³⁴ Kinh ngạc: hai giống cá to dữ, chỉ quân lính hùng mạnh. Giáp binh: áo giáp và khí giới.

¹³⁵ Tiếng la: tiếng thanh la, nhạc khí bằng đồng dùng để đánh.

¹³⁶ Phượng liễn loan nghi: kiệu và các đồ nghi trượng có chạm, thêu hình chim loan, chim phượng.

¹³⁷ Hoa quan: mũ có đính vàng ngọc, kim cương đẹp đẽ. Cháp chói: sáng lóng lánh. Hà y: áo đỏ tía như sắc ráng trời.

-
- ¹³⁸ Trúc tơ: sáo và đàn, âm nhạc.
- ¹³⁹ Bài: miếng gỗ vuông để viết chữ; hỏa: ý việc khẩn cấp, nóng như lửa. Hỏa bài tiền lộ: thẻ bài hỏa tốc cầm đi trước để báo tin cho nhân dân biết mà lo việc phục dịch hay dẹp đường cho quan quân đi.
- ¹⁴⁰ Nam đình: triều đình phương Nam do Từ Hải lập ra. Đại doanh: doanh trại lớn, chỗ đóng quân của Từ Hải.
- ¹⁴¹ Hàn vi: đói lạnh, chỉ lúc nghèo hèn, không có thế lực, khổ đau.
- ¹⁴² Nghiêm quân: chỉnh đốn hàng ngũ quân lính. Tuyển tướng: lựa chọn, sắp đặt các tướng.
- ¹⁴³ Báo phục: báo trả lại; ân thì báo ân, oán thì báo oán. Chín ghê: rất đáng sợ.
- ¹⁴⁴ Vệ cơ: các đơn vị quân đội ngày xưa. Thị lập: đứng hầu. Song phi: dàn ra làm hai hàng.
- ¹⁴⁵ Bác đồng: mác và giáo. Tinh kỳ: cờ tinh, một loại cờ hiệu dùng trong quân ngày xưa.
- ¹⁴⁶ Trưởng hùm: do chữ hổ trưởng: nơi làm việc của các tướng soái.
- ¹⁴⁷ Tiên nghiêm: hồi trống đánh mở đầu để làm tăng vẻ trang nghiêm.
- ¹⁴⁸ Cửa viên: do chữ viên môn: cửa dựng bằng cang xe. Thời xưa, vua đi tuần thú, săn bắn ở ngoài dựng ở đâu quay các cỗ xe làm giậu, dựng cang xe làm cửa gọi là viên môn (viên: cang xe.)
- ¹⁴⁹ Cho phu: cho bỏ, cho đáng.
- ¹⁵⁰ Sâm Thương: chỉ sự cách biệt, không được gặp nhau như sao Sâm và sao Thương. Theo Từ điển truyện Kiều của Trần Trọng Kim: ‘Sâm là sao Cày, mấy sao ở giữa chòm Orion, Thương là mấy sao sắc đỏ ở đuôi chòm sao Scorpion mà ta gọi là sao Thần Nông. Trong vòm trời, hai vị sao ấy cách nhau gần 1800 cho nên hễ thấy được sao này mọc thì sao kia lặn, không thể nào cùng thấy trong một bầu trời (người ta vẫn hiểu lầm là sao Hôm và sao Mai) cho nên dùng để tỉ dụ sự cách biệt không gặp nhau được. Theo chú giải Truyện Kiều của Nguyễn Thạch Giang: ‘Sao Sâm là chòm sao gồm bảy ngôi ở phía Tây, một trong nhị thập bát tú, màu đỏ da cam; sao Thương tức là chòm sao Tâm, gồm ba ngôi ở phía Đông, nằm trong nhị thập bát tú, màu đỏ lửa.
- ¹⁵¹ Hiến phù: dâng nộp những người tù binh bắt được, đây ý nói giải những người có tội tới.
- ¹⁵² Các tích: án tích kể những tội lỗi của người tù phạm. Phạm tù: người bị bắt làm tù vì phạm tội. Hậu tra: đợi để tra hỏi.
- ¹⁵³ Tri quá: biết lỗi.
- ¹⁵⁴ Ba quân: Tiền quân, trung quân và hậu quân; ý nói tất cả quân lính. Pháp trường: chỗ hành hình người có tội.

¹⁵⁵ Thanh thiên bạch nhật: giữa trời xanh đang lúc ban ngày, ý nói rõ ràng, không giấu diếm ai.

¹⁵⁶ Thiên tải nhất thì: nghìn năm mới có một lần, dịp hiếm có.

¹⁵⁷ Bàn hoàn: quanh quẩn, quẩn quít, vui vẻ với nhau.

¹⁵⁸ Theo ghi chép của sư cô Chân Không trong quyển Thử Tìm Dấu Chân Trên Cát: ‘Hồi đó chúng tôi thường tổ chức các đại nhạc hội để giúp các em cô nhi ở Việt Nam... Chúng tôi cũng cho ra tờ Le Lotus đặc biệt in trên giấy vàng để kêu gọi người đỡ đầu cho cô nhi chiến nạn... Hồi ấy tại khám Chí Hòa có ba trăm tăng sĩ tuyệt thực để gây áp lực trên Hòa Hội Paris; chúng tôi cũng được thầy phái đi các nước Hoa Kỳ, Đan Mạch, Ý Đại Lợi, Anh Cát Lợi, v.v... để vận động yểm trợ cho cuộc tuyệt thực này. Tôi còn nhớ tại Rome có ba trăm linh mục đi diễn hành, mỗi vị đeo trên ngực bảng tên của một tăng sĩ Việt Nam tại khám Chí Hòa. Tinh thần liên đới quả thật đẹp. Hedi Vaccara và mấy người bạn Ý của phái đoàn đã rất vất vả trong lần tổ chức cuộc diễn hành này.’

¹⁵⁹ Quốc sĩ: người tài của đất nước

¹⁶⁰ Kẻ Việt người Tần: kẻ ở nước Việt (phía Đông Nam), người ở nước Tần (phía Tây Bắc); ý nói mỗi người một nơi, cách biệt xa xôi.

¹⁶¹ Giá áo túi cơm: do chữ y giá phạn nang: cái giá mắc áo, cái túi đựng cơm, chỉ người vô dụng, không có chí hướng. Ý cả hai câu: gặp buổi loạn lạc thì mài gươm mà kiên tạo sự nghiệp, còn những hạng người tầm thường chỉ biết có ăn có mặc thì kẻ làm gì.

¹⁶² Cô quả: tiếng khiêm cung của các vua chúa nước nhỏ thời xưa (như người tu xưng là bần đạo: tôi tu đạo còn nghèo lắm.) Cô: như con mồi côi, không ai dạy bảo, giúp sức cho. Quả: tức là quả nhân, ý nói khiêm là người ít đức, nhờ quần thần giúp đỡ. Bá Vương chỉ chung cho cái thế lực hùng mạnh của người đứng đầu các nước chư hầu.

¹⁶³ Kinh luân: lấy từng mối tơ mà gỡ ra gọi là kinh, so từng sợi tơ cùng một loại mà kết thành con gọi là luân; sửa sang sắp đặt việc chính trị gọi là kinh luân.

¹⁶⁴ Đẩy xe: chữ Hán là thôi cóc. Theo Hán Thư, ngày xưa khi một viên tướng vâng chỉ vua đi đánh giặc, vua tiễn ra cửa thành và lấy tay đẩy xe của viên tướng, tỏ ý vua ủy thác công việc quan trọng. Vâng chỉ: vâng theo chiếu chỉ của vua. Đặc sai: phái đi làm nhiệm vụ đặc biệt.

¹⁶⁵ Tiện nghi: có quyền quyết định tại chỗ, tùy theo sự nghi mà làm, không cần phải hỏi ý kiến vua. Sách Quả Sự Loại kể chuyện đời Tống có một viên tri phủ xứ Hà Bắc tên là Vân Ngạn Báo xin với vua cho ông ta có thể tùy tiện giải quyết việc cấp tốc tại chỗ các vấn đề quân sự, khỏi phải bắt cứ việc gì cũng gửi sớ về hỏi ý kiến vua; vua chấp nhận. Báo tiễn: dẹp giặc, đánh giặc –

có bản ghi là phủ tiêu: dẫn dụ cho bên kia quy hàng rồi phong chức (phủ), nếu họ không nghe thì mới đánh (tiêu). Đồng nhung: trông coi, đốc suất việc quân.

¹⁶⁶ Chiêu an: kêu gọi, chiêu dụ hàng giặc để đặt lại an ninh.

¹⁶⁷ Hồ đồ: Không rõ ràng trong đầu. Từ Hải còn nghi ngờ lắm.

¹⁶⁸ Bể Sở sông Ngô: Sở, Ngô là tên hai nước thời Xuân Thu, nay thuộc miền đông nam Trung Quốc, là địa bàn hoạt động của Từ Hải

¹⁶⁹ Bình thành: địa bình thiên thành là chữ sách Kinh thư: Làm cho thủy thổ được điều hòa gọi là địa bình; khiến cho ngũ hành (thủy, hỏa, kim, mộc, thổ) theo thứ tự mà ổn định gọi là thiên thành. Đó là lời nói công đức trị nước lụt của vua Vũ. Đây ý nói công đức to lớn của vua lo sửa sang việc nước, ra ơn cho dân.

¹⁷⁰ Vô Định là tên một con sông ở Thiểm Tây. Thơ của Trần Đào đời Đường có câu: ‘Khả lân Vô Định hà biên cốt’ = khá thương thay cho đồng xương ở bên sông Vô Định (xương của người chết vì chiến tranh.)

¹⁷¹ Thế công: thế mạnh chủ động tiến đánh. Thế hàng: thế yếu phải đầu hàng.

¹⁷² Thúc giáp: bỏ áo giáp lại, tức là bỏ các đồ binh khí. Giải binh: giải tán quân đội

¹⁷³ Thành hạ yêu minh: hai bên đến dưới thành (thành hạ) để giao ước hòa với nhau.

¹⁷⁴ Vương sư: quân của nhà vua.

¹⁷⁵ Nàn: tai nạn.

¹⁷⁶ Bách chiến: trăm trận đánh, ý nói dạn dày chốn trận mạc.

¹⁷⁷ Phu quý phụ vinh: chồng làm nên quan sang, vợ cũng được vinh hiển.

¹⁷⁸ Thiên thổ: chỗ đất hèn hạ, chỗ đất xấu. Một đôi (cũng đọc là một doi): một dải đất nhỏ ở rìa cửa sông hoặc dọc sông.

¹⁷⁹ Hạ công: mừng công thắng trận.

¹⁸⁰ Tiểu Lân: họ Phùng, hiệu Tục Mệnh, vợ vua nước Tề. Sau khi nước Tề thua nước Chu, Tiểu Lân bị bắt về Chu. Chu Vũ Đế gả nàng cho người khác. Nhân lúc ngồi đàn, dây đàn đứt, nàng xúc cảm làm thơ, có câu: ‘Dục tri tâm đoạn tuyệt, Ưng khán tất thượng huyền’ = Muốn biết lòng tôi đứt nát như thế nào thì nhìn dây đàn trên đầu gối này.

¹⁸¹ Hồng quần: người đàn bà (ngày xưa mặc quần đỏ.)

¹⁸² Gốc phân: chỉ quê nhà.

¹⁸³ Cửa bông: cửa thuyền (bông: thuyền nan to.)

¹⁸⁴ Âm cực dương hồi: khí âm đã cùng cực thì khí dương lại về, đó là đạo tuần hoàn; ở đây dùng với ý gợi cho biết vận bị của Kiều đến đây là cùng cực và vận thái sắp đến.

¹⁸⁵ Học trò thì có Tứ Thư, Ngũ Kinh; thầy tu thì có níp đặng Kinh Kim Cương.

¹⁸⁶ Hàn Dũ là một ông quan, tâu lên vua đề vua bạc đãi tăng đồ; Tàn Thủy Hoàng nghe lời các quan đốt hết Tứ Thư, Ngũ Kinh và giết các nhà Nho. Nhà sư và nhà Nho luôn nhớ đến Pháp nạn và Giáo nạn của họ.

¹⁸⁷ Cối phúc: gốc của phúc đức.

¹⁸⁸ Thành ngữ Việt Nam.

¹⁸⁹ Câu này lấy ý thơ Đỗ Phủ: Ngư long tịch mịch thụ giang lãnh vắng tanh thị: Ròng cá lặng lẽ sông thu lạnh. Cho nên vắng tanh là đúng.

¹⁹⁰ Túc khiên: nợ nần trong quá khứ.

¹⁹¹ Thú; chỗ ở, nơi tới.

¹⁹² Có bản đề: Vội han di trú nơi nào.

¹⁹³ Trường Hận Ca có câu: ‘Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ’ = mỗi sầu hận này dằng dặc không bao giờ nguôi.

¹⁹⁴ Thân: buổi sáng (thần chung là tiếng chuông sớm); hôn: buổi chiều.

¹⁹⁵ Dưỡng thân: nuôi cha mẹ.

¹⁹⁶ Chế khoa: khoa thi đặc biệt được mở do ý riêng nhà vua, khác với khoa thi thường lệ, đây là thi Hội. Khi đậu tú tài (khoa hương, thi ở địa phương) thì mới thi Hội ở Kinh đô. Đậu ở kinh đô thì mới được chọn lựa làm quan, lo công việc của nhà nước.

¹⁹⁷ Cửa trời: cửa của nhà vua. Đường mây: đường lập công danh.

¹⁹⁸ Ngõ hạnh: tức ngõ Hạnh viên, tên một khu vườn xưa là nơi các tân khoa tiến sĩ chơi và dự yến. Chỉ cảnh thi đỗ được ăn yến xem hoa. Dặm phần: chỉ quê hương. Hương: tiếng thơm.

¹⁹⁹ Chu tuyền: lo lắng cho mình trọn vẹn (trong cơn nguy biến.)

²⁰⁰ Kim mã ngọc đường: Sách Ấu học tâm nguyên có câu ‘Kim mã ngọc đường tiện hàn lâm chi thanh giá’ nghĩa là “Kim mã ngọc đường là nói về thèm khát cái danh giá của các vị hàn lâm (những người học giỏi được triều đình thu nhận. Đây là nói Kim Trọng được vinh hiển mà Thúy Kiều ở đâu không được chung hưởng cảnh phú quý với chàng.

²⁰¹ Giai âm: tin tốt lành, tin mừng.

²⁰² Vân mông: chỉ tin tức, manh mối. Chử vân mông có lẽ là từ chử văn vọng (văn: nghe, vọng: đưa tới.)

²⁰³ Tiêu hao: tin tức.

²⁰⁴ Kiếp trần: số kiếp một hạt bụi.

²⁰⁵ Bình bông: bè trôi trên nước, cỏ bông ngã xuôi theo gió; chỉ thân phận phiêu bạt của Thúy Kiều.

²⁰⁶ Đỉnh chung: cái vạc và cái chuông bằng đồng, chỉ công danh phú quý. Đời xưa người ta dùng hai vật ấy mà ghi công để biểu dương, cho nên đỉnh

chung có nghĩa là công danh do đó có nghĩa luôn là phú quý. (Cửu đỉnh vạn chung: một bữa ăn nấu chín vạn, mỗi kỳ lương lãnh mười ngàn đấu thóc.) Lại do chữ Hán: ‘Liệt đỉnh nhi thực, thực thì kích chung’ = ăn thì bày vạn, khi ăn thì thỉnh chuông. Chỉ nhà phú quý.

²⁰⁷ Năm mây chiếu trời: tờ chiếu của vua có vẽ mây năm sắc.

²⁰⁸ Thu linh: thu khí thiêng, tức là chết.

²⁰⁹ Chiêu hồn: gọi hồn. Thiết vị: đặt bài vị đề tên người chết.

²¹⁰ Canh hồng: hình ảnh Thúy Kiều như cánh chim hồng khi Kiều gieo mình tự tử. Phú Tào Thực: Phiên nhược kinh hồng, uyển nhược du long = nhẹ nhàng bay vút như chim hồng khi kinh hãi, uyển chuyển mềm mại như con rồng khi lượn chơi (tả hình dáng nhẹ nhàng uyển chuyển của thần nữ sông Lạc). Theo Tê đông dã ngữ: Thương tâm kiều hạ xuân ba lục, tăng thị kinh hồng chiếu ảnh lai = đau lòng khi thấy lớp sóng biếc dưới chân cầu nơi đã từng có bóng con chim hồng kinh hãi rọi xuống.

²¹¹ Tinh vệ: giống chim nhỏ ở bãi biển. Theo Thuật Dị Ký, ngày xưa con gái Viêm Đế chết đuối ở biển Đông, hóa ra chim tinh vệ, mỗi ngày ngậm đá thả xuống lấp biển (tại vì biển này mà phải chết đuối.) Đây là nói oan hồn của Thúy Kiều.

²¹² Minh dương: cõi âm (minh: tối tăm) và cõi dương

²¹³ Cửu-nguyên: chín suối (cửu tuyên), nơi người chết ở.

²¹⁴ Chỉ thính chúng Tây phương.

²¹⁵ Sông nước cát lằm: nước sông cát lằm vẫn đục (lằm: vẫn đục.) Ý cả câu: cứ tưởng Kiều đã bỏ mình dưới sông (Tiền Đường.)

²¹⁶ Bình địa ba đào: đất bằng nổi sóng, ý nói những bất trắc xảy ra trong đời người ta.

²¹⁷ Phận cái duyên kim: ý nói duyên phận kết hợp với nhau như hột cải bị hồ phách hút, cái kim bị từ thạch (nam châm) hút. Chữ Hán có câu ‘Hồ phách thập giới’ nghĩa là hồ phách hút hột cải và ‘từ thạch dẫn chậm’ nghĩa là đá từ thạch hút kim.

²¹⁸ Máu chảy ruột mềm: bên này khổ thì bên kia khổ, bên này hạnh phúc thì bên kia hạnh phúc.

²¹⁹ Gương vỡ lại lành: nói việc nối lại được tình xưa nghĩa cũ, tình vợ chồng đã tan nay hợp.

²²⁰ Khuông thiêng: ông trời. Lừa lọc: sắp đặt. Đã đành có nơi: còn để cho mình cơ hội.

²²¹ Quả mai ba bảy đương vừa: ý nói Thúy Kiều đã luống tuổi nhưng lấy chồng vẫn chưa muộn. Bài thơ Phiêu Mai (Mai rụng) trong Kinh Thi (sách chép những câu ca dao của Trung Quốc) có câu: ‘Phiêu hữu mai kỳ thực thất hề! Cầu ngã thứ sĩ, Đãi kỳ câm hề!’ = (Mùa xuân sắp qua) Quả mai rụng,

mười phần còn bảy thôi! (Kể đã muộn rồi) vậy những trai lành ai muốn lấy ta, liệu chọn ngày tốt mà làm lễ cưới đi thôi. (Mùa xuân sắp qua) Quả mai rụng, mười phần còn có ba thôi (Kể đã muộn rồi) vậy những trai lành ai muốn lấy ta, nên kíp ngay lúc này mà xin làm lễ cưới đi thôi. Quả mai ba bảy đương vừa ý nói mai rụng nhưng vẫn còn mai, vẫn còn thì giờ để làm đám cưới. Đào non: tức là yêu đào, gốc ở câu Kinh Thi ‘đào chi yêu yêu’ là cây đào đương non, dùng để ví người con gái mới đến tuổi lấy chồng.

²²² Trần cấu: bụi bặm. Bồ kinh: đạo của người vợ hiền; do chữ bồ quần kinh thoa (quần vải thoa cỏ.)

²²³ Cầm sắt: Tình vợ chồng; Cầm cờ: tình bạn.

²²⁴ Chàng Tiêu: Tiêu lang. Thơ của Thôi Giao đời Đường có câu ‘Hầu môn nhất nhập thâm như hái, Tòng thử Tiêu lang thị lộ nhân’ - Cửa hầu vào đây sâu như biển, Từ đó chàng Tiêu khách qua đường. Lấy điển vợ Tiêu Lang tên là Lục Châu bị bắt dâng cho Quách Tử Nghi, từ đó Tiêu Lang thấy vợ không dám nhận, cứ phải dừng dung như khách qua đường.

²²⁵ Đốt đuốc hoa, treo màn hồng làm lễ cưới.

²²⁶ Xương tùy: phu xương phụ tùy, chồng nói vợ đáp ứng theo, có nghĩa là chồng vợ.

²²⁷ Hồ điệp: con bướm bướm. Trang Sinh: tức Trang Chu (Trang Tử) người thời Chiến Quốc. Trang Tử: ‘Xưa kia Trang Chu chiêm bao thấy mình hóa bướm. Tự thấy thích chí chẳng biết đến Chu nào nữa! Thoát thức dậy, thì thù lù là Chu! Không biết Chu chiêm bao thành bướm hay bướm chiêm bao thành Chu?’

²²⁸ Thục đế: Vua nước Thục. Đỗ Quyên: chim cuốc, cũng gọi là tử quy hay đỗ vũ. Hoàn vũ ký: Vua nước Thục là Đỗ Vũ, hiệu Vọng Đế sau khi đã nhường ngôi cho người khác lên ở ẩn ở núi Tây Sơn, chết hóa thành chim đỗ quyên tiếng kêu ai oán.

²²⁹ Duyên quyên: vùng bể có trăng soi.

²³⁰ Lam Điền: tên hòn núi ở tỉnh Thiểm Tây, nơi sản sinh nhiều ngọc quý. Mấy câu tả khúc đàn ở đoạn này lấy ý trong bài Cầm Sắt của Lý Thường Ẩn:

Trang sinh hiểu rộng mê hồ điệp,

Thục đế xuân tâm thác đỗ quyên;

Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ.

Lam điền nhật nỏn ngọc sinh yên

Trang sinh trong giấc chiêm bao buổi sáng mơ màng tưởng mình hóa bướm, vua Thục đế thác cái lòng thương tiếc thì xuân vào chim đỗ quyên; chỗ bể rộng bóng trăng soi hạt ngọc trai có nước mắt. Lam Điền buổi nắng ấm những hòn ngọc lên hơi.

²³¹ Đám mây gọi dòng suối về, tổ chức cuộc tranh đấu.

²³² Thơ Xuân Diệu.

²³³ Tháng 6.1993